VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

vĩnh biệt nguyên sa

văn học ● nguyễn mạnh trinh ● phạm việt cường

tác phẩm lớn, tác phẩm nhỏ

võ phiến ● ma văn kháng

trần bình nam ● ngô nhựt tân

người mỹ đọc đặng dung

mai kim ngọc

những món tiền xây mộ tổ

trần ngọc tuấn

truyện

trúc chi ● ngô nguyên dũng ● tâm thanh ● hoàng nga

nguyễn trung hối ● nguyễn hữu nhật ● nhật nguyễn

thơ

nguyễn xuân thiệp ● nguyễn khánh hòa ● quan dương

lê thị huệ ● như chi ● trần mộng tú ● minh thủy

trần hồng châu ● hoàng xuân sơn ● thiên yên

nguyễn thanh châu ● phương nguyễn

SỐ 145 ● THÁNG 5 NĂM 1998

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 145 ● tháng 5, 1998

VĂN HỌC	4	thư tòa soạn
MAI KIM NGỌC	5	người mỹ đọc đặng dung
NGUYỄN XUÂN THIỆP	11	*thì em về cho mùa vông nở*
NGUYỄN MẠNH TRINH	12	tháng tư, tiễn biệt
VÕ PHIẾN	14	tác phẩm lớn, tác phẩm nhỏ
PHẠM VIỆT CƯỜNG	23	*tình thơ nguyên sa*
MA VĂN KHÁNG	24	tấm gương phản chiếu văn hóa
NGUYỄN THANH CHÂU	28	*thơ nguyễn thanh châu*
TRẦN BÌNH NAM	29	chừng nào VN có đại tác phẩm?
LÊ THỊ HUỆ	34	*tương tư đất*
NGÔ NHỰT TÂN	36	góp ý với nguyễn hưng quốc
TRẦN HỒNG CHÂU	42	*dự phóng về một nỗi nhớ*
TRÚC CHI	44	đoạn cuối
PHƯƠNG NGUYỄN	57	*mơ hoa*
NHƯ CHI	58	*mê khúc*
NGUYỄN TRUNG HỐI	60	sinh nhật trắng
NGUYỄN KHÁNH HÒA	69	*thơ nguyễn khánh hòa*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	70	đường xuống vực
TRẦN MỘNG TÚ	83	*cô gái nghi tàm*
TÂM THANH	84	nước non
TRẦN NGỌC TUẤN	86	những món tiền xây mộ tổ
HOÀNG XUÂN SƠN	90	*âm thức*
HOÀNG NGA	91	ước mơ
NGUYỄN THỊ MINH THÚY	99	*phục sinh*
NHẬT NGUYỄN	100	hương
QUAN DƯƠNG	108	*tản mạn nắng đầu mùa*
NGUYỄN HỮU NHẬT	109	cõi hương trăm thức
THIÊN YÊN	130	*chuyện giòng sông*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	131	tạp ghi
VĂN HỌC	148	ý kiến bạn đọc & văn hữu

Copyright by authors and Văn Học, 1998
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1998

phân ưu

Nhà thơ Nguyên Sa

Giuse Trần Bích Lan

đã từ trần vào lúc 2 giờ 25 chiều ngày 18 tháng 4 năm 1998 (nhằm ngày 22 tháng Ba năm Mậu Dần) tại Orange County, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 68 tuổi

Chúng tôi xin chia buồn cùng gia đình nhà thơ Nguyên Sa, và xin nguyện cầu linh hồn Giuse Trần Bích Lan được Chúa ân thưởng trên nơi Vĩnh Phúc

Võ Phiến, Nghiêm Xuân Hồng, Phạm Duy, Tạ Tỵ, Thái Tuấn, Doãn Quốc Sỹ, Nhật Tiến & Phương Khanh, Trần Hồng Châu, Nguyễn văn Trung, Võ Thắng Tiết, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên, Duy Thanh, Vy Khuê, Cao Tiêu, Hoàng Liên, Phạm Công Thiện, Thích Mãn Giác, Vũ Quang Ninh, Nguyễn thị Vinh, Nguyễn Hữu Nhật, Dương Kiên, Thảo

Trường, Nguyễn Sỹ Tế, Như Phong, Lê Ngộ Châu, Khai Trí, Minh Đức Hoài Trinh, Lê Trọng Nguyễn, Trúc Chi, Hà Trung, Hoàng Bích Đào, Huỳnh Hữu Cửu, Lê Tất Điều, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Lệ Hằng, Hoàng văn Giàu, Viên Linh, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Ngô Thế Vinh, Nguyên Vũ, Nguyễn Ngọc Thuận, Ngô Nguyên Dũng, Hoài Ziang Duy, Nguyễn Trung Hối, Khánh Hà, Tâm Thanh, Hoàng Nga, Nguyễn Khánh Hòa, Hồ Như, Trịnh Gia Mỹ, Nguyễn Quốc Trụ, Trần Hoài Thư, Nguyễn Vy Khanh, Nguyễn Tấn Hưng, Hoàng Du Thụy, Ngự Thuyết, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Xuân Thiệp, Phan Nhật Nam, Trịnh Y Thư, Châu văn Thọ, Thanh Tuệ, Thạch Hãn, Mai Kim Ngọc, Đỗ Quí Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điểu, Phạm Xuân Đài, Hoàng Khởi Phong, Phạm Quốc Bảo, Bùi Hồng Sỹ, Vũ Thùy Hạnh, Nguyễn Xuân Nghĩa & Quỳnh Giao, Võ Đình & Trần thị Lai Hồng, Bùi Bích Hà, Hàn Song Tường, Lê Tín Hương, Nguyễn văn Sâm, Nguyễn thị Long An, Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức & Bé Ký, Nghiêu Đề, Huỳnh Hữu Ủy, Quyên Di, Khánh Trường, Trần văn Nam, Thế Uyên, Duy Lam, Lê Thứ, Lê Bi & Nguyễn Hương, Cao Xuân Huy, Đặng Hiền, Nguyễn Nam An, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Nguyễn thị Ngọc Lan , Vũ Huy Quang, Du Tử Lê, Kinh Dương Vương, Trương Vũ, Đặng Tiến, Trần Vũ, Sỹ Liêm, Thụy Khuê & Lê Tất Luyện, Phan Thị Trọng Tuyến, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Trần thị Diệu Tâm, Huyền Châu, Trần văn Ngô, Trần Văn Tích, Bùi Bảo Trúc, Lê Thiệp, Trần Long Hồ, Lê thị Huệ, Lê thị Thấm Vân, Phạm Việt Cường, Nguyễn Bá Trạc, Vũ Quỳnh Hương, Vũ Quỳnh N.H, Nguyễn Ý Thuần, Tưởng Năng Tiến, Thượng Văn, Nguyễn Đức Lập, Định Nguyên, Song Thao, Đỗ Vẫn Trọn, Huệ Thu, Bùi Ngọc Tô, Nguyễn Tiến, Trịnh Gia Mỹ, Đinh Phụng Tiến, Tuấn Huy, Đào Trường Phúc, Trần Thiện Hiệp, Nguyễn Đức Quang, Phan Tấn Hải, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Hoàng Nam, Khế Yêm, Trần Mộng Tú, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Nguyễn thị Thanh Bình, Trương Anh Thụy, Ngô Vương Toại, Phan Ni Tấn, Hoàng Chính, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Trần Sa, Chân Phương, Trần thị Kim Lan, Đỗ Kh., Lưu Nguyễn, Trang Châu, Luân Hoán, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Lâm Chương, Thái Tú Hạp & Ái Cầm, , Ngu Yên, Cao Đông Khánh, Như Chi, Trần Trúc Giang, Lê Giang Trần, Thường Quán, Nguyễn Hưng Quốc, Triều Hoa Đại, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Đinh Cường, Chơn Thuần, Huy Văn, Hoàng Mai Đạt, Phạm Ngũ Yên,Lâm Triết, Tường Vũ Anh Thy, Hoàng Phủ Cương, Nguyễn Hải Hà, Võ Ngã, Trầm Phục Khắc, Lưu Hi Lạc, Nguyễn Tiến Văn, Tạ Quốc Tuấn, Trần Xuân Kiên, Phạm Chi Lan, Hạ Quốc Huy.

Thư Tòa soạn
Văn Học

Trong khi những vấn đề do nhà văn Thế Uyên đặt ra chung quanh văn chương và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục có những ý kiến đóng góp, thì câu hỏi "vì sao dân tộc chúng ta chưa có những tác phẩm lớn" lại kích thích suy nghĩ của giới cầm bút mạnh mẽ; cho nên trên Văn Học số này, có nhiều tác giả viết về chủ đề mới. Giải thích hiện tượng thiếu vắng những tác phẩm lớn của Nguyễn Hưng Quốc trên Văn Học số trước, có nhiều người không đồng ý, có người đồng ý nhưng cho là chưa đủ. Trên số báo này, Văn Học đăng lại nhận định của hai nhà văn đã công bố trên sách báo về chủ đề này: trước hết là nhận định của nhà văn Võ Phiến, viết vào hai thời điểm trước và sau 1975; tiếp theo là nhận định của nhà văn Ma Văn Kháng, mới phổ biến trên tuần báo Văn Nghệ (Hà nội, Việt Nam). Hai ý kiến đóng góp mới, là ý kiến của Trần Bình Nam tại Mỹ và Ngô Nhựt Tân tại Canada.Nhà văn Mai Kim Ngọc, thì nhân một bài báo của ký giả Mỹ đề cập tới Đặng Dung, đã đưa ra một cách giải thích lý thú về cách tìm những biện pháp an thần vô cùng cần thiết cho đời sống người Việt ở hải ngoại hiện nay.

Trong phần sáng tác, truyện ngắn có Trúc Chi, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Trung Hối, Nhật Nguyễn, Hoàng Nga, Nguyễn Hữu Nhật. Thơ có Nguyễn Xuân Thiệp, Nguyễn Mạnh Trinh, Phạm Việt Cường, Trần Hồng Châu, Hoàng Xuân Sơn, Như Chi, Lê thị Huệ, Trần Mộng Tú, Nguyễn Khánh Hoà, Quan Dương, Phương Nguyễn, Nguyễn thị Minh Thủy, và Thiên Yên

Nhân dịp kỷ niệm 23 năm ngày VNCH sụp đổ, khúc quanh quan trọng của đời chúng ta, những văn thơ, tiểu luận trên số báo này chẳng khác nào những nén hương dâng cho người đã khuất, và cầu cho cuộc phục sinh.❐

Người Mỹ đọc Đặng Dung

Mai Kim Ngọc

Nếu bạn giở tuần báo U.S.News & World Report số 16 tháng ba 98, mục Special Report, bạn sẽ ngạc nhiên thấy câu mở đầu quen quen: "*With luck even a fool wins gloriously*". Lẩm nhẩm tự dịch trong đầu 'Gặp thời may, kẻ ngu dốt ngớ ngẩn cũng thắng trận vẻ vang'. Đọc ở đâu nhỉ, bạn sẽ tự hỏi. Lại càng quen thuộc hơn, khi bạn đọc đến vế thứ hai của câu danh ngôn, "*Without it a hero is helpless*". Rồi bạn không còn gì thắc mắc nữa khi tác giả bài báo Mỹ viết tiếp, minh định rằng ông đã dịch lại hai câu thơ của Đặng Dung mà ông giới thiệu như một nhà ái quốc Việt Nam thế kỷ thứ 18. Bạn nhớ lại nguyên bản hai câu thơ Hán văn đã học từ trung học:

"Thời lai đồ điếu thành công dị
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa..."

Và nếu bạn tâm đắc với Đặng Dung, bạn sẽ ngâm nga một mình bốn câu tiếp theo để tự thưởng thức cái buồn, cái hùng, cái đẹp của bài thơ bất hủ:

"Trí chúa hữu hoài phò địa trục
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch
Kỷ độ long tuyền đái nguyệt ma."

Bài báo viết về ông tướng Westmoreland, lấy hai câu thơ Việt Nam để ví von với hoàn cảnh vị tư lệnh Mỹ trong chiến cuộc Việt Nam. Cầm trong tay đội quân nửa triệu người của một quốc gia mạnh nhất hoàn cầu, Westmoreland chung cuộc đã phải nuốt hận mà trở trêu thay, ngay tại quê

hương của Đặng Dung.

Như ai cũng biết, tướng Westmoreland không phải là phường đồ điếu. Thiên phú chỉ huy của ông đã phát tiết ra ngoài từ thủa thiếu thời, 12 tuổi đi hướng đạo đã được giao phó cho chức đội trưởng. Lớn lên tốt nghiệp thủ khoa West Point, ông được lãnh thanh gươm Pershing, phần thưởng danh dự độc nhất cho mỗi khóa. Còn nữa, danh tướng Pershing bấy giờ còn sống, và Westmoreland được nhận thanh gươm danh dự tự chính tay con người huyền thoại của quân sử Hoa Kỳ trao tặng. Quân công của Westmoreland tại chiến trường Bắc Phi cũng như Cao Ly lẫy lừng, phản ánh bởi sáu hàng huân chương trên ngực trái tấm áo quân phục của ông. Ông được tướng Eisenhower chọn riêng ra như một tư lệnh tương lai, và ngoài những khóa cao đẳng chiến tranh, ông còn được gửi đi Harvard học về quản trị và điều hành.

Cứ thế, ông có tài và ông gặp thời, cho đến khi ông được tổng thống Johnson chọn làm tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam. Đến đây ông nếm mùi cay đắng một khi vận may đã từ giã người tài. Thời thế đã không thuận lợi cho ông với những cuộc biểu tình phản chiến, với phe bồ câu ở quốc hội, với những đối kháng của giới dân chính... Và sau cùng ông bị Johnson triệu hồi về nước, và bị cách chức bằng cách vinh thăng lên một địa vị hữu danh vô thực tại Hoa Thịnh Đốn... Bài báo cũng nói đến một vài danh tướng Mỹ khác như McArthur và Patton, những vị tư lệnh lẫy lừng một thời để sau cùng vì lý do này nọ cũng lâm vào cảnh nuốt hận khi vận may đã không còn nữa...

Thơ Đặng Dung được nhắc trên báo Mỹ làm bạn nhớ đến một sự việc khác cũng cùng một chiều hướng tương tự. Đó là bài diễn văn một nhân viên bộ ngoại giao Mỹ soạn cho Warren Christopher cách đây mấy năm để đọc tại Hà Nội, trong đó có nhắc đến lúa giống của Việt Nam tốt làm tổng thống Jefferson muốn mua để trồng trong nông trại của ông, nhắc đến Văn Miếu, đến Nguyễn Trãi, đến câu *"Dân là gốc của nước"* do một thi nhân Việt Nam để lại.

Bỏ qua sự việc sai đúng về chính trị hay sự thuận lợi hay không thuận lợi cho chúng ta những người Việt đang sống tại Mỹ, xem ra người Mỹ trí thức đã biết đến văn học và văn hóa Việt Nam một cách nghiêm túc hơn. Tuy còn đơn sơ, bức tranh bây giờ của người Mỹ về văn hóa Việt Nam là một tiến bộ vượt bực so với thời kỳ chiến tranh, khi các phóng viên phần lớn là phản chiến chỉ muốn thấy những nét tiêu cực của quân đội Mỹ, của quân đội và chính phủ Nam Việt Nam. Nếu bức tranh chưa xấu đủ, nó sẽ được phụ họa thêm bởi đám lính Mỹ vì những khiếm khuyết văn hóa giáo

dục của họ chỉ thấy Việt Nam qua các tiệm rượu, các tiệm giặt ủi, các nhà tắm hơi, tóm lại những dịch vụ cho quân đội viễn chinh, nơi mà sự trao đổi Mỹ Việt giới hạn trong những nhu cầu căn bản nhất, kể cả những nhu cầu không quảng cáo như mãi dâm, xì ke ma túy, hay mua bán đô la xanh đỏ...

Tôi không cảm thấy hân hoan. Về nhiều mặt, nước tôi trước sau vẫn vậy, vẫn có Nguyễn Trãi, có Đặng Dung, có Văn Miếu, có trăm nghìn tốt đẹp khác, cũng như vẫn có nghèo khổ, có gái điếm, có tham nhũng, có chiến tranh... Bức tranh muôn màu muôn vẻ, và những bức tranh người Mỹ mang về chỉ là một góc độ hạn hẹp về Việt Nam, góc độ thật ra phản ánh trình độ, cung cách sống, cũng như tầm nhìn của họ, trước kia cũng như bây giờ. Tôi chỉ tiếc rẻ. Giá kinh nghiệm văn hóa với Việt Nam đã đi trước, hay ít ra đi song song với kinh nghiệm quân sự, thì mọi việc kể cả cuộc chiến ở Việt Nam đã xoay theo một chiều hướng khác tốt đẹp hơn.

Trở lại Đặng Dung và Westmoreland. Thật ra việc các ông tướng có hoàn cảnh giống nhau xét cho cùng cũng không có gì lạ. Bản chất của đời làm tướng lúc lên lúc xuống, lúc thắng lúc bại, và chắc phần lớn các ông tướng, không ít thì nhiều cũng đã từng nuốt hận. Không những Patton, McArthur, hay Westmoreland, mà ngay cả đối thủ của Westmoreland là tướng Giáp của Bắc Việt, câu chuyện cũng chỉ thế thôi. Khi thời vận đã không còn nữa, khi sau bao nhiêu chiến công, phận sự quan trọng nhất chỉ còn là việc đặt vòng xoắn cho mấy chục triệu phụ nữ, chắc ông tướng Điện Biên Phủ cũng liên hệ dễ dàng với thơ Đặng Dung. Nếu tướng Giáp và tướng Westmoreland giỏi thơ như Tào Phi của Tam Quốc, hay gần hơn như Patton của thế chiến thứ hai, chắc hai ông cũng làm được những bài thơ hay bằng, hay gần bằng bài thơ Đặng Dung.

Thành thử, chuyện đáng nói nhất ở đây là một nhà báo của US News & World Report, mặc dầu cách trở không gian, thời gian, văn hóa, ngôn ngữ, nghề nghiệp vân vân, đã tâm đắc với thơ Đặng Dung. Tâm đắc một cách thấm thía đến chỗ có thể ví von hai câu thơ của ông tướng Việt Nam thế kỷ thứ XV với hoàn cảnh ông tướng Mỹ Westmoreland thế kỷ này.

Griffiths gặp thơ Đặng Dung trong trường hợp nào? Tôi nghĩ có ba giả thuyết. Giả thuyết thứ nhất là tác giả bài báo là người Việt, do đó học thơ Đặng Dung từ trung học như chúng ta. Giả thuyết này rất khó đứng vững vì cái tên Phillip Jones Griffiths của tác giả.

Giả thuyết thứ hai là có thể Griffiths biết nhiều về Việt Nam vì đòi hỏi của chức vụ hay nghề nghiệp, như trường hợp các nhân viên của sở Tình Báo Trung Ương, hay quý vị học giả của một đại học danh tiếng như

Harvard hay Princeton, hay Berkeley, hay Columbia. Nhưng giả thuyết này cũng không vững nốt. Lý do là hai sai lầm quan trọng Griffiths đã mắc phải khi nói tới Đặng Dung. Ông xếp Đặng Dung vào thế kỷ thứ 18, trong khi ông tướng Việt Nam sống vào cuối thế kỷ 14 và đầu thế kỷ 15. Griffiths còn gọi Đặng Dung là một nhà ái quốc, danh hiệu lẽ ra dành cho những anh hùng của một cuộc chiến chống ngoại xâm, trong khi tư cách chính của Đặng Dung thích nghi với hai chữ trung quân hơn, khi ông nối chí cha phò vị vua Trần cuối cùng là Trần Quý Khoách. Một chuyên viên được huấn luyện nghiêm túc về Việt học không phạm những lỗi như vậy.

Giả thuyết thứ ba có lẽ hợp lý nhất là Griffiths chỉ là một người Mỹ bình thường, được đọc ở đâu đó bài thơ Đặng Dung, hay được bạn bè Việt Nam kể cho nghe.

Sự việc Griffiths thấm thơ Đặng Dung đến độ có thể áp dụng một cách chính xác và duyên dáng vào trường hợp tướng Westmoreland, mặc dầu không phải là một tay Việt học uyên bác, nêu lên một hiện tượng tâm lý vừa khó hiểu vừa ly kỳ, nếu ta bỏ chút thì giờ để phân tích..

Trước tiên là khó hiểu. Tất nhiên là bài thơ Đặng Dung hay nên hậu sinh chúng ta, thế hệ này qua thế hệ khác đọc lên vẫn xúc động và thưởng ngoạn từ *từ* cho đến *tứ* cho đến *tư* của tiền nhân. Nhưng sự tâm đắc của chúng ta được hỗ trợ rất nhiều vì yếu tố đồng văn đồng chủng đã giúp ta tiếp thu rất dễ dàng thi vị bài thơ, từ âm hưởng du dương của lối phát âm Hán Việt, từ cấu trúc Đường luật trang trọng hài hòa...

Còn Griffiths, ông không có được những lợi điểm ấy. Ông phải hiểu thơ Đặng Dung sau khi phiên dịch ra Anh ngữ, một ngôn ngữ vì không đồng văn nên rất khó dùng để dịch thơ Hán hay Việt. Hãy đọc lại hai câu thơ dịch Griffiths trình bày trong bài viết của ông:

With luck even a fool wins gloriously
Without it a hero is helpless

So với hai câu nguyên bản, sự mất mát đã quá nhiều. Đọc hai câu Anh ngữ, ta không tìm lại được cái bi cái tráng của con người trung hiếu tài năng mà rơi vào thế anh hùng mạt vận. Tất cả chỉ còn lại sự khôn ngoan rất tầm thường về cái rủi may trong việc thành bại ở đời. Một chân lý như vậy mà bị lột mất cái đẹp của thi ca thì còn có gì đáng nói.

Vậy thì Griffiths tâm đắc được với thơ Đặng Dung là một chuyện ly kỳ. Ông tâm đắc theo ngả nào? Phải chăng trong Griffiths đã có sẵn nỗi niềm Đặng Dung, nên hai câu thơ Đặng Dung dù qua phiên dịch có bị méo mó đi bao nhiêu, có mất hết âm hưởng cấu trúc hài hòa thi vị của nguyên bản, vẫn gợi lên được một u uẩn đồng vọng đã nằm sẵn trong tâm

tư.

Có lẽ Griffiths đã thấy những phường *đồ điếu* ngay trong nghề nghiệp của ông, chỉ vì gặp thời nên thành công lẫy lừng. Hoặc giả nhẹ hơn, Griffiths đã gặp những người không hẳn đồ điếu, nhưng tài năng chỉ vừa vừa, mà gặt hái được những phần thưởng rực rỡ ông hằng mơ ước nhưng chưa bao giờ đạt được.

Tôi nghĩ còn rất nhiều người trong những lãnh vực khác nhau, cuối đời cũng cảm thấy như Đặng Dung. Từ chính trị, đến khoa học, đến văn chương, đến chuyện này chuyện nọ. Biết bao nhiêu người có thể làm tổng thống Mỹ giỏi hơn Clinton mà thời không bao giờ đến, như thống đốc Rockefeller, như thị trưởng Koch, như bao nhiêu người nọ người kia trong chính trường Mỹ. Trong đời sống chính trị của Việt Nam cũng vậy, xung quanh ta bao nhiêu người lẽ ra làm thủ tướng, bộ trưởng, hay tướng lãnh vân vân, nhưng trọn đời không bao giờ có dịp thi thố tài năng? Rộng ra những sinh hoạt khác, những ngành khác, cụ thể mà nói, biết bao nhiêu người xứng đáng với giải Nobel khoa học hay nhân văn, mà năm này qua năm khác vẫn mỏi mòn trong một danh phận tương đối tầm thường. Biết bao nhiêu thương gia già trẻ chỉ vì thời vận không mỉm cười với họ mà một sự thành công tài chánh như của Bill Gates đã không bao giờ tới.

Bài thơ Đặng Dung xem ra có thể phản ánh một hội chứng, hội chứng Đặng Dung. Và hội chứng có một tầm vóc quốc tế. Như đã nói ở trên, ngoài Griffiths ra, biết bao nhiêu người trong 300 triệu đồng bào mới của chúng ta tại Mỹ cũng có thể tâm đắc với bài thơ Đặng Dung. Và trong 75 triệu người Việt quốc nội và hải ngoại, tôi nghĩ số tâm đắc với Đặng Dung cũng không phải nhỏ.

Nói đến hội chứng, ta nói đến bệnh lý. Và nói đến bệnh lý, ta nghĩ đến tiêu cực, đến đau thương thể xác hay tâm thần. Nhưng chuyện kỳ lạ nữa là hội chứng Đặng Dung không phải vậy. Nó xem ra rất tích cực, có khả năng đem lại an bình cho nhiều tâm hồn, và do đó đem lại êm ấm cho nhiều cuộc sống. Vì thực ra, rất nhiều người thất bại vì đáng thất bại, hoặc vì không có tài, hoặc vì định nghĩa thành công quá khó khăn. Và tự nhận là cái tài của mình không bắt kịp cái tham vọng hay ảo vọng của mình thì đau đớn quá, khác nào cầm dao tự mổ bụng để phơi bày ra những khiếm khuyết phủ tạng bản thân. Lấy may rủi để cắt nghĩa thành bại xem ra là chuyện dễ chấp nhận hơn.

Theo góc nhìn đó, hội chứng Đặng Dung có khả năng trị liệu cao độ. Nếu được phiên dịch cho nghiêm túc , nó có thể xoa dịu được cái uẩn của ông tướng Westmoreland đã không thắng ở Việt Nam và bị thải hồi bằng

cách đôn lên một chức vụ hữu danh vô thực ở Hoa Thịnh Đốn, cho ông tướng MacArthur sau chiến tranh Cao Ly, cho ông tướng Patton sau đệ nhị thế chiến... Và vì chiến tranh thường chỉ có một kết cuộc, là một bên thắng một bên bại, thơ Đặng Dung có thể làm kinh nhật tụng cho năm mươi phần trăm tất cả những ông tướng trên thế giới, trong những cuộc chiến tranh lớn nhỏ của nhân loại... Hơn nữa, bài thơ Đặng Dung có thể làm bài thuốc an thần cho những cuộc đời kích thước khiêm tốn hơn, nhưng cái đau bất đắc chí dù ở hoàn cảnh nào cũng vẫn không phải là cái đau nhỏ.

Nhìn theo một bình diện như vậy, ai dám bảo Đặng Dung không thành công? Bài thơ ông làm năm thế kỷ rồi vẫn còn được truyền tụng. Ông đã vượt quá ước mơ của cụ Nguyễn Du hơn hai trăm năm.

Và thơ ông truyền bá sâu rộng, không những đến những học giả uyên thâm, mà còn cả đến người bình thường. Bằng chứng rõ ràng là nó đã thẩm thấu đến một nhà báo giỏi nhưng không phải là giỏi nhất, của một tờ báo quan trọng nhưng không phải là thế lực nhất của truyền thông Mỹ. Và như đã nói ở trên, nó âm thầm thẩm thấu đến rất nhiều người khác, những người vô thức hay hữu thức tìm được một dược tính cao độ trong những câu Đường luật Đặng Dung để lại, để tự trị liệu cho niềm u uẩn khá phổ thông của cảnh sinh bất phùng thời.

Có lẽ chỉ có một thiểu số không muốn tâm đắc với thơ Đặng Dung. Đó là những người thành công. Khả năng bị liên lụy với đám *đỗ điếu* trong hàng ngũ của những kẻ thành công là một điều có thể tạo ra bực dọc hay bất an.

Nhưng tôi nghĩ chuyện này không quan trọng. Số người tương đối thành công tuy nhiều, nhưng tuyệt đối thành công theo đúng ước vọng và tham vọng bản thân thì rất ít. Làm mất lòng thiểu số này chắc cũng không sao.❐

Xin liên lạc với Tạp chí Văn Học hoặc nhà xuất bản Văn Nghệ:

Thơ Khoa Hữu

Thi tập kết tinh nỗi đau chung của một thời đại

Giá 10 Mỹ kim.

Văn Học: P.O. Box 1359 Garden Grove CA 92842-1359

Phone: 714-8948535

Văn Nghệ: P.O. Box 2301 Westminster CA 92683

Phone: 714-527-5761

Thì em về cho mùa vông nở

NGUYỄN XUÂN THIỆP

chín đỏ trên cây những nụ vông
chín đỏ mắt ta cơn chờ đợi
ta đi từ dạo đời trổ bông
cho tới bây giờ trái đã rụng
ta đi bao năm không hề gặp
đời quạnh hiu. tiếng gió qua đồng

thì em về cho mùa vông nở
em về chim chóc cũng về theo
em về nắng bay đầy buổi sáng
sông trầm ca. sông rộng một dòng
gió mùa xưa cũng thao thức dậy
ta mùa xưa chợt thấy trời hồng

mai hay mốt chắc đời tươi đẹp
ta vẫn tin như nghĩa đá vàng
dẫu mộng đã hư đời đã huyễn
nhưng biết đâu gương vỡ lại lành
xin em ở cho chim cùng ở
cõi lòng ta sẽ ủ bếp hồng
hãy sưởi ấm những mùa phiêu lãng
lệ đã khô trong nắng tàn đông
máu đã khô bên bờ tường cũ
người sẽ vui vì người đã đông

ta làm thơ. thơ đầy nắng sáng
khi em về chín đỏ rừng vông

Tháng Tư, tiễn biệt

NGUYỄN MẠNH TRINH

Tháng Tư người đi hành trang là gió
hôm nay hình như có sợi mây hồng
thổi vào hư không nhịp tim sóng vỗ
dấu chân vết còn bảy sắc cầu vồng

Câu hỏi quẩn quanh nửa khuya tỉnh thức
tháng tháng ngày ngày bèo bọt như sông
dời cõi tạm ai phân vân mộng thực
như "có cũng xong mà không cũng xong"

Tháng Tư người đi hành trang là nắng
một thuở Paris câu hát bềnh bồng
đôi mắt hạt dẻ mầu phai im vắng
mi liếc khép rồi cuối nỗi nhớ mong

Tự hỏi thâm tâm có dành quên lãng
trời chợt mưa mau ai lạy trời mưa
"Tháng Giêng và Anh" thẫn thờ đĩ vãng
phong tỏa đường về thoáng mấy âm xưa

Tháng Tư người đi hành trang thao thiết
mặt nước sông Seine vẫn tạnh buồn tênh?
đứng giữa đỉnh trời vẫy tay vĩnh biệt
ai ngẩn ngơ quanh mấy kiếp sóng ghềnh?

Không gian có đủ nỗi sầu thế kỷ
sao vắng vặc trời cũng lúc về ngôi
"Giấc mơ" mênh mang mấy thời nghiệp đĩ
phải "tôi đưa người hay người đưa tôi".

Tháng Tư người đi hành trang vô tận
Chiếc lá còn bay "Tám phố Sài gòn"
tiếng guốc quanh không đáy hồn đứng ngẩn
mầu lụa Hà Đông còn nhớ vết son

Đất thẳm trời xanh buồn như ga đợi
ngọn đèn vàng lu chỉ lối xưa sau
như thầm với lòng đừng nên bước vội
"nhưng chậm thế nào, thì cũng phải xa nhau..."

Tác phẩm lớn, tác phẩm nhỏ

Võ Phiến

Viết được cuốn sách có nhiều người tranh nhau đọc là cái thú. Nhưng viết được cuốn sách lớn, mới thật là điều đáng ước ao.

Sách, biết đâu là lớn là bé? Thỉnh thoảng có những tác giả nghe nói đến một đồng nghiệp có sách bán chạy liền tỏ ý khinh thị. Sách mà chạy quá là điều để hoài nghi về giá trị: "Những ai đọc mà đông đảo đến thế? Dám chắc thích hợp với các em sến; thế thì thấp bỏ mẹ, đây không thèm thuồng sự thành công ấy".

Thấp với cao, lắm khi chỉ là chuyện kỹ thuật. Viết giản dị, ai cũng hiểu được, có thể coi là thấp; viết thế nào mà ít người đoán ra ý của tác giả là cao. Kỹ thuật, nhiều người có uy tín chê nó thậm tệ: văn nghệ sĩ mà chỉ những lo ngay ngáy về kỹ thuật, về khía cạnh nghề nghiệp, thì sẽ tầm thường mãn kiếp, rồi không hơn gì những thầy mổ khéo tay tập múa dao cho gọn.

Kỹ thuật cao cường không làm nên tác phẩm lớn. Anh cao anh thấp, tha hồ chê nhau khinh nhau, rốt cuộc vẫn không phân biệt được lớn với bé.

Tuy vậy, thiết nghĩ vấn đề lớn bé có thực. Khen một tác phẩm là lớn lao, là vĩ đại, không phải nói chuyện vu vơ, vô bằng.

Nam hoa kinh là một tác phẩm lớn; chắc chắn nó lớn hơn một cuốn sách hoặc dạy làm mắm, hoặc bàn về cách trồng tỏi, hoặc hướng dẫn phương pháp nuôi gà v.v... Tôi chắc chắn được nhiều người đồng ý như thế, quả quyết đồng ý không do dự.

Lại bảo cuốn *Người xa lạ* của Albert Camus, cuốn *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust, cuốn *Cái chết của Ivan Ilitch*... lớn hơn loại truyện gián điệp 007, truyện võ hiệp của chàng Trương Vô Kỵ v.v..., tôi vẫn hy vọng được nhiều người tán đồng, dù không quả quyết chăng nữa.

Như vậy đã là quí. Khó quả quyết về một điều không có tiêu chuẩn rõ rệt. Chỉ có cảm tưởng, chỉ thấy ngờ ngợ, thế thôi.

Không riêng đối với các tác phẩm văn nghệ, mà trước hành vi thái độ của con người chúng ta cũng có những cảm tưởng khác nhau như vậy. "Bà mẹ" đau khổ trong cuốn truyện nổi tiếng của Pearl Buck, vài lần trong đời, vào những giờ phút cực kỳ bi thảm, đơn độc, bà tìm đến gục đầu lên một nấm mồ hoang mà khóc nức nở; mọi người lặng lẽ tránh ra, để mặc "bà mẹ" khóc. Chúng ta có cảm tưởng cái khóc ấy lớn hơn cái khóc của con trẻ đòi kẹo.

Một ông chú phiêu lãng, quá nửa đời người bôn ba thất bại, trở về quê hương, lặng lờ, chán nản. Một buổi chiều nào đó, ông chú già thất chí ngồi giữa cánh đồng rút ống sáo ra thổi. Đứa cháu bé theo chơi bên cạnh, mơ hồ tưởng tượng đến cái quá khứ đầy bí ẩn của chú, và có cảm tưởng nỗi buồn man mác bao la gửi trong tiếng sáo có cái gì lớn hơn nỗi buồn của mình vừa bị cô giáo cốc mấy chiếc vào đầu.

Các bà vợ trong gia đình có cảm tưởng những lo lắng về nồi cơm khê con cá ươn của mình không lớn bằng những lo toan của chồng, bao trùm cuộc sống của xóm giềng làng mạc.

Một cuốn sách bé với một cuốn sách lớn, sự khác biệt cũng đại khái như vậy.

Một kẻ cầm bút lên viết sách, thế nào hắn cũng đang chú ý đến một cái gì. Trong đầu hắn hoặc có điều lý thú lắm, hoặc có điều làm hắn bực dọc uất ức lắm. Có thể hắn mới được dự một trận túc cầu, và đầy cao hứng phấn khởi hắn phóng tay viết thiên truyện tuyệt tác nhan đề là *Trận banh đầu*. Có thể hắn rình rập, theo dõi, chứng kiến một cuộc xung đột gay cấn ở nhà bên cạnh, và nắm vững đề tài hắn vung bút sáng tác văn phẩm xuất sắc *Trận đòn ghen* v.v...

Không còn nghi ngờ gì nữa, kẻ thiên tài có thể viết nên tác phẩm hay bất cứ về đề tài gì. Quan sát tinh tế, lời lẽ dí dỏm thông minh, thì kể trận banh đầu, trận đòn ghen sao lại không thu hút độc giả, không khiến ai nấy tấm tắc ngợi khen?

Tuy vậy giữa con người thiên tài để hết tâm trí vào một cuộc đá banh vào một cuộc đánh lộn, với con người thiên tài khác để tâm đến thân phận Ả Q. trong thời cách mạng, giữa hai con người ấy tâm hồn có sự khác nhau về kích thước.

Cũng như giữa bậc thiên tài suy nghĩ về vấn đề xung đột quyền lợi giữa các thành phần trong xã hội, xung đột mới cũ, giữa mẹ chồng nàng dâu, và bậc thiên tài băn khoăn về ý nghĩa của kiếp người, về lẽ sống chết

v.v...

Đọc Thanh Tịnh kể chuyện lấy bong bóng lợn đắp nhựa cây bút bút vào làm trái banh đá chơi, rồi đọc *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh, chúng ta có cảm tưởng leo thang. Đọc *Đoạn tuyệt* về sự tranh chấp giữa vài hạng người, rồi lại đọc *Dịch hạch* của Camus đề cập đến cả định mệnh nhân loại, lại có cảm tưởng leo thang.

Như thể nghe chuyện con ve con chim cưu bay lên cây du cây phương, rồi lại nghe chuyện con cá côn con chim bằng bay sang Ao Trời, đập cánh làm cho nước nổi sóng suốt ba nghìn dặm dài.

Trang Tử nói: "Thử tiểu đại chi biện dã".

Lớn với nhỏ khác nhau như thế. Tác phẩm nghệ thuật lớn nhỏ khác nhau ở chỗ bận tâm của tác giả. Có nỗi bận tâm của con ve, có nỗi bận tâm của chim bằng. Nỗi bận tâm nào cũng có thể tìm ra cách thể hiện tuyệt mỹ của nó.

So sánh chỗ bận tâm thì có bận tâm nào lớn lao hơn nỗi bận tâm bao quát cả thế cuộc nhân sinh, nỗi bận tâm siêu hình vẫn ám ảnh con người từ xưa tới nay: đời người có nghĩa gì chăng? nhân loại từ đâu đến? đi về đâu? có nhiệm vụ nào ở cõi đời này chăng? v.v...

Hình như cho tới nay những nghĩ ngợi về vấn đề ấy đều tỏ ra vô bổ, chẳng giải quyết được gì, chẳng đem lại được cái lợi gì rõ rệt. Tuy nhiên cái lớn lao không buộc phải lợi ích. Vả lại tác phẩm văn nghệ không có nhiệm vụ giải quyết, kể cả giải quyết cái hóc hiểm của nhân sinh và vũ trụ. Cho nên chẳng ai trách văn nghệ sĩ phí công vô ích vào những cái xa vời. Trái lại, không xa vời thì không lớn. *"Không hề có một kịch tác gia nào thực sự lớn lao nếu ở phía sau kịch tuồng của ông ta người ta không đoán thấy có một thế giới quan, một Weltanschaung..."* André Maurois chứng minh: *"Shakespeare và Goethe có một quan điểm siêu hình. Có lẽ họ không trình bày ra một cách minh bạch. Tuy vậy chúng ta đoán thấy và nó làm chúng ta xúc động"*. Vì vậy Shakespeare và Goethe đều lớn.

Kịch thế nào thì thơ ca, tiểu thuyết v.v... cũng thế ấy. Dostoievski viết những cuốn truyện lớn, Tolstoi viết cũng lớn không kém, là vì ở cả hai người đều có những băn khoăn không thuộc loại trận túc cầu hào hứng, cơn mưa đầu mùa, gió lạnh nửa đêm v.v... mà thuộc các vấn đề bao trùm nhân sinh.

Những băn khoăn ấy có thể đưa ra làm đề tài của tác phẩm, mà cũng có thể không hề được nêu ra rõ ràng. Bởi vậy André Maurois mới nói: "ở phía sau kịch tuồng", "người ta không đoán thấy", "chúng ta đoán thấy" v.v... Kịch có thể lấy đề tài một câu chuyện tình, một vụ tranh giành

quyền thế, truyện có thể chỉ là chuyện một thành phố mắc chứng dịch truyền nhiễm, một ông quan tòa té ngã, đau, chết v.v...; đề tài có thể là những cái rất thông thường, nhưng trong khi tác giả viết về những cái ấy tâm tư lại không ngớt hướng về các băn khoăn siêu hình. Như thế, ông ta lớn.

Anna Karénine là một câu chuyện ngoại tình, nhưng Melchior de Vogue không chỉ thấy có chuyện ngoại tình: *"Phía sau những hình nộm nhân vật mà ông điều khiển cho múa may, không phải tôi thấy bàn tay người thảm thương của ông, mà thấy một cái gì huyền bí và dữ dội, cái bóng của vô cùng luôn luôn hiện diện... một nỗi thắc mắc câm lặng đối với cái bất khả thấu đạt, một tiếng thở dài xa xôi của định mệnh trong cõi hư vô"*. Còn A. Maurois thì bảo: *"Quả đúng là ở phía sau tấn thảm kịch nhân bản quá đơn giản và thực ra quá tầm thường ấy, có một tấn thảm kịch siêu hình làm cho nó có tính cách lớn lao."* (...)

Vẫn lại phía sau, siêu hình, lớn lao. Đối với Maurois siêu hình với lớn lao dính liền nhau. Hãy đọc các tác phẩm văn nghệ rồi lắng nghe cảm tưởng mình, chúng ta sẽ nghiệm thấy ông có lý khi đưa ra tiêu chuẩn nọ.

Các vấn đề siêu hình dĩ nhiên không làm bận tâm các văn nghệ sĩ ở những nước cộng sản. Bởi vậy, sách họ không lớn. Sự lo lắng trong *Đất vỡ hoang* từ đầu tới cuối là lo sao cho dân chịu góp tài sản vào nông trường, sao cho mưu cán bộ thắng mưu địa chủ phản động. Lo lắng trong *Sự biến đổi ở Lý gia trang* là lo sao cho mấy ngoe phong kiến sớm bị dân nghèo đánh đổ trừng trị. Đọc những tác giả ấy, chúng ta tưởng tượng được tiếp xúc với những con người thật đứng đắn, đầy tinh thần trách nhiệm, đầy thiện chí tốt lành, tóm lại những con người rất thực tiễn và rất được việc. Còn Sartre thì không được việc chút nào: đọc *Buồn nôn, Ác quỉ và Thượng đế* v.v... chỉ có bàng hoàng xao xuyến. Camus, Tolstoi, Buzzati v.v... đều không được việc. Họ chỉ giỏi nêu ra những cái làm ta bối rối hoang mang. Một bên bám sát lấy cuộc sống xã hội để đôn đốc, chỉ bảo, hướng dẫn, cải thiện cuộc sống. Một bên như bỗng ngưng sống, tự tách lìa khỏi cuộc sống, thắc mắc nhìn vào đời người với cái nhìn xoi mói, ngỡ ngàng; sự tìm hiểu của họ lôi cuốn độc giả vào một niềm xúc động sâu xa đến tận cội rễ tâm hồn. Độc giả tấm tắc cảm phục: mấy người này thật lớn!

Những Triệu Thụ Lý, Cholokhov, Simonov, Chu Dương v.v... sẽ bật cười khinh thị: "Lớn? chúng nó nói cái gì vậy? nhân dân đâu cần cái đó?"

Thật đúng. Viết sách đã là chuyện không cần thiết. Viết sách lớn lại càng không cần thiết.

Chẳng qua những tâm hồn lớn thì tác phẩm thể hiện tự nó lớn, những tâm hồn bận bịu về các điều nhỏ nhặt tế toái tự nhiên sản sinh ra sách nhỏ. Kẻ có tâm hồn lớn dù không đề cập tới những đề tài lớn lao tự nhiên cái lớn lao vẫn phảng phất sau đề tài. Kẻ có tâm hồn nhỏ mà xông vào những chuyện lớn lao chỉ sớm làm cho xuất lộ sự bất lực, rỗng tuếch.

Sách lớn tự dưng nó lớn, không phải muốn mà được. Viết được sách lớn tự dưng thấy khoái, dù nó không cần thiết. Quả thật nó không cần thiết bằng sách dạy đánh du kích, sách dạy bón phân hóa học.

Ngoài trường hợp sách lớn vì mối bận tâm của tác giả, lại còn có trường hợp sách lớn vì kích thước của chính nó.

Balzac dù không hay băn khoăn về triết lý, toàn thể bộ truyện của ông vẫn vĩ đại: nó dựng lên cả một xã hội mênh mông, đông đảo đủ các hạng người, với tất cả cái phức tạp trong sinh hoạt của tập thể cũng như cái rắc rối trong tâm lý từng cá nhân. Đọc qua một pho truyện mà gặp trong đó từ thằng ăn cắp cho đến ông bộ trưởng, từ ông lão bạc đầu cho đến những đứa bé chí chóe, gặp những mưu mô xảo quyệt, những tham vọng điên cuồng của giới doanh thương, của bọn viên chức, chính khách, cho đến các niềm rung động thầm kín của một nỗi lòng thiếu nữ, từ cảnh giông gió hãi hùng cho đến cảnh trăng thanh gió mát an hòa v.v..., đọc một pho truyện mà tưởng như sống giữa một thế giới, sống trọn một cuộc đời; như thế làm sao không thấy nó lớn cho được. André Maurois nói về Balzac: *"Tạo lập được một thế giới, đó là một trong các phương diện của sự lớn lao"*.

Hồng lâu mộng của Tào Tuyết Cần, *Những người thiện chí* của Roger Martin Du Gard, *Chiến tranh và Hòa bình* của Tolstoi v.v... là những sách chứa đựng cả một thế giới.

Lại còn như *Đi tìm thời gian đã mất* của Marcel Proust, nó không chứa hàng năm bảy trăm nhân vật thuộc đủ thành phần, nó không đề cập đến nhiều hoạt động xã hội; tuy nhiên cái công trình trước tác năm nghìn trang sách, đi vào chi tiết thì li ti ngọn ngành, mà nhìn toàn diện thì bố trí chặt chẽ cân đối, công trình tuyệt mỹ ấy cũng lại lớn nữa.

Mấy nghìn trang sách về trước, một chiếc bánh nhúng vào tách trà nhắc vài kỷ niệm; mấy nghìn trang sách về sau một viên gạch long lại nhắc vài kỷ niệm; giữa hai chút việc nhỏ nhặt: bao nhiêu nước chảy qua dưới cầu, bao nhiêu biến cố tang thương, nhiều mối tình nhóm lên rồi dần dà tan rã, có những cô gái mất lần các bí ẩn hấp dẫn để xuất lộ chân tướng tầm thường nhạt nhẽo, có những nhà quí phái hào hoa già nua theo năm tháng, hóa lẩm cẩm vô vị v.v... Người đọc mải miết theo dõi, đến một lúc

nào đó bỗng sữn ...lã
sắp đặt tất cả từ ...no
đến sự chuyển ... ...ời
đọc thán phục:

Nói về ch... ...ăng
một vòng tròn ...ıt gì
cả, nhưng cái ...một
đàng thì nhỏ, ...được
cái khó khăn ...*hành*
ra cái cao cả ...cũng
có khi là lớn.

Cái hay cái ...ầu, hay
Nga, Mỹ ... ...ıay kém
thua Thái lan, ...: một số
tiểu thuyết của ...ıiền tạp,
mênh mông, cả ...ông mấy
khi bắt gặp ở tiể ...ɔhẩm đẹp
đẽ, hoàn thành ı ...:ông trình
gọn gàng, vừa v ...ên tạp bao
la của Nga của ... ...ı của Nhật
chẳng hạn. Tron ...yêu một cô
gái mù, cô gái gặ ...lau khổ với
cái ý nghĩ anh ch ...a mình; anh
chàng hiểu ý ngu... ...ı cả hai mắt
mình thành đui hẳn! Ấy là chưa kể nhưng cam... ...ıg tự tử nhan nhản. Những cái quá đáng dữ dội như thế - quá đáng trong sự hung bạo cũng như trong hi sinh thánh thiện - làm ta cảm thấy rờn rợn trước sự bí hiểm của tâm hồn con người.

Ở ta cảnh vật thì êm đềm, cuộc sống bình thường thì *phẳng lặng, nhạt nhẽo, giản dị, tầm thường* (nhạt nhẽo, giản dị, tầm thường là những chữ của Vũ Ngọc Phan dùng trong đoạn nói về Thạch Lam). Dân tộc ta không hay có hành động ngoạn mục: những hi sinh cao cả nhất thường thường cũng âm thầm, lặng lẽ, ẩn dưới một bề ngoài giản dị.

Tại sao vậy? Ông Vũ nói đến cái thiếu một "cuộc đời về tinh thần căn cứ vào một khuôn khổ tôn giáo cao xa hay một nền xã hội rộng rãi". Quả có thế chăng? Hay hoặc giả nước ta vốn nhỏ hẹp, nên tác phẩm nghệ thuật

của ta không phản ảnh được cái lớn lao?

Ở những quốc gia rộng lớn như Nga như Tàu, cảnh trí muôn nghìn vẻ khác nhau: có núi cao sông dài, có sa mạc ngút ngàn, mà cũng có hồ bể mênh mông, có nóng bức mà cũng có buốt giá tuyết băng v.v..; ở những quốc gia như thế có những bộ lạc sơ khai đồng thời lại có hạng trí thức nổi danh phú quí tột trần v.v...Tầm mắt của nhà văn xứ họ thật rộng rãi, những điều mắt thấy tai nghe của họ phong phú vô ngần. Còn ta nước nhỏ đất hẹp, cái gì cũng vừa phải, cũng trung bình. Dân nghèo có nghèo, nhưng không tìm đâu ra cô gái nghèo đến nỗi vào ở rừng đến mọc lông trắng; vua chúa thì giàu sang nhưng cũng chẳng có gì là quá lộng lẫy. Chúa Nguyễn trong khi tiếp chuyện nhà sư Thích Đại Sán nghe đám cháy cũng vội vàng bỏ khách chạy đôn chạy đáo đốc thúc cuộc chữa cháy đến mệt nhoài, không khác gì một ông lão phú hộ nhà quê. Và mãi sau này trong số các ông hoàng bà chúa ở Huế, có lắm mệ cũng túng quẩn "chém" củ khoai đều đều, y hệt bách tính. Có phải đó cũng là một lý do của cái tầm thường giản dị trong nghệ phẩm ta chăng? (1)

Dù sao nét tâm hồn đặc biệt của dân tộc không chỉ thể hiện trong tiểu thuyết mà thôi, người ta có thể nhận thấy ở khắp các ngành nghệ thuật khác.

Về kiến trúc, trong quá trình lịch sử lâu dài nhiều nghìn năm, chúng ta không có những công trình đồ sộ, chót vót, không có những giáo đường cao, những chùa chiền thực sự qui mô, những thành quách như vạn lý trường thành bên Tàu, như lâu đài các sứ quân bên Nhật, như Đế Thiên Đế Thích bên Miên v.v...

Về hội hoạ điêu khắc, chúng ta không có những bức họa to, những pho tượng lớn. Ngày xưa, chúng ta cũng không có trường ca, chỉ có những câu hát nho nhỏ, xinh xinh.

Sau này, ở Miền Bắc có chủ nghĩa cộng sản - tác động trên tâm hồn như một thứ tôn giáo - lại có cuộc chiến tranh tàn khốc, có cảnh sống nghèo cực tận cùng, có những yếu tố thay đổi hẳn hoàn cảnh (tầm thường, nhạt nhẽo). Tuy nhiên, chế độ độc tài làm cho người nghệ sĩ lúc nào cũng ngay ngáy lo lắng về lập trường, chính sách, làm cho dụng ý thuyết phục tuyên truyền lộ rõ trong từng câu từng lời, thái độ ấy không làm nên được tính cách lớn lao trong tác phẩm, mà chỉ tạo ra những nhân vật rập khuôn, vô hồn, ngô nghê. Thật đáng tiếc! Vì trong lớp trẻ ở Miền Bắc, có những nghệ sĩ có tài, chịu tu dưỡng công phu, bỏ nhiều thì giờ tiếp xúc với thực tế, quan sát ghi nhận chu đáo về từng nhân vật, sự việc, khung cảnh trước khi đưa vào tác phẩm.

Trong khi ấy ở Miền Nam trong hai chục năm sau này cũng không

hiếm những biến cố vượt quá mức "tầm thường", có thể cung hiến đề tài xứng đáng cho những tác phẩm vừa "đúng sự thật" vừa "nồng nàn đặc sắc", nhưng hầu hết các tiểu thuyết gia lại được tự do chọn...sống xa những hoàn cảnh gây cấn, nên không phản ảnh được cái thực tại nồng nàn đặc sắc của thời kỳ này. Những trận chiến đấu hào hùng khốc liệt, những cảnh hi sinh cao cả, những tàn sát dã man, những đau thương đứt ruột v.v...thường gặp trong các cuốn bút ký, các thiên phóng sự mà hiếm thấy trong tiểu thuyết. Phóng sự, bút ký, hồi ký do ký giả chiến trường, do quân nhân từng dự chiến về ghi chép; tiểu thuyết do các nhà văn vốn thường chọn sống ở đô thị, chọn tới lui những chốn an toàn như tòa soạn, như...phòng trà ca nhạc. Họa hoằn mới có trường hợp một vài tiểu thuyết gia bị kẹt trong khu vực "nóng" (như Nhã Ca trong Tết Mậu Thân chẳng hạn) và mặc dù suốt thời gian mắc kẹt chỉ lo trốn nấp trong nhà trong hầm, bà vẫn có chất liệu để viết nên những tác phẩm thật nồng nàn. Như vậy, đa số các tiểu thuyết gia Miền Nam, về phương diện này lại cũng đáng tiếc nữa: họ bỏ mất cái cơ hội dành cho những cuốn "tiểu thuyết hành động lớn" mà ông Bùi Xuân Bào cho rằng từ trước tới nay ta vẫn thiếu.

Ngoài Bắc nhà văn chịu "đi thực tế" nhưng thiếu tự do; trong Miền Nam nhà văn được tự do mà lại ít chịu khó "đi thực tế".

Vào thời kỳ sau 1954 ở Miền Nam có nhiều cố gắng tạo dựng những bộ trường thiên tiểu thuyết, những công trình qui mô để phản ảnh giai đoạn lịch sử có nhiều biến cố lớn lao từ 1945 về sau. Tuy nhiên sách có dày mà chưa phản ảnh được cái nồng nàn, sôi động, dữ dội của cuộc sống ngoài đời. Chưa phản ảnh đầy đủ, chưa phản ảnh được bao nhiêu. Lần này chúng ta khó đổ lỗi cho cuộc sống.

Dầu sao so với thời kỳ tiền chiến, nhất định có thay đổi rõ rệt. Không thể bảo cuộc đời của những người dân quê trong *Hương Rừng Cà Mau* của Sơn Nam, cuộc đời những nhân vật trong *Cũng Đành* của Dương Nghiễm Mậu, *Tình Ca Trong Lửa Đỏ* của Nhã Ca chẳng hạn là những cuộc đời nhạt nhẽo, tầm thường.

Viết lời giới thiệu cuốn *Nguyễn Huy Tưởng Tuyển Tập* (2), Tô Hoài bảo Nguyễn Huy Tưởng *"thường say sưa hình ảnh cuộc trường kỳ kháng chiến"* xem đó là *"một trang sử thi hùng vĩ"*, ước ao có ngày có những tác giả dựng lại được cuộc kháng chiến ấy trong những tác phẩm *"tuyệt vời đẹp và vô cùng ly kỳ hấp dẫn"*. Tô Hoài nói về cuộc kháng chiến chống Pháp hồi sinh thời của Nguyễn Huy Tưởng. Lâu lắm về sau, thứ tác phẩm ước ao ấy vẫn chưa ra đời, và Phan Cự Đệ còn phải an ủi: *"Chúng ta không nên sốt ruột tại sao bây giờ chưa có nhiều những bộ tiểu thuyết lớn*

phản ánh một cách qui mô cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc ta trong hơn 25 năm nay..."... "hiện nay chúng ta cần loại tiểu thuyết xung kích" (3). Lẽ nào thế? Lẽ nào chỉ cần món xung kích. Còn món hùng vĩ kia chỉ để ước ao dài cổ, đừng viết ra mà cũng đừng nên sốt ruột?

Ở trong Nam, có cuộc kháng chiến chống Cộng, nhìn từ Quảng trị, Thừa tiên, Quảng đức, cho đến An lộc, cũng lắm điều "vô cùng ly kỳ hấp dẫn" vậy, và cũng lại có nhiều nhà văn ước ao có ngày dựng lại những hình ảnh ấy. Sự ước ao chưa thành, ở trong Nam cũng như ngoài Bắc.

Cho đến bây giờ, chưa thấy chúng ta chứng tỏ cái sở trường, hay ít ra là cái khả năng về những công trình nghệ thuật hùng vĩ bao la, mặc dù thời cuộc ba mươi năm trở lại đây trên khắp đất nước đã cung cấp cho nhà văn những đề tài sôi động, "nồng nàn, đặc sắc, đầy hứng thú"...❐

(1) Tô Hoài cũng từng suy nghĩ về đặc điểm này của tiểu thuyết Việt Nam, cũng đã thử suy đoán xem vì sao chúng ta không có công trình lớn lao. Trên tạp chí *Văn Học* (số3-1972) ông viết: "Gọn, trong sáng, nhanh - đặc biệt của truyện Việt Nam (...). Truyện bộ của ta như *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* cũng thật gọn, thật trong sáng, thật nhanh. Có phải từ đặc điểm đời sống dân tộc và đất nước đã sinh ra lối kể, lối viết như thế? Có phải cuộc đời một dân tộc mà lịch sử dày đặc những gian khổ chống ngoại xâm, những khai phá mở mang, những tần tảo thất lưng buộc bụng cả nghìn năm dựng nước chưa bao giờ biết có một lúc dừng chân đã tạo nên những cách thức cho lối truyện ấy không?...Có phải cảnh gian khó của con người và đất nước Việt Nam đã tạo nên ý chí cuộc đời thế và cũng tạo nên cả cách kể câu chuyện, lời tâm sự hay câu chuyện mua vui không kể dài dòng. Đời người hôm sớm lẽo đẽo đầu sông cuối bãi, chưa lúc nào được thư thái nhàn tản cả"

(2) Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới in tại Sài Gòn năm 1978

(3) Phan Cự Đệ, *Tiểu thuyết Việt Nam Hiện Đại*, tập 1, Nhà xuất bản Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà nội, trang 264, 265.

Tìm mua:

nhìn cây thấy rừng

của Đỗ Quyên

tập hợp những bài phỏng vấn của nhiều nhân vật tiêu biểu trong cộng đồng người Việt.

Sách dày 370 trang
Giá 18 MK. Ngoài Mỹ thêm 3MK
Sách do Văn Nghệ xuất bản và phát hành

Thơ Phạm Việt Cường

Tình Thơ Nguyên Sa
trên cánh cửa hồn xanh
còn khắc chạm
những hoa văn sắc sảo

mượn những tiết mùa của mơ
dắt ngang cổng trường con gái
để thơ tình nghêu ngao

những đêm đầy sao
những môi còn non
tình yêu ngoài chân trời
thơ bắc nhịp cầu mộng ảo

những câu thơ chợt thức cháy
mùa xuân tắt lửa

Phóng Sinh
suốt đêm đời tôi
những khát vọng mù tối
quẫy đập không ngừng

như bầy cá óng ánh trên lưới
phập phồng mang khô
dập mình níu sống

sáng nay
bàn tay em ngư phủ dịu dàng
thả tôi về thế giới cũ xưa

mênh mông biển sóng

thở bằng phổi nghìn lục diệp xanh
tung tăng mây trời níu sống

Tấm gương phản chiếu văn hóa

Ma văn Kháng

Tôi muốn phát biểu một số ý kiến về tình hình sáng tác văn học hiện nay dưới góc độ văn hóa. Và xin được bắt đầu bằng một dữ kiện riêng của tôi. Từ công việc của một người làm công tác xuất bản nhiều năm, đối với các sáng tác của mình, tôi thường làm công việc tự đánh giá như sau: Cứ độ bảy tám năm một lần, đặc biệt ở những thời điểm có nhiều chuyển động về ý thức xã hội và quan niệm thẩm mỹ, lại đọc lại những trang viết của mình, để chọn lựa ra cái được và cái chưa được, để loại bỏ đi, vứt đi, quên đi những trang viết đọc lại chỉ thấy xấu hổ. Công việc giống như là tự thanh lọc, tự tái bản, tự làm tuyển tập cho mình.

Tự thanh lọc mình! Làm công việc này, dẫu có rộng rãi, thiên vị theo cái lý tự nhiên là coi văn mình là nhất, thì dẫu có đau lòng cũng phải dũng cảm nhận ra một sự thật nghiệt ngã: Cái phần bỏi, phần tạp, cái chốc lát trong văn mình còn nhiều và số còn lại thật sự chẳng nhiều nhặn bao nhiêu. Thêm nữa, cũng còn nhận ra một điều hệ trọng: số còn lại, sở dĩ được thế, là nhờ ở giá trị chứa đựng trong nó, ý nghĩa lương tri và ngôn ngữ, tính nhân văn, một giá trị tinh thần có tính bền vững, lâu dài tương đối; nếu nói rằng văn hóa là cái còn lại sau tất cả, thì nó chính là văn hóa. Văn hóa là cái đẹp, cái tồn tại lâu bền, cái thách thức với thời gian.

Văn học là sản phẩm tinh thần cao cấp! Hê-ghen, nói vậy và nó luôn luôn là vậy: nó là tấm gương phản chiếu văn hóa. Tham gia làm hoặc đọc các tuyển tập văn xuôi ở từng thời kỳ văn học 1930-45, 1945-60... hoặc tuyển tập của từng đề tài, tuyển tập từng tác giả hoặc tuyển tập thể loại truyện ngắn, chẳng hạn, tôi càng nhận ra giá trị của một áng văn luôn luôn đứng trước những thử thách rất bất ngờ và khe khắt. Rằng có khi có tác giả có tên tuổi hẳn hoi mà lựa chọn một cái tên tác phẩm duy nhất cũng còn

rất băn khoăn.

Chúng tôi muốn nói tới một thực trạng sáng tác khác khá phổ biến hiện nay: tình trạng trung bình, làng nhàng của nhiều tác phẩm văn học, sự thiếu vắng, chưa có nhiều tác phẩm hay, có giá trị cao về nội dung và nghệ thuật.

Nhận xét trên có thể là phản ánh đúng ý kiến của các hội đồng sơ khảo, chung khảo nhiều giải thưởng văn học, đặc biệt là giải thưởng văn học hàng năm của Hội Nhà văn trong những năm gần đây. Chúng tôi không nghĩ các hội đồng là người có tiếng nói có thẩm quyền cuối cùng, nhưng bằng vào sự quan sát dư luận xã hội, nhận thấy đã không còn có sự vồ vập xôn xao của bạn đọc, thì cũng có thể tin rằng văn học chúng ta gần đây có sự phát triển điềm tĩnh, lành mạnh, có bề rộng mà thiếu bề sâu, thiếu đỉnh cao như nhận xét trong báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nhà văn gần đây là rất đáng lưu ý.

Nhiều tác phẩm tham dự các giải thưởng, được in ra, đã lướt qua thời gian một cách quá vô tình. Chúng không gây được một dư vang, một ngẩn ngơ, một nuối tiếc, một đau đớn, một hứng khởi, một ước ao, thậm chí một tiếng cười, một thỏa mãn tò mò trí tuệ, những tác phẩm hờ hững với cuộc sống, thờ ơ với số phận con người. Những tác phẩm thiếu hẳn độ sâu bền trầm lắng, nền tảng văn hóa cao và chúng đã bị lãng quên trong chốc lát. Đó là những tác phẩm tái hiện một cách sơ sài cuộc sống con người và dân tộc ở những ngày đã qua, hoặc cập nhật hóa kịp thời với những đề tài vụn vặt, nuông nịnh các thị hiếu trung bình, hoặc né tránh, bỏ qua, xa rời những chủ đề lớn, những vấn đề gay gắt, bức thiết của đời sống con người. Đọc chúng, có cảm giác văn học đang hao kiệt nguồn mạch chất liệu, nghèo nàn, lười biếng và đã lãng quên chức năng cao quý của mình.

Tình trạng trên đã được chính các nhà văn lên tiếng báo động! Xã hội cũng bày tỏ sự sốt ruột. Và trong tư cách là chủ thể sáng tạo, nhiều nhà văn thực sự là đang ở trong vòng lo âu, bối rối.

Tuy nhiên, theo ý chúng tôi, một sự đánh giá thật khoa học hiện trạng trên, là việc rất đáng làm hiện nay nhưng lại chưa được làm đến nơi đến chốn. Lại nữa, chúng ta nói: quá nhiều sách mà ít tác phẩm, là nói điều hiển nhiên. Một nước như nước Pháp một năm xuất bản 2000 tiểu thuyết, một nước Trung Hoa một năm phát hành vài trăm cuốn truyện dài, họ cũng đang la lên tình trạng này. Và thơ, cả nước ta hàng năm xuất bản có tới 5, 600 tập cũng không ở ngoại lệ. Vậy thì vấn đề không phải là ở tương quan số lượng. Vấn đề là thiếu vắng những tác phẩm lớn, tác phẩm hay.

Tác phẩm hay! Tác phẩm lớn! Câu chuyện thật không đơn giản, nó

rắc rối, dữ dằn và thăm thẳm như sự sống, có cảm tưởng lần mò mãi mà không tới được cái bí quyết cuối cùng, cái tận cùng cần biết.

Chúng ta hãy thử nghiên cứu ý kiến của V. Gớt. Nói về sự ra đời các kiệt tác, các tác phẩm lớn, dẫn theo nhà thơ Huy Cận, thì đại thể thi hào cho rằng có ba yếu tố quan trọng sau đây:

1/ Dân tộc đó có những điều có thể nói được với nhân loại;

2/ Có thiên tài có khả năng nói điều đó bằng một cấu trúc nghệ thuật.

3/ Thiên tài đó làm việc ở thời kỳ sung sức nhất.

Vận dụng những ý kiến trên, xin phép chưa bàn tới những vấn đề hệ trọng khác như lý tưởng thẩm mỹ, tư tưởng nghệ thuật, môi trường xã hội..., chúng tôi muốn nêu lên mấy vấn đề thời sự có quan hệ trực tiếp đến việc sáng tạo các tác phẩm văn học hiện thời, đó là vấn đề chất liệu; sự sáng tạo nghệ thuật; và sự say mê trong lao động sáng tác của nhà văn.

Hiển nhiên không ai nói rằng dân tộc chúng ta, xét cả trường kỳ lịch sử, không có cái điều có thể nói được với nhân loại cộng đồng. Ngược lại, nhiều khi chúng ta lại cho rằng mình được ưu đãi hơn dân tộc khác. Tuy nhiên, tìm cho được cái điều độc đáo có thể nói với mọi người cũng không phải là việc đơn giản. Về vấn đề này G. Oóc-tê-ga, I. Ga-set, nhà văn Tây Ban Nha, trong khi nói về sự suy thoái của tiểu thuyết, lưu ý mấy điểm sau đây:

- Chất liệu không phụ thuộc vào phẩm chất cá nhân, nhưng không có nó thì thiên tài cũng không có nghĩa lý gì.
- Suốt thế kỷ qua, tiểu thuyết sống được là nhờ ở sự mới mẻ đơn thuần của chất liệu.
- Cũng giống như một khu mỏ, một khi đã khai thác hết quặng rồi, thì vấn đề là phải tìm được vỉa mới. Chất liệu không phải là cái giếng nước có mạch nguồn vô tận.

Chúng tôi nghĩ, viết được một tác phẩm hay nhất thiết không thể chỉ dựa vào năng lực chủ quan được gọi là cảm hứng, tài năng. Chất liệu! Chất liệu là yếu tố đặc biệt quan trọng ngay với cả thiên tài. Tuy nhiên trong khi coi trọng vai trò của chất liệu đời sống, Oóc-tê-ga cũng nhấn mạnh: Chất liệu của văn học còn là tâm lý học tưởng tượng. Ông nói: ở nơi chỉ có quy luật vật lý thiếu quy luật tưởng tượng thì nói chung không xây dựng được cái gì cả.

Văn xuôi của chúng ta đang thường thường bậc trung, trước hết là từ sự quẩn quanh ở những khu vực chất liệu đã được khai thác quá nhiều, đã trở thành nhàm chán, cũ kỹ, thậm chí quá tầm thường, không đáp ứng được yêu cầu ngày càng phải có yếu tố mới lạ hơn, hay hơn, nhiều khám phá sâu sắc hơn về con người và cuộc sống.

Thực tế sáng tác đã chứng tỏ, với các đối tượng miêu tả mà kinh nghiệm thẩm mỹ càng phong phú thì cái nhìn càng bị thu hẹp. Có nghĩa rằng, với những sự vật đã quá quen thuộc, thì rất khó tìm biết thêm cái mới. Chỉ có nhà văn biết rộng, hiểu sâu, có kiến văn thâm hậu, có tầm văn hóa cao, mới có thể nhận ra được cái đặc sắc riêng biệt của dân tộc trong tương quan văn hóa chung; nhận ra được sự phong phú của hiện thực; nhận thấy được cái đẹp đẽ, lạ lùng, mới mẻ, cái chiều sâu hàm chứa, cái huyền ảo trong đời sống hiện thực xô bồ, hỗn độn, quen nhàm.

Chỉ có nhà văn có tầm văn hóa sâu rộng mới có thể tìm kiếm được chất liệu đích đáng cho công cuộc sáng tạo của mình.

Khả năng biểu hiện, việc tìm ra một hình thức nghệ thuật phù hợp với chất liệu là một chỉ hiệu hết sức quan trọng của một tài năng. Chúng tôi nghĩ, đây cũng là câu chuyện thời sự của các nhà văn. Các nhà văn chúng ta đang đứng trước nhiều thách thức, trong đó đặc biệt là năng lực biểu hiện ở sự sáng tạo thể loại. Chúng ta đã quá yên tâm ở các hình thái cố hữu, không chú ý tới việc tạo được những hình tượng nghệ thuật độc đáo bằng các thí nghiệm táo bạo, những khám phá và kiến giải sắc sảo và giầu sức rung cảm; mà một trong những yếu tố quan trọng là việc tạo được một cấu trúc hình thức xác định, trên cơ sở chất liệu mới mẻ được khai thác, tạo lập được văn bản, cách kể truyện mới lạ, hấp dẫn. Tiểu thuyết viết theo thi pháp truyền thống vẫn phát triển đều đặn, vẫn còn được bạn đọc, chưa lâm vào ngõ cụt, nhưng chưa có được cách mở rộng khơi sâu, tăng năng sản cho thể loại. Chúng ta chưa có nhiều loại tiểu thuyết chứa đầy những dữ kiện đời sống thực, mang giá trị phổ quát, nuôi dưỡng được mối lo âu thấp thỏm của độc giả, trong một diễn tiến trôi dạt thỏa sức vào các miền huyền ảo của trí tưởng tượng. Chúng ta cũng còn rất ít tiểu thuyết tâm lý là loại hình trong đó tác giả để nhân vật của mình tự phát lộ qua dòng chảy của nhận thức, mọi hành động và hội thoại nằm sâu trong tâm trạng nhân vật. Hoặc cũng còn thấy ít tác phẩm trong đó tính chất tự truyện và hư cấu hòa trộn, một đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại...

Viết được một tác phẩm hay thật không dễ dàng gì. Tài năng đích thực cũng sẽ là nhẹ dạ, ảo tưởng, nếu nghĩ như vậy; nếu không bỏ công sức đến tối đa. Mỗi tác phẩm là một ngày hội của cảm xúc lớn. Bất cứ tác phẩm lớn nào cũng là sản phẩm của một cơn say mê, say mê đến điên rồ của cả thể xác lẫn tâm hồn. Nhưng hình như lâu nay các nhà văn chúng ta không tạo được trạng thái say mê như vậy? - Đời sống thằng thúc ư? Nhà báo hóa kịp thời ư? Chạy theo thiên hướng của xã hội tiêu thụ, của cơ chế thị trường, nệ vào cái tiện lợi, mất ít thời giờ, công sức, viết nhanh, in

Thơ Nguyễn Thanh Châu

lên phố núi

trùng điệp núi, xương rồng, ràn rạt gió
sầu biệt tôi nỗi nhớ cạn lòng sông
xe vun vút phía mặt trời rụng đỏ
dâu tiếng uềnh oang lạnh suốt hư không...

phố núi trông vời bếp lửa đêm đông
bay loáng thoáng cơn mưa phùn huyễn hoặc...

trời cố xứ

thăm thẳm bóng chiều trôi trong thơ cổ
ta nằm nghe rụng cọng tóc trăm năm
mùa thu đến chập chùng âm cửa mộ
cánh quạ rập rờn mắt dại dăm dăm...

tiếng gọi sang dò mái dạ xa xăm
hồn u hiển trời cố hương mây duối...

ngay, nhuận bút cao ư?... Nói văn học đối mặt chịu thách thức của các phương tiện kỹ thuật thông tin nghe nhìn đồ sộ là một cách nói. Sự thực thì mỗi loại hình có chức phận riêng. Văn học chẳng cần cạnh tranh với ai. Văn học cũng không hề biết đến sự tủi hổ về thân phận trước ai. Nó đã tồn tại, sẽ tồn tại vì vị thế của nó, vì nó đưa người đọc vào công cuộc hiểu biết, khai phá và nâng cao bản thân mình, nói như M. Kundera: nó tạo nên hiệu quả chân lý, một hiệu quả chân lý không thể đạt được bằng con đường khác. Vấn đề là từ sự tự nhận thức ở tầm văn hóa như thế mà kiêu hãnh, mà gan góc sống làm việc trong những hoàn cảnh eo hẹp nhất.

Tóm lại để có được tác phẩm văn học hay thì trước hết và ở tất cả các khâu đoạn của công việc sáng tác, nhà văn phải là người có tầm văn hóa cao, một nhân cách lớn, với một nội lực sáng tạo dồi dào.❐

(trích đăng từ tuần báo *Văn Nghệ*, Hà nội, số 14, thứ bảy 4.4.1998)

Chừng nào Việt Nam có đại tác phẩm?

Trần Bình Nam

Nhân đọc bài "Nhà văn như một kẻ thống dâm" của ông Nguyễn Hưng Quốc (Văn Học số 144 tháng 4 năm 1998) tôi nghĩ có lẽ nhiều người Việt, nhất là văn nghệ sĩ, từng nghĩ đến vấn đề này. Trong một bài viết ngắn bàn về một vấn đề rất rộng, ông Quốc dù muốn cũng không thể nêu ra mọi khía cạnh của vấn đề. Nhưng ông Quốc đã nêu ra một điểm then chốt dựa vào một vài nhận xét của ông. Bà Nhã Ca đã viết một cuốn sách nhiều người ưa thích; ông Trần Dạ Từ đã làm nhiều bài thơ hay trước năm 1975. Vậy - ông Quốc nghĩ - ông Trần Dạ Từ và bà Nhã Ca, sau bao năm thấm thía cái đau của bản thân, của đồng loại, của dân tộc dưới một chế độ toàn trị sau năm 1975 nay ra nước ngoài hẳn mang theo trong người đủ mầm mống cho một đại tác phẩm đơm hoa. Ông Quốc đã thất vọng. Sau đó ông thất vọng chờ đợi sáng tác của hai nhà thơ Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên, rồi lại thất vọng với Phan Nhật Nam khi nhận ra rằng ảnh không phải sinh ra để làm một thi sĩ lớn. (Ông Quốc muốn nói là nhà văn lớn?)

Ông Nguyễn Hưng Quốc có niềm hy vọng và thất vọng của riêng ông. Nhưng có thể ông có chút chủ quan khi dùng chữ "chúng ta đã hy vọng và đã chờ đợi" gợi ý niềm hy vọng đặt vào các nhà văn nhà thơ vừa kể là niềm hy vọng phổ biến của văn nghệ sĩ Việt Nam đang ở nước ngoài trước cái vốn liếng nhỏ nhoi và "những thành tựu mong manh của nền văn học hải ngoại." Tôi nghĩ số văn nghệ sĩ hải ngoại chờ đợi và hy vọng như ông Quốc không có nhiều.

Trước hết, cứ lướt nhanh vào tình hình văn học Việt Nam trong 70 năm qua chúng ta có thể hiểu tại sao thời cận đại Việt Nam chưa có một tác phẩm lớn. Chúng ta thiếu tự do. Thập niên cuối thời Pháp thuộc dù người Pháp có nới tay cũng không phải muốn viết gì thì viết. Từ 1945 đến

1955, cuộc chiến tranh chống Pháp đặt ưu tiên đấu tranh giành độc lập lên trên mọi nhu cầu khác. Từ 1955 đến 1975, miền Bắc đảng cộng sản chỉ huy văn nghệ, miền Nam vì nhu cầu chống xâm lăng miền Bắc duy trì tự do nên quyền tự do sáng tác bị hạn chế. Từ 1975 đến nay trong nước tuy không gay gắt như trước đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn còn đặt văn nghệ sĩ trong vòng rào. Hải ngoại có tự do nhưng chỉ là sự tự do pháp định, chưa có sự tự do thật sự cho người văn nghệ sĩ vì nhu cầu "đấu tranh giải phóng."

Thời gian 70 năm qua là thời gian nhiều biến động lớn đã đến dân tộc Việt: đấu tranh giành độc lập, tranh chấp ý thức hệ, huynh đệ tương tàn, kẻ thắng người thua, cửa mất nhà tan, vinh quang và nhục nhã, xương xác con dân Việt Nam chết trên rừng trên núi, bỏ thây trên biển cả, cuộc sống làm lại từ đầu ở quê người, thầy thành ông, ông thành thầy ... Những khổ đau lớn của lịch sử con người hình như cô lại đổ trên lưng con người Việt Nam trong một thời gian ngắn chưa quá một kiếp người là những chất liệu quá báu cho những đại tác phẩm văn chương đâm chồi nở lộc. Nhưng chỉ vì thiếu phân tự do hạt giống kia nằm chờ đó chưa thể nảy mầm.

Ông Nguyễn Hưng Quốc nghĩ rằng các văn nghệ sĩ miền Bắc đã có tự do trong thời gian cởi trói văn nghệ, và họ có cách để trình diện tác phẩm với thế giới. Nhưng ông Quốc than: "Rốt cuộc, những tác phẩm lớn vẫn biệt mù." (trang 5 Văn Học số 144). Trong chiều suy nghĩ đó, nên - dù không nói ra - ông Quốc cũng có thể cho thời gian 20 năm từ 1955 đến 1975 là thời đại hoàng kim của văn nghệ sĩ Nam Việt Nam. Tôi đồng ý với ông Quốc những thời gian vừa kể là thời gian có chút ít tự do và các văn nghệ sĩ có điều kiện để trình diện tác phẩm của mình trước thế giới. Nhưng sự tự do đó quá bèo bọt, quá ngắn, nên chỉ đủ sức thai nghén những tác phẩm có giá trị nhất định chưa đủ độ lớn vượt thời gian và không gian thành đại tác phẩm. Đại tác phẩm đòi hỏi nhiều điều kiện chủ quan và khách quan hơn.

Còn tự do ở các nước Tây phương? Văn nghệ sĩ không phải gốc Việt có tự do nhưng văn nghệ sĩ gốc Việt thì chưa. Nếu quả Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Phan Nhật Nam mang trong người đủ cái khổ đau của thế hệ và quá khứ của họ chứng tỏ họ đủ tài năng diễn thành lời như ông Quốc hoài vọng họ vẫn còn thiếu tự do khi đặt chân được trên những vùng đất mà chữ Tự Do được viết hoa một cách trân trọng trong Hiến pháp. Chứng cớ không thiếu. Bộ truyện dài "Mùa Biển Động" của nhà văn Nguyễn Mộng Giác chỉ mới hơi tự do trong suy tư đã có vấn đề với quần chúng. Nhà văn Mai Kim Ngọc đọc một bài diễn văn hơi phóng khoáng trong cái nhìn về đất nước trước một cử tọa ông hy vọng

hiểu được ông đã phải nhận lãnh bao nhiêu lời chỉ trích có khuynh hướng chính trị. Một bài báo, một cuộc phỏng vấn để ngòi bút bay nhảy một chút có thể bị chỉ trích là thiếu cảnh giác làm lợi cho địch.

Ông Nguyễn Hưng Quốc đưa ra thuyết thống dâm văn học (masochisme) để giải thích hiện tượng thiếu đại tác phẩm trong văn học Việt Nam. Chừng nào chưa tìm được "thú đau thương", chưa để cho sự đau khổ tinh thần, thể xác vì bị ức hiếp thấm qua từng làn da thớ thịt để biến thành khoái cảm chừng đó nhà văn chưa thể sáng tác lớn. Dựa vào một vài nhận xét điển hình cá nhân đối với một văn nhân miền Nam bị bắt và cầm tù sau năm 1975 và một vài nhà văn trong nhóm Nhân Văn - Giai phẩm trong thời gian gần đây, ông thấy họ không còn tinh anh, sắc bén, không phản ánh được nỗi đau khổ chồng chất họ đã mang. Ông Quốc thấy nếu bên ngoài họ còn phong độ bao nhiêu, bề sâu trí tuệ họ càng cùn lụt bấy nhiêu. Giải thích hiện tượng này trong bối cảnh lịch sử ông Quốc cho rằng đó là đặc tính của dân tộc Việt Nam hư vô hóa ngoại cảnh, vô hiệu hóa áp lực và dày vò để tồn tại trước áp lực của Trung quốc khổng lồ ở phương Bắc, của sức mạnh vũ khí Tây Phương và của chủ thuyết cộng sản chỉ chực biến con người thành máy. Đặc tính này theo ông Quốc nếu giúp con người Việt Nam tồn tại, lại không phải là điều kiện thuận lợi để bào thai đại tác phẩm.

Thuyết của ông Quốc giúp trả lời một phần của câu hỏi: "Tại sao Việt Nam chưa có đại tác phẩm?" Tuy nhiên tôi chưa thật hài lòng về những gì ông Quốc đưa ra để chống đỡ thuyết của mình.

Trước áp lực và đau khổ thể xác, con người có một trong hai phản ứng. Nếu độ đau khổ thể xác quá lớn con người nhận bừa mọi tội lỗi để được chết nhanh chóng. Chống chỏi để sống không còn một ý nghĩa. Stalin đã khai thác tâm lý này để triệt hạ mọi chống đối thật hay giả chống lại ông bằng cách ra lệnh mật vụ của ông hành hạ thể xác các đồng chí ông nghi là đối thủ của ông cho đến khi họ ký nhận tội để lãnh án tử hình.

Phản ứng thứ hai là không đầu hàng kẻ mạnh, nhưng sau đó vì tự trọng họ không muốn nhắc lại các cực hình tinh thần và thể xác họ đã trải qua. Tôi nghĩ những vị ông Nguyễn Hưng Quốc đã gặp và chờ đợi họ say sưa thuật lại chuyện năm xưa đã không làm hài lòng ông. Các văn nghệ sĩ đáng kính kia, ngoại trừ mắc bệnh quên, chắc còn nhớ như in khổ nạn đã qua, nhưng họ không muốn thuật lại. Trước lời thăm hỏi đầy thâm tình của ông Quốc họ tìm cách lãng quên, và ông Quốc ghi nhận như một dấu hiệu yếu kém trí tuệ. Đau mà không còn biết đau. Ông Quốc hẳn không phải là người duy nhất đến thăm các văn nhân bất hạnh và đáng kính kia, và nếu với người khách nào họ cũng thuật lại bị bỏ đói thế nào, bị cùm bị

đánh ra sao, bị buộc phải gọi những chú cai tù miệng còn hôi sữa bằng "ông" nhục nhã chừng nào thì người kể chắc sẽ cảm thấy câu chuyện vô duyên nhạt nhẽo. Họ không muốn kể chỉ vì tự trọng. Chi bằng để thì giờ pha một bình trà ngon mời khách để ghi nhận thâm tình của người khách đến thăm. Tôi nghĩ họ không quên, không "hư vô hóa sự bất hạnh". Thái độ hầu như vô tư của họ trước cái đau khổ lớn như trái núi khổng lồ ngoài những câu chuyện buồn cười "vừa kể vừa cười" là một thái độ can đảm cần thiết để nung nấu sáng tác nếu có những điều kiện thuận lợi khác.

Vậy ngoài thiếu sự thống dâm như ông Nguyễn Hưng Quốc nêu ra, còn những gì làm Việt Nam chưa có đại tác phẩm? Thật ra chúng ta có Truyện Kiều là một đại tác phẩm, một kiệt tác văn chương, nhưng cụ Nguyễn Du lấy ý Kiều từ một tác phẩm của Trung quốc, nên cứ xem như chúng ta chưa có.

Trước tiên là ngôn ngữ và sức mạnh kinh tế. Văn chương cần truyền thông trước khi được biết đến rồi được công nhận giá trị. Tiếng Việt 70 triệu người dùng không phổ biến bằng Anh, Pháp hay Hoa ngữ. Việt Nam qua nhiều thế kỷ nô lệ ngoại bang, từ Trung Hoa, đến Nhật, Pháp, không có sức mạnh kinh tế và cho đến hôm nay được biết chỉ đến nhờ chiến trận và một vị trí đặc biệt trong cuộc tranh chấp quốc tế. Từ năm 1901 đến nay ít tác phẩm được xem là đại tác phẩm mà không trước hết lọt qua sàn của giải văn chương Nobel. Đối với ban giám khảo giải Nobel, tác phẩm viết bằng Anh ngữ và Pháp ngữ có ưu tiên cao. Tác phẩm viết bằng ngôn ngữ khác cần được dịch ra Anh hay Pháp ngữ chưa kể ra tiếng Thụy Điển là quốc gia ban giải thưởng. Phiên dịch làm mất giá trị văn chương, mặc khác văn nhân thế giới thích đọc các tác phẩm dịch của các quốc gia kinh tế mạnh hoặc dân số cao như liên bang Nga, Trung quốc, Ấn độ, Nhật Bản. Việt Nam xét về mặt nào cũng không có chỗ chen chân. Giải văn chương được phát từ năm 1901. Đến nay Nhật Bản được 2 giải, Ấn độ 2, Phi Châu 2, Nam Mỹ 5 giải. 86 giải còn lại lọt vào tay văn nghệ sĩ Bắc Mỹ và Âu châu (World Almanac 1998, trang 317).

Đó là nói trường hợp có mà không chen chân được. Thật ra điều kiện chủ quan không giúp chúng ta có tác phẩm lớn. Lịch sử sôi động, vốn sống phong phú nhưng cả một lịch sử dài dân tộc Việt Nam chưa có một lúc dừng chân để thở. Bắc thuộc, Pháp thuộc, tranh đấu giành độc lập liên miên rồi Nam Bắc phân tranh không một phút ngừng nghỉ. Văn hóa Trung quốc và Pháp là hai văn hóa lớn đến với chúng ta nhưng chúng ta chỉ có thì giờ để học trên căn bản áp dụng vào cuộc sống, nói cách khác là tìm cách bắt chước hơn là sáng tạo. Rồi sự du nhập của văn minh Nga sô viết ở miền Bắc, văn minh Bắc Mỹ ở miền Nam. Chúng ta không bàn ảnh

hưởng của văn minh Xô viết ở miền Bắc Việt Nam vì dù ảnh hưởng gì cũng không qua ảnh hưởng "văn nghệ phải có tính đảng". Miền Nam thì nền văn minh Bắc Mỹ tuy cũng là văn minh Tây phương quen thuộc nhưng mới mẻ quá, mạnh quá, vật chất quá làm chúng ta choáng ngợp. Dọc suốt thế kỷ 20 Việt Nam lúc nào cũng như ở ngã ba đường của các nền văn minh lớn. Chúng ta ăn nhanh, học vội, và bội thực, hiện tượng nhà viết văn kiếm hiệp Kim Dung hài hước là tẩu-hỏa-nhập-ma. Kinh qua nhiều bão tố của cuộc đời, học thật nhiều, biết thật nhiều nhưng nói như cụ Phan Khôi không có thì giờ tiêu hóa, nên thua con tằm, không thể đẻ ra tơ. Đó là lý do thứ hai không cho chúng ta không có tác phẩm lớn.

Lý do khác nữa là ảnh hưởng của khí hậu. Thời tiết các nước miền Bắc lạnh có bốn mùa khuyến khích tư duy, tư duy khoa học cũng như văn học nghệ thuật. Xứ nóng như Việt Nam, Phi Châu, con người luôn luôn vật lộn với thiên nhiên nên ít khả năng suy tư. Cũng nhờ sớm tư duy, Trung quốc có một nền văn minh sớm sủa, những áng văn bất hủ ra đời cách đây nhiều thế kỷ. Tiếc một điều tư duy không mang tinh thần dân chủ đến sớm cho Trung quốc như nó đã mang đến cho Âu châu và từ đó cho Bắc Mỹ. Khí hậu thích hợp và chế độ dân chủ phóng khoáng là những điều làm cho văn học Âu châu và Bắc Mỹ dễ dàng đẻ ra những đại tác phẩm là những điều kiện Việt Nam không có.

Trong những điều kiện vừa trình bày Việt Nam nếu chưa có đại tác phẩm sánh vai với các đại tác phẩm khác trên thế giới thì đó không phải là điều đáng ngạc nhiên. Chúng ta phải chờ thôi.

Ông Nguyễn Hưng Quốc đã nêu ra một câu hỏi văn học quan trọng và ở đây tôi chỉ đóng góp ý kiến vào vấn đề đó một cách vội vàng với nhiều thiếu sót. Tôi tin rằng nếu giới văn nghệ sĩ Việt Nam trong cũng như ngoài nước nghiên cứu vấn đề này một cách nghiêm chỉnh, khoa học và qui mô hơn sẽ giúp chúng ta hiểu biết thêm về lịch sử, dân tộc, truyền thống, khả năng, ưu và khuyết điểm cố hữu của chúng ta thì thật là hữu ích cho nền văn học Việt Nam nếu không muốn nói sẽ rất hữu ích cho sự chuẩn bị tương lai của nước Việt.❐

Tìm đọc

trăng góa

tập truyện ngắn đặc sắc của *Lê Minh Hà*

Thanh Văn xuất bản. Sách dày 164 trang. Giá 10 MK

Sách do Văn Nghệ phát hành

Tương Tư Đất

LÊ THỊ HUỆ

Có khi tưởng chừng như cúi xuống hôn dược mặt dất
Lòng vỡ oà những giọt nước mắt tri ân
Hôn xanh nương nước biếc địa cầu
Hôn muối mặn đại dương thềm lục địa
Hân hoan nỗi đất cùng người quen hơi
Chào đời giữa một bữa tương tư trắng
Bản giao hưởng bên bờ Thái Bình Dương rợp sóng

Có khi muốn đưa tay sờ nhẹ cát
Chỉ sợ chú còng dánh mất đường quê vui
Những bãi biển mớm gió tuổi thơ lớn dậy
Hải hà niềm mến thương đời
Chỉ cát dất mới hiểu ra được vô vàn của đời sống
Phì nhiêu trong hạnh phúc giản đơn
Như sớm mai nằm vùi mình nghe sóng vỗ Nha Trang

Có khi xe chạy băng ngang những hoàng hôn đỏ rực
Mặt trời chạm trên núm vú dất
Núi đồi rực rỡ đam mê
Những hôn hoàng thay áo xanh đỏ tím vàng
Mái tóc cầu vồng quét bay những địa chấn đất
Cuốn trôi phăng những nham nhở nhất
Vô tình nhân loại lạm dụng xác thân dất

Làm úa mầu phù sa trượng lão
Rạn vỡ dau đớn xác thân đất
Như chính xác thân mình bị trấn hiếp

Có khi ngồi êm đềm sau sân vườn
Đứa trẻ thơ mới quay trở về nhà
Tay vân vê từng nắm đất tháng mười
Gặt hái mùa cúc cải vàng tháng một
Cánh vườn lụa giải yếm mùi ngực mẹ
Tinh kiết đất nở suối nguồn hương
Chỉ tình yêu đất mới dưỡng nuôi vô tận mẹ
Sữa ngọt dịu êm chảy sâu xiết trong lòng người

Chiều nay đất bốc mùi thiết tha gọi
Đọng lại ở những sân ga hành hương quen
Đứng ngó sông hồ ra nỗi âu yếm đất
Nhìn trùng dương ra niềm nô núc cát
Nhìn núi đồi ra khát vọng gần gũi đá
Tháng giêng dât vỡ những mảng tình
Một bầu ngực tương tư đất khôn nguôi

Góp ý với Nguyễn Hưng Quốc

Ngô Nhựt Tân

Thường, khi Nguyễn Hưng Quốc có bài trên Văn Học hay Hợp Lưu, tôi đều dành riêng một khoản thì giờ nào đó trong ngày, để đọc bài của anh. Bút pháp anh gãy gọn, sắc bén, chuyên chở đầy đủ ý nghĩa, khi phê bình và lý luận một chủ đề văn chương. Nên, tôi thích đọc bài anh viết, khi tinh thần thật thoải mái và thư giãn. Điều này đã không xảy ra khi đọc bài anh viết "Nhà văn như một kẻ thống dâm," đăng trong Văn Học, số 144, tháng tư năm 1998.

Chủ đề Nguyễn Hưng Quốc chọn, mới thoáng nhìn, rất bắt mắt, và dễ gây sự tò mò cho đọc giả, như tôi. Tuy nhiên phải đọc đến lần thứ hai, tôi mới thật sự hiểu anh muốn nói gì. Vả, điều anh muốn diễn tả và tựa bài viết, hai cái hình như không ăn khớp với nhau. Nếu Nguyễn Hưng Quốc không kết thúc bài viết bằng định nghĩa thống dâm là gì, và bỏ vào ngoặc đơn nghĩa của chữ thống dâm bằng Anh ngữ, chắc tôi lại phải đọc bài này đến lần thứ ba, hay lần thứ tư nữa cũng không chừng.

Kẻ thống dâm, theo tác giả, là người "tìm thấy khoái lạc khi nhìn trừng trừng vào những lằn roi quất tới tấp trên da thịt của mình hay là tự tay cào, cấu những vết thương của chính mình cho toé máu." Qua định nghĩa này, tôi ngờ ý Nguyễn Hưng Quốc muốn nói: những Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên hay Phan Nhật Nam, các anh các chị phải tiếp tục viết văn, làm thơ đi chứ. Các nhà văn, nhà thơ mà Nguyễn Hưng Quốc đề cập đến trong phần đầu của bài viết, rất yêu thích văn chương, được tác giả ví dụ như những kẻ thống dâm. Trong ý nghĩa trên, tôi xin được gọi họ là những kẻ "thống văn." Thay vì, nhìn trừng trừng vào những nỗi xót xa hằn lên cuộc đời, trong thời gian họ bị kẹt lại Việt Nam, sau năm 1975, như chất liệu để viết văn, và viết cho thật hay - tác giả ví dụ viết thật hay bằng sự "tìm thấy khoái lạc," - thì các văn, thi sĩ này lại ngưng sáng tác. Nguyễn Hưng Quốc đề nghị, họ hãy "tự tay cào

cấu vết thương của chính mình," ý anh muốn nói hãy khơi lại những niềm đau ấy, để mà ... viết văn.

Hy vọng, tôi đã không hiểu sai ý của Nguyễn Hưng Quốc. Nhưng, nếu tôi hiểu khá chính xác ý trong bài viết, tôi có một vài nhận xét.

Tôi ngạc nhiên về lối nhận xét của tác giả trong bài viết này. Tôi nghĩ, rất khó cho người như Nguyễn Hưng Quốc, khi lý luận và phê bình một vấn đề văn chương, lại có thể vẫn còn hời hợt. Nhận xét này, tôi có được, qua những bài viết của anh về chủ đề "Thơ con cóc," hay nhận xét tinh tế của anh trong tác phẩm *Thơ v.v. và v.v...* Hay, nhận xét của tôi có nhiều khuynh hướng cảm tình cá nhân, hơn là thuần văn học, nên, tôi lầm? Để viết văn và làm thơ, ngoài khả năng biết viết văn và biết làm thơ, chất liệu là yếu tố thiết yếu cho văn thi sĩ. Để có một tác phẩm giá trị, hay một áng thơ hay, chất liệu phải phong phú, sống động và hiện thực. Nếu không sống trong một nỗi cơ hàn cùng cực, dễ gì chúng ta có được Vũ Hoàng Chương? Nói như thế không có nghĩa, ai sống trong nỗi cơ hàn cũng có thể nổi tiếng như họ Vũ. Vũ hoàng Chương vốn đã có bút pháp điêu luyện. Tuy nhiên sự cùng cực trong cuộc sống hàng ngày, đã cho ông những kích xúc lạ, sống động, hiện thực, khiến giọng thơ của ông nghe ngẹn ngào. Tương tự, có thể lúc còn trong tù, tủi hổ cho thân phận của một kẻ mất nước, mất luôn cả tự do, rồi nhớ vợ con, bạn bè,Trần Dạ Từ đã làm thơ rất nhiều. Thơ ông làm lúc ấy, hay, cảm động, nhờ ở chất liệu sống thực, linh động: sự tù tội. Nhiều người đã biết đến Phan nhật Nam qua những tác phẩm chiến tranh. Ông đã sống trong lằn tên mũi đạn, sát cánh với đồng đội, nên bút pháp của ông cũng ồn ào tiếng súng, cũng đầy tình người, tình đồng đội. Có thể Phan nhật Nam không phải là một người làm thơ hay. Nên dù trong tù, chất liệu có thừa, thơ ông cũng không thể hay được. Vả, thơ mang tính tâm cảm. Những bài thơ Phan Nhật Nam làm trong tù, có thể một người không thấy hay, vì chưa bao giờ nếm mùi cải tạo, nhưng với một người khác, đã từng gian truân từ trại cải tạo này đến trại cải tạo khác, đói khát triền miên, thì có thể chảy nước mắt được với những bài thơ của một người, mà Nguyễn Hưng Quốc đã vội vàng kết luận "trời sinh Phan Nhật Nam không phải để làm thi sĩ." Sang định cư bên Mỹ, bút pháp văn xuôi của Phan Nhật Nam chưa chắc là không còn hay nữa, nhưng làm gì có mùa hè đỏ lửa để viết. Làm gì còn đường số một để ông đi. Ông mất chất xúc tác. Nếu có chăng, chỉ còn trong ký ức. Ký ức thì, không linh động và hiện thực tí nào. Vũ hoàng Chương chắc phải động lòng lắm với cái ngày Tết nghèo trong thơ Tú Xương, hơn là một người sống và lớn lên bên trời Tây, chẳng biết đến một ngày thiếu ăn, khi đọc thơ ông tú Vị Xuyên, "Anh em đừng tưởng tết tôi nghèo - Tiền bạc

trong kho chưa lĩnh tiêu..."

Nguyễn Hưng Quốc bị một "cảm giác hụt hẫng," khi đọc các tác phẩm mới của những nhà văn cũ. Tôi khó tìm được câu trả lời cho sự hụt hẫng đó. Anh viết, "chúng ta đã quá thất vọng trước những thành tựu mỏng manh của nền văn học hải ngoại." Văn học hải ngoại chỉ mới có hai mươi tuổi, làm sao so được với một nền văn học lâu dài trong nước, trải qua từ biến cố này sang biến cố khác. Mà nếu chỉ có hai mươi năm, thì thành tựu mỏng manh mà anh nói đến, có gì đáng để ngạc nhiên, hay hụt hẫng. Tích cực hơn, chỉ trong hai mươi năm, sự thành công hiện nay của nền văn học hải ngoại, như thế là khả quan lắm rồi. Sự thành công của văn học, không giống như đua xe. Thời gian và nhân sự là những yếu tố thiết yếu. Chỉ sợ chúng ta không bền lòng, đừng sợ sự thành công nhiều hay ít. Con tằm nếu cứ nhả tơ đều đặn, một ngày chúng ta sẽ có vải đẹp để trang sức. Thêm vào đó, anh đã vội vàng cho rằng những cây bút có tên tuổi trước 75, khi sang đây đã thất bại trong việc sáng tác. Anh viết, "sự thất bại của họ... từ sau năm 75" (*Văn học*, trang 4, đoạn 3, dòng 9). Theo tôi, sáng tác nhiều, chưa hẳn tác phẩm đã có giá trị. Phần đông các nhà văn tên tuổi trước 75, họ không muốn cứ cho tung ra thị trường báo chí thật nhiều tác phẩm thiếu phẩm chất, nên đã đóng cửa im hơi lặng tiếng, đợi chờ chất liệu để viết một tác phẩm có giá trị. Có thể họ đang suy tư, tìm chất liệu, tìm đề tài? Thêm vào đó, với cuộc sống không dễ dàng cho những người mới định cư sau này, tìm chất liệu xứng đáng cho tác phẩm thơ văn của mình không phải là dễ. Sự chờ đợi, tuy vậy, không thể coi là sự thất bại được.

Rồi khi viết về "giới cầm bút ở phía Bắc," anh làm tôi ngạc nhiên hơn. Đọc từ đoạn "Có một điều cần để ý là,... những tác phẩm lớn vẫn biệt mù," tác giả cho tôi cảm tưởng anh chưa từng sống dưới chế độ Cộng sản, qua câu "Giới cầm bút giải thích sự thất bại của họ bằng một lý do khác: thiếu tự do. Cũng chưa chắc." Theo tôi, ai đã từng sống ở Việt Nam dưới chế độ Cộng sản, đều thấy rõ, hai chữ tự do là một món xa xí phẩm, người dân không có quyền hưởng. Và nếu Nguyễn Hưng Quốc "không tin là người ta viết dở chỉ vì không được quyền viết hết sự thực," thì tác giả đã mâu thuẫn với chính mình nhiều lắm. Làm sao một tác phẩm có thể có giá trị được, nếu người viết không lột trần được hết điều mình muốn nói? Làm sao bài thơ con cóc tầm thường trong nhiều thập niên qua, đã trở thành một trận chiến văn chương được, nếu tác giả bình luận bài thơ ấy, đã không lột trần được bài thơ, đến không còn cả mảnh vải che thân? Làm sao, Nguyễn Hưng Quốc có thể chiếm được một vị trí đáng kính, trong giới phê bình văn học, nếu anh không lột trần được ý anh muốn nói gì

trong *Thơ v.v và v.v.*? Nhiều ít, anh cũng phải đồng ý về tuyên bố của Nguyễn Minh Châu, rằng thiếu tự do là "một hậu quả tai hại khốc liệt trong lãnh vực văn học nghệ thuật." Nực cười nhất, khi Nguyễn Hưng Quốc viết "từ khi có chính sách đổi mới, giới văn nghệ sĩ Việt Nam đã có khá nhiều quyền tự do để viết." May cho tác giả lắm, anh đã không sống tại Việt Nam hiện nay để phát huy khả năng sáng tác của anh! Theo kinh nghiệm mà tôi đã sống qua trước khi rời nước, cũng như nhờ kinh nghiệm hiện nay có được, do theo cơ quan về công tác thường xuyên tại Việt Nam, thì "quyền tự do để viết" tại quốc nội, không đơn giản như chúng ta bên này thường nghĩ. Bên Tây phương, tự do viết là muốn viết gì thì viết. Chửi chính quyền cũng được, viết chuyện làm tình một cách tục tĩu cũng được, viết nói xấu tổ chức nào cũng được. Có tiền in ra thành sách, và có đọc giả hay không lại là chuyện khác. Tự do trong chế độ Cộng sản khác hẳn. Đảng và nhà nước vẽ ranh giới, văn thi sĩ viết hay làm thơ một cách "tự do" trong lằn ranh ấn định ấy. Lệch ra ngoài là khủng bố, bắt bớ, đi tù. Cùng hai chữ tự do, nhưng khi áp dụng vào hai môi trường khác nhau, thì hoàn toàn khác hẳn. Thêm vào đó, vì cuộc sống vật chất thiếu thốn, người viết phải lo bon chen đi tìm miếng cơm manh áo, chất liệu để viết thơ, văn, từ đó cạn dần. Nguyễn Hưng Quốc sao lại có thể hời hợt kết luận, "rốt cuộc, những tác phẩm lớn vẫn biệt mù." Ăn mặc mà còn chưa đủ, lấy đâu ra ý để cho ra đời "những tác phẩm lớn." Anh đặt lên vai văn thi sĩ trong nước, một gánh nặng khó vác nổi. Và, có vẻ anh hơi nóng nảy. Khi đầy đủ mọi yếu tố cần thiết, trong đạo Phật gọi là thuận duyên, những tác phẩm lớn sẽ ra đời, dù không ai chờ đợi. Trong đoạn viết này, ngoài việc chỉ thuần phê bình và lý luận, Nguyễn Hưng Quốc không cung cấp đủ chứng cứ bảo vệ cho lý luận của mình, lối dùng chữ của tác giả, "vì các 'đồng chí' đầy nhỏ nhen và nghi kỵ của mình," Nguyễn Hưng Quốc còn cho tôi một cảm tưởng khác: khi đặt hai chữ đồng chí vào ngoặc kép, anh đang nai nịt gọn ghẽ, chờ Đỗ Minh Tuấn xung trận. Vì thế, bài viết không ít thì nhiều mất phẩm chất thuần túy văn học, điều không thấy trong những bài viết trước của anh.

Nguyễn Hưng Quốc tiếp tục bài nhận định, bằng cách truy tìm nguyên nhân của cái mà anh cho là "sự thất bại của giới cầm bút Việt Nam, cả trong lẫn ngoài nước." May quá, anh đã tự nhận, "Tôi lờ mờ nhận ra nguyên nhân ấy." Không lờ mờ sao được, vì anh chuyện trò với quá ít nhà văn? Theo tôi, hầu như sau hơn hai mươi năm, nếu có ai hỏi về những nhục nhằn của quá khứ, phần đông những ai đã trải qua, đều thấy chẳng có gì để phải nhắc lại cả. Qua rồi, những ngày dầu sôi lửa bỏng. Hết rồi, những cay đắng của hận đồ bàn. Vài năm sau ngày mất nước, niềm tin của

bầy chim bỏ xứ cạn dần, cạn dần đến tắt lịm. Rồi những người lúc nào cũng nung nấu niềm hy vọng hồi hương, hay những kẻ trong nước, mòn mỏi trong chờ, đất nước tự dưng qua đêm biến mất cờ đỏ sao vàng, như ở Đông Đức, chợt thức giấc, thấy tóc mình đã đổi màu, đuôi mắt đầy dấu chân chim, da bắt đầu trổ đồi mồi. Trong phút chốc nào đó, họ chợt ngậm ngùi nhớ về quá khứ. Và, tiếp tục, họ sống. Nếu có ai hỏi, tôi có còn nhớ những tháng năm trong quân ngũ? Làm sao tôi quên được những ngày gắn bó sống chết với đồng đội, trong đơn vị Liên Đoàn 81 Biệt Cách oai hùng? Làm sao tôi quên được ba năm trong trại tù binh Cà Tót, mà nỗi cơ cực kêu thấu trời xanh? Nhắc lại để làm gì? Nhưng chắc chắn, tôi không thể "hư vô hóa kẻ thù và tội ác của kẻ thù," như Nguyễn Hưng Quốc đã viết. Nếu hư vô hóa kẻ thù, khi cần nhắc, chắc tôi chỉ có thể nhắc chuyện hư vô. Tôi có thể kể vanh vách tội ác của kẻ thù. Nhưng, thời gian, theo tôi, là một nghệ thuật chôn được những niềm đau vào đáy thẳm của tâm thức. Theo Sigmund Freud, cha đẻ ngành phân tâm học (psychoanalysis), cái ngã của người lớn có những cơ chế tự vệ rất vi tế. Ba trong bảy kỹ thuật tự vệ ấy là: đè nén (repression), thăng hoa hóa - dịch theo tự điển Anh Việt của Nguyễn văn Khôn từ chữ sublimation, và hữu lý hóa (rationalization). Những đặc tính của cái ngã mà Freud đưa ra, tương tự như cái ngã tìm thấy diễn tả trong Duy Thức học của đạo Phật. Đè nén là một quy trình tự khởi, không có ý thức. Những điều đau đớn, bất như ý, đều được đẩy ra khỏi sân khấu ý thức và đi vào vô thức. Vì ý thức không chứa đựng những điều bất như ý, nên nạn nhân không còn thấy buồn bực, lo âu, khổ sở. Nhưng để tránh việc dồn nén có thể xảy ra triệu chứng bệnh tâm thần, một kỹ thuật khác ló dạng: thăng hoa hóa. Người bị nhốt tù, bị tra khảo đánh đập đến trối chết, có thể biến nỗi đau của mình thành hành động từ bi, thay vì căm thù đối phương. Những hành động đó có thể là làm việc thiện nguyện trong các nhà thương, tranh đấu đòi tôn trọng nhân phẩm cho tù nhân v.v và v.v. Một kỹ thuật khác, thay vì thăng hoa hóa, cái Ngã giúp nạn nhân quên đi, bằng sự hợp lý hóa. Lấy trường hợp người bạn văn mà Nguyễn Hưng Quốc đã nói chuyện. Hay "vài người trong nhóm Nhân văn-Giai phẩm ở miền Bắc." Có thể, sau một thời gian quá lâu, nghe có người gợi lại "chuyện xưa như trái đất," họ cũng chẳng buồn kể. Nếu nhớ chăng thời xa xưa ấy, kẻ thì cho rằng nghiệp mình phải trả, nếu họ hiểu biết về đạo Phật. Kẻ thì bảo mỗi người phải có cây thánh giá để vác, nếu họ là con Thiên Chúa. Cũng có kẻ phớt lờ ăn lê, vì họ cho rằng nên tri thiên mệnh. Những đặc tính của Ngã vừa kể, cùng với "tâm lý hư vô hóa kẻ thù" của Nguyễn Hưng Quốc, như hai đường thẳng song song, không trùng nhau được. Hay, hư vô của anh còn mang một nghĩa nào khác,

ngoài ý niệm "không," như tôi đã hiểu? Khi nói về tâm lý hư vô hóa bi kịch, Nguyễn Hưng Quốc còn làm não loạn tôi thêm, về câu chuyện người bạn thân của anh, "vượt biên, bị bắt, bị ở tù và, cuối cùng, đã vượt ngục." Chẳng lẽ tác giả lại không hiểu việc "vừa kể vừa cười" của người bạn ấy? Trong niềm đau cùng cực, nụ cười nở ra trên môi, làm nhiệm vụ như một thế quân bình, cho người bị yếu tâm lý. Cười, để thấy mình không đến nỗi đau đớn như thế. Nên, những nụ cười ấy, thường, là những nụ cười ra nước mắt. Sao anh có thể cho rằng, cái cười ấy là tâm lý hư vô hóa bi kịch nhỉ?

Nguyễn Hưng Quốc hơi vội vã khi viết rằng "hư vô hóa bất hạnh và thanh tẩy bất hạnh không chừng cũng là tâm lý tập thể của dân tộc Việt Nam." Cho dù thanh minh rằng anh đã không bôi nhọ lịch sử, tôi nghĩ anh đang bước vào quỹ đạo ấy. Nhìn lại lịch sử, dân tộc ta đáng thương hơn là đáng trách. Chúng ta đã không có những lãnh tụ ra hồn. Nếu có, thì họ không tại vị đủ lâu, để đưa đất nước lên ngang hàng với các nước lớn khác. Sau một cuộc chiến tranh dài, thường thì mọi người đều tập trung nỗ lực, công sức, lo xây dựng đất nước. Thì giờ đâu mà làm những điều như anh đã trách. Vì có biết thêm các tên tuổi, khác hơn Racine, Pascal hay Victor Hugo, đất nước ta cũng đã bị đô hộ trăm năm rồi. Và, chắc gì biết thêm các tên tuổi khác, sẽ làm người Pháp không sang đô hộ nước ta, thêm một lần nữa?

Không ai có thể chối cãi, Nguyễn Hưng Quốc là nhà phê bình văn học có tầm vóc. Tuy nhiên, bài "Nhà văn như một kẻ thống dâm," cho tôi một suy nghĩ khác, về anh. Hay tác giả đang cạn đề tài? Dĩ nhiên, Nguyễn Hưng Quốc biết giá trị bài mình viết. Có thể anh biết tên tuổi anh đang nóng bỏng trong làng văn học, anh đã không cho phép tên mình vắng bóng quá lâu. Nên phải viết, cho dù chẳng có gì đáng để viết. Cứ có bài đăng trên các báo là được. Nếu giả sử này tạm đúng, thì anh chính là kẻ thống dâm. Viết, đối với anh, là một chứng bịnh. Vì thống dâm là một căn bệnh. Nên anh phải cào cấu mọi nơi, cho tóe máu, để sướng. Trần dạ Từ, Thanh tâm Tuyền hay Phan Nhật Nam không mắc phải bịnh thống văn, nên họ chưa cần viết khi chưa đủ chất liệu để viết. Họ viết, vì họ yêu văn chương, không vì một bắt buộc nào để thỏa mãn cảm xúc của những nhà văn, nhà thơ ấy. Nếu giả thuyết này không đúng, tôi lại có một câu hỏi khác. Hay là, Nguyễn Hưng Quốc thích tạo ra một bãi chiến trường văn học, như chiến trường bài thơ con cóc, mà đến nay cuộc chiến vẫn chưa tàn? Nếu giả thuyết này đúng, thì tôi chính là nạn nhân đầu tiên trong cái bẫy ấy. Hơn ai hết, tôi mong Nguyễn Hưng Quốc sẽ tiếp tục viết. Và viết những đề tài có giá trị, sâu sắc.❐

Dự phóng về một nỗi nhớ

TRẦN HỒNG CHÂU

Tri thiên mệnh
Thêm vài giáp nữa
Chắc là nhớ
Nhớ đau ngất
Xưa nguồn đào

Dự phóng
Sao ta sợ nỗi nhớ mênh mông
Nhung nhớ
Mắt nhung hồ xuân đại vực
Nhớ nhung
Nụ cười nở bình minh không tắt lửa
Nhan sắc ơi ta mê đến vô cùng!

Chết chết lịm
Chín từng mây
Ôi cái chết tuyệt vời
Ôm ấp mãi trên đỉng ngọc ngà
Con ong vàng say mãi mật thần tiên

Cho ta đầu thai lại
Cỏ đại tóc xanh
Muôn năm đổi một giờ
Đi! Nơi chín từng mây

Nơi bốn biển năm hồ
Đi! Chết nửa vời
Chết tuyệt vời
Mê lộ hoa gấm
Thiên la địa võng êm đềm

Đạo sĩ ngoài Đông hải
Linh đan ôi linh đan
Cho ta một liều huyền diệu
Bồng dảo tóc lại xanh
Sau giấc linh thần
Trở về mắt biếc
Chín từng mây!

Đi! Cho ta sống lại
Nỗi chết tuyệt vời
Trên ngọn sông dào mắt biếc
Trên chín từng mây
Chớp biển mưa nguồn
Chỉ một phút giây!

Ngàn thu bất diệt
Vút bỏ dưới chân!

Đoạn Cuối

Trúc Chi

Trời nắng lạnh và nhiều gió. Trên lối đi dẫn xuống đồi, thỉnh thoảng một đôi cánh hoa đã tàn, bị gió gỡ từ những vành hoa phúng điếu đã héo úa, lướt qua trước mặt tôi. Cánh hoa này xuống đến chân đồi rồi đi về đâu đây? Tôi vừa kéo cổ áo che ngực, vừa lẩn thẩn nghĩ như vậy trên đường xuống đồi sau khi đã tung xuống huyệt một nụ hồng hàm tiếu cánh trắng mà cuống dài. Loại hồng thật tốt nhập cảng từ Nam Mỹ. Cuối thu rồi, kiếm đâu ra loại hồng đó ở California Kể cũng lạ: một đóa hồng chở từ Nam qua đến Bắc Mỹ được rải trên lối về thiên cổ của một người lạc bước qua đây từ bên kia bờ bể Thái Bình. Nơi đến của chuyến đi cuối cùng trong cuộc đời của Đào, một người sinh tiền thỉnh thoảng cũng có đến làm công quả nơi cửa Phật, tôi mong sẽ có hồ nước trong vắt đầy đủ chín loại sen quí. Hiện giờ mình ở nước Mỹ, như vậy có nghĩa là, nhìn từ bờ bể hình chữ S, nó là phương Tây rồi. Cũng may là phương Tây không phải là Tây Phương. Tôi chắc chắn rằng cái Tây Phương trong kinh Phật nó không giống nước Mỹ này chút nào cả. Bởi vì nếu nó giống Mỹ thì...hỏng!

Gió hết đợt này đến đợt khác. Một lớp bụi mỏng từ một cái huyệt mới được đào xoáy mạnh trên lối đi, cuốn theo nó ít cọng cỏ đã úa. Chiều nay, ở nơi này lại có thêm một người nữa sắp sửa được ngủ yên trong lòng đất. Mong lắm thay. Tôi nghĩ vậy và mong như vậy cho người không quen biết.

Bởi vì, tôi đang nghĩ đến Đào, trong suốt cuộc đời của người đàn bà mang tên Đào này, loại giấc ngủ yên bình không phải thường lúc nào cũng có được. Chưa nói chi đến những cơn đau của một chứng bệnh ngặt nghèo nó hành hạ cái thể xác trong gần hai năm trời. Tôi quay đầu nhìn

lên đỉnh đồi lố nhố đám người tới dự tang lễ. Cái xe đổ đất vừa trút xuống lòng huyệt mớ cát bụi vùi lên quan quách của một người cũng vừa bắt đầu cuộc hành trình đi về cát bụi, nói theo niềm tin của người Thiên Chúa Giáo. Lẽ ra thì tôi nên nán lại cho đến khi mọi việc đã xong xuôi. Nhưng mà tôi biết Triêm, bạn tôi, đang chờ tôi ở bãi đậu xe. Đi cùng xe mà để cho người ta chờ lâu quá cũng không tiện.

Không những vậy mà tôi còn lo cho Triêm vì trước đó chừng nửa tiếng, tôi thấy Triêm có vẻ quá xúc động, mặt hơi tái, đôi mắt thì ráo hoảnh mà lại đỏ ngầu. Triêm biết hoàn cảnh không cho phép anh biểu lộ xúc cảm trước mọi người, nhất là trước mặt Trinh, con gái đầu lòng của Đào, nên anh nói nhỏ với tôi bằng một giọng đã hơi run:

"Tôi chờ ông trong xe."

"Liệu ông có đủ sức đi ra xe không?"

Triêm mím chặt miệng rồi gật đầu nói thầm với tôi:

"Mình ra trước, ông cứ đứng đây. Đừng đi theo, người ta chú ý."

Nhìn theo dáng đi thất thểu của Triêm bước xuống sườn đồi, tôi hơi ái ngại. Trong số những người bạn cùng một lứa tuổi mà tôi có dịp gặp lại ở nước ngoài, tôi nhận thấy Triêm là người mạnh khỏe, tỉnh táo nhất. Cũng bỏ hết mà chạy vội vàng vào những ngày cuối tháng Tư năm 75 như nhiều người khác, cũng qua nhiều năm vật lộn với đời sống vật chất và tinh thần trong một môi trường mới và lạ như trăm nghìn đồng bào mình mà hình như Triêm không bị ảnh hưởng gì của những thử thách chắc chắn là cam go trong hơn hai mươi năm trời sống ở ngoại quốc.

Có nhiều chỗ thân thiết cũ, lâu ngày không gặp lại, họ thay đổi mà mình cũng đổi thay nên chuyện trò tuy không gượng gạo mà kém đằm ấm. Triêm không thuộc vào số đó. Hồi mới bắt lại được liên lạc qua điện thoại sau mười mấy năm xa cách, nỗi vui mừng của Triêm lộ rõ trong những câu dồn dập hỏi thăm sức khỏe và hoàn cảnh của một số người thân của tôi mà Triêm cũng đã từng quen biết khi còn ở Saigon. Tôi cảm động lắm. Trận cuồng phong thổi qua đất nước đã cuốn đi nhiều thứ lắm rồi, gây ra nhiều mất mát lắm rồi,trong lòng mình cũng như ngoài đời. Thời buổi này, tấm lòng thành của một người bạn cũ cần phải được xem như là một bảo vật. Sợ làm phiền vợ chồng bạn, tôi định hẹn với Triêm ở một tiệm Pháp nào đó, cũng vì tiệm Việt Nam thường đóng cửa sớm, chuyện trò lâu không được mà nói chung thì rượu vang lại không được chọn lọc lắm. Ngồi với bạn bè, tôi chỉ hơi khó tính về cái khoản này thôi. Không uống thì thôi, chứ đã ra công, mất thì giờ chọn thức ăn rồi mà rượu lại chua hay lạt thì hỏng hết, mất cả hứng ...đàm đạo. Nó cứ như là ăn phở tái nạm mà chan nhầm xì dầu, bát phở nó...chả ra làm sao cả! Chỗ thân

tình tôi nói thật với Triêm như vậy. Triêm nhất định không nghe:

"Ông thích ăn cơm Tây thì để đến thứ Bảy này, tôi hẹn với vợ chồng Luyện ở dưới San Jose rồi...Tôi lái, mình đi chung, khỏi lo. Luyện nghe tin ông lên San Francisco mừng lắm. Luyện nó có món cừu nấu kiểu Navarin hết sẩy. Còn rượu thì khỏi lo. Tôi còn đến nửa két mua ở dưới thung lũng Napa, cất kỹ đã mấy năm nay. Người ta đã thảo cả một cái chương trình cho ông rồi, không có lôi thôi gì cả... A-lô...Vậy thì sáu giờ chiều nay, đến thẳng sở tôi...rồi tôi lái về nhà luôn."

Cái lối nói xoắn xuýt này của anh bạn đã từng thành công trong ngành thương mại bên Việt Nam làm cho tôi không biết đằng nào mà đỡ.

Nghề của tôi có dính líu ít nhiều đến chữ nghĩa trên mặt báo, cho nên thường cứ ngồi im mà nghe chuyện thiên hạ tứ phương, không có dịp nói. Đã đành rằng những chuyện mình nghe lắm lúc cũng không phải vui sướng bổ ích chi mà lắng tai, nhưng mà biết làm gì bây giờ. Hồi còn trẻ, tôi có nghĩ đến chuyện đọc Tâm Kinh để mà giữ lấy cái bình tĩnh, giữ lấy phép lịch sự khi phải chịu trận mà ngồi nghe một đôi người dọ dẫm, với những bước đầy tự tín, trên con đường đi vào hậu thế: họ lớn tiếng dõng dạc thuyết trình những kế hoạch, chươngtrình, đề án chính trị, văn hóa, xã hội của họ, dành cho những thế hệ mai sau. Tôi không hình dung ra được hậu thế nó ra sao, nhưng mà hiện thế hình như cái thính giác vốn rất yếu của tôi có vẻ không được ổn lắm. Nghĩ đến chuyện đọc kinh là vì vậy. Nhưng mà kinh kệ mình cũng lạng quạng lắm, chỉ nhớ có một đoạn. (Bây giờ vẫn chưa thuộc bài Tâm Kinh ấy) Mà không lẽ vừa nói chuyện với người ta lại vừa lẩm bẩm. Họ tưởng mình điên. Cũng hơi nguy hiểm. Lâu ngày, nghề nó dạy, tôi không dám khoe khoang nhưng mà cứ như lời vài bạn đồng nghiệp lão thành thì tôi cũng đã học được lối nghe lơ đễnh một cách chăm chú. Lấn lướt trong cuộc sống đành là mình không có ngón rồi, biết thân nên tôi luyện kỹ môn tự vệ đó. Nhứt nghệ tinh,không biết cái thân mình có được vinh hay không, nhưng mà cả đôi tai mình được yên. Cũng đỡ.

Dĩ nhiên, bạn thân thì không phải nhiều lời mới thuyết phục được nhau. Triêm nói một thôi vậy mà không có một câu nào đãi bôi cả. Tôi vui vẻ nhận lời ngay.

Trước, Triêm ở trong quân đội. Sau chính biến năm 1963. Triêm xin giải ngũ rồi ra buôn bán. Có vẻ như cũng khấm khá, nên đến đầu thập niên 70 có được chút vốn liếng hùn hạp với bạn bè kiếm thêm lãi đủ giữ một nếp sống tương đối sung túc nhưng khiêm tốn, Triêm nghỉ làm ăn, chỉ lãnh việc kế toán cho một công ty của người Pháp. Cái ông Tây chủ công ty nọ, vốn là Tây thuộc địa cũ, biết rõ dân bản xứ, lại để cho Triêm

đem sổ sách về nhà, thành ra cũng có khi bận nhưng thường Triêm vẫn được rộng rãi thì giờ.

Một lần, bất thần tạt vào nhà Triêm bên Phú Nhuận, tôi thấy Triêm đánh trần nằm khểnh trên một cái ghế mây dài mà đọc sách. Thấy tôi, Triêm ngồi xổm dậy, với tay lấy cái thanh tre mỏng để chặn vào trang sách đang đọc dở:

"Tưởng ai, mình định chạy vào mặc cái áo sơ mi. Đi đâu vậy?"

Tôi không trả lời mà hỏi ngược:

"Loạn thế ngọa độc thư chăng?"

"Loạn chỉ mới có hai mươi mấy năm. Mà thói quen xem tiểu thuyết thì mình nhiễm tự ngày còn ngồi vắt vẻo trên cây ổi mà nghiến chuyện trinh thám của Phạm Cao Củng. Đang đọc một quyển sách mà tác giả là dân ĂngLê, tụi Anh nó viết chuyện gián điệp hay thật. Tiếc, mình không biết Ăng-Lê mà phải đọc bản tiếng Pháp, nguyên tác của nó chắc là còn hào hứng hơn nữa.Bia nhá?"

Không đợi tôi trả lời, Triêm mở tủ lạnh ở góc phòng khách lấy một chai "33".

"Ông cầm chai mà tu hay là rót ra ly?"

Tôi cầm chai uống một hớp đầy. Thấy tôi vừa nốc bia vừa nhìn hai cái kệ sách lớn che gần kín một bức vách, chứa đầy tiểu thuyết võ hiệp và sách trinh thám, gián điệp của một số các tác giả ngoại quốc nổi tiếng trong loại đó, Triêm cười:

"Ông biết không, mình khoái đọc loại sách này là vì, nó khỏe cái đầu lắm. Thằng ăn cướp, thằng gian rồi thế nào cũng bị tóm. Thằng lương thiện thế nào rồi cũng thoát. Cứ thấy sách nó tả đứa nào mặt mũi khôi ngô tuấn tú, chắc chắn là người tốt. Còn dân bất lương thì khi đẹp lắm. Ông cứ coi đó, xem phim chưởng của Tàu, mấy thằng mặt mũi xấu xí thường là chết trước cả. Cũng vì vậy mà mình thích xem phim cô bồi Mỹ. Đại loại nó như vậy cả. Chính tà rõ rệt. Khỏi phải suy nghĩ gì nhiều. Kể như là không giống gì sự thật ngoài đời cả."

Vợ Triêm, tên là Hảo, là một người đàn bà chăm chỉ, siêng năng. Vợ chồng Triêm không có con. Nhà cũng không có người giúp việc. Mỗi lần đến, dù không có hẹn trước, tôi đã phải chú ý đến cái ngăn nắp sạch sẽ từ trong phòng khách ra đến toàn thể mảnh vườn nhỏ có mấy luống rau,với cây khế ngọt, cây chanh và cả một cây trứng cá nữa. Một chiều,Triêm và tôi ngồi vào bàn cờ tướng đặt trên một chiếc bàn gỗ tạp kê ở góc vườn, cạnh một bụi chuối lớn sum suê, chị Hảo nói với tôi rằng cái cây trứng cá đó, tự nhiên mà nó mọc chứ không phải ai trồng cả:

"Tuy nó bắt kiến nhưng mà tôi cũng không nỡ bứng nó đi. Coi vậy

mà nó được sáu năm rồi đó thưa anh. Khi trái chín chim đến ăn nghe ríu rít hay lắm. Mà mấy cái chấm đỏ từ trong bếp nhìn ra cũng vui mắt."

Chờ cho Hảo vào lại trong nhà sau khi đã đặt lên chiếc bàn nhỏ hai ly nước dừa đầy cơm non, Triêm nói với tôi:

"Hảo có một cái thú đặc biệt những khi chăm sóc vườn tược .Bà ấy thương cây cỏ lắm. Một tay Hảo cả đấy. Mình thuộc vào hạng không phân biệt nổi hoa cúc và hoa thược dược. Bữa cuối tháng trước, ông nhường tôi đi trước rồi. Lần này đến phiên ông. Tấn tốt tam à? Lại *tiên nhân chỉ lộ* rồi. Ông lịch sự nhường tôi một nước phải không?"

Tôi cười:

"Viễn thám đó. Chờ xem ông vào pháo hay ghểnh tượng. Mình đánh cờ không có nhường ai một nước. Luật quốc tế cho chiếu đít đấy nhá"

"Biết rồi. Chỉ có người mình mới quân tử Tàu, chứ Tàu nó đánh cờ nó đem xe chiếu đít. Tướng cứ quàng chân lên cổ mà chạy."

Có tiếng Hảo vọng từ phía bếp:

"Xe còn xăng không anh? Em đi đây một chút."

"Anh mới đổ xăng hôm qua. Còn đầy. Chỉ có cái bánh trước hơi non một chút. Ra họ bơm lại cho chắc."

Hảo vừa đẩy cái xe gắn máy kê cạnh hiên bếp vừa cất tiếng:

"Mời anh ở lại dùng cơm tối luôn. Có mấy con mực tươi của chị bạn đi Vũng Tàu về đem cho hồi nãy."

Triêm vừa nhấc con pháo vừa nhìn theo vợ:

"Bà ấy ra viện cô nhi đó. Đem áo quần trẻ con xin được của bạn bè ra cho. Mấy bà phước chắc mừng lắm."

"Mình đâu có biết chị là đạo Thiên Chúa."

Triêm cười:

"Đâu có. Chỗ nào xin, chỗ nào cần mà có là bà ấy cho ngay. Chúa hay Phật chi bà ấy cũng... Lắm lúc bỏ cả việc nhà, chạy theo mấy tổ chức từ thiện. Niềm vui của Hảo đấy."

Qua những mẩu chuyện mà tôi tom góp lại sau những lần tình cờ tôi đích thân nghe tận tai hoặc do Triêm thuật lại, tôi biết đôi vợ chồng này vẫn san sẻ với nhau đôi niềm vui khi mua lại được một bộ cờ tướng ngà đã cũ với giá rất hời, khi chạy ngược chạy xuôi kiếm cho được một loại thuốc Tây khá đắt tiền mà giúp một gia đình nghèo lối xóm có người bị bệnh nặng, khi cãi nhau về những tình tiết éo le trong một cuốn phim ngoại quốc. Đôi vợ chồng ấy có một nếp sống bình dị. Hạnh phúc của họ do đó cũng đơn sơ. (Mà hạnh phúc nào lại không đơn sơ, tôi biết nói như vậy là thừa, nhưng mà mất đến mấy phút mới tìm ra được cái tính từ có vẻ ăn khớp với danh từ. Vương thì không biết có tội hay không, nhưng bỏ đi thì

thương, thì tiếc. Cái tham sân si trong người tôi, so với thời còn thanh niên, có vẻ như không giảm chút nào cả.) Có lẽ trong thâm tâm Triêm và Hảo, cả hai đều ước ao có được một đứa con. Nhưng nếu ước muốn của họ không trở thành sự thật, thì điều đó tôi thấy không ảnh hưởng chi đến cuộc sống song đôi không sóng gió đã đành, mà lại đầm ấm lạ.

Đúng hẹn, tôi vừa đến trước cái cao ốc có văn phòng của một hãng dệt lớn, nơi Triêm đang phụ trách một phần công việc kế toán, thì thấy Triêm cũng vừa bước ra. Triêm người tầm thước, ngày trước gọn gàng bây giờ có đẫy ra một chút, nhưng không phải bệu theo kiểu bạc nhược. Trái lại, trông Triêm vạm vỡ, chắc chắn, với cái dáng lanh lẹn của người thường vận động nhiều. Coi người có vẻ như là hơi nặng nề vậy mà bước vẫn thoăn thoắt. Tôi chú ý ngay đến cái miệng cười vẫn thẳng thắn trên gương mặt cởi mở, vui vẻ, trán không một vết nhăn, da ngăm ngăm đen mà bóng nhoáng. Đôi mắt của Triêm vốn đã to, bây giờ trông càng to và linh động dưới cặp gương lão hai tròng. Tóc đã lốm đốm, nhưng còn dày. Trên sáu mươi mà trông Triêm còn trẻ.

Trên đường lái về nhà, khi xe qua cầu Golden Gate -.một kỳ công của ngành kiều lộ - Triêm vờ nheo mắt ngắm nghía tôi rồi nói đùa:

"Mình không phải là Ngũ Tử Tư nên tóc chưa bạc hết như ông. Nhưng mà trông ông còn...xài được đó chứ."

"Xài được hay không còn xét lại đã. Nhưng mà tuyệt đối tôi chưa bao giờ muốn làm Ngũ Tử Tư cả. Cái ông tướng quốc ấy có tài thật đấy, nhưng mà cái lượng hơi hẹp. Kiều mà còn tha được cho Hoạn Thư, ông bảo tôi khen thế nào được cái người đánh vào nắm xương khô của Sở Bình Vương."

"Thù giết cha mà?"

"Biết rồi, nhưng mà...."

Bạn là vậy đó. Mừng cho nhau được an toàn sau biến cố tháng Tư năm 75 là đủ rồi. Đòi hỏi gì nữa. Và vẫn như hồi còn ở Saigon, chúng tôi tiếp tục cãi nhau về những chuyện ở đâu đâu, không dính líu gì đến sinh kế, đến tương lai, đến thời cuộc, cãi rất hăng, cãi bướng nữa là khác. Quan điểm của ai về một tình huống nào đó, người ấy cứ giữ rịt, không nhượng bộ một phân.Vậy đó mà sau những lần đấu khẩu như vậy, mình hiểu nhau hơn chút nữa, gần nhau hơn chút nữa, để mà giàu thêm được một nụ cười tha thứ khi thấy rõ những khuyết điểm, những tật xấu của nhau.

Khi xe rẽ vào một con đường nhỏ trong một khu ngoại ô của San Fransisco Triêm nói:

"Nhà mình, apartment mình thì đúng hơn, ở cuối con đường này. Chắc là Hảo đang sốt ruột chờ tụi mình. Qua đây, bạn bè cũ ít lắm. Họa hoằn mới có được một người mà bà ấy nhất định mời về nhà cho được...."

Tôi ngắt lời Triêm:

"Còn chị Hảo ra sao? Tôi biết ông bà không thiết tha cho lắm với của cải phù vân. Nhưng mà bỏ cái mảnh vườn ở bên Phú Nhuận tốn biết bao nhiêu công phu vào đó...chắc là chị nhớ nó lắm."

"Tiếc thì có tiếc chứ, công mình làm ra mà, đâu có phải của tự trên trời rớt xuống. Nhớ thì cũng có nhớ thật. Nhưng mà Hảo thích ứng cũng mau lắm. May được cái bao lơn khá rộng. Rồi ông xem cái vườn...cây bonzai của Hảo.

"Và tủ sách trinh thám. gián điệp của ông?"

"Đúng một phần thôi. Mượn ở thư viện được. nên mình cũng không mua nhiều làm gì, nhà không có đủ chỗ."

Triêm đưa tay chỉ một cái bin-đinh bên cạnh hàng cây phong:

"Mình ở tầng thứ sáu, nhìn ra phía bên kia. Có thang máy, nhưng mà mình thường vẫn không dùng. Trèo chân lên cho nó khỏe người. Còn ông ra sao?"

Tôi lườm bạn:

"Ông khích tôi như vậy thì không được cũng phải ráng. Lên tới nơi mà có đứng tim thì ông gọi xe cấp cứu có gì đâu."

Người nội tướng trong cái apartment bày biện giản dị này tuy có mập ra một chút, nhưng trông vẫn còn trẻ lắm, dù ở trạc ngoài năm mươi. Trên gương mặt hiền lành của Hảo, dĩ nhiên là có một đôi nếp nhăn không tránh được ở hai bên mắt, phía dưới cằm. Nhưng mà đặc biệt đôi môi đầy dặn, vẫn luôn điểm một nét cười thật dễ thương. Cái nhìn trong đôi mắt một mí, mà ngày trước có lần tôi đã ví với mắt của hoàng hậu Nam Phương, vẫn thẳng thắn, ngây thơ nữa là khác. Ngoài một chút son trên môi, Hảo không có tô điểm chi cả. Người đàn bà giàu lòng từ thiện này, đã từng khổ hay chưa tôi không được rõ, nhưng mà tôi biết chắc là Hảo vẫn bằng lòng với hiện tại ở xứ người, cũng như Hảo đã từng bằng lòng với hiện tai khi sống trong nước. "Vợ mình chỉ mới học đến năm thứ hai trung học mà cái triết lý sống của bà ấy...siêu hơn mình nhiều." Đó là lời của Triêm một lần ngồi tán dốc ở bên Phú Nhuận. Có lần rõi rãiTriêm kể cho vợ nghe những tình tiết ly kỳ trong mấy quyển sách gián điệp quốc tế. Những lúc ấy, Hảo đã có những lời bàn đầy lương tri, vốn là một thứ không dính líu gì đến học lực hay học vấn cả.

Bữa cơm thật tươm tất. Dĩa cá kho tộ đậm đà không kém gì cá trong cái tiệm ở đường Lê Lai bên Sàigòn mà tôi quên mất tên. Món gỏi sứa tôm thịt chua vừa mà thấm, không mặn, không có nước mắm pha lỏng bỏng bên dưới lớp rau xắt tay. Hảo nấu nướng vẫn khéo như ngày còn ở trong nước, pha chế cũng thật tài tình, dù trong thức ăn có một đôi thứ rau rá, gia

vị mà dạo ấy ở Mỹ chưa kiếm ra. Ai cũng biết rằng con đường vào trái tim người đàn ông thường vẫn đi ngang qua bao tử. Có vẻ như đối với Triêm, Hảo đã thuộc lòng hết những khúc quanh, lối rẽ trên con đường đó.

Vì là chỗ quen biết đã lâu, nên Hảo không mời, cũng không tiếp mà để mặc cho tôi đặt đũa xuống mà nói chuyện huyên thuyên với Triêm. Thỉnh thoảng,vợ chồng Triêm trao đổi với nhau một đôi cái nhìn, nhắc nhau săn sóc cho ly rượu, cho chén cơm,trái ớt,chén nước mắm chấm của tôi. Dĩ nhiên, bận nghe chuyện của tôi nên họ không nói chuyện với nhau, nhưng cứ xem những dấu hiệu bằng mắt, bằng tay của họ, tôi biết biến cố năm 75 không ảnh hưởng chi đến hạnh phúc của đôi vợ chồng này. Họ quí mến nhau như cũ.

Nếu tôi không thành công khi ghi lại cái không khí thân mật của một bữa cơm tái ngộ, đánh dấu một buổi trùng phùng của ba mái đầu trên đó tóc không phải là sợi nào cũng đen nhánh, trong một gia đình không giàu sang gì, nhưng mà đầm ấm, thì đó là vì chuyện viết lách của tôi nó chưa được luyện cho tới nơi tới chốn. Nhưng mà tôi muốn dài dòng về hạnh phúc của vợ chồng Triêm là vì vừa nghĩ đến họ tôi vừa nhớ đến những chỗ quen biết khác.

Từ ngày qua Mỹ này rồi thì cơm không được lành, mà canh cũng không lấy chi làm ngọt lắm. Thậm chí chồng đối xử với vợ thì thượng cẳng chân hạ cẳng tay đến nỗi phải lâm vào nơi mà một ngày dài đến nghìn năm. Của đáng tội, chồng mới vũ phu thôi chứ chưa ăn chả, mà vợ ở ngoài, rộng chân rộng cẳng hơn, thì nghe đâu cũng đã từng nếm đủ thứ nem. Bỏ nhau cứ như là người ta thay đổi xe hơi ở đây, cứ như là những chính trị gia hoạt đầu nhà nghề, nay tự do, mai bảo thủ. Mà không cần phải biện minh với chính mình hay với một ai khác. Ai mà cười ai ở cái xã hội có mức tiến bộ kỹ thuật cao nhất thế giới. Tôi cố tránh hai chữ văn minh.

Thành thử, tôi luôn cảm thấy vui vui khi nghĩ đến vợ chồng Triêm. Đến hạnh phúc của họ. Nhưng mà mãi cho đến gần đây, tôi mới biết được một đôi con sóng ngầm dưới mặt nước phẳng lặng.

Mải nói chuyện vợ chồng Triêm và tình bằng hữu của chúng tôi, tôi phải tạm gác chuyện chị Đào. Người đàn trong đáy huyệt trên đỉnh đồi kia, có nhẹ nhàng mà ra đi không? Tôi mong vậy hồi nãy khi nghe hai vị tăng trẻ tuổi, nhưng mà kinh kệ có vẻ sành sỏi, tụng mãi cái bài mật chú Vãng Sanh Quyết Định Chơn Ngôn đến mấy chục lần. Tôi biết nhưng không hiểu nghĩa bài chú, vốn là một bản phiên âm Hán Việt từ tiếng Phạn. Mà tôi nghĩ chị Đào, thường lui tới cửa Chùa nhiều, chắc cũng không hiểu. Vì có lần tôi được hầu chuyện một vị sư già ở chùa Từ Hiếu

tại Huế về pháp môn trì chú. Tôi có hỏi tại sao không có sách vở nào, hoặc có mà tôi không biết, dịch những bài chú ấy sang tiếng Việt. Nhìn xuống hồ sen thấp thoáng mấy búp tía, trắng đứng im trong chiều hè oi ả, vị sư gầy yếu phe phẩy cái quạt giấy mỉm cười nhìn tôi:

"Dịch làm chi. Anh ưng trì chú thì cứ trì đi. Chữ nghĩa nhiều khi hắn làm cho anh đi lạc đường".

Câu nói của vị sư đó,ỳ tôi ghi lại nhưng cho đến giờ phút này vẫn chưa nắm hết được ý nghĩa. Bởi vì tôi chưa bao giờ thử tu xem sao. Vậy thì, chị Đào, chị cứ lắng nghe lời chú đi, nghe bằng loại thính giác nào tôi không biết, nghe để mà xóa hết, quên hết mối tình giữa chị và Triêm. Nghe để mà ra đi cho thanh thoát, những con người đáng thương như chị xứng đáng được có một chuyến khởi hành như vậy.

Vợ chồng tôi gặp và làm quen với gia đình chị Đào lần đầu tại chùa X. tại California này, cách đây cũng đã ba bốn năm. Hôm ấy chị Đào làm lễ cầu siêu cho chồng là anh Hiếu, nhân ngày kỵ. Cùng ngày, thầy trụ trì chùa X. cũng tổ chức một buổi lễ cầu siêu cho một ngườithân của chúng tôi. Mấy lần sau đó vào một đôi ngày lễ Phật Giáo, chúng tôi vẫn gặp nhau lại. Chị Đào có một vẻ đẹp buồn, gương mặt xương xương, không khắc khổ nhưng mà đượm một vẻ chịu đựng. Đôi mắt sâu có những cái nhìn quan sát rất kín đáo. Ít khi tôi thấy chị cười. Ngay cả cái lịch sự khi chào hỏi thì cũng chỉ là một cái mỉm miệng tuy tự nhiên duyên dáng, nhưng không tươi. Cái nét buồn ấy tự nhiên mà nó ra như vậy từ khi còn trẻ rồi nó vận vào người chị cái chuyện tình trắc trở kia? Hay là ngày trước chị cũng vui tươi nhí nhảnh như mọi thiếu nữ khác mà rồi đời nó không chiều chị, nó đẩy chị vào một hoàn cảnh nhiều nước mắt?. Triêm là người độc nhất có thể trả lời mấy câu hỏi đó, nhưng tôi lại không muốn hỏi. Chị sinh nở cũng không nhiều, một gái đầu lòng là Trinh và hai trai, nhưng mà trông chị có vẻ già hơn những phụ nữ khác, ở cái tuổi gần sáu mươi lúc tôi mới quen chị.

Năm ngoái, nhân có công việc của sở xuống Los Angeles, Triêm ghé thăm tôi. Gặp lúc vợ tôi đi thăm con đang làm việc tại một tiểu bang ở miền Đông, tôi hẹn với bạn ở nhà tôi, nhưng sau đó sẽ kéo bạn đi ăn ngoài, dặn kỹ qua máy điện thoại rằng chuyến sau phải báo trước đàng hoàng để cho người ta còn chuẩn bị đáp lễ cho chu đáo. Cứ bất thùng chi thình xuống đến Los Angeles mới điện thoại như vậy ai biết đàng nào mà tính toán chuyện cơm nước. Trong khi đợi tôi sửa soạn, Triêm ngồi lật cuốn album để trên cái bàn nhỏ cạnh ghế xa-lông.

Loay hoay vậy mà cũng bắt bạn chờ đến mười phút. Ngày còn trẻ, bạn bè hú nhau một tiếng là chạy ra đường ngay. Bây giờ, nhớ được diêm

thuốc lại quên chìa khóa, nhớ được chùm chìa khóa lại quên mấy cái khăn giấy bỏ túi. Cái máy mở cửa ga-ra vừa mới cầm khi đi làm về đó mà rồi không biết để đâu. Đôi kính lão bỏ trong túi áo rõ ràng vậy mà không biết nó chạy đàng nào. Khổ quá. Không có cái khổ nào giống cái khổ nào! Vậy mà vẫn không chịu nhận là mình già. Hy vọng rằng bạn bè cùng một lứa tuổi đều như mình cả, cho có kẻ đồng hành, cho nó đỡ cô đơn trong niềm tin tưởng không gì lay chuyện nổi rằng mình vẫn còn trẻ.

Lúc ở trên gác xuống, sẵn sàng để ra xe, tôi ngoắt Triêm sau khi xin lỗi đã bắt Triêm phải chờ. Tôi hơi ngạc nhiên khi thấy vẻ mặt đăm chiêu của Triêm. Trong mấy chục năm trời quen nhau, chưa bao giờ tôi thấy vẻ suy tư, nghiêm trọng như vậy trên mặt Triêm, ngay cả khi anh suy nghĩ kỹ về một thế cờ khó gỡ. Triêm không đứng dậy mà ngoắt tôi lại xa-lông, bảo tôi ngồi xuống rồi chậm rải hỏi:

"Ai đây?"

Tay Triêm chỉ vào một tấm ảnh mà vợ chồng tội chụp chung với gia đình chị Đào bên ngoài sân chùa vào ngày lễ Vu Lan hay Phật Đản, đâukhoảng một năm trước đó.

"À bà Đào, thật ra là bà Hiếu, nhưng không biết tại sao vợ chồng mình cứ gọi đúng...nhũ danh là Đào. Ông quen hả?"

"Còn ai đây?"

"Trinh, con gái lớn bà Đào. Ông biết gia đình đó à?"

Triêm lẳng lặng đặt quyển album xuống bàn, đứng dậy ra xe với tôi. Từ nhà tôi ra đến tiệm ăn nhìn ra biển ở Long Beach chừng hai mươi phút. Mà suốt khoảng thời gian đó, Triêm không nói một lời. Tôi có khơi chuyện này chuyện khác, Triêm cũng chỉ ừ hử. Tôi biết Triêm đang bị một cú "shock" có liên hệ đến bức hình nọ. Nhưng liên hệ như thế nào? Suốt bữa cơm , tôi không nhắc nhở gì đến tấm hình ấy, chỉ nói toàn những chuyện công việc, bạn bè cũ, đứa còn đứa mất. Triêm cũng cố gắng gượng gạo nói chuyện, nhưng có lúc hầu như không còn mạch lạc gì nữa. Đến tách cà phê sau phần tráng miệng, tôi đánh bạo:

"Tại sao mà ông bị tấm hình đó nó knock out vậy?

Triêm gọi người bồi bàn, bảo đem cho anh một ly whisky lớn - a double please - rồi đưa mắt hỏi tôi, nhưng tôi lắc đầu vì còn phải lái xe. Uống xong một ngụm rượu mạnh, Triêm hít hơi như để thu hết can đảm:

"Trinh là con gái tôi đó. Nó giống mẹ nó hồi còn trẻ. Như đúc. Ông quen Đào từ hồi nào?"

Tôi kể cho Triêm nghe, nhưng không hỏi thêm gì nữa. Hồi lâu,Triêm nói với một giọng đã bình tĩnh hơn:

"Nó không biết rằng tôi là cha nó đâu. Năm nay cũng 33 tuổi rưỡi rồi.

Nó có chồng con gì chưa."

"Chưa."

"Người ngoài không biết, nhưng Đào đặt tên nó là Trinh. Một nửa chữ Trinh, T-R-I, là một phần tên tôi. Ông là người thứ ba biết chuyện đó.

Chúng tôi ngồi ăn ngoài trời, nhìn ra chiếc tàu Queen Elizabeth nay không còn cỡi sóng trong những chuyến hải hành xuyên đại dương nữa, mà đã được người ta kéo về nằm nghỉ già ở bến Long Beach.Tôi ngước nhìn bầu trời trong nhiều sao, nghĩ về cái bao la của vũ trụ, để thấy cái nhỏ bé của con người là chuyện đã đành, nhưng cũng để thấy rằng con người nhỏ bé vậy mà không có kích tấc nào đo được cái khổ đau của mình, đôi khi cũng mênh mông không kém. Bởi vì khi người ta khổ, người ta khổ một mình, người ta luôn đơn côi với những giọt nước mắt của chính mình, dù những giọt nước mắt chảy ra ngoài hay dội vào trong. Những khi khóc một mình,người ta thấy cả một vũ trụ đè nặng lên quả tim.

Chờ cho tôi châm xong cái tẩu thuốc, Triêm kể:

" Đào và tôi yêu nhau đã được hai năm khi tôi xin được giải ngũ năm 64, xoay sang buôn bán. Chúng tôi định xin phép làm đám cưới, thì trong một chuyến đi xem hàng với một người Hoa Kiều ở Đại Lộc, ngoài Quảng Nam, tôi bị Việt Cộng bắt đi. Sau đó gần một năm, thấy mình cũng chẳng phải là tình báo, mà cũng không phải là nhà binh hay công chức chi cả, tụi nó dạy cho tôi một bài học về chủ thuyết này, chủ nghĩa nọ, khuyên không được tạo tư sản mà bóc lột...vân vân...vân vân...rồi thả tôi về."

" Cái oái oăm là chỉ mới có ba hôm trước khi tôi bị Việt Cọng bắt, Đào cho tôi biết là đã có mang được hơn một tháng. Chúng tôi nghĩ rằng đằng nào cũng sắp sửa lấy nhau, nên vui mừng khôn tả. Hôm Đào nói cho tôi biết cũng là hôm là chúng tôi quyết định lấy tên Trinh, nếu sinh con gái. Tôi bị Việt Cộng bắt, không có cách nào liên lạc được với ai. Tụi nó dọa nếu tìm cách liên lạc nó bắn tại chỗ. Ở Saigon thì Đào sốt ruột sốt gan như ngồi trên đống lửa."

" Giữa lúc ấy thì anh Hiếu vốn đeo đuổi Đào đã lâu lại đem trầu cau đến hỏi. Anh Hiếu cũng biết tình cảm giữa tôi và Đào, nhưng anh không biết chúng tôi gắn bó đến mức nào. Cái oan cho tôi nữa là bà cụ thân sinh ra Đào nghĩ rằng tôi bỏ đi trốn để chạy làng. Ông nghĩ có ức không. Chỉ có một mình Đào là biết lòng tôi. Đã hơn ba mươi năm nay tôi ôm cái mối hận ấy. Lúc lấy Hảo, tôi kể hết cho Hảo nghe. Chuyện ...ngoài ý muốn của mình, mà mình cũng không phải hạng gian dối gì mà không thành thật với vợ. Hảo chỉ buộc tôi hứa là không được tìm gặp Đào và con gái tôi. Khó lắm ông ơi, nhưng mà cho đến giờ phút này tôi còn giữ được lời hứa

đó."

Tôi biết cái từ tâm của Hảo, nhưng mà chuyện ghen tuông nó không dính líu đến cái tốt hay xấu. người đàn bà nào mà lại không có ít nhiều máu Hoạn Thư. Ngay cả những lúc họ tỏ vẻ dửng dưng, thản nhiên khi biết chồng ngoại tình, cũng là một cách ghen. Có nhiều người ghen với cả quá khứ của chồng, tôi nghĩ Hảo thuộc vào hạng đó.

Tâm sự được với tôi, có vẻ như Triêm trút được phần nào cái gánh nặng trong lòng. Anh ngồi thẳng người lại, nét mặt bình tĩnh hẳn, chầm chậm uống một hớp rượu. Đêm cũng đã khuya,gần tới giờ đóng cửa tiệm. Bên cạnh chỗ chúng tôi ngồi, khách hàng đã ra về hết, để lại mấy cái bàn ngổn ngang chén dĩa mà nhân viên trong tiệm chưa kịp dọn. Thoáng nghĩ đến hình ảnh của một buổi tiệc tàn dưới trời sao,đẹp mà buồn. Một cái sóng sầu nó đang gợn lên trong lòng tôi. Có lẽ cũng vì câu chuyện của Triêm. Tôi phá lệ, gọi một ly whisky.

"Thành ra mấy chục năm nay ông không gặp lại chị Đào?" Tôi hỏi Triêm.

"Không. Có một lần tôi thấy Đào và anh Hiếu ở ngoài phố, đường Nguyễn Huệ, gần cái tiệm Thanh Bạch có món bánh mì bò kho nổi tiếng. Hôm ấy tôi vừa ở tiệm sách Khai Trí ra. Vợ chồng tôi ở miết bên Phú Nhuận từ khi lấy nhau. Còn anh Hiếu lại làm việc trong bộ Nội Vụ, đi các tỉnh, không ở luôn Saigon. Cái *probabilité*, tiếng mình gọi là cái gì quên mất..."

"Xác suất."

"...Cái xác suất của chuyện Đào và tôi tình cờ mà thấy nhau đâu đó cũng...nhỏ lắm, thấp lắm.Thời gian sau khi được Việt Cộng thả về, đột ngột được tin Đào đã lấy anh Hiếu và sinh được một gái đầu lòng, tôi sững sờ. Người cứ như điên như dại. Nghĩ đủ mọi cách để...chiếm lại Đào cho kỳ được. Giữa lúc tôi đang nát óc vì cơn khủng hoảng trong đầu, thì không biết nghe ai nói mà Đào biết tôi vừa mới về đến Saigon, Đào nhờ người quen đưa lại cho tôi một bức thư, phải nói mà một bức tâm thư mới đúng...Nói theo giọng văn Hoàng Ngọc Phách thì đó là một bức thư đầy nước mắt. Nhưng mà cũng không có chữ nào khác nữa. Đầy nước mắt thật."

Triêm chống tay lên bàn mà dựa cằm, lơ đễnh xoay xoay ly rượu đã cạn. Anh cúi đầu nhìn xuống mặt bàn, nên tôi không thấy được mặt anh nhưng tôi biết anh xúc động mạnh. Anh ngẩng đầu nhìn tôi rồi nói tiếp:

"Nhưng mà cũng đầy lý trí. Đào nắm lấy cái quyết định mà Đào nói là "sống chết " giữa lúc bụng mang dạ chửa vì không biết bao giờ tôi mới về, nếu tôi còn sống mà về. Vì thương yêu mẹ. Đào không thể để cho gia

đình vì Đào mà trở thành đề tài của chuyện đàm tiếu, chuyện ngồi lê đôi mách có thể kéo dài năm này qua năm kia. Ông còn lạ gì tình đời. Gia đình Đào tiếng tăm như vậy, giàu có như vậy. Bao nhiêu người ganh ghét. Hở một cái là họ xúm lại mà rủa, mà nói xấu, sống thế nào được với thiên hạ."

"Đào cho tôi biết là Đào nói thật hết với anh Hiếu. Anh ấy cũng là người tốt, tử tế. Xử sự người lớn lắm, phân minh lắm. Anh sẵn sàng nhận làm cha đứa con trong bụng Đào, hứa sẽ thương yêu nó như là con ruột của anh. Anh ấy chỉ ra có hai điều kiện. Một là, tuyệt đối không bao giờ nói cho đứa bé trong bụng biết rằng anh không phải là cha đẻ của nó. Hai là, nếu tôi còn sống mà về được, nếu Đào muốn, vợ chồng phải cùng đi với nhau mà gặp tôi để giải thích một lần cho sáng tỏ mọi việc, rồi thôi. Thay vì cùng đi với anh Hiếu đến gặp tôi trong một hoàn cảnh mà ông thừa biết là vô cùng khó xử, khó ăn khó nói, Đào đã viết cho tôi bức thư ấy. Tôi viết cho Đào vỏn vẹn có mấy hàng nói rằng mối tình giữa Đào và tôi, không bao giờ tôi quên được, nhưng mà tôi hiểu hoàn cảnh."

Trên đường về, có một chuyện tôi định nói ngay với Triêm, nhưng sau cơn xúc động của anh, tôi hơi ngại. Tôi cố tạo ra dịp gặp nhau lại trước khi Triêm lên San Fransisco, nên nhất định đòi anh phải để tôi đưa anh lên máy bay. Mấy hôm sau, tại phi trường Burbank, trước giờ phi cơ cất cánh, tôi nắm lấy tay Triêm, nói thật nhanh:õ

"Tôi thấy cần phải cho ông biết là chị Đào bị ung thư , đã hơn một năm nay."

Trái với sự chờ đợi của tôi, Triêm trầm ngâm mất vài dây rồi bình tĩnh nói:

"Cám ơn ông. Lỡ mà Đào có mệnh hệ nào,điện thoại cho mình biết."

Triêm quay mặt, bước thật nhanh trên hành lang dẫn ra máy bay.

Ở bãi đậu xe trong nghĩa trang, tôi thấy Triêm đang cúi đầu thong thả qua lại trên bãi cỏ cạnh đấy. Trông anh có vẻ như đang suy nghĩ lung lắm đấy. Đột nhiên, anh nói:

"Trước khi xuống đưa đám Đào, tôi nói thật với Hảo."

"Chị ấy nói sao?"

"Hảo cũng tốt bụng để tôi tiễn Đào một lần cuối. Tôi biết nay Hảo không còn ghen với chuyện cũ trong đời tôi nữa. Dù vậy, tôi cũng vẫn áy náy vì một lời hứa khi mới lấy nhau."

Nhìn cái dàng thiểu não của Triêm, tôi vớt vát hộ:

"*Nghĩa tử là nghĩa tận* mà. Tôi tin rằng chị Hảo cũng nghĩ như tôi Chị ấy là một người tốt bụng Mà cho rằng có còn ghen thì nay chị Đào đã mất

Mưa Hoa
PHƯƠNG NGUYỄN
Mưa trút xuống ngang vai
từ đó mộng
Ướt áo người
không giấu được
đường tim
Sáng ra tim trốn người tìm
Bước chân nghiệt ngã
tôi tìm kiếm tôi

rồi, còn ghen với ai, với cái chi nữa."

"Có chứ ông. Thật ra Hảo không hẳn là ghen với Đào, mà sợ tôi mềm lòng khi nhìn thấy mặt con gái. Mà đúng vậy thật. Không thấy thì thôi, thấy Trinh tôi lại nẩy ra ý định muốn gặp nó để nói tất cả sự thật giữa anh Hiếu, Đào và tôi."

"Cả anh Hiếu chị Đào mất cả rồi. Làm thế nào mà Trinh tin được lời ông. Không khéo chính con ông lại cho là ông điên."

Triêm lẩm bẩm:

"Có bức thư của Đào mà lúc ấy thật tình tôi chỉ giữ lại làm chút kỷ niệm cuối cùng. Tôi nhờ cô em gái cất dùm bên Saigon."

Tôi không dằn lòng được nữa:

"Tôi xưa nay chúa ghét cái vai trò cố vấn, vai trò thầy dùi. Đạo đức đâu trong người tôi. Sức mấy mà tôi dám khuyên ai. Nhưng mà đã là bạn, ông không hỏi tôi cũng phải nói. Chốc nữa tôi lái ông ra ngoài tiệm Kinko gần chỗ vào xa lộ ông gửi ngay cho tôi một cái fax về Saigòn, bảo cô em của ông đốt bức thư ấy đi. Cả bốn người khổ rồi. Để cho con ông nó yên thân."

Sau khi lớn tiếng gắt Triêm, tôi lại tội nghiệp bạn khi thấy vẻ mặt thẫn thờ của Triêm, không còn chút gì của nét tỉnh táo vui vẻ thường nhật. Lời nói của tôi là lời người ngoài cuộc, ngồi xem một ván cờ thường mình vẫn sáng nước hơn.Liệu tôi có thuyết phục được Triêm hay không?

Tôi để yên cho Triêm trầm ngâm suy nghĩ. Tôi hít một hơi thuốc thật dài, nhả khói ra rồi nhìn xung quanh nghĩa trang. Hàng nghìn người đủ mọi lứa tuổi, mọi sắc tộc kẻ trước người sau đã qua khỏi cái cầu Nại Hà đâu đó trong tín ngưỡng về địa ngục của người Trung Hoa. Và hẳn cũng còn có hàng vạn chuyện của những nằm xung quanh đây mà cho đến giờ này, đoạn cuối cũng chưa biết ra sao.❐

Mê khúc

NHU CHI

1.
Gió mang đi hết mùa xuân trước
Đã lỡ tay rơi nát mảnh đời
Thì như lá cuốn theo giòng nước
Chờ đến bao giờ gặp biển khơi
Ngồi đếm thời gian đi trở ngược
Mà thân là bụi bay lưng trời

Đời sao bỗng thấy cô đơn lạ
Chẳng có ai trong cả biển người
Cây rũ thân buồn – cây trút lá
Cỏ ngậm ngùi dau – cỏ xanh xao
Đừng ai nói một lời chi nữa
Mỗ một lời nghe mỗi xót xa
Tình yêu cháy sáng như vừng lửa
Ngọn lửa tàn tro bụi lắt lay

Đừng ai bước đến bên ta nữa
Tiếng gió qua như tiếng thở dài
Lòng ta thôi nhé không còn mở
Đã hết lâu rồi những dắm say

Ta ngóng lên trời như kẻ mộng
Chờ từng hơi gió đẩy mây bay
Sao dời vô hạn sao dời rỗng
Một kiếp lâu qua – một kiếp dài

2.
Thôi nhé mùa xuân dừng trở lại
Hết một mùa xuân hết kiếp rồi
Cây xanh đã nở đầy hoa trái
Giờ đây chờ đến héo khô thôi

Đừng đua nhau nữa. Con đường cụt
Chẳng lối nào ra khỏi đoạn cùng
Soi gương mừng thấy đầu ta bạc
Thì cũng là đi hết quãng đường

Rồi sẽ bắt đầu cho nẻo khác
Chắc gì không lệ chảy như sông
Rồi sẽ như cây thay chiếc áo
Cuối chu-kỳ cũng đến tàn đông

Ta đi những muốn đầu cao ngẩng
Bước thẳng trên từng đoạn đá chông
Nhưng chân lỡ lạc lầm đôi bước
Cúi đầu nhìn kỹ vết gai xâm
Nhìn cho rõ nhé từng viên máu
Đã chảy ra từ chỗ trái tim
Tôi nhé - không còn nơi ẩn náu
Từ đây chấm dứt những trông tìm

3.
Trên những nẻo đường vô vọng bước
Thôi chờ thôi đợi – chẳng mơ mong
Ôi ta chiếc bóng trên giòng nước
Dường cũng nghiêng theo dợt sóng ngầm.

Sinh nhật trắng

Nguyễn Trung Hối

Ôm hôn từ biệt vợ Bùi, Trần bảo :

'Chúc chị thượng lộ bình an ! Cho tôi gửi lời kính thăm bà ngoại và ba cháu. Chị nhớ gửi ảnh của các cháu cho tôi để tôi biết các cháu lớn đến cỡ nào, nếu không Nô và Lô vẫn là hai con châu chấu cui trong trí nhớ của bác Trần; còn Noelle thì là hình ảnh của một o Siếu thu nhỏ mà thôi !"

Bắt tay Bùi, Trần nói :

"Tạm biệt ! Bảo trọng !"

Bùi bật cười vì lời chúc mang nặng mùi phim Hồng Kông của bạn, vỗ vai ông :

"Mi phải qua Toronto chơi một chuyến chứ ! Tao sẽ tổ chức họp mặt bạn bè, kêu thằng Tuệ, thằng Phong ở Montréal về, và người đẹp Nguyệt Nga ở Mississauga nữa !"

Trần mỉm cười, trả lời lấp lửng :

"Được rồi ! Không thể hứa trước. Bạn thấy đó, một tuần tôi chỉ đi làm có... bảy ngày thôi, mấy ngày còn lại mới được nghỉ !!!"

"Thế thì không được ! Thôi thì tháng Bảy, nghe ?"

"Có đi phải tháng Chín, tháng Mười, tức là vào mùa thu. Mình rất muốn ngắm "màu quan san" của rừng phong !"

"Ừ, thì tháng Chín."

"Okay ! Thôi lên máy bay đi kẻo Cindy Crawford chờ kìa !"

Cô tiếp viên hàng không có nốt ruồi bên mép duyên dáng như siêu người mẫu thời trang và tài tử điện ảnh nổi tiếng Cindy, sau khi cầm lấy thẻ lên tàu của vợ chồng Bùi, cười với Trần một phát làm Trần ngẩn ngơ mất mấy phút ! Bước đi được mấy bước, Trần nghe có tiếng người hỏi :

"Ông là người Việt Nam ?"

Quay nhìn lại, Trần thấy một anh chàng râu ria xồm xoàm đi phía sau

mình. Ông bèn đi chậm lại chờ anh ta bước ngang hàng với mình, mới trả lời :

"Phải."

"Tôi đã từng ở Việt Nam." Anh ta nói.

"Có lẽ trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam ? Ông đã ở đâu tại Việt Nam? " Trần hỏi.

" Tôi ở Phú Bài."

Thật là bất ngờ ! Trần mừng rỡ :

"Đó là quê tôi. Tôi sinh ra và lớn lên ở Huế. Ông biết Huế chứ?"

"Biết. Nhiều lăng tẩm, cung điện đẹp lắm ! Nhưng tôi cũng suýt chết ở Huế !"

"Trong Tết Mậu Thân, phải không?"

Thấy anh chàng có vẻ ngơ ngác, Trần nói tiếp :

"Là năm 1968."

"Đúng. Năm 1968. Tôi bị thương và giải ngũ từ đó."

"Vậy thì ông ở trong Thủy quân lục chiến ?"

"Không. Tôi thuộc sư đoàn Không kỵ số 1. Ở trong núi gì đấy thật dài." Anh ta đưa một cánh tay vẽ một đường thật dài từ bên trái qua bên phải." Trần hiểu anh ta muốn nói đến dãy Trường sơn của quê hương mình. Tự nhiên, Trần thấy gần gũi với anh ta.

"Tôi là trung úy." Câu nầy thật bất ngờ đối với Trần vì anh ta nói bằng tiếng Việt.

"Ông nói được tiếng Việt?" Trần vui mừng hỏi.

"Tôi nói chúc chúc...Bà xa tôi nguồi Da Lê."

"Bà xã của ông người làng Dạ Lê hả? Vậy thì ông là rể của Huế rồi! Ông lấy bà từ năm 1968 đấy à ?" Thấy anh ta ngơ ngác như không hiểu, Trần phải nói lại bằng tiếng Anh. Anh ta cũng không nói bằng tiếng Việt nữa:

"Không. Chúng tôi mới gặp nhau ở Seattle,và làm đám cưới được hai năm. Tôi quen nhiều người Việt Nam ở đường Sandy. Ở đó có nhiều người Việt Nam lắm."

"Tôi biết. Ông bà cũng ở tại Sandy sao?"

"Không. Địa chỉ của tôi..." Anh ta ngừng nói, lục ví hình như muốn tìm danh thiếp, nhưng không thấy, nên cũng không đưa cho Trần. Và Trần cũng không muốn hỏi làm gì. Gặp nhau bất ngờ thế là vui rồi. Có thì giờ đâu để giao tiếp? Vả lại, thân thiết với các anh chàng Mỹ có vợ Việt Nam dễ bị lãnh đạn lắm ! Cũng chẳng cần hỏi tên anh ta làm gì nữa, Trần bắt tay từ biệt :

"Rất vui mừng được gặp ông. Xin thay mặt đồng bào tôi cám ơn ông

đã chiến đấu cho tự do của quê hương tôi."

Nói câu này, Trần hơi ngượng, vì nghe có vẻ cải lương quá ! Nhưng cũng đã lỡ nói rồi. Lòng ông bỗng nhiên như thấy vướng vất một điều gì? Tết Mậu Thân 68 ! Mới đó mà đã ba mươi năm rồi sao? Huế bây giờ ra sao nhỉ? Hôm nay là ngày mấy rồi? 15.5. Ôi ! Thật bất ngờ ! Một ý nghĩ bỗng nhiên lóe sáng trong trí ông. Ông nhìn bảng điện tử ghi lộ trình các chuyến bay sắp tới của hãng hàng không Alaska, bỗng quyết định bước thẳng đến quày vé, hỏi cô tiếp viên đang đứng phía bên trong :

"Chào cô!"

"Chào ông. Ông cần gì ạ?"

"Cô làm ơn cho tôi hỏi chuyến bay số 502 đi Orange County lúc 3 giờ 12 có còn chỗ không ?"

Cô ta bấm máy vi tính và trả lời ngay :

"Còn. Ông muốn mấy vé? Và ngày nào ông về?"

"Tôi muốn về ngay sáng mai, đến đây khoảng 5 hay 6 giờ thì tốt nhất."

Cô ta lại bấm máy, nhìn màn hình một lúc rồi trả lời ông :

"Có một chuyến bay cất cánh từ Orange County lúc 4:35 AM, đến Portland lúc 6:52 AM."

"Rất tốt. Cô cho tôi một vé."

"437 đồng, thưa ông."

Giá vé gần gấp đôi giá thường ngày, nhưng Trần biết đây là những chỗ dành riêng cho dân businessmen, bao giờ cũng phải chịu cái giá cắt cổ ấy. Trần mở ví lấy hai cái thẻ trao cho cô ta.

"Đây là thẻ tín dụng và căn cước của tôi. Tôi cần gọi điện thoại. Tôi sẽ trở lại ngay."

Ông bước vội đến máy điện thoại công cộng, rút ví lấy thẻ ra xem số để bấm máy rồi đút thẻ vào và bấm tiếp. Có tiếng chuông reo trong ống nghe. Một lần. Hai lần...Lạy Trời cho có nàng ở nhà! Chuông reo lần thứ ba. Thứ tư...Ông cảm thấy thất vọng. Tự cho mình vội vàng một cách ngu ngốc. Tại sao không gọi điện thoại cho nàng trước khi lấy vé? Nhưng ngay lúc ấy có tiếng nói của một người đàn bà, bằng tiếng Anh, nhưng rõ ràng không phải là tiếng nói trong answering machine :

"Xin chào ! Đây là số 364.0315. Chúng tôi hy vọng ông (bà) không gọi nhầm số."

Trần vui mừng, vội vàng hỏi lại bằng tiếng Việt :

"Xin hỏi có phải nhà của ông bà Quỳnh không ạ?"

"Phải . Thưa ông, ông muốn nói chuyện với ai? "Tiếng Việt của người bên kia còn nhẹ nhàng hơn cả tiếng Anh nữa.

"Tôi muốn nói chuyện với bà Quỳnh."

"Tôi là bà Quỳnh đây. Xin lỗi, ông là ai ?"

"Có phải là Đoan Trang không?"

Tiếng nói bỗng trở nên gay gắt :

"Tôi là Đoan Trang. Nhưng ông là ai?"

Ông run lên, nhịp tim như đập mạnh hơn. Sau bao nhiêu năm xa vắng, nay bỗng nhiên lại được nghe tiếng nói của nàng. Ông xúc động thấy rõ. Cố sức lấy lại bình tĩnh, ông trả lời chậm rãi từng tiếng :

"Một người bạn cũ... Người đã suýt chết trong Tết Mậu Thân ở gần cầu Thanh Long, Đoan Trang còn nhớ không?"

Bên kia im lặng. Một lát, Trần nghe có tiếng thở hổn hển trong ống nghe rồi tiếng Đoan Trang có vẻ ngập ngừng :

"Anh...à, thầy Trần có phải không?"

"Tôi là Trần đây, nhưng chỉ là trần trụi thôi, không có "thầy" hay "cô" gì cả. Tôi muốn đến thăm, à không, muốn gặp em chiều nay, được không?"

Ông nghĩ, nếu nói đến thăm thì sợ Trang ngại, vì còn có chồng, tức là có Quỳnh ở đó. Vả lại, Trần cũng có biết đường đâu mà mò ? Bao nhiêu năm ở Mỹ, đây là lần đầu tiên Trần về thăm thủ đô của người Việt mà!

"Thầy đang ở Los hả ? Sao bao nhiêu năm nay em không nghe ai nói gì cả?"

"Không, tôi đang ở Portland, Oregon. 5 giờ 29 phút chiều nay tôi sẽ có mặt tại phi trường Orange County. Em ra đón tôi chứ ?"

Có tiếng ai đó nói loáng thoáng trong máy nhưng Trần không nghe rõ. Rồi có một lúc khá lâu im lặng hẳn. Có lẽ Trang đã che ống nghe để nói chuyện với người kia. Một lát, có tiếng nàng trả lời ông:

"Dạ, được."

Trần nhắc lại :

"Chuyến bay 502, hàng không Alaska, đến lúc 5giờ 29."

Tiếng Trang đáp lại rõ ràng từng tiếng một :

"Em đã ghi lại rồi. Em sẽ ra đón."

Hai người ôm choàng lấy nhau một lúc thật lâu. Áp má mình vào mái tóc của nàng, ông cảm nhận một mùi hương thân quen, gần gũi lạ, mặc dầu đây là lần đầu trong đời, được ôm nàng. Không phải đó là mùi da thịt đàn bà, cũng không một thoảng nào của mùi nước hoa, mỹ phẩm nhân tạo, cũng không phải là mùi của đầu tóc gội sạch, của áo mặc, của chiếc nón đan có hai dải lụa dài dễ thương...Chỉ là một mùi hương giản dị của một con người có văn hóa, nhưng đồng thời trong đó có một phần, nhiều

hơn nữa là khác, của một con người chất phác, hoang dã chốn đồng quê.

"Sao anh ôm em dữ thế?" Nàng nói, khi hai người buông nhau ra. Ông thấy hai má nàng dàn dụa nước mắt.

"Anh thích mùi hương của em." Ông đỏ mặt, lúng túng, bẽn lẽn như một cậu trai tuổi mới lớn lần đầu tiên được hẹn hò.

Nắm lấy tay ông, bằng những ngón tay thon dài và nóng, nàng dẫn ông đi chầm chậm về bãi đậu xe. "Hành lý của anh đâu ?"

Ông lúc lắc đầu :

"Anh đâu có gì? Tiễn vợ chồng người bạn về Canada, bỗng nhiên nhớ đến em nên bay về đây thôi."

Ông thấy tay nàng như xiết chặt lấy tay ông hơn.

"Anh điên thật ! Tiêu tiền một cách hoang phí."

"Tiền đâu phải của anh. Của Mỹ mà. Của Ceasar phải trả lại cho Ceasar ! Và anh cũng điên thật, nhiều lần như thế trong đời rồi, nhưng lần nào cũng tự hào và vui sướng là đã được điên, là vì lần nào cũng do em cả."

"Tự nhiên lại quy tội cho em." Nàng nói, không tỏ ra là lời trách cứ, chỉ như là tự nhủ thôi.

"Không đúng sao ? Em thử nhớ lại ngày xưa xem, lần đầu tiên tụi mình gặp nhau, em thấy anh có điên không nào?"

"Em không nhớ."

"Trời đất ! *Một trăm cô gái đời nay ấy, Đừng nói tâm hồn với ký ức!"*

Nàng bật cười :

"Này, anh đừng có tự tiện sửa đổi thơ của người ta, bị kiện không có tiền bồi thường đâu! Lại còn chê người ta là đầu óc đặc sệt nữa phải không?"

Trần vội vàng cải chính :

"Anh xin lỗi, anh không có ý ấy. Tưởng em còn nhớ, nhưng nếu em đã quên thì...tốt, anh đỡ mắc cỡ."

Nói thế thôi chứ đời nào nàng quên được. Thuở ấy, lúc nàng còn thật trẻ, một hôm đi phố với mẹ, bỗng nhiên nàng gặp hai chàng trai lạ, không biết từ xứ nào lưu lạc tới, một trong hai chàng trai, thoạt thấy nàng bỗng như mất hồn, cứ đi theo miết, hết phố nầy qua phố khác, không biết trời đất là gì nữa khiến nàng luýnh quýnh nhiều lần phải vấp ngã đến nỗi mẹ phải bật cười. Và anh chàng kia, như bị sét đánh, đến nỗi người bạn đồng hành hình như cố sức can gián cũng không được. Báo hại, lần đó về nhà, mẹ đem chuyện ấy kể hết người nầy đến người nọ khiến Trang mắc cỡ đến phát khóc. Bẵng đi một thời gian thật lâu, Trang không hề gặp lại anh chàng ấy lần nào, và cũng chẳng biết tên tuổi, nghề ngỗng của anh

chàng nữa. Có lúc lòng nàng cũng vương vấn một điều gì không rõ lắm, nhưng rồi do tuổi trẻ dễ quên, và cũng vì bận lo học hành, nên Trang quên, quên luôn. Nhưng ba mẹ của Trang thì lại không quên. Cho nên, một buổi chiều chủ nhật, trong khi Trang đang phơi áo quần vừa giặt xong lên mấy sợi dây kẽm ở trước sân nhà thì thấy anh chàng đi vào cổng. Nhìn thấy nhau, cả hai đều ngỡ ngàng. Và không ai nói được với ai một lời nào. Lần đó, ba của Trang đã tiếp anh chàng. Thì ra anh chàng là giáo sư của Đoan Trinh, em gái nàng. Vì mẹ đã kể chuyện cho ba, nên khi nghe Trinh nói thầy của nó đang đến chơi ở một nhà bên cạnh nhà nàng, ba nàng bảo Trinh sang mời thầy qua nhà chơi, để cho ba biết mặt.

Đó là lần nổi điên đầu tiên của Trần. Giáo sư của một trường lớn tại một tỉnh nhỏ mà chẳng màng gì đến tác phong đạo đức mô phạm của một ông thầy, cũng chẳng kể gì đến tai tiếng, thấy gái đẹp là bị hút miết như sắt vụn gặp nam châm! Cũng may, chuyện ấy chỉ một mình người bạn cùng đi với Trần hôm ấy là Như, biết. Mà Như thì không kể lại cho ai. Chứ không thì Trần bị chê là "dê" rồi !

Cho xe rời khỏi bãi đậu của phi trường, Trang hỏi ông :

"Anh về đâu?"

"Anh có "đâu" đâu mà về? Em muốn cho anh đi đâu thì anh đi đấy. Hay em giới thiệu thủ đô người Việt của em cho anh biết đi ! Đến tối thì chúng mình kiếm một quán ăn Tây thật sang, để kỷ niệm sinh nhật."

"Sinh nhật của anh à ?" Nàng tỏ vẻ ngạc nhiên.

Ông còn ngạc nhiên hơn nữa :

"Trời đất ! Em quên hôm nay là sinh nhật của em thật đấy à?"

Mặt Trang thoáng buồn, nàng nói như một hơi thở dài :

"Mấy năm nay em có biết sinh nhật, tử nhật là gì nữa đâu. Cám ơn anh còn nhớ nó."

"Em đừng nói bậy bạ. Cái gì là tử nhật?" Ông nhẹ nhàng trách..

"Tử sinh, sinh tử cũng thế thôi. Có ai không chết và có ai thoát khỏi luân hồi ? Nhiều lúc em nghĩ nếu được chết sớm lại nhẹ nợ hơn."

Trang cho xe ra xa lộ, hướng về phía Bắc. Ông nghĩ lời nói của nàng không được khéo léo, nhất là khi chồng mình đang bị bệnh nặng cho dầu điều ấy là đúng. Nhưng ông không muốn tỏ bày ý nghĩ của mình. Ông lái câu chuyện sang hướng khác.

"Tụi mình đi đâu đây?" Ông hỏi.

"Đi Los. Em không muốn loanh quanh ở đây dễ gặp người quen. Ồ, quên hỏi anh, khéo không lỡ tàu: Mấy giờ anh về ?"

"4 giờ 35."

Trang khẽ lắc đầu :

"Không có ai điên như anh !"

"Đêm nay em cũng phải điên cùng anh rồi. Thức trắng đêm đó."'

"Em vẫn thức mấy năm nay, riết cũng quen rồi."

"Sức khỏe của Quỳnh lúc nầy có khá hơn không?" Tự nhiên buột miệng ông lại trở lại ý nghĩ mà vừa rồi ông muốn tránh.

Trang lắc đầu :

Tệ hơn thì có. "

"Vẫn chữa chạy thường xuyên chứ?"

"Vâng, cám ơn anh. Tụi em có bảo hiểm sức khỏe mà. Y tá mỗi ngày đều đến chăm sóc, chích thuốc cho anh ấy."

"Còn các bác sĩ thì nói sao?"

"Thì có bao giờ họ nói thật cho mình biết đâu, cứ cái kiểu còn nước thì còn tát, đến đâu hay đó vậy thôi."

"Em đi như thế nấy anh ấy có biết không?"

"Biết. Em nói, vì hồi chiều, khi anh gọi điện thoại anh ấy đã hỏi rồi. (Lúc ấy ông đã đoán đúng). Nhưng em chỉ nói đi với một người bạn, không nói là anh..Ôi, khi biết là anh, em run quá, nói năng lập cập, có thể là anh ấy đoán biết. Vì bao nhiêu năm nay, anh ấy chỉ ghen độc nhất với...hình bóng của anh mà thôi."

Ông lặng người. Lòng bỗng băn khoăn vì những lời nàng vừa nói. Nếu thế thì Trang cũng không được hạnh phúc lắm, một khi Quỳnh vẫn còn bị ám ảnh bởi mối tình xưa của hai người. Ông thật có lỗi.

Đăm đăm nhìn con đường thênh thang trước mặt mà như không thấy gì, mặc dầu xe cộ nối đuôi nhau chạy vùn vụt. Đã gần bẩy giờ mà nắng vẫn chói chang chan hòa khắp nơi. Nắng ở đây trông mới ngon lành làm sao !Thấy nắng, tự nhiên ông đâm ra nhớ gió. Gió biển của quê ông, chứ không phải gió của vùng núi Hood quanh năm tuyết phủ mà mùa Đông lạnh đến 0 độ F.

"Thôi, đừng đi Los nữa, Trang ạ. Thành phố của Mỹ thì ở đâu cũng như nhau. Em cho anh ra biển đi. Biển càng vắng càng tốt."

Trang nghe ông nói liền cho xe đổi lane. Nàng nói :

"Thế thì phải quay trở lại. Ở đây dài dài những bờ biển, nhưng có những khu tối không vào được vì như của tư nhân, có cảnh sát cấm đường. Nhiều chỗ thì dễ bị trấn lột, mất tiền, mất xe mà nhiều khi mất mạng không chừng. Em có một bà bạn có một ngôi biệt thự ngay bờ biển. Nếu anh thấy nhớ Mỹ Khê, Thuận An thì tụi mình đến đó. Mình ghé một tiệm nào đó mua thức ăn *to go* là được rồi, phải không ?"

"Không được. Còn bánh sinh nhật nữa chứ ?"

"Ừ thì bánh sinh nhật nữa, nếu anh muốn. Dễ thôi !"

Tiệc sinh nhật của Trang chấm dứt lúc gần 12 giờ. Có đủ cả champagne, bánh sinh nhật, đồ biển và bánh bột lọc... Hai vợ chồng chủ nhà, bạn của Trang xin phép đi ngủ, vì ngày mai còn phải làm việc. Quấy quả họ như thế là quá lắm rồi. Trang và Trần phải xuýt xoa xin lỗi mãi. Người vợ, tên là Liên hay Minh gì đó (Trang giới thiệu với Trần nhưng Trần không nhớ, vì Trang chỉ gọi bà theo tên chồng là "chị Thành" mà thôi), biết Trần từ Oregon bay về thăm Trang chỉ trong một đêm rồi phải bay đi, nên có cảm tình với Trần lắm. Khi nghe bà nói đã dành cho hai người một phòng ngủ đầy đủ tiện nghi, thì Trang bỗng đỏ mặt đấm lưng bạn thùm thụp, trách :

"Chị đừng có nghĩ bậy bạ! Anh ấy muốn đến đây để ngửi gió biển thôi."

Bà ta nói với Trần:

"Nhưng biển ở đây thì không có mùi mẽ gì cả. Không như biển của quê hương mình đâu, anh Trần ơi!"

"Cám ơn chị. Có một chút gió mặn là đủ rồi. Anh chị cứ đi ngủ, chúng tôi ở lại vài tiếng đồng hồ nữa, thì sẽ đóng cửa và lặng lẽ từ biệt. Hy vọng một ngày nào đó trở lại hoặc được hân hạnh tiếp đón anh chị lên chơi Oregon."

Cúi chào người vợ và bắt tay người chồng xong, Trần cởi giày, vớ đi chân trần với Đoan Trang ra biển. Cát kêu rin rít dưới chân hai người. Vì bờ biển ở cao quá nên Trần không có được cái thú giẫm chân trên cát ướt như ngày xưa còn trẻ ở quê nhà. Hai người ngồi bên nhau nhìn ra màn nước đen phẳng lặng như một đồng cỏ mênh mông bất tận. Gió về sáng hơi lạnh. Trần cởi chiếc áo khoác của mình khoác lên vai của nàng. Nàng tiếp nhận với vẻ tự nhiên, không từ khước, cũng không cần nói lời cám ơn.

Họ ngồi im lặng bên nhau như thế. Chỉ có tiếng gió vun vút thổi nhẹ (Có lắng tai cũng không nghe tiếng sóng). Một con hải âu đi ăn đêm bay sát lại gần hai người, có lẽ do quen xin ăn ? Bỗng nhiên, nàng hỏi ông:

"Anh có tin số mệnh không ?"

Ông nói:

"Trước kia thì không, nhưng sau nầy thì tin. Thánh nhân dạy rất đúng : "Năm mươi tuổi thì con người sẽ biết số mệnh." Thật ra không phải chờ đến tuổi năm mươi anh mới tin. Anh tin từ lúc mới ngoài ba mươi, lúc còn ở quê nhà. Một lần, trước khi vượt biển, anh đến xem một ông thầy bói Dịch. Ông ta nói anh không đi được. "Có xuống tàu lớn, chạy lòng vòng nửa tháng cũng bị nắm đầu kéo lên thôi." Thật đúng y như thế. Anh nằm dưới tàu lớn mười lăm ngày, đến ngày chuẩn bị nhổ

neo thì công an biên phòng phối hợp với du kích bao vây bắt gọn hết. Lần đi được thì cũng nhờ một bà thầy khác nói là đi được. Có điều nầy lạ lắm. Anh đi xem là cốt hỏi chuyện đi đứng thôi, nhưng thoạt gặp anh, bà ta hỏi ngay :"Chú họ Phan, đúng không?" Giật mình, anh nói là đúng. Bà lập tức hỏi tiếp :"Còn thím họ Lê?" Anh trả lời rằng chưa có vợ. Bà ta nói: "Tội nghiệp cho chú thím! Yêu thương nhau như thế mà không lấy được nhau." Rồi bà an ủi anh: "Chú đừng lo. Dầu cô ta bây giờ đang ở đâu, thì cô ta cũng đang đợi chú." Anh hoảng hồn luôn: một bà thầy bói ở tại một chợ quê nghèo xác nghèo xơ lại lặp lại y chang lời của một nhà văn châu Mỹ La Tinh được Nobel văn chương là Gabriel García Márquez trong tiểu thuyết "Suốt đời cô quạnh"! Em có tin lời của bà ta không?"

Câu hỏi của ông đúng là để trắc nghiệm nàng. Dễ trả lời thôi. Nhưng nàng lắc đầu. Rồi hỏi sang chuyện khác :

"Bà ta nói gì về chuyện anh vượt biên?"

"Anh chưa hỏi bà đã nói ngay: Chú đến coi về chuyện vượt biên phải không? Chú đi đi ! Lần nầy chú phải đi thôi, tuy bà thân sinh buồn lắm. Số chú đáng lẽ phải đi từ lâu rồi, nhưng vì chữ hiếu, chú không đi mà thôi. Em biết rồi đó, mẹ anh mất đã lâu, trước Tết Mậu Thân nữa kia."

Nhắc đến Tết Mậu Thân, Trang nhớ lần đó nhờ Trần nằm che lên trên nàng khi đạn đại pháo nổ nên nàng mới không chết. Nhưng Trần đã bị thương phải vào nằm ở quân y viện Nguyễn Tri Phương gần một tháng.

"Vết thương của anh ngày xưa thế nào?"

"Ổn thôi. Đôi lúc trở trời nó hơi nhức nhối một tí. Người ta nói hình như còn miểng đạn ở trong..."

Nàng tựa đầu vào vai ông, như muốn biểu lộ lòng thương mến. Một lúc lâu,ông mới nghe nàng nói :

"Ngày xưa, nếu không có anh và thầy Đàm thì em đã như chị Sâm rồi."

"Thì cũng là do số mệnh thôi. Anh Đàm cũng hết lòng che chở cho vợ, nhưng chị ấy đã ra đi một mình, cứu lấy gia đình chồng cả chục người."

Im lặng một lúc, Trang bỗng hỏi :

"Anh có nghe nói về thuốc trợ tử không?"

"Tại sao Đoan Trang lại hỏi anh về thuốc nầy? Có. Anh có biết, nhưng không nhiều lắm. Theo bác sĩ Philip Nitschke ở Úc Đại Lợi thì hiệp hội các dược sĩ quốc tế đã hoàn thành việc chế tạo một thứ thuốc độc để giúp cho các bệnh nhân bị bệnh nan y và không chịu nổi sự đau đớn được chết một cách nhẹ nhàng. Thuốc nầy cũng có thể dùng cho những tù nhân bị tử hình khỏi phải lên ghế điện. Bác sĩ Jack Kevorkian ở tiểu

Thơ Nguyễn Khánh Hòa

Đoạn trường thiên thu
Nếu mà còn ông Nguyễn Du
Chắc rồi sẽ viết Thiên Thu Đoạn Trường:
Quê hương giờ khắp phố, phường
Thúy Kiều nhan nhản đứng đường phơi thơ

Nhớ người tráng sĩ
Ngồi nghe con nước thở dài
Nhớ người chiến sĩ gươm mài trăng soi
Quạnh hiu cùng với đất trời
Tháng, năm rừng vắng sương rơi tóc chiều

Lâu lâu lại buồn
Ba thằng ngồi nhậu lai rai
Một chai rồi lại một chai vẫn sầu
Quê hương xa nửa vòng cầu
Ngồi ôn chuyện cũ, lâu lâu lại buồn

bang Michigan bị thu hồi bằng hành nghề vì đã giúp cho bệnh nhân của ông tự tử. Và thượng viện Michigan mới đây đã thông qua luật cấm trợ tử. Hiệp hội Y sĩ Úc cũng lên tiếng là sẽ không tha thứ cho bất kỳ bác sĩ nào trợ giúp hoặc khuyến khích việc thu ngắn sự sống của con người. Quốc hội tiểu bang Maine gần đây cũng từ chối việc thông qua luật cho phép trợ tử. Ở California thì anh không biết sao, chứ ở tiểu bang Oregon nơi anh ở, thì đã có luật cho phép chấm dứt đời sống của bệnh nhân nếu họ có yêu cầu. Theo các giáo hội thì trợ tử là một việc làm trái đạo đức. Một trong mười diều răn của Thiên Chúa là "chớ giết người". Mà trợ tử chính là giết người vậy."

Bấm answering machine, ông nghe có tiếng nói trong máy vang lên:

"A lô ! Tôi là Thành đây. Xin báo với anh Trần một tin buồn: Anh Quỳnh, chồng của chị Đoan Trang vừa qua đời. Tang lễ sẽ cử hành ngày Chủ nhật tới đây. Nghe nói anh ấy đã tự tử ."❐

Đường xuống vực

Ngô Nguyên Dũng

Lớp học có cánh cửa lá sách nhìn về hướng biển. Đôi khi Bân nghe tiếng sóng ầm ì vọng lại. Nghe thôi, chứ không thấy, vì Bân biết muốn ra biển, nó phải băng qua một chéo rừng thuỳ dương và một cồn cát dựng. Đã có lần thằng Sáo cong môi kể: "Lúc thực dân Pháp đem tàu chiến tới đánh, dân vác gậy gộc tầm vông ra phản công, bị tụi nó bắn chết vô số kể, xúc cát chôn xác thành cồn. Không tin hả, ban đêm ra đó mà coi, ma trơi bay ngập trời."

Thằng Sáo khơi dậy trí tưởng tượng trong Bân. Mỗi khi gió mang tiếng sóng vọng về ầm ì, đứt khoảng, nó lại thấy ra cảnh tự vệ vô vọng của dân làng, và những vạt trắng ma trơi chập chờn đêm trăng sáng.

Tuy là bạn cùng lớp, nhưng thằng Sáo lớn hơn Bân tới chín tuổi. Mép cằm nó lún phún râu. Khi biết nó còn có vợ, Bân ngạc nhiên vô cùng. Hỏi thì mặt thằng Sáo đổi màu đỏ chạch, chống chế:

- Tại ông bà cha mẹ bắt lấy, chớ ai muốn. Ỉa vào!

Thằng Sáo lớn thây, lớn tuổi nên được bầu làm trưởng lớp, sáng sáng tới trường, phải vào phòng giám thị lấy sổ điểm ra đặt trên bàn cô, trưa tan học phải đem nộp lại. Cuối tháng nó còn phải đem sổ về nhà tính điểm, xếp hạng cho cả lớp. Bân mười tuổi, cao hơn bình thường, ốm lỏng khỏng như cây tre. Nó ngồi dãy bàn trước thằng Sáo. Hôm nào làm bài kiểm toán đố, nó thường nhích vai cho thằng Sáo cóp-pi. Vì vậy, hai đứa thân nhau. Cô giáo người gốc Huế, họ Công Tằng Tôn Nữ. Thằng Sáo bảo, người cô giáo đẫy đà, màu mỡ, thấy mà thèm. Bân không thèm, chỉ thương cô giáo. Cô giảng bài líu lo như chim hót. Mái tóc dài, thỉnh thoảng thắt lại thả lưng, chiếc kẹp đồi mồi hình quả trám tuyệt đẹp. Cặp mắt xênh xếch, long lanh hạt nhãn. Khi cô cười, Bân rợn người thoáng thấy hàm răng ngọc trai

loáng ngời. Cô hay mặc áo dài tím. Tím hoa cà, tím than, tím ráng chiều, tím mồng tơi, tím mực học trò. Thằng Sáo hỗn hào chọc ghẹo "cô ưa màu tím cà dái dê", còn bảo:

- Suốt ngày áo tím, coi buồn gần chớt!

Bân đã quen với lối phát âm quê mùa của thằng Sáo, không cười, cãi lại:

- Đẹp chứ buồn gì.

- Đẹp chỗ nào? Tao thích cô mặc áo màu hồng, màu xanh lơ, màu vàng, màu trắng bông bưởi...

- Thích thì bắt vợ mày mặc cho mà ngắm!

Nghe nhắc tới vợ, thằng Sáo bẽn lẽn:

- Nó... nhà quê, chỉ sắm áo cánh không màu.

- Áo gì không màu?

Thằng Sáo nhăn nhó giải thích:

- Thì... thì... màu nâu, coi như... không màu.

Rồi tự dưng thằng Sáo đổi giọng cà lăm, thầm thì vào tai Bân, mặc dù chỉ có hai đứa ngồi bên nhau dưới tàn cây rộng. Bân giẫy nẩy kêu lên:

- Không được đâu, kỳ chết.

Thằng Sáo lớn giọng, mặt đỏ gay:

- Cứ nói đi, cô phạt tao chịu. Nói xong, tao cho mày con gà chọi.

Bân sáng mắt. Trời ơi, được tới một con gà chọi cơ ...? Nó ngập ngừng:

- Nhưng mà... kỳ lắm. Sao mày không nói?

Thằng Sáo tỉnh queo:

- Tao không muốn nói thẳng.

Bân cúi mặt, nhìn hai ống chân mốc ngời nước muối. Nó lấy móng tay vạch đường ngang dọc lên ống quyển, im lặng một lát rồi ngẩng đầu nhìn ra chóp núi xa. Núi Tháp Nhạn. Nơi đó, trên đỉnh có ngôi tháp của người Chàm xây từ xa xưa. Bây giờ, không ai chăm sóc, tháp vữa nát lở loét, chim nhạn và dơi làm tổ, chiều chiều bay về, xám xịt reo réo một góc trời. Người ta còn kể, trên đó có một vực sâu là lối dẫn xuống địa ngục. Thêm lần nữa, óc tưởng tượng của Bân bị khơi động. Nó ao ước được một lần lên đó, mò mẫm tìm xuống, xuống sâu nữa... Hơi lạnh ngai ngái. Thạch nhũ treo ngón, toả sắc rực rỡ. Xanh đồng, đỏ sắt, trắng thuỷ ngân, vàng kim chói lọi. Chỗ hang rộng, người ta dựng miếu thờ oan hồn, khói hương lãng đãng. Ánh sáng lách vào kẽ đá lỗ chỗ, soi đốm trên nền đất trơn ẩm. Luồng sáng mầu nhiệm nối liền trong ngoài, đất trời, âm dương, thiên đàng và địa ngục. Xuống thêm nữa, biết đâu chừng Bân sẽ bắt gặp ánh lửa cùng tiếng xích xiềng loảng xoảng của hoả ngục. Và bóng quỉ

chập chờn in lên cũi sắt nhốt giữ vong linh người phạm tội.

Bân rùng mình mấy cái. Thằng Sáo chọc:

- Nhát gan hả?

Bân vênh váo:

- Còn khuya mới sợ.

- Sao mày rùng mình?

Bân nhỏ nhẹ:

- Đường xuống địa ngục trên núi Tháp Nhạn có thật không mày?

Thằng Sáo xoe mắt:

- Thật chứ sao không.

- Mày lên đó chưa?

- Rồi.

- Có dám xuống vực lần nào chưa?

- Ngó thôi, đã muốn tắt thở, ai dám xuống.

- Vậy à?

- Sâu lắm, tối thui.

- Không có lối xuống à?

- Không, tối mờ mịt, không đường lối gì ráo. Thôi mà, nói giùm đi, tao cho con gà chọi.

Bân lại sượng mặt, nhỏ giọng:

- Để tao suy nghĩ. Tao sợ cô mách lại, mẹ đánh tao chết.

Thằng Sáo giơ tay chỉ ngón lên trời:

- Dám cá với mày, cô sẽ không mách lại.

Bân cười ngượng ngập:

- Ừ, làm sao cô dám nói, bảo rồi, kỳ lắm.

Thằng Sáo nheo mắt tinh quái:

- Tao sẽ dẫn mày đi bắt dế đường rầy xe lửa. Ỉa vào mấy con dế ruộng, đá dở như hạch.

Bân đứng lên, phủi đít quần, nhìn ra nắng, giọng như tiếc rẻ:

- Mình về thôi!

Nhưng Bân không về ngay, sau khi chia tay thằng Sáo, nó con vui chân vòng theo lối dẫn ra bãi. Đường ngắn nhất là xuyên qua cánh rừng thuỳ dương và trèo lên cồn cát cao sững. Bân vừa đi vừa vân vê hòn bi ve trong tay. Hòn bi trong suốt, giữa có bốn cánh mỏng te màu vàng già, trông như quả khế con. Nó vừa mua hòn bi ve trong tiệm chạp phô của chú Sôi. "Hây, ngộ còn có mấy con tem mới về, đẹp lắm, nị muốn coi hông?" Bân lắc đầu: "Bữa nay tôi không có nhiều tiền. Chú để dành cho tôi được không?" Chú Sôi lõ mắt: "Để dành cái gì?" "Mấy com tem xứ Lào và Monaco." Chú Sôi cười lộ răng vàng: "Lâu có lược, ai mua thì ngộ

pán, để dành sao lược." Bân tiu nghỉu: "Thì thôi" Chú Sôi dả lả: "Lần sau nị nhớ đem tiền theo nhiều nhiều." Bân bỏ đi, không chào.

Bân trèo lên đỉnh đôi cát, đứng thở dốc. Nó mắc tiểu, vạch quần, nâng vòi, cố rặn để phún thành vòng cao và xa, tập cho...quen để có dịp thi đái xa với lũ bạn. Có lần Bân đứng thi đái cạnh thằng Sáo, lén nhìn sang, thấy... không giống của mình. Vòi nước của nó có đầu trơn láng, nhúm lông chìa ra giữa mấy ngón tay kẹp. Còn của Bân nhỏ xíu như trái ớt. Bân ngượng chín người, giữa chừng đái không ra. Vòng nước đang cong chợt gẫy ngang, rớt xuống xém ướt chân. Cả lũ cười hô hố, chế nhạo Bân, bảo Bân sau này ế vợ. Bân cúi đầu không cãi, mù mờ không hiểu chuyện vợ con có dính líu gì tới cái vòi nước.

Bân đưa mắt nhìn ra xa. Ngoài khơi, biển lập loè ánh nắng. Gần hơn, nước gấp lợn cợn bọt trắng. Gần hơn nữa, sóng chồm lên, đùa nước vào bờ cát thoải rồi rút xuống, làm thành những khoảnh cát đậm hình vòng cung rồi nhạt dần. Dường như Bân nghe được cả tiếng bong bóng nước vỡ lách chách. Cả tiếng chân của bầy còng gió tất tả theo sóng lùa. Trước mặt, không nghe gió. Vậy mà sau lưng, trên chéo rừng thuỳ dương, gió hú như ma hờn. Gió xô nghiêng hàng cây bìa rừng, liếm trọc từ thuở nào, như bị lửa chém. Bân buông người, dang chân tay dài ra cát. Mặt trời đã nghiêng về phía núi. Trên đỉnh đầu Bân, trời trong vắt như kính lọc. Thỉnh thoảng, một cánh nhạn lượn quanh, buông lảo đảo như đùa giỡn. Tự dưng Bân cảm thấy nhịp sống tỉnh lẻ chật chội, nhàm chán như cá nhỏ lạc trong ao tù. Bân thèm khát nỗi gì vô cớ. ừ, đó là khát vọng phiêu lưu, như "cú nhún tài tình" bắn qua mương đất của cá nhỏ tìm ra biển lớn. Bân giơ hòn bi ve, đẩy tới lui. Trái khế nén giữa lòng thuỷ tinh hiện ra nhỏ lớn liên tục. Bân cầm chặt hòn bi trong tay, cong người lăn xuống cồn cát, cho tới khi cảm thấy cát ẩm dưới lưng, mới thôi.

Từ dãy bàn cuối lớp, thằng Sáo có thể nhìn thấy chỗ dựng trống trường. Giám thị Năm cầm dùi ra đứng đó tự nãy giờ, miệng còn phì phèo điếu thuốc vấn. Không ai báo, cả lớp tự động gấp sách vở, khe khẽ tiếng trò chuyện.

Cô giáo phất tay:

- Cho các em nghỉ.

Hôm nay cô mặc áo dài tím than làm nổi bật làn da trắng ngà, hơi tái.

Thằng Sáo chồm người, hích nhẹ vai Bân, thều thào:

- Nói đi mày!

Hai gò má Bân nóng bừng. Con gà chọi bách chiến bách thắng và con dế than đường rầy xe lửa nhảy múa chập chờn trong đầu Bân. Nó đột

ngột đứng dậy, quên không giơ tay, nói mau như sợ quên:

- Thưa cô, thằng Sáo chơi trò bứt lông dái ngoáy dế.

Cả lớp đang ồn ào chợt im bặt. Cô giáo khựng tay sắp phấn vào hộp, trân mắt nhìn Bân. Rồi gương mặt cô đổi màu như đào hát trát phấn. Cô hét lên một tiếng thất thờ:

- Sáo!

Rồi nghẹn lời, run tay chỉ ra cửa lớp. Thằng Sáo quảy cặp lên vai, lầm lũi bước giữa hai dãy ghế bàn xiêu vẹo, giữa những khuôn mặt nửa ngạc nhiên nửa ngờ vực thính giác, cố nén tiếng cười. Có đứa phải bụm miệng, cắn môi gần toé máu. Chỉ mình Bân run rẩy gục mặt xuống bàn, khóc rưng rức.

Lúc thằng Sáo đi ngang bàn cô, còn lén đưa mắt liếc một cái sắc lẻm. Trống tan học vỡ ba hồi hoan hỉ. Đám học trò ré lên, xô nhau ra xếp hàng trước cửa lớp. Giữa sân nắng, cạnh cột cờ xụi lá, thằng Sáo bị phạt quì, ngay lưng như trời trồng.

Trưa về nhà, Bân ăn cơm không ngon, cảm thấy người bứt rứt như chờ đợi biến cố lớn. Không biết số phận thằng Sáo ra sao. Như đã hẹn trước, xế trưa Bân xin phép mẹ tới chơi nhà bạn.

Lần đầu tiên tới nhà thằng Sáo, Bân không khỏi bỡ ngỡ trước cảnh vườn nhà rộng thênh. Cây mít tàn lớn bên hàng rào xương rồng gai tủa. Lối đi lót gạch tàu dẫn vào ngôi nhà mái ngói, nền đắp cao tận ngực. Hai con lân sứ đứng chầu trước cánh cửa ván đóng im ỉm. Bân chưa biết gọi cửa ra sao thì sau nhà, một con chó đốm chạy ra ngoác mõm sủa inh ỏi. Như được dạy trước, đang chạy ngon trớn, nó bỗng khựng lại, như có ai kéo thắng, trước hiên nhà; mõm vẫn sủa điếc óc. Bân hồi hộp đứng chờ. Một thiếu nữ mặc áo cánh màu nâu đất chậm rãi gấp cửa, bước ra đứng sát mé hiên, hỏi lớn:

- Trò tìm ai?

Bân khoanh tay, lễ phép:

- Thưa... bác, có... thằng Sáo ở nhà không ạ?

Thiếu nữ nhoẻn cười, đáp trỏng:

- Đi đâu rồi. Trò tới có chuyện chi? À, có phải tới lấy con gà chọi không?

Bân khúm núm gật đầu, sướng tê:

- Dạ, phải.

- Trò chờ chút xíu, đưa cho.

Khi thiếu nữ trao cho Bân chiếc giỏ mây nhốt con gà chọi, Bân để ý thấy cặp chân mày của cô bị tém trụi, được tô một đường chì đen nhỏ rí như râu dế. Và hương chanh toả ngan ngát. Bân lí nhí mấy tiếng, cám ơn

bác, rồi ôm giỏ gà, nhanh chân ra về.

Giữa đường, Bân ghé vào chùa bên dòng sông Đà Rằng, xin nước uống. Có mấy chú tiểu trạc tuổi Bân, chạy ra thấy con gà chọi, trầm trồ khen mãi. Bân thêu dệt vài chuyện trời mây, chán chê thì thấy nắng đã sẫm màu trên chòm si rậm lá. Một chú lẽo đẽo theo Bân ra tới bờ sông. Chiều nước lớn, lòng sông no nê phù sa, dâng mấp mé hàng rào kẽm gai chắn gần bờ bên kia, ngăn không cho lũ trẻ bơi sang trèo lên đùa nghịch trên đường rầy xe lửa. Mà có lẽ vì một nguyên do nào khác nữa. Đôi khi Bân vẫn nghe mọi người xôn xao bàn tán về chuyện họ đặt mìn phá đường rầy. Hỏi ngoại, họ là ai? Ngoại chớp chớp mi mắt lem nhem, móm mém trả lời: "Họ là đám người theo bên kia. Ở quê ngoại, họ nhiều lắm. Tại sao họ phá đường, đắp ụ hả? Ối, mấy chuyện quốc sự, ngoại không rành, đi hỏi cha, cha giảng cho nghe."

Bân không hỏi cha, cũng không ưa chuyện quốc sự. Đối với nó, những chuyến xe lửa xuyên Việt rậm rật băng dọc theo dòng sông Đà Rằng là một bí ẩn thú vị. Có dịp, Bân vẫn đê mê đứng bên này sông, dõi theo những sáng đèn lướt ngang, trên đoạn đường sắt song song vô tận. Nó khởi hành từ Sài Gon, đáng lẽ dừng lại ngoài Hà Nội, nhưng từ khi đất nước chia đôi, trạm cuối của nó là Huế. Ôi, những địa danh thanh lịch, xa vời như trên một tinh cầu khác. Tim Bân rộn lên theo tiếng bánh sắt nghiến rầm rập. Trí Bân vô ra những miền đất bạt ngàn tuyệt vời. Bao giờ Bân mới tới đó?

Thằng Sáo và thằng Bê cởi phăng áo, còn trần xì trên người mỗi chiếc quần đùi, thách nhau đứa nào bơi sang bờ bên kia trước, sẽ được đứa kia xách cặp đi về giùm một tuần lễ. Thằng Sáo có thân hình lực điền, ngực nở eo thon, bắp thịt cuộn vồng săn chắc. Hai đứa không để ý tới Bân đang rụt rè mở hàng khuy áo. Ngực nó lép, rún lồi, lại lội kém. Thằng Sáo cứ bày trò bắt chuồn chuồn cho cắn rún, nhưng Bân không dại gì nghe theo. Bân nheo mắt nhìn hàng rào kẽm gai chặn gần bờ bên kia. Trưa nước ròng, hàng rào lộ gai trên mặt nước đục lờ phù sa. Thằng Sáo và thằng Bê đã nhảy tõm xuống nước, sải tay sang trước. Bân dò dẫm bước xuống, bơi chó bì bõm theo sau. Tới gần hàng rào kẽm gai, Bân bịt mũi, hụp xuống, quơ quào lặn qua.

Thằng Sáo thắng cuộc, vật người ra đất, cười hả hê. Thằng Bê tiu nghỉu như chó cụt đuôi, ngồi thở dốc. Bân cũng vừa lò dò bước lên, tới ngồi cạnh thằng Sáo, thắc mắc:

- Không nghe tiếng dế gáy gì cả, làm sao bắt?

Thằng Sáo trề môi:

- Bắt dế cần nghe nó gáy là dở. Ban trưa, dế không gáy, nó trốn nắng trong hang hay trong mấy kẻ đá xanh. Tới đêm, nó mới gáy để rủ quến con mái.

Bân chau mày:

- Vậy mình phải đổ nước à?

- Dế hang mới đổ nước, con dế kẻ đá, không cần. Rồi mày coi, bắt dễ ợt.

Nói xong, thằng Sáo đứng dậy, vươn vai xông xáo đi trước. Thằng Bê theo sau, tay cầm cành khô, lâu lâu lại quất trong không khí nghe "trót, trót". Cái đuôi là Bân. Quần Bân chưa khô hẳn, con nhỏ giọt theo mỗi bước chân như đái xón.

Ba đứa đi dọc theo lòng đường sắt. Khi chưa lên đây, Bân tưởng tượng hoang đàng, đó là hai thanh sắt vạm vỡ ngời ánh thép, được nối bằng những khúc gỗ lót trên mô đá xanh. Không, hai thanh sắt mà Bân thấy coi han rỉ lở loét, cỏ dại mọc chen hai bên. Ở nhiều nơi, không thấy đá xanh, chỉ là một vũng nước đọng nắng. Bân chợt nhớ ra, ừ, lâu rồi mình không còn nghe tiếng xe lửa hú còi, rầm rập kéo qua hằng đêm. Sao vậy? Chuyện gì đã xảy ra? Bân cảm thấy lòng lâng lâng nỗi gì như tiếc nhớ. Nó bỗng thấy ghét thằng Sáo, thằng Bê, ai kêu dẫn nó ra đây để nó chứng kiến cảnh giẫy chết của con đường sắt. Bân muốn ra về tức khắc, chợt nghe tiếng thằng Bê ồm ồm reo lên tở mở:

- Một chú dế than.

Bân nô nức chạy tới. Thằng Sáo giơ con dế lên ngắm nghía. Cánh dế nổi vân trôn ốc, đầu đen bóng như hạt mẵng cầu. Hai cọng râu phất phơ. Cặp chân dài, chắc nịch, ửng đỏ gai con. Thằng Sáo gật gù, xổ nho:

- Trường túc bất tri lao.

Bân và thằng Bê đồng loạt ngớ mặt:

- Cái gì?

Thằng Sáo ra giọng nghiêm trang:

- Không hiểu à? Ông bà cha mẹ đã dạy, hồng diện đa dâm thuỷ, có nghĩa là mặt đỏ ham tò tí, còn trường túc bất tri lao là chân dài, tò tí không biết mệt.

Bân nghiêng mặt hỏi:

- Tò tí là gì?

Thằng Sáo thản nhiên:

- Tò tí có nhiều nghĩa, với người là chuyện vợ chồng, với...thú vật, riêng cho loài dế, là chuyện đá nhau.

Bân xoa tay:

- Mày bắt cho tao một con dế lửa, hồng diện đa...đa... gì nhỉ?

Thằng Bê đỡ lời:

- Đa dâm thuỷ.

Thằng Sáo xổ lưng quần, lần ra cái hột xoài tách cạnh, nhét con dế vào. Bân phục thằng Sáo sát đất. Với ngần ấy tuổi, học dốt, vậy mà kinh nghiệm cuộc đời đầy... túi. Vừa thông chữ nho, lại biết nghĩ xa trông rộng. Không như Bân, đi bắt dế với hai bàn tay trắng.

Ba đứa say mê dỡ đá tìm dế, được con lớn thả con nhỏ, tới khi chán chê, nhìn lại thì nước sông đã ngập gần hết hàng rào kẽm gai. Tiếng bìm bịp gọi chiều loang trong gió. Nắng lô nhô thấp thỏm trên hai bờ lau sậy ven sông. Xa xa, đỉnh Tháp Nhạn rờn rợn toả khói chiều. Quanh cảnh trông như bức tranh sơn thuỷ.

Thằng Bê đực mặt nhìn dòng sông nước lớn, kêu nhỏ:

- Chết cha, làm sao bây giờ?

Thằng Sáo tỉnh queo:

- Thì cứ như lúc nãy, có điều nhớ lặn sâu hơn mới qua được hàng rào kẽm gai.

Bân sợ gần vãi đái, vì biết tài lặn lội của mình chẳng tới đâu. Nếu đi đường bộ thì vừa xa vừa mất tiếng bản lĩnh. Bân run giọng hỏi:

- Còn... còn mấy con dế?

Thằng Sáo mau mắn:

- Gom mấy cái hột xoài lại đây, tao kéo một dề lục bình vào bờ, đặt lên đó. Tao qua trước, chờ giữa dòng, thằng Bê tìm cách đẩy ra cho tao, rồi qua sau. Ia vào rào kẽm gai!

Bân vẫn còn run:

- Còn... còn...tao?

Thằng Sáo và thằng Bê nhìn Bân chăm bẳm. Thằng Sáo cao giọng:

- Mày qua một mình, sướng quá rồi, muốn gì nữa?

Rồi hai đứa xúm xít thực hành ý định. Lúc thằng Sáo và thằng Bê đã vượt qua rào cản, ra tới giữa sông rồi, Bân vẫn còn đứng lớ ngớ trên bờ. Đến khi không thể chờ được nữa, Bân mới bặm môi trườn xuống sông, tay chân quờ quạng bì bõm. Gần tới chỗ rào cản còn nhô một đoạn trên mặt nước nhấp nhô, Bân chúi đầu xuống. Đáy sông đục ngầu. Tai Bân ngộp nước lùng bùng. Mắt Bân cay xè. Thời gian lê thê bất tận. Khi Bân có cảm tưởng đã lặn qua được hàng rào kẽm gai, vừa rướn lưng trườn lên thì trời ơi, một cảm giác đau đớn xé toạc bắp chân Bân. Nó thấy rõ ràng máu loang ra đỏ ối lòng sông. Càng quẫy chân, máu càng tuôn mạnh. Trong giây lát kề cận với nguy khốn, Bân mường tượng ra con đường xuống vực trên núi Tháp Nhạn. Tối om, chẳng thấy chim dơi hay miếu đền, thạch nhũ gì ráo. Chỉ có dải không gian ngút ngàn, ngột ngạt, đen kịt

bao trùm như tất cả tinh cầu khác đã bị ai giấu mất, chỉ con lại trái đất chỏng chơ với mảnh thời gian tê liệt, hoen máu.

Bân dồn hết sức, cắn răng, cong người búng mạnh bắp chân vướng gai. Nó cảm nhận rõ một phần thịt da bị đứt rách. Máu phun xối xả, cùng lúc với cảm giác nhẹ tênh. Bân vội vàng trồi lên, quẫy đập tất tả về hướng bờ. Bân quị xuống cỏ, rên rỉ. Thằng Sáo nâng chân Bân lên xem xét, giọng lo lắng:

- Máu ra nhiều quá.

Rồi nó lấy áo quệt vết máu loang, túm lại, quấn quanh bắp chuối Bân. Bân cố gượng cười:

- Tưởng chết tụi mày ạ.

Thằng Sáo đùa:

- Nói rồi, trường túc bất tri lao.

Sau đó Bân được thằng Sáo và thằng Bê địu cà nhắc về tận nhà. Bân biết, thảm kịch tới đó chưa chấm dứt, còn thêm trận đòn của mẹ về tội đàn đúm, chơi rong, phá làng phá xóm nữa.

Dù nhà trường đã ra thông cáo, phụ huynh học sinh không được biếu xén gì cho thầy cô trước kỳ nghỉ hè, thế mà Bân vẫn nài nỉ mẹ mua một chục cam biếu cô giáo cho bằng được. Mẹ ngần ngừ:

- Thầy hiệu trưởng đã ra thông cáo là...

Bân nhanh nhẩu:

- Cô nhận mà, mẹ đừng lo!

Cô nhận thật, và y như dự tính của Bân, sau đó cô mang quà tới nhà cha mẹ Bân, hoàn lại với lời cám ơn. Bân cũng không biết tại sao nó lại muốn thế. Đã bao nhiêu lần, Bân không tiếc lời ca ngợi cô giáo. Nào là cô đẹp, cô hiền, giọng cô nhỏ nhẻ như chim hót, dáng cô yểu điệu khoan thai như tiên nga.

Một chiều hanh nắng, lòng Bân rộn rã khi thoáng thấy dáng cô bước chậm ngoài lộ đất. Cô mặc áo lụa trắng, che dù hoa tím, tay xách giỏ cam. Cô tiến thẳng vào nhà Bân. Chị Sáu giúp việc ra mở cửa, mời cô vào nhà. Mẹ ra chào cô, rót trà mời, trò chuyện đôi điều, rồi quay mặt vào trong, gọi lớn:

- Bân đâu, ra chào cô đi con!

Mặt Bân đỏ bừng, vén sáo bước ra, khoanh tay chào cô. Màu mặt ấy, theo lời thằng Sáo, đúng là "hồng diện". Cô cười. Chao ơi, hôm nay cô còn tô son, thoa phấn hồng cánh sen, kẽ chân mày vòng nguyệt nữa chứ. Tim Bân đập từng hồi như trống đình. Cô cất giọng mềm mại:

- Thưa bà, em Bân học hành chăm ngoan, giỏi giắn lắm ạ!

Bân cúi đầu, giấu bộ mặt ngượng chín như xôi gấc. Không hiểu sao, trong đầu Bân cứ lởn vởn mấy câu chữ Hán của thằng Sáo, cho tới lúc mẹ lên tiếng cho phép Bân vào trong, mới thôi. Suốt đêm đó, lòng Bân bâng khuâng mãi.

Núi Tháp Nhạn mỗi chiều buông vẫn toả khói vu vơ xa tít bên kia ruộng nương, chập chùng rừng lá. Cầu Sông Chùa nối liền hai bờ sông, dẫn tới chân núi chênh vênh đá tảng. Cầu không dài, núi không cao, mà sao Bân cảm thấy như xa dịu vợi, ngút trời, biết bao giờ mới đặt chân tới. Thỉnh thoảng, giữa đêm, Bân giật mình tỉnh giấc bởi tiếng coi xe lửa thét lanh lảnh, khói tuôn mù mịt vào lòng đêm vằng vặc trăng sao. Chỉ là giấc mơ hoang. Bân mở mắt thao thức, soi vào bóng đêm tỉnh lẻ không nước máy, không đèn điện. Những mơ ước lẩn khuất vào chiêm bao, hiu quạnh, buồn bã. Con cắc kè buông tiếng lẻ loi trên mái nhà, nghe như oán tiếc điều chi. Bân quyết định, hè này sẽ thực hiện mộng phiêu lưu lên núi Tháp Nhạn.

Bân ngỏ rời rủ thằng Sáo đi cùng cho có bạn, nó lắc đầu:

- Tao không đi được, phải ở nhà phụ việc.

- Phụ gì? Nhà mày thiếu gì người làm công.

- Đành vậy, nhưng cũng phải có người đứng ra canh chừng chuyện thu hoạch.

Bân thất vọng:

- Thì thôi, tao đi một mình.

Thằng Sáo thực tế:

- Có gì đâu mà coi. Trên đó chỉ toàn cây cành, đá sỏi, chim dơi và coi chừng...gặp mấy ổng.

Bân ngạc nhiên:

- Mấy ổng nào?

Thằng Bân thở ra:

- Mày ngu quá, thì mấy người phía bên kia. Họ sống lẩn trên núi, đêm mới tìm xuống, vô đây bắt người ta nộp thuế, hay đặt mìn, đắp ụ, gỡ đường rầy xe lửa. Ỉa vào!

- Nhà tao chưa bị bắt đóng thuế lần nào.

Thằng Sáo chép miệng:

- Nhà tao bị rồi. Mà mày không được nói cho ai biết, nghe không?

Bân "ừ" nhỏ, lòng dậy mùi hoài nghi. Nó nhớ tới nét mặt đăm chiêu của cha sau khi đọc báo hay nghe tin tức đài phát thanh. Nhớ cả giọng nói thầm thì rụt rè của ngoại khi nhắc chuyện quốc sự. Phải rồi, nước mình vẫn chưa thanh bình. Hiểm hoạ vẫn rình rập quanh đây, chờ cơ hội bùng lên như tro than còn ngậm lửa. Ỉa vào, Bân bắt chước cách nói của thằng

Sáo, khi nghĩ tới chuyến phiêu lưu vào dịp hè sắp tới.

Hè bắt đầu bằng cái nắng kinh thiên, cộng thêm cơn gió Lào thổi từ bên kia Hoàng Liên sơn, rát hôi hổi như những lưỡi lửa vô hình. Bân vui vì được nghỉ ở nhà, buồn vì phải xa trường lớp, nhất là không còn gặp cô giáo mỗi bữa. Trong lớp, Bân chỉ thân thiết với thằng Sáo, mấy đứa khác, Bân chê con nít. Vì thế, những ngày nắng Bân thường vào ra quanh quẩn một mình. Bân cũng chẳng màng chuyện bè bạn, vì trong đầu nó đã sắp sẵn lớp lang cho chuyến ngao du sông núi gần kề.

Khởi sự, Bân thảo lá thư tuyệt mệnh, lời lẽ cóp nhặt từ mấy quyển tiểu thuyết mà Bân đã đọc qua:

"Kính thưa bà ngoại, cha mẹ cùng anh chị em thương mến, con ra đi lần này, sau ba ngày nếu con không trở lại, có nghĩa là con đã làm mồi cho quỉ sứ, đừng tìm con vô ích. Đồ đạc riêng của con, mấy em cứ chia nhau dùng. Ngoài ra con cũng có viết một lá thư từ biệt cô giáo, cha mẹ trao cho cô giùm con. Con là đứa cháu vô ơn, người con bất hiếu, con xin quì xuống tạ tội cùng bà ngoại và cha mẹ. Ba lạy này là để tạ ơn sinh thành dưỡng dục. Đứa con tội lỗi.

Ký tên,

Bân"

Bân cuộn lá thư giấu trong ống tre đựng bút đặt trên bàn học. Một tuần hai lần, chị Sáu dọn dẹp lau chùi, thế nào cũng tìm thấy. Chưa chi Bân đã tưởng tượng ra được vẻ mặt xanh lè hốt hoảng của chị Sáu khi đọc xong lá thư. Chị sẽ la lên: "Ối, ông bà ơi, ối ối, cậu Bân bỏ nhà...bỏ nhà theo gái." Rồi bà ngoại và mẹ sẽ ôm mặt khóc ri rỉ. Cha bực bội chắp tay sau đít, qua lại trong nhà, mặt mày đăm chiêu, cố tìm cho ra nguyên nhân ra đi của Bân. Mặt cha đỏ "hồng diện". Còn các anh chị, và nhất là đứa em gái, có lẽ nó sẽ khóc ré lên như lúc bị Bân vặn tai vì không thuộc cửu chương chín. Trời, cảnh nhà tan tác, thế mà Bân đành lòng bỏ đi. Nhưng mộng giang hồ mây gió đã dâng ngập lòng Bân, không gì lay chuyển nổi.

Một sáng sớm, Bân lén gói ghém lương thực còn lại trong tủ bếp, gồm năm quả chuối sứ, hai cái bánh ít, cơm nguội vắt nắm, vài con cá khô và chai nước giếng. Bân bọc tất cả vào tấm khăn bàn, túm góc, cột vào đầu một cành khô, quảy lên vai, rời nhà. Chỉ có con chó quyến luyến theo tiễn chân Bân một đỗi xa. Bân phải xua đuổi, nó mới cụp đuôi quay về. Trời mùa hè mau sáng. Đốm sao mai mới nãy còn thấy, bây giờ đã tan đâu mất. Tỉnh lẻ vẫn còn sật sừ mộng mị. Bân đi giữa lòng đường, ngũ quan mở hết ra, đón lấy không gian này như thể là lần cuối. Tiệm chú Sôi, chỗ Bân lui tới thường nhất, còn cài then im ỉm. Quán mì Quảng, bún bò Huế

của o Nụ, người đàn bà goá chồng có nhan sắc, chỗ cha hay dẫn Bân và mấy đứa em tới ăn. Mẹ ghét o Nụ thậm tệ, bảo o là thứ đàn bà đỏng đảnh, mở quán để kiếm chồng. Hiệu may Sơn Hà của chị em cùng tên, đều chưa chồng. Hệt như cái tên Sơn, tính tình người chị y như tính đàn ông, nói cười oang oang, cử chỉ mạnh bạo. Chỉ có cái eo nhỏ như cổ bầu rượu và hai khoảnh tam giác trắng bóc cố tình để hở của vạt áo cánh tố cáo chị là nữ phái. Còn hiệu bán và sửa đồng hồ Thời Gian của bác Lục, quán cà-phê tỉm-xấm của chệt Sáng, tiệm giày dép Lộ Trình... Ôi, sao mà dễ thương. Chỗ nào Bân cũng có kỷ niệm đáng nhớ.

Khi Bân chậm bước ngang chợ đã lác đác người bày hàng, nó giật mình thấy giám thị Năm cỡi xe đạp lướt ngang. Bân cúi đầu chào theo phản xạ. Ông tròn mắt nhìn Bân như thấy quái vật. Cả hai cùng ngoái đầu nhìn khi đã vượt qua. Chỉ vậy thôi mà Bân đã xốn xang e ngại, thêm nỗi nhớ nhà. Trời đất, rủi như chị Sáu không tìm ra lá thư thì sao? Chắc cả nhà sẽ bủa nhau chạy tìm Bân. Cha sẽ tất tưởi phóng xe đạp, trên người con nguyên bộ bi-da-ma nhăn nhúm, chạy hỏi tìm Bân. Ngoại và mẹ, những khi nguy nan, chỉ biết ngồi bên ngạch cửa nhà sau khóc ri rỉ, lâu lâu mới nhớ ra vài ý kiến độc đáo. Mẹ sẽ bảo chị Sáu thử ra bụi tre đình làng, xem ma có giấu thằng nhỏ trong đó. Còn ngoại sẽ lun run thắp nhang khấn vái Phật Trời, vong hồn người khuất mày khuất mặt có linh thiêng phù hộ cho Bân sớm trở lại nhà...

Bân đặt quảy nải xuống cỏ, ngồi dựa vào gốc cây nghỉ mệt. Nó lấy chuối ra ăn, nghĩ tới thằng Sáo, muốn ghé ngang từ giã nó, nhưng không tiện đường. Bân nhớ tới con gà chọi, thấy giận thằng Sáo thậm tệ, đã chơi khăm Bân. Con gà hiên ngang lắm, mào đỏ, mũi vàng, chân vẩy tía đàng hoàng, có điều chưa cựa vì còn tơ. Bân tâng tiu nó như trứng mỏng, ngày nào cũng đào giun, bắt cào cào, châu chấu cho nó ăn. Thức uống của nó là nước mưa cuối mùa. Cha lý luận, nước mưa cuối mùa tinh khiết hơn, vì mưa đầu mùa còn bám chất ô uế trong không khí mùa nắng. Bân còn vòi vĩnh cha, xin rượu đế phun cho nó săn da, mướt cánh. Mà nó đá giỏi thật, bách chiến bách thắng. Nó mang lại cho Bân biết bao nhiêu là chiến lợi phẩm: bi ve, dây thun, nút khoen...và những chầu quà vặt không mất tiền. Vậy mà... vậy mà... nghĩ lại, Bân còn tức óc ách. Một sáng nọ, như thường lệ Bân ra thăm chuồng gà, bàng hoàng sững người khi thấy một quả trứng nằm vô duyên trong một góc. Bân không thốt được lời nào, chỉ mấp máy môi, ứa nước mắt thất vọng. Nó mắng thằng Sáo không tiếc lời, đã cho nó một con gà mái chọi. Thằng Sáo đổ thừa cho vợ nó đã bắt lầm gà. Nhưng sau đó, bình tâm lại, Bân cảm thấy thương con gà mái chọi cự phách. Nó ôm con gà vào lòng, thì thầm: "Thôi, cũng được, tao cho mày giả trùng,

chọi cho tới khi lấy chồng thì ngưng." Còn quả trứng, nó nhờ chị Sáu chiên ốp-la, vét sạch dĩa.

Những mẩu quá khứ gần xa xô đẩy hiện ra trong trí Bân. Nó thấy mình như ông lão tám mươi, sắp về đất, đang lau chùi tấm gương ký ức. Bụi ít, nhiều mảnh sáng rực rỡ. Chuyện gần không nhớ, mà kỷ niệm ấu thời lại rõ sáng như cuốn phim mới xem hôm qua.

Bân tới chân núi lúc trời gần đứng bóng. Nắng chói lọi. Trời lợn cợn mây khói. Nơi này vắng vẻ như bị tách lìa cảnh phố chợ lao xao. Mồ hôi bắt đầu loang ướt áo Bân, rịn đẫm trán. Nó đảo mắt tìm chỗ nghỉ trưa. Một tảng đá lớn mốc còi những xương cây thiếu đất. Gần đến nơi, một cánh chim thảng thốt bắn xéo lên trời kêu tiếng soạt. Bân giật thót người. Nó dừng chân, mặt mày dáo dác. Bỗng tim Bân đập bấn loạn khi nghe tiếng người bên kia tảng đá vẳng lại theo gió. Một giọng đàn ông:

- Sợ à? Ngỗng trời đó mà.

Im lặng một đỗi, rồi giọng nói tiếp tục, như trấn an:

- Chỗ này chỉ mình tui biết, đừng lo!

Bân ngờ ngợ nhận ra. Chỉ thiếu tiếng "Ỉa vào". Bân tươi mặt, định lao tới chào hỏi thằng Sáo thì một giọng đàn bà cất lên hơi lớn:

- Coi chừng, nhăn áo.

Hai chân Bân muốn gập đôi, khuỵu xuống, vì giọng nói gần như ra lệnh đó, trời ơi, là của cô giáo. Bân mọp người ngã sấp ra đất. Cỏ khô cạ rát mặt. Đất trời lảo đảo nhức mắt, như thể Bân là con chim nhạn vừa biết bay, nghịch ngợm nhào lộn trên không. Tay Bân bấu lấy bụi cỏ úa, bứt mạnh. Nhúm bụi thốc lên, bám mờ tấm gương ký ức của ông lão tám mươi trong Bân. Đường xuống vực bít lối giữa chừng. Không còn hoả ngục hay thiên đường. Chỉ còn lại những mảnh gương tơi tả.

Bân thiểu não, nhẹ quảy hành tranh trở về. Từ đó cho tới lúc rời tỉnh lẻ, Bân không còn tha thiết chuyện tìm lên đỉnh Tháp Nhạn nữa.❐

Xin tìm mua tại các hiệu sách
đặng trần huân
NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỀN
Nhà xuất bản Văn Mới, los Angeles, California

Nơi không có tiệm sách Việt, xin gửi chi phiếu, lệnh phiếu về:
Đặng Trần Huân, P.O. Box 3022
Industry, CA 91744 (USA)
(Châu Mỹ: 10 Mỹ kim Các châu khác: 15 Mỹ kim

Cô gái Nghi Tàm

TRẦN MỘNG TÚ

Buổi sáng tôi thức dậy
ra trước của nhà ngắm
Hà nội tháng Giêng

Cô gái Nghi Tàm
chở hoa vào thành phố
trên chiếc xe đạp gầy những đóa cúc
nằm nghiêng
cô chở hoa hay là
hoa chở cô
những cánh cúc vướng vào bâu áo
cô gỡ ra rắc
những mảnh vàng theo từng
vết xe lăn
cô chở hoa
đi trong những con phố cổ
Hà nội hơn bốn mươi năm
mầu vôi cũ còn nguyên
có những cánh cửa đóng từ ngày tôi đi
người ta quên không mở
tôi chạm tay vào
đánh thức tuổi thơ

Cô gái Nghi Tàm
thồ hoa vào thành phố
cô chở hoa hay là
hoa chở cô
chiếc xe đạp đi trong những con phố cổ
Hà nội hơn bốn mươi năm
hạt bụi cũ
không bay
trên tán lá bàng con chim xưa
còn nằm nguyên trong tổ

Hồn tôi cong
như một cánh cúc gầy.

Nước non

(Truyện rất dài rút thật ngắn)

Tâm Thanh

Ai cũng khen việc cụ bí mật đi Pác-bó soạn di chúc là sáng suốt, như bất cứ lời nói việc làm nào của cụ cũng đều sáng suốt. Bởi đó là nơi cụ khởi nghiệp. Nhìn giòng suối ẩn mình dưới vòm cây chằng chịt, bao năm vẫn chảy xiết dưới vách núi, lòng cụ nao nao. Trong hang, tượng Các Mác do chính tay cụ đẽo trên cột thạch nhũ vẫn còn đó, lúc nào cũng đầm nước. Cụ khoanh tay cung kính "Thưa Cụ, tôi lại tới đây . ..thấm thoát đã gần 30 năm ..."

Năm xưa, năm 1940, một ngày cuối đông...gió bấc thổi lạnh buốt, cụ đứng ngắm cảnh tiêu sơ trên núi rừng biên giới Việt Trung, rồi chỉ vào giòng suối chảy cuồn cuộn trước mặt, hỏi - giọng Nghệ sệt:

- Sông chi thế, thầy sử?

Ông Giáp là giáo sư sử tại trường Thăng Long, vừa thoát ly Hà Nội theo cụ:

- Thưa Cụ, suối chứ không phải sông ạ. Suối Pác-bó.

Cụ gật gù lẩm bẩm "Suối hay sông cũng rứa, cũng là nước. Nước Non ... Người mình thâm thúy lắm, lấy hai chữ Nước Non, Giang Sơn hay Sơn Hà để chỉ Quốc Gia". Cụ chỉ lên ngọn núi sừng sững đứng gần:

- Thế còn núi kia?

Ông giáo sử ký chắc chắn phải rành cả địa lý, nhưng đây là một ngọn núi vô danh, không nằm trong sách giáo khoa, nên ông hơi do dự:

- Thưa Cụ, ngọn núi này... ở gần Lũng Dẻ và Lũng Tần ... Có thể nó tên là... Lũng Nham.

Ông Đồng từ nãy tới giờ vẫn im lặng, bỗng giật mình, lẩm bẩm:

- Lũng Nham? Có phải là cứ điểm sau cùng của Lê Chiêu Thống trên

đường sang Tầu bán nước vào năm 1789?

Lời lẩm bẩm của ông Đồng hình như có lọt vào tai hai người kia, nhưng không ai bận tâm. Ông Giáp thì mải moi ký ức sử địa, còn cụ thì đang loay hoay với một ý nghĩ khác. Cụ hơi thích hơi văn trong bản tuyên ngôn độc lập của vị đại anh hùng Lý Thường Kiệt "Nam quốc sơn hà Nam Đế cư ...". Nhưng cụ nghĩ thầm "Đáng tiếc! Đáng tiếc! Bác Lý ạ, bác vẫn còn tinh thần quốc gia hẹp hòi." Cụ bèn leo lên một gò cao, tay chống nạnh, tay chỉ vào non sông Việt Nam:

- Từ nay ngọn nước này sẽ gọi là Suối Lê-nin.

- Và non kia sẽ có tên là Núi Các Mác.

Hôm nay cũng chỉ có ông Đồng và ông Giáp được hân hạnh theo cụ vào hang. Bỗng tiếng ông Đồng đánh thức cụ:

- Thưa Bác, Bác sẽ thảo di chúc ở đây, dưới chân tượng cụ Mác?

Cụ gật đầu, mắt vẫn không rời tượng Mác, như đang chiêm bái. Khi hai vị đại lão thần lụm cụm khênh một cái bàn con và một cái ghế lại, cụ ngồi xuống, trịnh trọng đề ngày tháng. Không hiểu tại sao cụ đề ngày 10.5.69. Sau vụ Mậu Thân, sức khỏe cụ suy sút như cỗ đại pháo tuột dốc. Cụ nguệch ngoạc, bôi bôi xóa xóa, mãi tới câu này ngòi bút mới thông:

"... Vì vậy tôi để sẵn mấy lời này, fòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Mác, cụ Lênin ..."

Sơ thảo xong bản di chúc, cụ vẫn còn bồi hồi về ngày đầu chân ướt chân ráo bước qua biên giới, thuận tay ký tên: "Ái Quấc". Sực nhớ mình đã cải tên từ lâu, cụ bèn bôi hai chữ ấy đi.❐

đá mục

truyện của Thảo Trường

Đồng Tháp xuất bản
Sách dày 152 trang. Giá 10 MK
Nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành

Một truyện vừa của nhà văn Thảo Trường, mà theo ý kiến của các nhà văn trong ban Chủ biên Văn Học, là tác phẩm xuất sắc nhất viết về đề tài lao tù cộng sản trong năm 1998. Tác giả không kể lể, mà vượt lên trên, suy nghiệm như một triết nhân với nụ cười và một đầu óc thông minh, một trái tim nhân hậu.

Những Món Tiền Xây Mộ Tổ

Trần Ngọc Tuấn

1/ Tiền Của Tôi.

Khi đã trở thành nhà văn có chút tiếng tăm, tôi được các bậc chức sắc từng trải qua một thời lửa đạn, lao tù, nay đã an khang công thành danh toại tới yêu cầu viết hồi ký (mặc dù số tiền nhuận bút hậu hĩnh). Song phải thú thật: cuộc đời các vị này không gây cho tôi chút *cảm hứng cỏ con nào*, ngay cái chất lãng mạn *"vỗ kiếm hát trên biên thùy..."* mà tôi hình dung thủa nào cũng trở nên nhạt nhẽo. Đáng sợ nhất khi người viết văn có thái độ vô cảm không biết *sụt sùi* trước cuộc đời, số phận đồng loại, nhưng nguy hại hơn là dửng dưng trước hào quang *ông này, vị nọ, bác kia*...khi tôi đang phải sống trong một xã hội có *quá nhiều sự bất trắc*. Tôi rất dễ bị thất sủng vì làm mất lòng *những người muốn viết hồi ký*. Song tôi cũng đủ trí khôn từ chối *nghệ thuật* (tôi học được điều này sau khi đọc xong cuốn truyện "Bố Già", trong đó có đoạn... *Làm sao cái lắc đầu phải như cái gật đầu*...) Vâng ! Tôi đã *lắc đầu* như *gật đầu*. Tuyệt vời hơn, tôi còn *rưng rưng nước mắt* cảm động và nghẹn ngào... *Cuộc đời các bác, các chú hào hùng quá, thăng trầm quá, cháu đang bị những sự kiện làm sốc, phải có thời gian cho cảm xúc lắng xuống khi ấy mới bình tâm viết được*... Thế mà các bác, các chú lại hồn nhiên tin tôi. Người duy nhất vạch trần sự xảo trá này, không ai khác ngoài em gái tôi, nó bảo: *Anh cáo thật, mấy ông ấy giỏi lắm chỉ sống được mấy năm nữa thôi*... Tôi biết, khỏi cần nghe con em nói. Các bác, các chú thuộc bậc "Đại Cồ Việt " kia chẳng mấy chốc *mà thăng*, kế hoãn binh mượn danh *cảm xúc* đã gạt vị trí nhà văn của tôi xuống ngôi *chiếu dưới* và tôn vị trí nhà ngoại giao lên *chiếu trên*. Cũng nhờ sự *láu cá để tồn tại, tránh được xây xát*. *Những người muốn viết hồi ký* ứng trước cho tôi một số tiền, tôi mang số tiền *hồi ký* này

để *hồi hương* về quê xây mộ tổ...

2/ Về Quê- Tiền Nhiều Người.

Tình gia tộc ở làng vẫn còn sâu đậm lắm, thời trước đã vậy, thời nay dẫu có bị chút lấn lát của nền văn minh đô thị, song những giá trị truyền thống kia vẫn được bảo toàn (dù không phải là không có sứt mẻ).

Tôi ở nhà bác Hai Nhiên (bác là anh ruột bố tôi), trước sang Lào mấy năm giúp bạn xây cầu cống gì đấy, dính mìn phỉ Vàng Pao, cụt chân, được về nghỉ *chế độ* trước thời hạn. Nhà bác đông con, các anh chị đều thành đạt trong việc học hành. Cơm nước xong bác bảo với cả nhà: Việc xây mộ tổ, họ nhà mình đã tính lâu rồi, đóng góp phụ thuộc vào *thu nhập*, cũng phải *linh hoạt* tùy cảnh, tùy tâm. -Chị Thúy hỏi: *Bố đã tin cho những người trong họ đang làm ăn xa biết chưa? -Tao tin hết rồi, nội nhật tuần này sẽ về đủ cả.*

... Người về làng trước tiên là ông Uy - Thứ trưởng, ông đi xe Nhật đời mới nom oai vệ lắm (bố ông trước làm Trương tuần, ông giờ làm Thứ trưởng - *con hơn cha nhà có phúc*). Gặp ông, bác Nhiên hỏi: *Chú về một mình, thím đâu ?*

-Dạ thưa, nhà cháu ra nước ngoài dưỡng bệnh.

Anh Cả Đẫn về sau ông Uy, anh nổi tiếng trong giới giang hồ anh chị vì tài võ nghệ tuyệt luân, chẳng ai biết anh làm nghề gì thu nhập ra sao. Anh không về một mình, theo anh mấy gã bạn chỉ nhìn mặt cũng biết vào hạng *cao thủ võ lâm*. Anh hỏi bác Nhiên: *Đóng góp ra sao, thằng này chi hết*. Bác Nhiên bảo: *Cưa đều, chú đừng cậy nhiều tiền mà lên mặt ông tướng coi mọi người như cỏ rác, bỏ thói kẻ cướp- đừng xấc*. Anh hềnh hệch: *Ông bác lại nóng, thằng này chỉ thiết lập lại công bằng xã hội, lần này về quê cũng đủ cho mọi người thấy đây biết trọng tín nghĩa.*

Quay sang tôi anh bảo: *Bài ký chú viết vừa rồi ca ngợi cái công trình ngu dốt, ngạo mạn khinh thường kỹ thuật vào loại nhất nước, thối không thể ngửi được. Thằng phụ trách công trình khốn nạn hết chỗ nói, vợ gã buôn lậu thuốc phiện cỡ bà trùm. Đợt này tôi sẽ nói lũ đàn em tới làm việc, trước khi viết phải biết đắn đo, họ nhà mình ít kẻ hèn lắm.*

Tôi hơi bất ngờ vì anh Cả Đẫn chịu đọc sách báo. Bên ngoài, nom anh hệt kẻ bị truy nã toàn quốc về tội hiếp dâm.

Anh Cả Đẫn lượn xe ra thị xã thuê khách sạn ngủ, hẹn ngày họp họ mới tới.

Bác Nhiên cho tôi xem bản vẽ ngôi mộ tổ. To, hoành tráng, có rồng,

rùa, lân, phượng... tô xanh, đỏ, tím, vàng, bác hỏi: *Có máu không ?* Tôi bảo: *Chiến lắm,* bác nói: *Tao vẽ đấy, cầu cống còn thiết kế được huống gì mộ tổ*

Buổi tối, tôi sang nhà chị Liễu, chị Liễu đẹp lắm nhưng lanh chanh như con chim sâu. Sau này, lên thành phố, đi nhiều, tiếp xúc nhiều, tôi vẫn chưa gặp ai đẹp như chị. Trong ký ức tuổi thơ chị Liễu là nàng tiên dịu dàng, chỉ tiếc chị không có phép để tôi toại nguyện ước mơ thủa ấy và cả sau này. Hương thiên lý trước cổng nhà chị đánh thức trong tiềm thức, ở chỗ sâu thẳm nhất mùi hương tôi ngỡ quên rồi... Ôi ! Những chùm hoa thiên lý màu vàng chị Liễu vẫn nấu canh cua cho tôi ăn vào mùa hè, còn nữa trên tóc chị mùi lá hương nhu, lá bưởi chị dùng làm nước gội đầu hình như vẫn còn dìu dịu phảng phất đâu đây ?

Cũng chẳng rõ tại sao, chị Liễu không lấy chồng và khước từ tất cả các chàng trai trẻ, đẹp, giầu có. Chị Liễu gặp tôi, mừng lắm, chị hỏi: *Em về bàn việc xây mộ tổ phải không ? - Dạ* - Tôi trả lời. Chị bảo: *Chị có đọc mấy truyện ngắn của em, sao buồn thế ?- Em cũng không hiểu nữa, hình như buồn làm người ta nhớ lâu hơn vui. - Lấy vợ đi em ạ ! Trên thành phố thiếu gì cô xinh. - Em chưa gặp ai xinh bằng chị, hiền giống chị. - Chị quá lứa, lỡ thì rồi. Em đã lớn, lại là nhà văn có tên tuổi, em vào đây chị cho xem cái này.* Chị Liễu dẫn tôi vào căn phòng ẩm mốc. Chị lật gối, lấy ra chiếc quần lót bộ đội, chị bảo: *Của anh ấy, chị giữ làm kỷ niệm khi đoạn đời con gái biến thành đàn bà, anh đã đi, mãi giờ vẫn chưa trở lại. Em thương chị, hãy viết về sự đợi chờ này nhé, biết đâu anh ấy tình cờ đọc được rồi quay lại tìm chị.* Chị gục đầu vào vai tôi, nước mắt thấm vào làn áo mỏng khiến tôi rùng mình. Bỗng dưng tôi thấy cuộc đời của *các vị muốn viết hồi ký* nhỏ nhoi hơn *nỗi đợi chờ* của chị, mà cũng chẳng sánh bằng bát canh riêu cua nấu với hoa thiên lý, chị nấu cho tôi ăn vào mùa hè đã xa lắc, xa lơ...

... Họp họ ở nhà bác Nhiên. Sáu mươi mâm, mỗi mâm năm người ăn, thuê thợ nấu từ trên tỉnh về. Có họp họ tôi mới *ngộ* dòng họ nhà mình chỗ nào, vị trí nào trong xã hội cũng có người *thò mũi* vào. Bác Nhiên nói lời khai mạc, trình bầy cặn kẽ tổng chi phí trong việc xây mộ tổ với số tiền sáu mươi triệu, chia đầu người trong họ mọi sự đóng góp đều *bình đẳng.* Bác vừa dứt lời, chị Hiền đứng lên khẽ khàng: *Em có mấy nhời không phải mong các bác bỏ quá. Hoàn cảnh em tháng nào cũng phải bán máu nuôi con, em xin góp trăm ngàn còn lại bao nhiêu em xin khất...* Ông Uy-Thứ trưởng cất tiếng: *Cô này bôi bác, trong chế độ ta không có người nào sống bằng nghề bán máu. Luật họ cũng như luật nhà nước cứ nhất nhất*

chấp hành.

Anh Cả Đẫn ngẩng mặt nom rất du côn, xin giơ tay phát biểu: *Nhà nước này làm đéo gì có luật, đây ỉa thẳng vào cái đống bầy nhầy được mệnh danh là luật pháp, thiếu gì người bán máu, chế độ đã bẩn sẵn đâu cần ai phải bôi. Tôi đóng giùm chị Hiền số tiền nợ họ.*

Ông Uy cao giọng: *Chú Cả Đẫn - tôi cấm chú ăn nói giọng bến xe, bến tàu*

-Luật họ cao hơn luật nước, về vai vế tôi còn hơn chú, chủ tịch, trung ương còn chẳng ra quái gì đối với tôi, huống hồ chức thứ trưởng còm. Anh Cả Đẫn lớn tiếng.

Thím Hồng bảo: *Thôi xin các chú, họp họ toàn anh em ruột rà máu mủ, một sự nhịn chín sự lành, đóng bao nhiêu tôi nộp đủ. Chỉ cần ngày nào cũng có năm người chết là tôi có tiền triệu, xây bao nhiêu cái mộ cũng được* (Thím Hồng làm nghề khóc thuê cho các đám ma, thím khóc *rất hay* nên thời gian gần đây có của ăn của để).

...Một cô gái nom khá xinh, ăn mặc theo lối thị thành ấp úng: *Cháu xin chi hết tiền công thợ.* Bác Nhiên mỉa mai: *Tiền con cháu đóng góp xây mộ tổ phải trong sạch, không các cụ vật cho hộc máu mồm, máu mũi, thay mặt họ tôi xin cám ơn cô, nhưng hảo ý cô vừa đề nghị chúng tôi không dám nhận.*

Anh Cả Đẫn lại vào cuộc: *Xin bác Nhiên cho biết tiền nào sạch, tiền nào bẩn. Người ta phải bán cả sự trinh bạch để kiếm sống mà vẫn có lòng với tổ tiên, tôi cho đó là một nghĩa cử đẹp.*

Ông Uy chen vào: *Gây bệnh liệt kháng cho cả thế giới tử tế gì, kẻ cướp gái đĩ bao giờ chẳng bênh nhau.*

Anh Cả Đẫn cười nhạt: *Thưa ông thứ trưởng, ra giêng dẫu bận thế nào em cũng cố tới gia thất thăm bác.*

Bác Nhiên xua tay: *Chú Cả ơi ! Đừng dọa nạt nhau như thế, mình đang bàn việc xây mộ tổ, mộ đâu chưa thấy, dễ lại có án mạng...*

Thằng Tiến nói khẽ vào tai tôi: *Bát nháo, lộn xộn, chết là hết bầy đặt mồ với chả mả, to như cái đình, tọa nơi hoang vắng bờ bụi chỉ tổ làm chỗ cho gái, trai chui vào làm trò dửng mỡ.*

Tôi bảo: *Đầu mày luôn có con rắn đen.* Nó trả lời: *Tao đã nhiều lần như thế rồi* - đến lượt tôi ngạc nhiên (thằng Tiến đang làm việc tại báo *Hôn Nhân, Hạnh Phúc, Gia Đình*), thoáng qua đầu tôi những bài nó viết gây xôn xao dư luận *"Tình Dục Trước Hôn Nhân - Sự Xuống Cấp Của Những Giá Trị Truyền Thống"*, hoặc " *S.O.S Về Văn Hóa Hôn Nhân"* ...

... Cuối cùng thì tất cả đều nhất trí mô hình bản vẽ mộ tổ mà bác Nhiên là tác giả. Thằng Tiến nháy mắt đùa tếu một câu: *Đặt thêm hai*

Âm thức

HOÀNG XUÂN SƠN

Thức nhớ Trương, chị S, mấy ngày hè ngắn ngủi ở M.

Thức viễn hoa lay trắng của
then hờ một chuyến đi xa
bụi phủ nguồn cơn thân ái
âm âm cành tiết độ nhòa

Chiều nhọc lần qua khung trái
vai nương thân cánh phục tùng
buông thõng trần khúc mê dại
lửa diêu tàn phục cõi chung

Tiệc vui nào dứng lóng ngóng
dường dài quy một say ngây
quờ quạng đêm gương vẫn giá
ở nhau còn rụng bữa đầy

Như mai hương nguyền gẫy gập
áo mềm tưởng một dung thao
ngón tay sút gầy trang thiếp
nghìn âm thu vợi quyển nào.

khẩu súng thần công trước cửa mộ thì giống hệt lăng tẩm triều Nguyễn.

Trước lúc tàn cuộc, anh Cả Đẫn xin phép mọi người nán lại, với lý do: đọc cho cả họ nghe bài thơ anh vừa làm. Bài thơ này khá dài, tôi chỉ nhớ phần ngắn:

Ai cũng từ chỗ đó chui ra
Nên không thể cho là nhơ nhuốc
Sữa mẹ có thể bắt đầu từ lúa, từ khoai
Từ bầu bí, cá cua để nuôi mình khôn lớn
Cũng có thể từ nhục nhã ê chề
Nhưng đều bắt đầu từ sự yêu thương của tình mẫu tử...

(Hình như anh vẫn ấm ức với ông Uy). Thằng Tiến bảo: *Thi pháp ú ớ, ý tưởng thì được có khí phách của bậc đội trời đạp đất. Thơ ông tướng này còn hay hơn khối thằng ở tòa soạn.*❐

Ước Mơ

Hoàng Nga

Khi Tuệ đi rồi, một trong những giấc chiêm bao thường hay làm tôi giật mình lúc nửa đêm là hình ảnh tôi với Tuệ đứng trước một hàng hiên cụt, trông ra con đường hơi cong, dốc cao vòi vọi vẫn khiến tôi bị hụt đi vài hơi lúc đạp xe đến nhà chàng ngày xưa. Con dốc, trong giấc mơ tôi, không là thành phố chúng tôi đang ở, mà chạy thêm một đoạn nữa, là một phố huyện với những cánh rừng cao su bạt ngàn và những rẫy cà phê xanh lá. Chỉ có một lần Tuệ đưa tôi về đó thăm bác chàng mà cái ấn tượng của nó để lại trong rất tôi mạnh mẽ. Lâu lâu là tôi lại bắt gặp mình lơ mơ nghĩ ngợi đến những quang cảnh tiêu điều, buồn rầu và ảm đạm ấy. Cả phố huyện chỉ có hai cái quán cà phê nghèo nàn, một của ông họ Tuệ, với gian nhà trống lèo tèo những bộ bàn ghế gỗ cũ kỹ, bẩn thỉu, chung quanh tường không được trang trí, cũng như không có một cái quầy hay bức bình phong nào để che bớt cái trống lốc trơ trẽn, mà khách khi đứng từ ngoài cửa nhìn vào, có thể thấy tới tận bếp. Còn cái kia, nằm cuối huyện, nơi tiếp giáp với rừng cao su, lại chật hẹp, tù túng đến khó chịu. Mùa mưa ở đó, đường vào rừng lầy lội, bùn đỏ ngập ngụa dưới chân đi, dẻo quẹo như một miếng bột khoai mì nhão nước nhớp nháp. Phía trước cửa quán cũng sền sệt, lầy nhầy một cách bẩn thỉu.

Thời tôi và Tuệ chưa cưới nhau, mỗi buổi đi làm về, tôi thường đạp xe lên nhà chàng một lát. Nếu có Tuệ ở nhà, hai đứa sẽ ngồi nói chuyện với nhau gần cửa bếp. Tôi ngồi trên võng, còn Tuệ, trên một cái ghế đẩu ở bên cạnh. Thỉnh thoảng tôi co chân lên cho chàng đẩy cái võng lắc lư, lắc lư. Hôm nào Tuệ đi vắng, tôi ngồi chờ chàng ở căn phòng khách trống lốc phía trước. Tất cả mọi đồ đạc ở đây đều đã bị dời ra chợ trời từ lâu, nên mẹ Tuệ thường vẫn không chịu cho mở toang cánh cửa sắt trước nhà. Nhưng

rồi bà cũng không thích mở cả cánh cửa gỗ đi vào gian phòng thứ hai. Vì vậy mà nhà Tuệ luôn luôn kín như bưng. Tối mịt. Tối mò.

Toàn bộ ngôi nhà Tuệ, ngoại trừ chỗ cái võng tôi thường ngồi trò chuyện với chàng, ở phía bên trên có một cánh cửa sổ lớn, khá sáng sủa; còn lại, thật khó tìm ra một nơi, khiến tôi có thể yên lòng, không cảm thấy ngại một cái liếc mắt của đám em út chàng, thỉnh thoảng vẫn làm bộ đi qua, đi lại, ngang qua chỗ chúng tôi. Tư thế của tôi lúc đó là tư thế của kẻ sắp về làm dâu. Vừa thân vừa lạ. Vừa e dè giữ kẽ, vừa chiều chuộng nhọc lòng.

Những hôm tôi không đạp xe lên cái con dốc nhỏ ấy, tối, Tuệ lại đến nhà tôi. Hai đứa ngồi ở bộ sa lông ngoài phòng khách. Tôi hay co cả hai chân lên ghế, cằm tựa vào đầu gối. Còn Tuệ thường trơ ra như phỗng. Mẹ tôi nhất nhất cứ đi ra đi vào những khi con nhỏ Tuyền và Thảo đi vắng. Hoặc có khi bà ngồi luôn ở đâu đó, trên cái đi văng hay trên trường kỷ, nói chuyện đời với cả tôi lẫn chàng. Hầu hết các câu chuyện này đều mang tính chất răn đe, dọa dẫm nhiều hơn là trao đổi, nên Tuệ cứ "dạ vâng" đến sốt cả ruột. Ba tôi thì có vẻ "tế nhị" hơn. Chẳng mấy khi thấy ông ở nhà ngoài, nhưng chốc chốc là lại ho lên mấy tiếng, như muốn nhắc nhở "forget me not!". Mãi đến lúc tiễn Tuệ ra về, hai đứa mới có dăm ba phút với nhau, hôn nhau những nụ hôn từ giã rất vội vàng, cạnh bên bụi tướng quân.

Mấy cái lá tướng quân to lớn ở cổng nhà tôi dư sức che khuất tôi phần nào, tránh được các cặp mắt xoi mói của hàng xóm, nhưng tôi thì ...cẩn tắc vẫn vô áy náy, nên cứ vừa thì thầm nói chuyện, vừa dáo dác nhìn quanh. Và thường tôi lại làm Tuệ bực mình vì thái độ sợ sệt, thỏ đế của mình. Chàng hay bảo tôi đề phòng như vậy là thừa, vì hiên nhà tôi, cũng như hiên nhà chàng, luôn luôn tối đen như mực. Chàng nhăn mặt:

- Bộ hàng xóm nhà em trước đây toàn là cảm tử quân hả?

Cái thế giới của hai đứa chúng tôi, là luôn luôn ở giữa mọi người. Chộn rộn. Nếu không muốn nói là còn bị dòm ngó, rình rập. Lâu ngày, một cái cầm tay âu yếm cũng bỗng trở nên hiếm hoi. Tôi mê nhạc tình. Dìu nhau đi trên phố vắng...Theo em xuống phố trưa nay..., chẳng hạn. Còn Tuệ chơi guitare, nhạc cổ điển. Một dạo, Tuệ cứ tập đi tập lại hoài mấy bài Sonate của Beethoven. Những bài sonate réo rắt. Có đoạn âm thanh cuốn lấy nhau rộn rã, chứa chan. Có đoạn trầm lắng, dịu dàng như một lời tỏ tình. Tôi yêu bài những sonate. Nhưng không phải vì cái tuyệt diệu của nhạc Beethoven như người ta thường ngợi khen, bởi tôi đâu có biết quái gì về âm nhạc, mà yêu cái tính cách lãng mạn, yêu hình ảnh trữ tình của người con trai ôm đàn trong ánh trăng dịu ngọt dưới khung cửa

sổ của người yêu.

Năm tôi mười ba tuổi, có lần tôi đến ăn cơm chiều với hai vợ chồng ông anh họ. Căn nhà nhỏ, hay nói đúng ra chỉ là một căn phòng, nằm ở cuối đường, trong một khu phố khá yên tĩnh. Chiều ngang chừng độ bốn mét, chiều dọc mười mét. Hai vợ chồng trẻ, chưa có con. Nhà chỉ có một cái giường gỗ trải chiếu hoa, một cái bàn viết ngay cửa ra vào, và một cái chạn đựng thức ăn. Cái rề sô bằng đầu hỏa đặt dưới đất, đối diện với cái chạn. Soong nồi treo trên tường. Ông anh họ tôi đi lính, hạ sĩ quan. Bà chị dâu làm thư ký đánh máy cho một cái văn phòng tư nhân nào đó. Nhà chật, nhưng gọn gàng, mát mắt. Phía trước cửa treo mấy giò lan lá xanh mượt, hoa vàng óng. Cổng ra vào lơ thơ vài đóa huỳnh anh.

Ông anh tôi bảo bình thường hai người ăn cơm trên bàn viết. Hôm có tôi, chủ nhà và khách tọa lên giường trải vài tờ nhật báo. Bà chị dâu tôi vén khéo, nấu ăn ngon như đầu bếp chính tông. Bữa ăn chỉ có lát cá thu chiên, một đĩa rau cải luộc, và tô canh ngót. Nhưng có thể gọi đó là một trong những bữa cơm tuyệt vời nhất trong đời mà tôi đã từng được dự. Cái ấm cúng ăn sâu trong trí tôi. Cái hình ảnh hạnh phúc bám chắc, như một sợi dây leo mỏng mảnh nhưng biết ra những cái rễ con mạnh mẽ, hoặc những chiếc vòi dài để quấn vững vàng vào bờ dậu. Khi nghĩ ngợi tới một mái nhà mà chính mình sẽ có, tôi hay mường tượng ra cái khung cảnh đầm ấm ấy.

Thời tôi yêu Tuệ, đất nước đã thay đổi, áo cơm hành hạ không chừa ai. Gia đình tôi dẫu chưa thê thảm như nhiều người, mỗi ngày phải chọn một... củ khoai, nhưng mẹ tôi cũng cứ khuyến cáo, và áp dụng mọi chương trình thắt lưng buộc bụng. Trừ con nhỏ Thảo, nhà tôi người nào cũng đi làm. Tôi lãy lất lương thư ký ba mươi ba đồng năm mươi xu mỗi tháng. Lâu lâu, mẹ tôi phải đáo ra chợ "mại bản" một, hai chỉ vàng.

Tuệ thường nói chàng không có nhiều mơ ước, nhưng nếu mơ ước mà chỉ như tôi đang mơ ước, thì chàng bảo "cho anh xin!". Tôi không hiểu có phải cuộc sống khó khăn, thời buổi nhiễu nhương khổ ải quá, mà tôi lại bật ra những ước mơ tầm thường như thế hay không. Tôi kể cho Tuệ nghe về một mái nhà bé tí teo, bốn mét chiều ngang, mười mét chiều dọc, và những bữa cơm thanh đạm. Chàng ngạc nhiên nhìn tôi. Cuối cùng chàng hỏi tôi tại sao ngày xưa tôi tiểu thư đài các, nhà có năm bảy người hầu, mà lại có thể cam phận như vậy khi thời thế thay đổi. Tôi không biết trả lời sao với Tuệ. Chàng bảo:

- Anh trước chỉ là lính văn phòng, nhưng khi bại trận cũng tơi tả, xơ xác như một tàu chuối dưới mưa giông. Cuộc sống ngộp thở ở đây làm

anh chịu không xiết, còn cái nghèo thì chỉ khiến anh muốn tự tử quách cho yên đời! Vậy mà em lại cứ...

Chàng bỏ lửng câu nói, rồi ngó tôi, cười cười:

- Đã mơ, thì mơ... sang sang một chút cho bõ chứ em!

Tôi đùa, túp lều tranh hai quả tim vàng. Tuệ đùa lại:

- Lều tranh mà đựng tới hai quả tim vàng, mất trộm thì sao?

Tuệ thường nói với tôi về một vùng đất xa, vừa có tự do, vừa có đủ cả điều kiện vật chất, với những hoài bão lớn nào đó. Chàng mơ ước một chuyến đi, mơ ước một cuộc đời sống khác. Chàng bảo làm trai chí lớn tại bốn phương. Tôi không tưởng tượng ra được cái phương ấy như thế nào, mà chỉ biết cái phương tôi không chứa nổi ước mơ Tuệ. Chàng hoàn toàn chẳng mơ ước suông một mái nhà, một tình yêu thật sự giữa hai con người...

Tuệ thực hiện chuyến đi thứ nhất vào đầu năm. Giữa hai đứa tôi chẳng có sự ràng buộc nào ngoại trừ những lời hứa của chàng. Chàng nhờ tôi làm hai tờ giấy đi đường, đóng mộc thật của cơ quan tôi, và chữ ký giả của ông trưởng phòng. Ông trưởng phòng, thủ trưởng trực tiếp của tôi, trước ngày vào bưng, chỉ học đến lớp hai, chữ ký của ông ngó khủng khiếp như ác mộng. Chúng bao gồm một mớ mẫu tự nằm chen chúc, xô đẩy nhau rồi bất thình lình đùn lại bằng một chữ "g" ở cuối cùng như một cái "barrier" ngang ngược, chận đứng "đường tiến bước" của tất cả những chữ ông đã nguệch ngoạc phía trước. Ngay hôm đầu tiên vào nhận việc ở cơ quan này, nhìn chữ ký ông tôi đã suýt phì cười. Về nhà tôi nói với Tuyên:

- Thế nào cũng có ngày mấy cái chữ đứng trước chữ "g" này bắt chước chủ nhân nó đi vô bưng làm cách mạng, vùng lên phá tan ách nô lệ.

Như vậy đó, mà cả hàng tháng trời, tôi đã phải tập ráo riết lắm mới quậy ra được một thứ na ná, hao hao cái gọi là chữ ký đầy ác mộng ấy. Tôi tập bằng tay trái. Để những "nét chấm phá" run lẩy bẩy, yếu ớt như gà nuốt dây thun. Và tôi mang về cho Tuệ hai cái giấy công tác ra miền Trung. Tôi nghĩ ngợi mông lung đủ điều. Trong đó có cả những điều dự trù cho tôi, nếu như sự sắp xếp của Tuệ bất thành và bại lộ. Tôi nghĩ ít nhất ra là tôi cũng phải chọn một cách giải quyết riêng cho mình để không làm phiền những người thân còn lại trong nhà. Tôi sắp xếp hành trang gồm hai bộ quần áo, một chiếc vòng cẩm thạch bà ngoại tôi tặng lúc nhỏ, một sợi dây chuyền hơi nặng ký của mẹ dành cho ngày tôi vu qui. Nhà bạn tôi ở Bảo Lộc. Tôi đã đến đó một lần. Và tôi sẽ đến đó một lần nữa.

Tôi cũng tự nhủ nếu tình thế khó khăn hơn nữa, thì tôi sẽ vào rẫy của bác Tuệ, đi hết con suối cạn, đến một nơi có cây vối lớn, lá rụng quanh

năm. Tôi mua sẵn hai lọ thuốc sốt rét.

Nhà bác của Tuệ có một miếng rẫy chưa thục, chung quanh bạt ngàn cây rừng và một con suối cạn. Hết mùa trồng tỉa, suối không còn nước, mảnh đất mới khai hoang héo khô, trơ trọi những gốc bắp đã bị phạt ngang nham nhở, nâu một màu nâu buồn rầu, ảm đạm. Lúc Tuệ đưa tôi về thăm bác chàng, và nói chuyện với ông trong nhà, tôi đã một mình đi gần hết con suối, nhìn mặt trời rơi vàng phía bìa rừng. Lá khô dày cộm dưới chân tôi. Tôi nhớ đến những bài hát trữ tình, những suối mơ bên bờ thu vắng, nhà tôi bên chiếc cầu soi bóng... Lòng tôi buồn ai oán, não nùng. Tôi nhận ra cái trời mơ xa xăm của Tuệ đang đẩy dần cái ước mơ tôi xuống tuyền đài.

Tuệ đi, và rồi Tuệ trở về. Bao nhiêu dự tính đổ vỡ, thất bại hoàn toàn. Thời hạn ghi trong hai tờ giấy đi đường trở nên vô giá trị, Tuệ trả lại cho tôi để tôi hủy chúng đi. Thời gian sau chàng lại tục đục làm chuyến khác. Với những người bạn thân, lẫn cả những người lạ hoắc lạ hươ mà tôi chưa hề nghe tên, hoặc biết mặt. Tôi khóc cạn nước mắt. Tôi run sợ từng ngày. Có những lần tưởng Tuệ đã bị bắt, hoặc đã mất tích, tôi như lên cơn điên. Tôi cáo bịnh nằm nhà, vừa cố gắng chịu đựng nỗi đau khổ một mình, vừa cố gắng dấu buồn với gia đình.

Mãi cho đến một hôm, trong cơn say ngất ngưỡng, Tuệ bảo tôi, chàng đầu hàng số mệnh. Rồi chàng khóc. Mắt đỏ hoe suốt một buổi chiều. Tôi mừng hết lớn, nhưng trái tim tôi nặng như đeo hàng trăm tấn đá, có muốn cười cũng cười không nổi. Trông Tuệ cứ héo xác héo xơ, ủ dột như một đám táng dưới trời mưa.

Tuệ bỏ ý định vượt biển. Bỏ luôn cả đánh đàn. Sau chàng chuyển sang chơi những bài flamenco dữ dội, cuồng nộ. Như thể chàng muốn bộc bạch nỗi niềm, bộc bạch những cơn cuồng nộ với cuộc đời. Phía gia đình tôi thấy Tuệ chỉ vào ra, chẳng làm gì, đòi cấm cửa chàng. Con nhỏ Tuyền nghe ngóng tin tức sao đó ngoài đường, về nhà đay nghiến tôi:

- Cái kiểu của thằng cha Tuệ mà có ra được tới hải ngoại cũng chả làm nên cơm cháo gì!

Đi mãi không xong, Tuệ chán đời, vừa nhởn nhơ bồ bịch, với tôi, vừa đuổi hoa bắt bướm với đám đàn bà con gái loanh quanh chàng. Bỗng thình lình chàng tuyên bố đòi cưới tôi. Không có một đồng bạc trong tay, và không có cả dự án tính toan gì cho cuộc đời. Nhưng tôi thì cứ nhắm kín mắt, trái tim không mù lòa cũng cận thị; hân hoan reo hò chiến thắng, lao theo chàng như con thiêu thân lao vào ánh đèn không một chút đắn đo. Con nhỏ Tuyền gọi con đường về nhà chàng là tử lộ của tôi, và gia đình

chàng sẽ là nơi tôi cấm cố chung thân. Nó rủa tôi:

- Bà Nhị hì hục leo lên đỉnh dốc là để buông tay rơi mình xuống vực. Không có am không có cốc, không có cổ mộ cho Dương Quá gặp Tiểu Long Nữ, không có hang có động cho Trương Vô Kỵ tìm được cửu dương chân kinh mà bà Nhị vẫn ngang nhiên lao xuống, tỉnh bơ lao xuống. Bà Nhị khùng rồi. Giở chứng khùng!

Ù tai với con nhỏ Tuyền, tôi chán ngán muốn đi quách ra khỏi nhà. Vậy mà càng gần đến ngày thành hôn, tôi lại càng bàng hoàng, lơ láo như một người mất trí thật. Tôi thường mơ ước tưởng tượng đến một căn nhà, một mái gia đình, nhưng giang sơn của tôi và Tuệ ở nhà chàng chỉ là một chiếc giường đôi kê sát trong vách với chăn chiếu mới, và một tấm màn vải kéo phía ngoài, ngăn không cho người khác nhìn vào. Nhà Tuệ đã tối, cái xó xỉnh của hai đứa càng tối. Khi đã về ở hẳn nhà chàng, tôi hay thắp thêm một ngọn đèn dầu thu lu trên đầu giường để đọc sách. Mẹ Tuệ thỉnh thoảng vào ra lại nhắc nhở tôi coi chừng cháy!

Đám cưới xong, Tuệ có vẻ ổn định hơn. Chàng đi học thêm nghề điện và phụ với một người bạn, nhưng lương hướng chẳng đủ thiếu gì so với những nhu cầu của chính chàng. Cái ước mơ căn nhà bốn mét bề ngang, mười mét bề dọc hiển nhiên trở thành một ước mơ vĩ đại, ngoài tầm tay với của tôi. Một tháng ba mươi ngày, muốn hay không muốn, tôi vẫn phải đi làm. Vẫn cặm cụi tám tiếng đồng hồ ở cơ quan. Và vẫn chỉ lãnh ba mươi ba đồng năm mươi xu không thêm không bớt, chẳng đủ mua thuốc lá cho Tuệ. Chuyện có con kể như xếp xó. Tháng tháng tôi lên phòng y tế xếp hàng lãnh thuốc ngừa thai. Mẹ Tuệ sốt ruột:

- Thằng Tuệ nhà này lớn tuổi rồi!

Nỗi chán ngán ứ đến tận óc tôi. Tôi hay tự hỏi, cái tông đường nhà Tuệ chưa có đứa nối dõi đã nghèo như thế, đẻ thêm ra một lũ, có lẽ chẳng biết phải dùng từ ngữ nào để diễn tả cho chính xác! Lâu lâu tôi đáo về nhà, con nhỏ Tuyền vẫn như một bà chị Hai, răn đe tôi đủ điều:

- Không việc gì phải đẻ đái! Cái giang sơn bên chồng bà thừa sức biến bà thành cây tre miễu rồi. Thêm con là thêm việc! Nói cho bà biết, bà mà già, mà xấu đi, thằng cha Tuệ lại bỏ bịch lăng nhăng thì đừng có la trời.

Mà thật vậy, tôi lo cơm nước nhà Tuệ ngày hai buổi đủ ứ nự. Hôm nào cũng như hôm nấy, đi làm về tới nhà, quăng cái giỏ lên bàn, là tôi lại tóc tai kẹp ngược, tay áo xắn lên quá khủy như chuẩn bị đi đánh ghen, tối tăm mặt mũi đâm sầm xuống bếp. Mấy con em Tuệ không biết học phép tàng hình ở đâu mà như bóng ma, xuất quỷ nhập thần, chỉ ló mặt ra ở những giờ giấc đáng ló mặt, và rồi lại biến mất ngay lúc cần biến mất!

Mãi về sau bị chàng làm ầm ĩ lên đòi "dợt" mấy lần, mới có đứa mặt nhăn mày nhó rửa giùm tôi mớ chén cho tôi kịp giờ đi làm buổi chiều. Tối tối, Tuệ hay kéo ghế ra sau nhà tập đàn. Tôi làm xong việc, bôn ba treo thêm năm bảy cái mùng cho cả nhà, chưa kịp ngồi với chồng vài phút đã muốn ngáp.

Cuộc sống âm u, ám chướng, vào ra chỉ nghe cãi nhau và làm việc túi bụi trời đất như thế bên nhà chồng, nhưng nói cho đúng ra, đó là thời kỳ hạnh phúc nhất trong cuộc đời tôi kể từ ngày quen và yêu Tuệ. Chỉ vì một lý do duy nhất là chàng không lăng nhăng với ai! Ngôi nhà èo uột mười nhân khẩu, đòi đoạn với cái nghèo của gia đình Tuệ lúc ấy sáng chói hai quả tim vàng. Tôi hân hoan, hạnh phúc như nhạc Hoàng Thi Thơ, Nguyễn Hữu Thiết, ngày anh lo nương khoai, dưới mưa dầm em lo cầy cấy. Tôi không có em trai, nên tôi thương thằng em Tuệ như em ruột. Thằng nhóc nối ước mơ túp lều tranh của tôi bằng những ỉ ôi với Tuệ:

- Anh dọn ra riêng, cho em ở chung, em gánh nước phụ cho chị Nhị.

Thằng nhóc chưa tới tuổi bể tiếng, chẳng có chút "kiến thức" nào về cái sự đời nhiêu khê hay ganh ghét, tị hiềm, cứ thắc mắc tại sao tôi khác với những các tiểu thư nhà Tuệ. Nó thường ra rả khen tôi ít nói trước mặt các bà chị làm nhiều phen tôi muốn đứng tim, á khẩu. Con nhỏ Tuyền chẳng bao giờ lại nhà Tuệ, nhưng vẫn hay hỏi trêu ngươi tôi:

- Sao, bà Nhị tịnh độ tới đâu rồi, đã hân hạnh gặp được Phật tổ chưa?

Con nhỏ thông minh một cách ác độc, tàn nhẫn. Ruồi bay ngang, chắc nó không biết con đực con cái, nhưng tôi, chỉ cần "để nhẹ" một cái liếc mắt, là nó cũng đã dư sức đoán được tôi sống vui hay buồn ở nhà Tuệ. Nó chỉ mánh khóe cho tôi:

- Bà chiều ông Tuệ ít ít lại. Không cần chiều mấy con... ác phụ em chồng chị chồng, nhưng tuyệt đối phải hết lòng hết dạ mà chiều mẹ chồng. Yêu chồng nhiều, thì chỉ tổ làm gai mắt bà già!

Tôi ngớ ngẩn hỏi tại sao. Con nhỏ Tuyền nhăn mặt:

- Trời ơi, sao bà ngây thơ quá vậy? Có bà mẹ nào mà không sợ mất con, không lo con thương vợ hơn mình?

Tôi tròn mắt ngó con nhỏ Tuyền. "Trình độ văn hóa" của nó làm tôi vừa kinh ngạc vừa... kính phục. Tôi chẳng hiểu nó học hỏi được ở nơi nào nhưng rõ ràng như đinh đóng cột, là đã vượt xa tầm hiểu biết của tôi đến hàng vạn dặm! Thỉnh thoảng "trúng mánh" gì đó, con nhỏ lại nhắn tôi về và dúi cho tôi vài chục:

- Chịu khó sắm sửa cho bà ấy một tí.

Sau đó nó rên:

- Chẳng lẽ tui kêu bà khờ. Chứ như bà mà đi làm dâu thì chỉ tổ cực

xác, nhọc thân!

Tôi, một cựu tiểu thư khuê các, giữa thời buổi khốn khó nhưng vẫn được cha mẹ nâng như trứng hứng như hoa, ở nhà mẹ nấu cơm em giặt áo y hệt lời mẹ tôi đã từng kể lể trước ngày tôi vu qui; đầu óc hoàn toàn trong sáng và tỉnh táo như ngọn đèn một trăm watt, chỉ vướng phải một tội u mê ám chướng, là khi yêu đương thì yêu bằng cả trái tim, yêu như sách vở tiểu thuyết tình cảm xã hội mô tả! Đến lúc vác thân đi làm dâu, không chịu khó học hỏi ở bất cứ lớp xuất giá sơ đẳng nào, lâu lâu được mấy con em, mấy bà chị chồng khen một tiếng là mát lòng mát dạ, sung sướng như được tổng thống ban ơn mưa móc, sẵn sàng nai lưng ra làm đủ mọi việc mà không bao giờ mở miệng than van, ca cẩm một lời. Tôi anh dũng hiên ngang tự biện hộ cho chính mình, rằng con nhỏ Tuyền nhà tôi oai phong như nữ tướng, miệng lưỡi sắc sảo như dao găm du đãng, từng tuyên bố không biết sợ nhà chồng là gì, nhưng chắc chắn nó chỉ là một đứa không biết thế nào là cái ý nghĩa của một thứ hạnh phúc "cho chứ không phải nhận"! Nó chê tôi khờ khạo, nhưng nó làm sao thấu đáo hết nỗi sung sướng hoan hỉ của một con người biết mơ và thực hiện được cái mơ ước của mình.

Tôi rủa thầm con nhỏ Tuyền. Nó chỉ thấy một mà không thấy hai. Nó chỉ đứng trên quan niệm của nó để nhận xét vấn đề, mà không biết rằng cái suy tư của mỗi người sẽ mỗi khác. Ai dám bảo rượu đắng? Ai dám bảo cóc chua? Ai dám chê đường ngọt? Dân ghiền khi "khà" được một hơi, đàn bà có bầu khi nhai được một miếng cóc, anh chàng tù cải tạo khi cắn được một cục đường; tôi chắc chắn là chỉ thấy "đã" chứ không thấy đắng, chỉ thấy ngon chứ không thấy chua...

Tôi mơ có một mái gia đình. Tôi mơ được lấy người mình yêu. Khi mọi sự đã ở trong tầm tay với của tôi, dẫu cái mái gia đình ấy vẫn có chút gì trục trặc, và người tôi yêu vẫn còn hơi "kỳ kỳ", nhưng cũng phải kể là tôi đã "mơ được ước thấy" rồi chứ! Tôi nghiến răng một mình, tưởng tượng ra bộ mặt dữ dằn của con nhỏ Tuyền ở trước mặt. Tôi "hừ" lên nho nhỏ. Mới mơ ước có ngần ấy mà đã trầy vi tróc vẩy, đã không còn hơi để thở; mơ cao hơn, té, chỉ tổ đi nhà thương hoặc đi nhà xác chứ hay ho gì mà ham!❐

MỖI THÁNG TÌM MUA VÀ ĐỌC **VĂN HỌC** ĐỂ:
* THEO DÕI SINH HOẠT VĂN CHƯƠNG Ở HẢI NGOẠI
* THƯỞNG THỨC NHỮNG SÁNG TÁC MỚI NHẤT CỦA VĂN GIỚI

Phục sinh

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

trăm ngàn diều nhắn nhủ,
sao chẳng thốt nên lời!
cầm tay nhau cũng dủ
ấm áp nửa phần đời!

kìa ai, đôi con mắt
soi hồn tôi bâng khuâng.
kìa ai, dăm dòng chữ
buộc thêm bao gụi gần.

đi giữa đường phượng tím
tưởng sống thuở mười lăm,
tóc buông đôi dòng bím
thắt nghìn sợi tình, thầm.

có nàng cười trong nắng,
có chàng dợi cuối sân,
áo nàng suôn suôn trắng,
tim chàng rộn bao lần.

cám ơn hồn cao rộng
chứa lòng tôi gió giông.
cám ơn tình dại dương
yêu tôi tim độ lượng.

phải người mang mạch nước
cho suối hè tung tăng?
phải người rung tiếng chuông
cho ngày hè rộn rã?

ôi, mùa hè tuổi nhỏ
hóa thân giữa màu hoa!
ôi, mùa hè êm ả
phục sinh từ đôi ta!

Hương

Nhật Nguyễn

Buổi ra mắt sách của người bạn khá thành công. Và niềm vui hân hoan được kéo dài đến tận buổi tiệc tối hôm sau tại nhà một thành viên trong ban tổ chức. Người ta giới thiệu Nàng- em gái của chủ nhân- một phụ nữ khả ái, duyên dáng. Nét duyên ngầm ở tuổi bốn mươi như đóa hoa trong thời kỳ sung mãn, tỏa rực rỡ mọi quyến rũ một cách tự nhiên mà không cần làm dáng hay kiểu cách. Vốn hiểu biết cùng sự lịch thiệp của nàng góp phần làm buổi cơm thêm thân mật, cởi mở.

Ngôi nhà họ rất rộng. Trang trí đơn giản mà mỹ thuật. Nhưng vị trí làm anh thích thú là góc ngồi trên sân thượng. Ở đó, trong vùng cỏ sâu thẳm chạy dài ngút mắt nối tiếp khoảng rừng chìm khuất theo bóng đêm, anh trải lòng theo tiếng chim phành phạch vỗ cánh, tiếng dế ri ri não ruột trong bụi rậm, và thoảng đâu đó, hơi gió ngọt ngào quyện lẫn sương đêm cho anh cảm giác hết sức dễ chịu.

Theo lời mời của chủ nhân, phái đoàn gồm ba người sẽ nghỉ đêm tại đây, trước khi tiếp tục những chặng hành trình mới. Nàng thân mật: "Rất hân hạnh được mời các anh nghỉ chân. Bạn bè phương xa vẫn thường ghé ở lại với chúng tôi".

Ông trưởng ban tổ chức cũng vui vẻ ngồi rỉ rả với bạn bè văn nghệ. Chén tạc chén thù, chén anh chén tôi khá tương đắc. Họ ngâm thơ, kể chuyện xưa tích cũ, phì phà khói thuốc... Có ai vừa ngẫu hứng hát một bài dân ca quan họ, và mọi người cùng hưởng ứng, kể cả vị nữ chủ nhân xinh đẹp. Không khí càng về khuya càng hào hứng, chưa thấy hứa hẹn giờ kết thúc.

Hơi rượu rần rật làm anh nóng người, ngột ngạt. Mở tủ lạnh tìm nước đá, anh thấy nàng loay hoay pha cà- phê nơi bếp. Anh hỏi:

- Chị có thể cho tôi chút chăng ?

- Tôi cũng định nấu nước đây. Cà-phê sữa nhé !

- Không. Cà-phê đen, ít đường. Cám ơn chị.

Khi anh trở vào từ sân thượng, cuộc vui đã tàn. Một người bạn nằm khoèo ngủ trên sofa, người khác lục đục châm trà nóng. Nàng đang ngồi ở bàn ăn. Những ngón tay dài trắng xanh (không đeo nhẫn) chậm rãi lật quyển album dán đầy hình ảnh.

Nàng đang tìm một cái ảnh nào đó, có vẻ hết sức chăm chú. Dù không cố ý, anh cũng phải thầm công nhận rằng, gương mặt nàng khi cúi xuống, cũng hết sức ưa nhìn như lúc nàng ấp hai bàn tay vào bên má, cặp mắt mở to chăm chú theo dõi một câu chuyện kể đến hồi hào hứng.

- Cà-phê của anh đây.

Anh kéo ghế ngồi cạnh. Mùi nước hoa nhè nhẹ từ bên kia thoáng qua cánh mũi. Hương thơm đậm ngọt làm anh nhớ cô bạn gái cũ. Bao giờ đi chơi về, hương Salomé đặc biệt nơi cô cũng theo tận anh vào giấc ngủ.

Nàng giải thích khi thấy anh nhìn tập ảnh:

- Tôi đang tìm tấm hình chụp ngôi trường xưa. Mấy người bạn muốn đăng ảnh trường trong tập san Hội đồng hương. Tôi mới thấy nó đâu đó mà tìm mãi không ra.

Gương mặt anh ghé gần mái tóc nàng. Có lẽ anh thích nghe lại mùi hương nước hoa quen thuộc hơn là dán mắt vào tập ảnh. Tuy nhiên, vì lịch sự, anh cũng có vẻ như tìm kiếm giúp nàng. Dù vậy, nhiều hình chụp nàng khi còn bé, tóc cột nơ, mặc áo đầm, cầm bóp, nhoẻn miệng cười duyên điệu bộ trẻ con ngó thật ngộ nghĩnh.

Ngôi trường cần tìm vẫn chưa thấy, nhưng câu chuyện xoay quanh những tấm ảnh của thời thơ ấu, mảnh sân lát gạch cũ, giàn thiên lý hoa vàng, cây trứng cá đầu ngõ, đã rút ngắn khoảng cách chủ- khách giữa hai người.

Nàng kể cho anh nghe về công việc của mình. Mệt mỏi. Nhàm chán. Như cái đồng hồ thời gian già nua, cũ kỹ. Ngày nào cũng lăn chừng đó vòng, gõ chừng đó nhịp, chu kỳ dừng lại đúng 8 giờ làm việc. Đôi khi nếu có xê dịch chút ít cũng không làm cho đời sống khác đi hoặc dễ chịu hơn. Và, thời gian, sự buồn tẻ cũng làm nàng thờ ơ với mọi hoạt động diễn ra xung quanh. "Có lẽ tôi đã quá già chăng. Quá già để mộng mơ, ảo tưởng. Hình như tôi không có một thú vui nào. Có thời gian tôi tập cho mình thói quen đọc sách trước khi đi ngủ, nghe một đoạn nhạc êm dịu sau bữa cơm tối, vậy mà, anh biết không, tôi nghiệm ra một điều. Tôi chỉ thích ngồi một mình, đầu óc trống rỗng,không suy nghĩ, không nhớ ai, cũng chẳng muốn ai phải nhớ tới mình....Đôi lúc, tôi sợ công việc, muốn bỏ hết để ẩn náu đâu đó mà lại chẳng hiểu mình muốn trốn tránh điều gì. Anh có nghĩ

rằng, tâm sinh lý tôi mất bình thường chăng. Tôi sợ lắm. Sợ rằng, đến lúc nào, mình sẽ biến thành một nhánh cây khô, một hòn đá trần trụi, hết mọi cảm xúc ..."

Anh loay hoay, cố tìm một câu nói ví von để khỏa lấp nỗi buồn bất chợt nàng vừa chia sẻ cùng anh:

- Nhưng ít ra.. bề ngoài của chị khác hẳn với những suy nghĩ...

- Suy nghĩ không được bình thường chăng ?

- Không.- Anh ấp úng- Tôi ít khi khen phái nữ, nhưng thật sự tôi nghĩ rằng, ít ra chị đã đạt được những điều mà bất cứ người phụ nữ nào cũng mong muốn như vậy trong xã hội nầy.

- Cám ơn lời khen tặng của anh - Nàng cười. Và nụ cười chợt làm anh bối rối.

Anh nghe nói rằng nàng vẫn còn độc thân. Điều nầy gây trong anh một dấu hỏi lớn. Một phụ nữ tương đối thành công trong xã hội, bề ngoài tự tin, xinh đẹp như nàng, sống cô đơn đến chừng tuổi nầy cũng là điều bất bình thường. "Anh biết không. Ở mỗi giai đoạn, tâm hồn tôi đều có những khủng hoảng kỳ cục. Ví dụ như khi tôi mười tám, sao mà lãng mạn, chỉ thích làm những điều khác thiên hạ. Trong khi bạn bè tôi, đứa vào Văn khoa, Luật khoa, đứa vào Hải dương học...tôi lại theo ngành Báo chí. Hồi đó, tôi mơ ước làm phóng viên chiến trường...Kỳ cục, phải không anh. Đến lúc muốn dừng chân, tìm người mình yêu thì không gặp, mà người yêu mình sao lòng lại dửng dưng...Rồi khi nhìn lại mình trong gương, mới hay rằng, thời gian quả là lão già ích kỷ...."

- Tuổi nào cũng có thể lập gia đình mà, như chị, chị vẫn còn quá trẻ..

- Trẻ gì nữa, anh. - Nàng đăm chiêu - Sắc đẹp của người đàn bà dưới lớp phấn son chỉ đánh lừa thị giác của đàn ông mà thôi. Tôi biết mình chứ. Có thể tâm hồn tôi đã quá già chăng. Ai cũng nói tôi khó tính. Anh nghĩ sao. Có phải hạnh phúc chỉ đến từ sự cảm nhận cả hai phía? Quan niệm về hạnh phúc của tôi rất đơn giản, vậy mà đốt đuốc chừng đó năm, tìm hoài sao quá nhọc lòng. Có lẽ như một ai đó đã nói, chúng ta không hạnh phúc và hạnh phúc không có, chúng ta chỉ khao khát nó mà thôi.

Lối nhận xét dí dỏm cùng sự lý luận thông minh của nàng gây cho anh sự thích thú đặc biệt. Một phụ nữ rất dễ thương. Anh trở lại vấn đề:

- Sao hồi đó chị lại thích làm phóng viên chiến trường ?

- Thời kỳ lãng mạn mà! Bây giờ nghĩ lại, mới thấy thời tuổi trẻ mình thường hành động nông nổi. Người yêu của tôi là lính. Tôi muốn được một lần ra tận đơn vị anh ấy. Anh thử nghĩ coi, từ trên máy bay nhảy xuống, tường thuật tại chỗ trận đánh của người mình yêu, chia sẻ cùng chàng những hiểm nguy ngay trước mũi súng, còn gì hạnh phúc bằng... À,

phải..

Nàng lật quyển album. Đẩy về phía anh một tấm ảnh đen trắng, mà thời gian đã ngã sang mầu vàng ố. Trong vài giây bất ngờ, choáng ngợp, gần như hoảng hốt, anh nghe gương mặt nóng bừng bừng, thô ráp đến rát phỏng . Cùng lúc, các cơ gân bên hai gò má giật nhè nhẹ. Đầu gối đánh đu bần bật , run từng cơn, như phủ ập bởi một cơn động kinh bất ngờ, và anh phải cố bám chặt tay lấy mép bàn, ghì ép chân sát mặt gỗ để dấu thái độ luống cuống gần như mất bình tĩnh của mình.

Tấm ảnh đen trắng, dù đã trên hai mươi năm, anh vẫn nhận ra nó. Người lính trẻ trong ảnh, dong dỏng cao, bộ đồ rằn ri đứng cạnh lô cốt, xung quanh chằng chịt hàng rào kẽm gai, chính là ...anh. Anh của những ngày khởi đầu trong quân ngũ.

Giọng nàng buồn bã, trầm đục như âm thanh quá khứ từ khoảng đời nào xa thẳm:

- Tôi và anh ấy yêu nhau nhưng chưa bao giờ gặp mặt. Chuyện thật khó tin, phải không anh ? Nhưng đó là sự thật. Chúng tôi yêu nhau qua những lá thư, và những tờ thư xanh đó đã quấn quít theo tôi suốt một thời thiếu nữ. Nó đã cho tôi niềm hy vọng, nỗi ân cần mà đôi khi, tưởng chừng đó như một sức mạnh tinh thần giúp tôi vượt qua mọi khốn đốn ở đời sống, ngay cả những lúc tối tăm nhất.

Anh nhớ đến trò chơi tìm bạn bốn phương trong những ngày dưỡng quân mà bạn bè anh, bốn năm thằng cùng đơn vị, lấy chung một bút hiệu. Anh đã chọn thư nàng, và đâu vài lá thư nữa trong gần một trăm bức thư của em gái hậu phương gửi đến. Hầu như tuần nào nàng cũng viết thư cho anh. Và anh, trong trò chơi đó, qua vài tháng tuyển lựa, cuối cùng chỉ giữ lại mối quan hệ thân thiết với nàng. Anh nhớ như in, nét chữ mềm mại nghiêng nghiêng rất con gái, bao giờ cuối thư cũng vẽ mấy cành hoa mai ngô nghộ, và lối viết thư dí dỏm, dễ thương của nàng đã dần lôi cuốn anh, gây trong anh nỗi mong đợi, nôn nao. Đến nỗi, mỗi lần người bưu tín viên trong đơn vị với chiếc ba lô nặng trĩu xuất hiện ngoài cổng đồn, bao giờ anh cũng trình diện sớm nhất, hăng hái nhất.

"Hình anh chụp đứng cạnh lô cốt oai ghê nơi. Tụi bạn nhỏ đứa nào cũng trầm trồ. Nhưng có thật là anh không đó ? Thi xong, nhỏ sẽ xuống đơn vị thăm anh. Có cần phải trao đổi trước ám hiệu "Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc không đây ? . Nhưng anh phải chuẩn bị tinh thần để gặp nhỏ. Và phải chạy thật lẹ nếu gặp phải chị em của Chung Vô Diệm...."

Anh cũng từng hẹn sẽ dành những ngày phép đặc biệt tìm thăm nàng. Nhưng lời hẹn của đời lính chiến, mấy ai giữ được ?

- Có một lần, thi xong, tôi tìm xuống đơn vị thăm anh ấy. Nhưng

không gặp , vì đơn vị anh ấy đang đụng trận trên núi Bà Đen..

Núi Bà Đen... Lần đó, bọn anh nhảy toán để tìm một đài phát tuyến của VC đặt ở lưng chừng núi. Hai ngày đầu êm xuôi. Khu rừng đầy vẻ giả tạo yên tĩnh..Ngày thứ ba: tao ngộ chiến. Toán anh đụng trận lớn khi băng qua vùng núi đá lởm chởm, may mà bọn anh khai hỏa trước. Dù vậy, cuộc đụng độ thật khốc liệt. Gần một tuần bị bao vây trong vùng đá núi rợp chòi non lúp xúp. Bọn chúng đông hơn số dự liệu. Triền núi đá dốc đứng không thể tiếp tế đạn dược, bọn anh chiến đấu dè sẻn từng viên đạn một...

Sau lần nhảy toán đó, anh chuyển đơn vị. Nàng cũng thay đổi chỗ ở. Thư từ hai bên đều trở về địa chỉ cũ. Nhiều lần đi phép, anh cố công tìm nàng, từ Biên Hoà xuống Lái Thiêu qua Thủ Đức..Mỗi bước chân kẻ tìm đến dẫm lại dấu giày người vừa bỏ đi. Đôi khi anh nghĩ có lẽ là duyên phận. Người ta có thể hiểu nhau, chia sẻ cho nhau một góc nhỏ nào đó ở cõi tâm linh, nhưng không hẳn có thể ghé vai bù đắp, thật sự cuộc sống của đời thường.

Một lần - giọng nàng vẫn tiếp tục trầm buồn như sũng nước - Một người lính trong đơn vị cũ viết thư báo cho tôi biết, anh ấy bị thương nặng, điều trị ở Tổng Y viện Cộng Hoà. Khi tôi tìm đến thì anh ấy vừa xuất viện. Anh có hiểu cảm giác của một người trượt tay, tuột mất chiếc phao hy vọng cuối cùng, tưởng chừng mình đang chới với trong niềm tuyệt vọng không? Tôi sống trong tâm trạng đó. Tôi đã khóc và hiểu rằng, tôi và anh ấy, thật sự, đã đứt lìa sợi chỉ may mắn. Lúc đó, tôi quá mệt mỏi...

Căn gác nhỏ những ngày nằm dưỡng bệnh ở đường Hùng Vương hiện rõ trong trí tưởng của anh. Vách gác gỗ, cửa sổ ngó gom một góc khoảng trời, luôn mở rộng, thu cho hết mầu trời xanh bát ngát. Mùa hè, hình như thế, mây nhẹ như miếng thạch trong. Mây đuổi gió đẩy đưa vòm cây rậm lá, đập lào xào cạ nhịp nhàng miếng *tôle* xám rỉ, ngày mưa, luồng nước theo máng xối chảy xuôi dòng nhễu từng giọt bong bóng vỡ.. Từng ngày mơ hồ chấp chới quanh quẩn trong vô vàn những tiếng động quen thuộc, anh gặm nhấm nỗi đau với trăm vết thương cựa mình nhức nhối. Anh nằm đó. Một mình. Nằm đó. Một thùng mì gói. Đồ hộp, bếp dầu và chiếc đàn guitar buồn xơ xác tựa đời mình.

Anh đã hàng giờ ngắm nhìn đám lá sao khô, nằm cong queo gẫy gập trong khoảng sân nhỏ. Mỗi chiếc lá rơi là mỗi giọt nước mắt buồn bã rớt rụng từng ngày, từng giờ. Anh thèm nghe tiếng nói, thèm nhìn thấy một sinh vật nào khác di chuyển qua lại, để thấy rằng mình thật sự còn hiện hữu, còn tồn tại trên đời nầy. Anh nhớ nàng. Nhiều đêm, trong cơn mơ, anh tưởng chừng nghe bước chân nàng dẫm xào xạc trên đám lá khô, nghe đâu đó tiếng cười trong trẻo như nghìn sợi thuỷ tinh va chạm lanh

canh, đâu đó lời thì thầm ngọt ngào như trang thơ thơm mùi giấy mới. Nàng chưa lần hội ngộ, chưa lần mất trong mắt để hồn chao nghiêng theo ngọn gió, nhưng thật gần gũi ân cần trong nỗi nhớ của anh, và cũng từng đêm, anh gọi tên nàng tha thiết, đôi khi khóc vùi như trẻ nhỏ.

Hàng trăm, hàng nghìn lần, đau đớn nhìn bàn tay co rút hằn những sợi gân đứt, trân trân ngó ngón bấm dây đàn mà thú vui như một nỗi đam mê , là nguồn sống không thể thiếu trong đời mình, anh nuốt nước mắt, đôi khi khóc thành tiếng, hầu vơi nhẹ nỗi đau. Nó không phải là cái đau thể xác, của chỗ thịt còn đỏ hỏn, mà là nỗi tuyệt vọng không thể nói thành lời của một bàn tay vĩnh viễn phải lìa bỏ cây đàn. Nhiều đêm, anh mơ thấy, ngón tay lại trở về, thật ngay ngắn ở vị trí cũ. Nó mang cho anh cảm giác lâng lâng, sảng khoái, như anh đang thả hồn bay qua khoảng không gian bát ngát rộng lớn. Nhưng khi ngón tay tưởng tượng chạm khẽ dây đàn, cơn nhức nhối cùng nỗi ngứa ngáy lại nhúc nhích, lớn dần, lan rộng và bao giờ, khi tỉnh giấc mơ, ngón tay trỏ cũng cựa quậy không ngừng như cố bám những sợi gân trắng nhỏ, rên siết âm thanh ai oán, và tuyệt vọng đi tìm vùng da thịt đã bị đứt lìa.

Anh nằm đó, mang hàng chục vết thương lở lói. Một mình và không muốn gặp ai. Đến lúc anh sợ sự tiếp xúc với bất cứ ai từ phía bên ngoài. Anh tập giấu nàng trong quả tim đau. Anh và cuộc sống bên ngoài đã tự chối bỏ nhau. Mặc dù, nơi căn gác gỗ nằm lọt thỏm trong con hẽm nhỏ, sáng, trưa, chiều, tối.. anh quen thuộc với từng tiếng động diễn ra xung quanh. Tiếng chửi thề của lão chồng nghiện rượu, chân xàng xiên đá đàng Đông, thủ đàng Tây mỗi khi cơn say theo về nhà. Y như rằng, sau đó, mụ vợ gào rú khi phát giác mất tiền, hòa với giọng the thé của lũ con nít, tạo nên một bản đồng ca đủ mọi tiết tấu. Khoảng gần xế chiều, anh sẽ được nghe tiếng mấy cô gái già đôi co giành khách, thêm hai bớt một, gán cho nhau những danh từ tục tĩu bên cạnh cái máy nước chảy ri rỉ suốt ngày.

Anh nằm đó. Căn gác gỗ đóng cửa im ỉm như một ốc đảo nghi kỵ cô đơn. Không ai đoái hoài đến sự hiện diện của anh. Bao nhiêu ngày. Bao nhiêu tháng. Anh mất hết cảm giác với thời gian. Đôi khi anh tự hỏi, tại sao mình vẫn còn có thể sống , khi chiến tranh đã cướp hết mọi thứ thật trơ tráo, tàn nhẫn. Và anh, căn gác gỗ, thùng mì, đồ hộp.. Nó nuôi anh từng ngày thoi thóp co rút trong bóng tối đời mình.

- Chị có đi tìm người lính, sau đó ?

Anh hỏi, nghe âm thanh dửng dưng như đang nói về một nhân vật nào chưa hề quen biết.

- Tôi nghe nói rằng, anh ấy đi cải tạo đâu tận Bình Long, U Minh..

Tôi không rõ lắm. Rồi lại nghe tin anh ấy đã chết trong một cơn sốt rét rừng tại Bù Đăng, Bù Đốp..Cũng có người nói, anh ấy đã ra tù, đi Mỹ..Tôi thật mơ hồ về những điều nầy..

- Chị có nghĩ rằng..

- Sau nầy tôi mới biết. Tên trong thư từ chỉ là bút hiệu..

- Giả thử nhé. Nếu tình cờ gặp lại, làm sao chị nhận ra, nhất là khi chị không biết tên thật

- Anh nói đúng..- Lưng hơi dựa vào thành ghế, nàng thả ánh mắt mông lung nhuốn vẻ buồn bã - Có lẽ anh nói đúng. Nếu gặp tình cờ và nhận ra nhau chỉ nhờ vào sự linh cảm giữa hai tâm hồn. Nhưng thời gian đã xô dạt từ hai phía, tâm linh nào còn được huyền diệu trong chừng đó năm. Hơn nữa, tôi lại rất tệ về giác quan thứ sáu.

- Chị có nghĩ rằng, hai mươi mấy năm, người lính đó hẳn phải thay đổi rất nhiều. Có khi nào chị đã gặp mà không biết chăng ?

Giọng nàng lẩm bẩm:

- Không lý nào đâu. Tôi chưa hề gặp mặt một người nào giống như anh ấy. Dáng vẻ. Mắt cười. Thời gian có thể làm thay đổi, anh ấy có thể già đi, nhưng chắc chắn tôi cũng nhận ra mà..

Và chút ngậm ngùi như tiếng thở dài:

- Ngày xưa tìm nhau đã không gặp, nói chi đến bây giờ..

Một khoảng khắc im lặng đột ngột rơi giữa hai người. Anh bóp chặt mấy ngón tay giấu dưới gầm bàn trấn át vẻ bứt rứt. Nàng đứng lên, nhìn anh cười bằng mắt :

- Xin lỗi đã kể cho anh nghe chuyện buồn của tôi. Nhưng nói được với anh, tôi thật nhẹ lòng.

Nàng nâng nhẹ tấm ảnh bằng một cử chỉ âu yếm, gần như vuốt ve và gấp quyển album (làm tim anh đập hỗn loạn) "Anh uống chút trà nhé. Tối nay thật khó ngủ. Anh buồn ngủ chưa ?"

Bước chân di chuyển của nàng nhẹ nhàng, dịu dàng làm những lọn tóc dài uốn lơi theo từng sợi nhỏ, mướt óng ánh. Đây là lần đầu tiên anh được nhìn, thật rõ, thật gần, người con gái đã một thời ngự trị trong đời anh, chưa đi qua mà gửi lại vô vàn nỗi khắc khoải triền miên. Người con gái vẫn còn đầy đủ những nét duyên dáng ở mỗi giấc mộng anh thường nghĩ về của thời tuổi trẻ. Nàng thuần khiết như một bông hoa đẹp. Vừa tha thiết vừa xa lạ, tựa một vùng mây mờ ảo, réo gọi anh đến gần nhưng cũng đẩy anh trôi lềnh bềnh trong vùng ảo giác hư hư thực thực. Và điều làm anh ngạc nhiên, không giải thích nổi, tại sao, cho đến lúc nầy, anh không hề có ý định cho nàng biết. Nàng và Anh. Hai kẻ bao năm chơi trò đuổi bắt hiện đang đối diện nhau bằng xương bằng thịt. Nàng và Anh. Hiện tại

không bị ràng buộc bởi nhân vật thứ ba, đến với nhau, dù muộn màng, cũng là lẽ thường tình mà thôi. Huống chi, một phụ nữ dễ thương như nàng, người bình thường cũng cảm thấy xao động, và anh, cũng chỉ là kẻ trần tục trong muôn nghìn người khác phái trên trái đất nầy.

Nhưng, nghĩ cho cùng, thử vạch thấu đáo vấn đề. Nói cho nàng biết, nói lại mối quan hệ cũ, để làm gì? Anh, thật quá già để nói chuyện yêu đương, Một kẻ sa cơ lỡ vận, tuổi già đang ngấp nghé gọi cửa. Nói với nàng, nối hai cuộc đời trong chặng gút cuối, anh sẽ mang lại cho nàng những gì đây ? Tuổi thanh xuân đã không bù đắp nổi, tuổi xế chiều lừng lững tới thì còn được bao ngày đi tiếp cùng nàng khoảng đời kiệt quệ?

Thôi thì coi như người lính năm xưa đã gửi nắm xương tàn trong trại tù. Thôi , cứ để nàng nhớ về anh , hình ảnh hiên ngang của người lính trẻ mà thời gian đã dừng chân ở đó. Vĩnh viễn. Thôi. Hãy rời khỏi nàng âm thầm, lặng lẽ như họ đã chưa từng đến trong đời nhau. Hãy để nàng sống bình yên với vùng ký ức hạnh phúc cùng người tình biệt kích, cùng những lá thư tình thơm thời tuổi trẻ. Khuấy động mặt hồ bao năm yên tĩnh, liệu đắp đổi được gì, hay chỉ làm rối ren thêm những hoài niệm đẹp đẽ mà nàng cất giữ như một báu vật trong ngăn hồi tưởng hạnh phúc?

Đó là chưa kể, ở vạch biên giới cách biệt giữa nàng và anh, liệu trái tim nàng có sẵn sàng chấp nhận một sự thật quá đơn giản, một người đàn ông quá sức tầm thường như anh, đôi khi có thể trở thành một kẻ lố bịch, không khác nào một diễn viên đang đóng một màn thương tâm mà khán giả lại la hò tán thưởng.

Anh đưa những ngón tay co rút ghì xiết vết sẹo chạy dài từ đuôi mắt xuống gò má. Vết sẹo đã lành theo thời gian, chỉ còn mờ nhạt một đường chỉ trắng khô quắt, nhưng lúc nầy, nó chợt cựa quậy cảm giác nhức nhối, chua xót, dù hơi nóng từ lòng bàn tay anh đang ép chặt, miết mạnh. như cố che giấu tiếng khóc ngậm ngùi.

Nàng trở ra. Dòng nước mát tẩy sạch lớp son phấn làm khuôn mặt nàng có vẻ tươi tắn, trẻ hơn tuổi. Ngón tay vén nhẹ mấy cọng tóc mai sau vành tai, ở đó, hé đôi bông hạt cườm nhỏ lóng lánh như thuỷ ngân.

Anh tập trung ánh mắt cố ý nhìn vào đôi bông, để tránh ý nghĩ thèm muốn được nhìn khuôn mặt nàng, nhìn thật kỹ. Khuôn mặt người tình yêu dấu mà lúc nầy, trái tim anh chợt cào cấu, giằng xé với muôn nghìn mâu thuẫn lẫn lộn.

- Anh buồn ngủ chưa ?- Nàng hỏi - Ngày mai tôi phải đi làm sớm. Xin lỗi không thể tiễn các anh ra phi trường.

- Có gì đâu, chị. Được chị tiếp đãi như thế nầy là quí lắm rồi.

- Vậy... Chào anh nhé. Chúc anh ngủ ngon.

Tản mạn nắng đầu mùa
QUAN DƯƠNG

Quẩy trên vai lọn tóc thề dài
Hớp hồn tôi, em mang xuống phố
Gió mơn man vò bờ eo nhỏ
Tôi tị hiềm chân bước quàng xiên

Vạt áo em gió lật, cựa mình
Đổ ụp tôi ngàn hương rạo rực
Theo hương rơi cắm đầu dí đất
Hỏi đất sao chẳng mọc trên trời?

Nỡ khù khờ mười ngón chân tôi
Ngọ nguậy trong đôi giày tù túng
Dãy phố dựng nắng màu lững thững
Em tô thêm giọt nắng xanh nồng

Tôi tan vào đóm nắng long nhong
Chạm liều mạng lên môi lên tóc
Rồi chờ hứng những lời em rớt
Về chống lưng chế biến thành thơ.

Anh nghe giọng nói mình lập lại ngắc ngứ thoáng vẻ thất vọng :

- Cám ơn chị. Chúc chị ngủ ngon.

Nàng quay lui, bước vào trong. Cắn chặt môi, cố gắng không quay đầu lại, nhưng, anh vẫn mường tượng rõ ràng, phía sau lưng mình, nhân dáng, khuôn mặt, nụ cười..của người con gái đã một thời và sẽ một đời rong đuổi, bám riết cuộc sống cô độc của anh trong từng đêm trăn trở, dài theo nỗi dằn vặt không nguôi.

Và, cõi lòng anh, liệu trái tim vẫn còn cựa quậy, nài nỉ những lời thống thiết, nó có để cho anh được bình yên đi tiếp chặng đường còn lại, một mình với những bước khập khễnh ?

Anh ngồi đó. Bất động.

Ngồi đó. Trong mùi hương và bóng tối, đời mình.❐

Cõi hương trăm thức

Nguyễn Hữu Nhật

Tôi là một nhà sư trẻ, "ăn chưa no, lo chưa tới", nhưng tâm hồn tôi đã già đi trước tuổi bởi bao cảnh đời chung quanh tôi. Tôi tìm lối diệt khổ của riêng mình bằng cách quán tưởng chính mình là sự đau khổ, hoặc ngược lại, nên tôi bớt đi hoặc đôi khi dứt hẳn được mọi đau khổ trong lòng mình. Nói rõ hơn, người ta hồi hướng công đức, qua một việc làm tốt đẹp nào đó của mình, cho chúng sinh để thấy mình với chúng sinh là một, chan hòa trong cái cùng chung mà vẫn khác biệt, một nền tảng vững chắc nhất của lòng từ bi. Còn tôi, tôi muốn hồi hướng đau khổ của chúng sinh vào tôi, nên trước hết tôi phải hóa thân, mình với đau khổ là một, song chẳng dễ dàng gì. Khi mọi sự đau khổ ở đời này tưởng chừng triệt tiêu trong thân tâm tôi, bên ngoài kia, chính là cuộc đời, bao khổ đau vẫn còn nguyên vẹn đó. Cũng tựa hồ chính sự đau khổ của mẹ tôi, qua một đời sóng gió, chẳng hề sứt mẻ. Mười bảy năm qua, kể từ năm tôi lên tám tuổi vào chùa, lòng thương nhớ mẹ của tôi mới đầu điên cuồng rồi lâu dần dịu đi, thoảng hoặc gần như quên lãng.

Gần đây, sau bao năm xa cách đằng đẵng, bặt tin, mẹ tôi mới gửi một lá thư tay qua người nhà của Như ở Pháp. Lá thư ngắn, gây cho tôi một niềm xúc động tột cùng, suốt mấy đêm liền khó ngủ, tôi chợt hiểu rằng tình mẫu tử từ máu mà ra nên nó vẫn vẫn sống dai dẳng trong máu tôi. Lá thư của mẹ tôi, bà viết thật lạ lùng, như một trong những người am hiểu tột cùng đạo Phật, mà tôi được gặp: "Con thân yêu, mẹ rất mừng, mọi cách gọi đều vô nghĩa, mẹ chỉ mong trước khi chết ít nhất được một lần gặp con. Con đường mà mẹ đang đi đây, thật sự cứu vớt đời mẹ, trong sự cứu với ấy có cả việc mẹ con mình không đi kiếm mà vẫn tìm ra nhau, mẹ không biết con gọi đó là gì nhưng mẹ nghĩ phải là phép lạ, Không một phép lạ nào, theo mẹ nghĩ , lại thiếu bóng dáng của tình thương yêu, sang

đây con sẽ thấy mẹ đông 'con' lắm, hàng trăm trẻ em mồ côi cùng sống trong ngôi nhà của mẹ tại ngoại ô. Những năm tháng xa con, ở đâu nhìn thấy một đứa trẻ bụi đời, lòng mẹ cũng quặn thắt lại, nghĩ có thể con cũng đang sống như vậy. Cho nên trẻ bụi đời nào mẹ cũng muốn nuôi. Nhiều lần mẹ xin trở về nước tìm con, nhưng lần nào cũng vậy, người ta nói hãy chờ đợi. Giờ mẹ muốn nhắc lại, như một phép lạ, con hãy gắng thu xếp sớm sang bên này với mẹ. Khuất Lan."

Sáng nay, trong lúc chờ Như tới bàn bạc về chuyện tôi có nên xin đi Côte d'Ivoie, một xứ thuộc miền Nam châu Phi, hay không, tôi ngồi trầm lặng trong phòng nhìn ra sân chùa, lòng bỗng nhớ lại suốt một thời thơ ấu xa mẹ.

Lòng đĩa cổ men lam Huế, sắc biếc trầm, tối, nổi bật bông hoa sen trắng, sáng, như từ trên lan can nhà thủy tạ nhìn xoáy xuống hồ Tĩnh Tâm đại nội, giữa buổi trưa một mùa hè vắng lặng năm tôi lên mười. Tôi còn nhớ như in lá sen xanh che mặt nước soi bóng bề sâu lạnh tái màu rêu. Bên cạnh đó, thay vì bài tứ tuyệt vịnh hoa với nét chữ chân phương của người xưa, chỉ có hai chữ Tâm Hương đá thảo, dù đứng từ phía nào tôi cũng thấy chữ Tâm chỉ còn là một viền trăng với những vì sao nhạt. Mờ như cảnh vật qua màn nước mắt của tôi, trong lúc thầy tôi và thiền sư Diệc Không chẳng dứt ra nổi câu chuyện về bà Huyện Thanh Quan, thời dạy học cho các cung nữ, đã phóng ngọn bút tài hoa vào nhiều lòng đĩa. Sen ngoài Huế, đại đóa, trắng tinh và thơm sực nức, chẳng đâu bằng, nhưng hoa sen không làm cho tôi khóc, mà chính cái mùi hương thoảng của nó làm cho tôi tưởng nhớ tới những mùi hương khác.

Dăm bông hoàng lan vàng pha lục, trong Nam gọi là móng rồng, với chùm ngâu hạt nhỏ cùng vài nhánh hoa sói và mấy đóa huệ trắng ngần, tất cả chứa trong lòng chiếc đĩa sành, nhỏ, men nâu da lươn, gây nên một mùi thơm quện lại bởi nhiều thức hương. Lẫn cả mùi hương tóc mẹ mới gội đầu bằng lá hương nhu, hình ảnh các ngón tay nhón từng bông hoa một đặt vào đĩa sành, rồi đưa cho tôi, một đứa bé lên tám tuổi sung sướng được dâng hoa cúng Phật vào một đêm rằm. Thế mà sáng hôm sau thức dậy và biết bao nhiêu buổi sáng thức dậy kế đó, tôi chưa một lần gặp lại mẹ tôi. Bố tôi, bao giờ cũng chỉ một câu trả lời, rồi mẹ sẽ về. Ngay cái ngày tôi được gửi vào chùa ăn học cũng chỉ mình bố tôi đưa đi. Bao lâu nay, lòng tôi như y-cắt, cái hộp đựng hoa đem đi dâng cúng trong cõi Phật A Di Đà, nơi ngày đêm hằng có hoa tiên đổ xuống như mưa. Trời rựng sáng, chúng sinh đi lượm hoa bỏ vào y-cắt đem đi cúng dường các chư Phật mười phương. Y cắt cũng là cái đẫy hình chữ nhật, được khoác trên vai, tôi thường đựng kinh và thơ. Thời thơ ấu, tôi thường mơ ước, một ngày nào

đó, tôi sẽ leo lên thứ cây sinh ra những tấm áo quý và màu nhiệm, trong kinh nhà Phật gọi cây ấy là y-thụ. Cây mọc ở cung trời Đao Lợi, Tràyastrimsa, gồm băm ba cảnh trời khác nhau, mà toàn bộ mới chỉ là cõi trời thứ nhì thuộc Dục Giới, cõi Ham Muốn, nơi mà chúng sinh còn có lòng mê thích, thương yêu, trông đợi. Nhưng lớn lên, y-thụ của tôi lại là cây bông vải, cây dâu sinh ra áo vải và áo lụa.

Như đã kể, năm mười tuổi, tôi được thầy cho theo ra Huế, tới chùa Thiên Mụ thỉnh hương Chiên Đàn, nghe nói do một nhà sư trẻ mang từ Ấn Độ về. Tiếc thay, sau này mới biết, hành lý của nhà sư bị thất lạc tại Calcutta, cho nên tới bây giờ, tôi hai mươi bảy tuổi, vẫn không biết hương Chiên Đàn nó như thế nào. Hương Chiên Đàn mất trên sân ga, lúc đổi tàu xuôi ngược, nhà sư kia không bao giờ tìm lại được. Như tôi, rõ ràng mất người mẹ, nhưng sao tôi vẫn đinh ninh có ngày hai mẹ con tôi sẽ gặp nhau, ngay trong cuộc sống này. Lớn lên, nhiều lúc tôi ngượng về mình, hình ảnh hai nhà sư mà một là thầy tôi, đứng hai bên một đứa trẻ khóc rung chỏm tóc hoa roi, gọi: «Mẹ ơi! Mẹ ơi!» chỉ vì cái mùi hương mẹ, lẫn lộn mồ hôi cùng sữa. Cho dù từ lâu, tôi nghĩ một nhà sư như tôi, tưởng tới cõi hương sắc, có tội vô cùng. Suốt hai năm, kể từ ngày xa mẹ, tôi vào chùa sống ngoan ngoãn, tới độ thầy Tổ cũng đem lòng thương mến. Sao buổi trưa hôm ấy, tôi lại khóc ngất giữa hai nhà sư, trên bờ hồ sen? Sau này tôi mới biết là cái cõi Hương Trần trong lòng tôi lan tỏa, che mờ hết cõi Tâm Hương. Cõi Tâm Hương của nhà tu hành gồm năm thức: Giới hương, giữ giới mà thơm. Định hương, thiền định mà thơm. Huệ hương, trí huệ mà thơm. Giải thoát hương, dứt phiền não mà thơm. Giải thoát tri kiến hương, biết mình thành đạo mà thơm.

Làm sao mà, một đứa bé như tôi ngày ấy mới tập gõ mõ thỉnh chuông, lại biết cách thoát ra khỏi nỗi thương nhớ và đau buồn của một người con phải sống xa mẹ mình? Lẽ đương nhiên, tôi phải đắm chìm trong cõi Hương Trần, hơi hướm bay ra từ thể chất của người hay vật. Trần, thứ bụi bặm, không thanh sạch, đôi khi còn nhơ bẩn. Trước hết là Lục Trần, sáu loại không một chút thanh và tịnh, gồm sắc thinh hương vị xúc pháp. Suốt mười bảy năm qua, tôi đã thấm nhuần ơn giải thoát, như nước ngấm vào từng bẹ rau cải trong vườn chùa, cái tinh thần tự tại: Nhà tu, với hương thơm, không nên vui thích. Với mùi hôi, không nên lợm giọng. Giữ mình an nhiên. Không để mùi vị và hương sắc chi phối. Nhất là thức Hương Trần, mùi thơm của đàn bà, con gái cùng hương vị của dầu, phấn, hoa. Hương, nguyên vẹn trước sau chỉ có nghĩa là chất thơm, mọi vật lớn nhỏ trên trần gian này đều có mùi hoặc hương riêng biệt, ngay cả một vài hóa chất mà người ta bảo là không mùi, không vị.

Như tới, Như đã tới, tôi reo mừng lên. Như hăm bốn tuổi, một trong những người bạn học cũ của tôi, mới ra tù về tội làm thơ. Chúng tôi châm rãi đi vòng quanh hòn non bộ, vừa đi vừa nói chuyện. Sau những điều hỏi han thông thường, tôi muốn xin lỗi Như, lẽ ra lúc nhận được thư tôi phải về Sài Gòn gặp Như ngay, nhưng không biết bắt đầu ra sao. May mà Như lại bảo:

- Xin lỗi, tôi tính tới ông từ tuần trước, nhưng bận quá, phải lo chạy mười một loại giấy tờ cho hồ sơ xin xuất cảnh, họ không kê ra cùng lúc, cứ xong loại giấy này mới đòi loại giấy khác. Ra bưu điện gửi lá thư mà bà mẹ ông nhờ chuyển, tôi cũng không kịp viết được một lời nào cho ông, hẳn ông không biết do đâu mà tôi có lá thư ấy. Bên cạnh việc hết sức vui mừng hẳn tôi đã làm ông...

- Có, tôi hơi ngờ vực, lá thư ấy có thể của một người nào đó gửi lầm cho ông, khi tôi xem lại dạng chữ viết của mẹ tôi sau tấm hình chụp tôi hồi ba tháng tuổi, tôi sung sướng biết tin mẹ tôi còn sống, thật chẳng hiểu vì sao đời bà lại trôi dạt tới một nơi quá xa như vậy?

Như vỗ vai tôi một cái, đau điếng, nói:

- Chuyện còn dài, sẽ kể sau, giờ chúng ta phải lên gặp sư cụ, hỏi về chuyện đưa di ảnh ông bà nội tôi vào nhà Vong. Còn việc tôi muốn giúp chùa mở một lò hương chuyên làm các loại nhang trầm, đã nói với sư cụ hồi Tết, sao chưa động tĩnh gì... Ông thấy thế nào?

Tôi gật đầu:

- Đi! Hay lắm! Tôi giao công việc ấy cho thầy Tâm Đối, để rảnh tay chép nốt bộ kinh Liên Hoa, rồi cũng quên không hỏi. Nếu có thể được, sau này, chùa sẽ làm cả ba loại hương cúng Phật. Mạt hương, hương bột, Thiêu hương, hương đốt và Đồ hương, hương thoa lên cây nhang, tẩm vào cây nhang mùi thơm của hoa sen. Đi! Nhân thể sáng nay thầy giảng bài Cõi Hương Trăm Thức, uống trà và mạn đàm về sự khác nhau giữa các mùi hương. Hy vọng chúng ta nhìn ra thực tướng của mọi mùi thơm, cốt để chữa bệnh, biết đâu nó lại chẳng giúp gì cho cuốn sách của ông nói về thơ và những mùi hương ở Đông phương... Cuốn đó viết tới đâu rồi?

- Nếu không đi tù thì đã xong. Lúc khám nhà và bắt tôi, họ lấy đi mất nhiều bản thảo, sang Pháp tôi phải viết lại từ đầu, nhiều cuốn, nhưng không viết về hương hoa trong thơ nữa. Máu và nước mắt cũng có mùi vị vậy, lúc đói quá tôi ngửi thấy cả mùi bao tử của mình trong hơi thở, sau khi ở tù, tôi nhìn lại toàn bộ con người và cuộc sống, trước hết là nhìn lại tôi. Ông nói trong Thiền, có Thiền Hương, nghe lạ tai, thật sự nó ra sao?

Tôi cho Như biết:

- Về nguyên lý, tôi sẽ kể sau, hãy nói qua cách thức tu tập cái đã, tôi

phải ngồi quán tưởng nhiều lần, lâu ngày, trước chiếc đĩa cổ, cho tới bao giờ, thời gian, tôi ngửi thấy mùi hoa sen từ hình vẽ trong đó tỏa ra. Cho tới một chốn nào, không gian, nếu như tôi chỉ ngửi thoáng qua một mùi hương, không cần nhìn vào vật, tôi cũng biết là vật gì, ở cảnh giới thanh cao hay tục lụy. Người thơm tho, kẻ hôi hám, không chỉ nói lên trong cuộc đời này sướng, khổ, mà còn cho thấy tiền kiếp vui hay buồn. Người ta nhận ra mùi vị của kẻ khác nhưng thường thì không thấy được mùi vị của chính mình. Mùi vị của ta còn báo hiệu trước cho ta biết về sức khỏe và bệnh tật. Ông để ý mà coi, vào nhà một người Tàu, ta thấy mùi vị khác nhà người Việt, đất đai cũng ảnh hưởng tới mùi rau thơm... Mỗi người, có một mùi vị nào đó, nhớ suốt đời.

Khi tôi và Như tới cửa Thiền đường, mọi người trong chùa đã có mặt đông đủ, chỉ thiếu ông cụ Nậm sáng nay phải qua bên xóm Đầm Sen giúp cô Nụ làm chuồng gà.

Hương trà và mùi trầm làm cho mùa sen Tĩnh Tâm năm nào, sống lại trong tôi, từng bông mơn mởn những cánh trắng như lụa tinh khôi, nhớ tới mẹ, tôi lại không quên được thức hương Chiên Đàn, lẽ ra được hưởng, tôi hỏi:

- Bạch thầy, tiền anh Như cúng chùa con đã giao cho Tâm Đối, dì Hai Xuân cũng nói sẽ kiếm cho lò hương của chùa một người thợ cả. Từ lâu con nghe nói tới Chiên Đàn Hương ở bên Ấn rất thơm, để làm giầu cho ngành hương liệu nước ta, chúng con muốn thử nhờ người mua giùm một, hai kí xem sao...

Như cũng hỏi:

- Thưa thiền sư, có đúng Chiên Đàn hương, một thứ cây thơm, người ta đốt ra như đốt trầm lấy hương cúng Phật không?

Thầy chúng tôi im lặng giây lát, đặt nhẹ tách trà xuống lòng khay đá Ngũ Hành xứ Quảng, gật đầu và nói:

- Chiên Đàn, một loại cây có nhiều màu, đỏ trắng, tía. Dùng làm thuốc trị bệnh ngoài da. Thứ quý, như Chiên đàn Kiên hắc, Kalânusârin và Chiên đàn Hải thử ngạn, Uragasâra, còn dùng để lên cốt Phật, cột và kèo chùa, tháp. Riêng thứ Ngưu đầu Chiên đàn, trên núi Ma-la-da, Himalaya, tán ra và bôi vào mình, dẫu chui vào hầm lửa, lửa chẳng đốt cháy. Trét vào gậm bàn chân, đi tự nhiên trên than hồng, không bị bỏng, nhiều người tưởng là phép lạ...

Như kêu lên:

- Vậy mà bấy lâu nay tôi cứ tưởng các nhà Dụ dà,Yoga, luyện thuật thần thông, có tài đi trên lửa. Hôi thiền sư sang Ấn học chữ Phạn, ngài thấy mùi thơm Chiên Đàn có bằng Trầm Hương của ta không?

Thầy chúng tôi đáp:

- Giống cây Chiên Đàn có nhiều loại. Kiên hắc chiên đàn, thứ hoa quý nhất, Santal Kalânusârin, cũng như Hải thử ngạn Chiên đàn Santal Uragasâra. Theo kinh pháp hoa phẩm 23, cứ 6 thù (mỗi thù là nửa lượng) của hai thứ hoa này, bằng cả thế gian, cõi ta-bà này, chỉ là cách nói không tiếc lời ca tụng loài hoa quý. Trầm Thủy cũng là một loại loại Chiên Đàn và chính nó là Trầm Hương của xứ mình. Sao người ta lại gọi là Trầm Thủy? Vì chất cây nặng, hễ bỏ xuống nước thì chìm, gỗ chìm thường là danh mộc, lá nhỏ. Chùa làm được nhang trầm cũng đủ quý. Nên tránh việc lệ thuộc vào nguyên liệu nước ngoài. Mua thử thứ tốt về làm thuốc, cho biết Chiên Đàn như thế nào, thì được. Chứ ngay nhựa thông, còn gọi là Giao hương, người Ấn cũng còn chế dầu thơm, phấn thơm, thứ mà ông cụ Nậm và Tâm Đối chỉ ra công chế keo. Nước mình giầu có lắm, tại chiến tranh hoài sinh nghèo khổ, nếu trồng rừng Bồ Đề, tên thật là Ba la la, Pippala, lấy hoa, ép làm dầu thắp đèn rất tốt. Ngọn lửa không khói. Người Tàu gọi là Huân Hoa, nung hoa, gặp sức nóng hoa chảy ra chất dầu, chỉ dùng thắp đèn trên bàn thờ Phật...

Thường Chuyển, đang uốn một cành bonsai, cây kiểng trong chậu, bỗng ngừng tay lại:

- Bạch thầy, con hiểu «hương chú» là cây hương, cây nhang, ngoài ra còn có «hương thang», nước nóng thơm, các nhà sư Mật giáo Tây Tạng dùng hương thang với 32 vị thơm để tắm. Như thế, nhà Phật dù ở đâu, cũng dùng nhiều tới mùi hương. Bếp nhà chùa mà cũng gọi là cõi Hương Trù và «hương tượng» chính là con voi đương sức lớn, còn tơ, phát ra mùi thơm. Sao trong kinh Phật lại dạy các nhà tu hành nên chế ngự thứ «hương dục», lòng ham muốn mùi hương, chỗ này con chưa được rõ lắm.

Thầy chúng tôi, quay sang Tâm Đối, mỉm cười:

- Câu hỏi này hôm nọ thầy đã trả lời con, nay con có thể nói lại cho Thường Chuyển nghe, được không?

Tâm Đối thưa:

- Vâng, con thử cố gắng nhớ lại... Thầy nhắc rằng những điều sau đây thì nhà tu hànnh nào cũng biết. Dục hương, một trong năm ngũ dục, gồm sắc dục, thích nhìn nhan sắc, vẻ đẹp; thanh dục, thích nghe chim hót, đàn ngọt, hát hay; hương dục, thích những mùi thơm; vị dục, thích ăn của ngon, vật lạ; cuối cùng là xúc dục, thích sự đụng chạm, vuốt ve thân thể... Nhưng quan trọng là ở chỗ này: Năm thứ ham muốn kể trên, theo nhà Phật, chúng xảy ra trong đời một người, nhưng chính cuộc đời ấy cũng nương thân nơi cõi tạm. Lòng ham muốn không bao giờ thỏa mãn. Nếu có, chúng giống như thứ của cải mà người ta bắt được trong giấc mộng.

Hương-dục chẳng hạn, nên hiểu là lòng ưa thích hương-trần, những mùi thơm tục lụy mà bất cứ nhà tu nào cũng phải nguyện tâm lìa bỏ. Không phải là hủy diệt chính mùi thơm nào đó, việc ấy vô ích, nhưng phải xa lánh những mùi hương nào gợi lên, dù chỉ một chút, bi lụy về cuộc đời trần tục. Mùi hương hoa nhài và mùi hương hoa sen khác nhau. Chất thơm của hoa sen làm cho tâm hồn nhẹ nàng, thanh thoát. Mùi hoa nhài, nồng gắt vị ngọt, kích thích cái cảm giác như có ngọn lửa đốt cháy ruột gan... Tới đây, hẳn đã rõ ràng, chúng ta hiểu mình cần và không cần những mùi hương nào. Nếu như nguyên lý của thanh âm là nhạc, con người sinh ra lễ-nhạc, thời hương vị cũng vậy, người ta có lễ-hương. Cao hơn, chúng ta có Tâm Hương, vừa có nghĩa là nén hương lòng, đem lòng thành kính dâng lên chư Phật, đem lòng kính yêu mà dâng lên ông bà, cha mẹ như người ta đốt hương liệu cúng dường thần thánh. Tấm lòng thành và thanh sạch ấy gọi là Tâm Hương, từ Tâm Hoa mà ra, hoa như tâm, tâm với hoa là một.

Thường Chuyển nói thêm vào, trong lúc Tâm Đối ngưng nghỉ, giọng khá ôn tồn:

- Hoa ấy cũng là hoa sen, trong sạch và thơm... Hèn chi trong Thiền tông có phái Thiền, chuyên quán chiếu tâm mình cho tới khi thấy hoa sen trong tâm bừng nở, tốt tươi, đó là lúc thấy được cái huyền diệu của lẽ đạo. Ngoại vật, hoa sen, với bản ngã, con người mình, là một. Tâm và Hương là một...

Mật Thể, không chờ thường Chuyển dứt lời, vội nói:

- Nhưng thầy dạy: «Cõi Tâm Hương của nhà tu hành gồm năm thức: Giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương và giải thoát tri kiến hương»?

Thường Chuyển cãi lại:

- Thấy và biết được, tri kiến, Tâm mình là Phật, là hoa sen thơm, mùi hương đạo hạnh bay ra, có nghĩa là giải thoát, khỏi chốn bùn nhơ mà thân hoa sen như con người, phải bám vào đời trong cuộc sống nhờ. Như vậy không phải là giải thoát tri kiến hương, sao?

Tôi nghĩ là một sự chêu chọc khi Mật Thể cố bắt bẻ:

- Giải thoát, của giải-thoát-tướng, nằm trong ba tướng, là không thấy còn, không thấy mất, không thấy sinh ra hay chết đi, sao còn tri kiến, biết và thấy, chính sự giải thoát? Lại nữa, tướng thứ hai trong tam tướng là ly-tướng, tướng lìa bỏ hết thảy, như hương hoa sen bay đi và không trở lại đóa hoa sen nữa, có nghĩa là không có luân-hồi, tức không có niết-bàn... À, rồi gì nữa nhỉ...

- Có phải Mật Thể định nói cuối cùng là diệt-tướng, phi hữu phi vô,

chẳng phải có chẳng phải không...

Mật Thể gật đầu:

- Đúng đấy, nếu mùi thơm hoa sen bay đi hết, không giữ lại trong hạt sen, hỏi lứa sen sau làm sao có mùi thơm hoa sen như lứa trước? Còn trở lại, theo tuần tự bùn, hạt sen, hoa sen, hương thơm, hạt sen, rồi lại bùn, như vậy chính là luân hồi? Rõ hơn, hương hoa sen mất rồi lại còn, mãi mãi, như cây sen này chết đi cho cây sen khác sống. Thế, sinh tử rõ rệt, sao còn gọi là giải thoát và giải thoát tri kiến hương?

Thật không ngờ, Thường Chuyển chẳng nóng nảy hay lúng túng như mọi khi, trái lại:

- Phi hữu phi vô, chẳng là có chẳng là không có, nhưng thế nào là «hữu», thế nào là «vô»? Pháp, từ sắc tới tâm, do nhân-duyên sinh ra thì kêu là «hữu», có. Có tướng, có hình tướng, có thể tướng. Nhưng nó chẳng có tự-tánh nên cũng kêu là «vô», không. Không tính, không tính chất, không bản tính. Hễ diệt được «hữu», không cho X là «có», thì diệt được «sinh», diệt được «sinh» tức là diệt được «tử» của X. Thoát vòng sinh tử là lẽ đó. Hữu, chấp bản ngã, chưa thấy vạn vật là «giả hiệp», biến đổi vô thường. Tôi không nói về Hương Trần, mùi thơm từ bông hoa sen mà ta có thể cầm lấy được. Tôi nói về Tâm Hương, hương thơm là sự giải thoát, khá trừu tượng, như tòa sen chẳng hạn. Cũng có cũng không, diệc hữu diệc không. Phái Thiền Tâm Liên Diệu Lý coi việc quán tưởng hoa sen như một phương tiện của tâm, đi từ phi hữu phi không, chẳng có chẳng không, tới hữu không bất nhị, nghĩa là hoặc «có» với «không» chỉ là một...

Tâm Đối muốn câu chuyện được lắng dịu:

- Mật thể cho rằng hương hoa sen không bay đi và cũng chẳng không bay đi. Nhà Phật thường nói tới hữu-vi, khoa dạy cho người mới học đạo, còn mê ngộ, và vô-vi, dạy cho người đã ngấm mùi đạo, tỉnh ngộ. Nhìn thấy tự tính, kiến tính, «vạn hữu quy nhất tính» người ta mới biết «nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính», có Phật tính trong ta, mới không chạy đi kiếm một ông Phật nào đó, ở ngoài ta. Rốt ráo, cũng gốc Phật, nhất-nguyên-tính!

Lúc ấy, nhìn chúng tôi, thường Chuyển bảo:

- Như hương hoa ở trong hoa. Chữ «hoa», trong hương hoa, ở kinh nhà Phật viết khác chữ «hoa» nơi các bài thơ. Nhà thơ có thấy vậy không?

Như vội gật đầu:

- Dạ, viết khác nhau, thật thế. Tôi đọc Vô Lượng Thọ kinh, thấy điều thứ 32 trong 48 điều nguyện của hàng Tỳ Kheo, có câu «Nguyện mùi thơm xông ra khắp mười phương thế giới, các Bồ Tát nghe mùi thơm mà

đều tu hạnh thành Phật.»...

Như chiêu một ngụm nước trà, xong tươi cười, nói tiếp:

- Nghe các thiền sư nói chuyện về quán tưởng hoa sen, tôi giật mình, ở trong tù làm gì có sách vở và tôi cũng chưa may mắn gặp được vị sư nào. Sao tự nhiên những lúc nhớ nhà quá, tôi nghĩ tới hoa sen cùng bao kỷ niệm về hoa sen, rồi cũng tự nhiên tôi thấy lòng êm ả. Từ đó, hình ảnh bông hoa sen trở thành liều thuốc ngừa bệnh mất ngủ của tôi. Thiền sư biết đấy, ở tù đã thiếu ăn, còn mất ngủ nữa thì chết.

Thầy chúng tôi hỏi:

- Thường thường, ông đã nghĩ như thế nào về hoa sen, có thể kể lại được không?

- Thưa thiền sư, trước hết là một nụ sen trong đầu, với trí tưởng tượng, tôi cho nó nở từ từ, từ hàm tiếu tới mãn khai. Nếu nửa chừng, ý nghĩ bị đứt quãng, tôi lại bắt đầu từ một nụ sen khác. Cuối cùng, có đêm, tôi cho cả một ao sen nở hoa. Chỉ vậy thôi!

Thầy chúng tôi bảo:

- Phật tính có tự nơi mỗi người, văn vẻ mà nói, ông đã rơi vào cõi trang nghiêm thơm ngát. Hồi xưa, những nhà tu dưới mười chín tuổi, gọi là Hương nghiêm Đồng tử, thường phải quán tưởng hoa sen. Trước hết với các tướng «hữu vi», như nghĩ tới bùn lầy, nước đục rồi lặng lẽ suy xét. Sau đó, nghĩ tới hoa sen, mọc ra từ bùn, nhưng lại trong trắng và thơm ngát. Dần dần Hương nghiêm Đồng tử quán tưởng tới Hương Trần, khi thấy các bậc thầy thắp nhang Trầm Thủy, tức là đốt gỗ trầm, hương bay ngào ngạt, bèn quán tưởng mùi thơm. Mùi hương không phải là không có, nhưng nó không phải là cây, không phải là khói, cũng không là lửa. Nó cũng không dính vào đâu, cũng không đi đâu. Nó có đó mà vẫn là không, không có tự tính, chỉ là do gặp nhân duyên mà giả hiệp cho có. Ai hiểu ra được nguyên lý tính Không, người ấy nếu chưa đắc quả A La Hán cũng vui sống trong cõi Tâm Hương.

Như lại hỏi:

- Thưa thiền sư, hương hoa sen không mà cũng chẳng không bay ra hết khỏi bông sen, tôi tưởng tượng như hương sen trong trời đất, đầu tiên, «nhập» vào nhân sen, rồi sau đó cũng chính nó «xuất» ra khỏi bông sen, nên người ta mới ngửi thấy mùi thơm. Nếu chỉ nói «phi phi, diệc diệc» không thôi, e khó hiểu, vậy thưa thiền sư, tha lỗi cho tôi, nhà Phật đã cắt nghĩa như thế nào ạ?

Thầy chúng tôi mỉm cười, nhìn Như, nói:

- Thầy Tâm Đối có thể giúp ông về câu ông hỏi.

Tâm Đối chậm rãi giải thích:

- Nếu chúng ta hiểu «định», dhyana hay samâdhi hoặc samâtha, cứu cánh của Thiền, là một cái gì đó tựa như «yên một chỗ», «không tán loạn», «chẳng đứt lìa». Thời mùi hương hoa là «định». Theo sách Truyền Đăng Lục, ngài Samghanadi, Tăng già nan đề, vị Tổ thứ mười bảy trong hăm tám vị Tổ giòng Thiền Ấn, một lần kia ngồi nhập định, khi bình tâm ra khỏi «định», mở mắt thấy Tổ thứ mười sáu. Ngài Bâhulata, La hầu la đa, hỏi: «Thân ông định hay tâm ông định?» Ngài Samghanadi thưa: «Cả thân và tâm đều định!». Lại bị hỏi: «Nếu thân và tâm đều định, thì cái gì xuất và nhập?» Nhờ câu trả lời của chính mình, sau đây, mà ngài Samghanadi chợt hiểu ra lẽ đạo: «Tuy có xuất, có nhập mà không hề mất cái tướng gọi là định!» Sau này, giòng Thiền Hoa, khai triển ý trên để phân biệt chánh-định và tà-định, như «gió và phướn đều chẳng động, chỉ có tâm động». Hiểu được lẽ «thường chuyển» của thân, khẩu, ý, ở đây là hạt sen cho tới gương sen, nên các nhà tu Thiền phải «thường định», cốt cho Tâm luôn luôn chuyên chú tới một cảnh, sự hoặc lý mà không lìa tán, hỗn loạn. Ai cũng thường-định cả, vấn đề là tà hay chánh thôi, tà-định dẫn người ta tới việc nghĩ, nói và làm những gì lợi cho mình, hại về người.

Thầy chúng tôi nói thêm:

- Nhà Phật, do nhìn thấy rõ thực-tướng của người đời và cuộc sống, như trong ao có sen và bùn, bùn do nước và đất «giả hiệp» mà ra. Một cái ao không thể không có đất và nước, như cuộc đời chẳng thể không có cảnh người sống theo tà-định, do đó nhà tu nào, mong muốn chánh-định, phải chấp nhận «thực tướng» hoa sen mọc lên từ bùn. Cuộc nhân sinh, tới vô lượng kiếp, vẫn bày ra ánh sáng và bóng tối, thiện cùng ác, cây Chiên Đàn Hương và cây Y Lan Xú. Danh-mộc khác với phàm-mộc, nghĩa bóng là thanh cao khác với thô tục, cây Chiên Đàn thơm nức mà cây Y Lan, ngược lại, nhức đầu nhức óc khi ngửi phải mùi vị của nó. Những mùi vị không thơm tho, ảnh hưởng nhiều tới sức khỏe của con người thân xác, còn sức khỏe của con người tâm hồn thì sao? Nhà Phật đã có nhiều cách trả lời, thật rõ rệt, từ mấy ngàn năm trước. Cõi tâm-hương nuôi sống và làm lành mạnh phần hồn mỗi người. Ngụ ý gì trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hẳn mọi người đã hiểu, nơi phẩm Dược vương Bản sự, có vị Bồ Tát nói: «Tuy ta đã dùng thần lực mà đem kinh Pháp Hoa cúng dường chư Phật, song chẳng bằng ta đem thân ta mà cúng dường...». Bồ tát bèn ăn các loại hương liệu: Chiên đàn, huân lục, trầm thủy, giao hương... Cách nói bóng bẩy này hàm ý dâng lên, Cõi Ngời Sáng Tột Cùng, một thân tâm trong và sạch.

Như kể:

- Ở quận Ba Sài Gòn, chỗ con đường song song với đường Nguyễn

Thông, có một cây lớn mọc trên vỉa hè, tới mùa hoa nở cả khu vực đó ai đi qua cũng phải bịt mũi. Không biết đấy có phải là giống cây Y Lan không?

Thầy chúng tôi kể:

- Cây hay hoa Y Lan, hay Y La hoặc Yên-la-na, màu hoa rất đẹp đẽ, hương thì khỏi nói..., bay xa bốn chục dặm. Người Ấn bảo rằng ai ăn phải thứ hoa ấy sẽ phát điên mà chết. Trong khi cây và hoa Chiên Đàn lại thơm ngát, theo nhà Phật, Chiên Đàn biểu hiệu cho Niết Bàn, còn Y Lan thay cho địa ngục, phiền não.

Tôi nói.

- Như cây quế, xứ mình, tượng trưng cho cao sang, trường hợp dân gian nói về giòng dõi của công chúa Huyền Trân.

Nhự bảo:

- Hoa quế trong thơ Vương Duy mang hình ảnh người nhàn cư, ẩn dật, ở trong rừng sâu, vắng vẻ, vẫn ngát hương thơm. Thưa thiền sư, tôi thích cái đoạn như thơ xuôi trong Vô Lượng Thọ kinh, nơi Tỳ kheo Pháp Tạng có 48 điều nguyện, mà điều thứ 32: «Nếu tôi được làm Phật, thời từ mặt đất tới chốn hư không, cung điện, lầu đài, ao hồ, cỏ hoa và thảy muôn vật ở trong cõi nước đều dùng vô lượng của báu gom góp và trăm ngàn các thức hương tụ lại mà ra. Lạ lùng và màu nhiệm hơn cả cõi trời và người. Mùi hương của cõi ấy xông ra khắp mười phương thế giới; hễ chư bồ tát ngửi mùi hương ấy đều tu thành Phật. Nếu không như vậy, tôi chẳng giữ ngôi chính giác.» Giờ thì tôi hiểu đấy là Tâm Hương nhưng như thế, ngoài cõi trời và cõi người này, còn có một cõi khác sao? Tuy nhiên, xin thiền sư tha lỗi cho tôi, tại sao các bồ-tát lại còn phải «tu» mà nhiều nhà sư chỉ «hốt nhiên» đã «đốn ngộ», thấy Phật và thấy mình là Phật?

Thầy chúng tôi bảo:

- Đấy là cõi Tâm. Tổ thứ năm giòng Thiền Ấn, ngài Đề Bà Thiết Ma, Devasarman, mất năm 380 trước tây-lịch, từng bảo: «Tôi đến để tu chớ chẳng vì thân, chẳng vì tâm. Tâm, vốn là thường-đạo, không sinh cũng chẳng diệt.» Như vậy, điều gì khiến ngài đi tu, tức chăm học và lo cách sửa mình, đổi nết, khi ngài cho rằng: «Phật cũng là thường»? Thường ở đây là trái nghĩa với vô-thường. Chỉ những gì sinh ra rồi mất đi mới là vô thường, vô thường từ ý nghĩ trồng hoa tới vô thường một bông hoa. Ngài nói «Tâm không hình tướng, thể của Tâm cũng không» chính là nói về cõi Tâm, ngôi Chánh Giác. Ngôi, ở đây, chẳng phải như ngôi vua, ngôi báu. Chánh giác, Tam miệu tam Phật đà, Samyaksamboudha, trí huệ sáng suốt hoàn toàn, nằm trong Samyaksambodhi, Tam muội Tam bồ đề, trí huệ chứng ngộ hoàn toàn của đấng Như Lai. Rõ rệt là tinh thần của đại-

thừa, mong ước sao cho các vị bồ-tát, cùng đi vào cõi Tâm Hương, đều thành Phật...

Như nói:

- Thưa thiền sư, ngay lúc tôi làm thơ, tôi cảm thấy sức sống trong người thật mạnh mẽ. Tôi đi kỳ này không vì vấn đề chính trị mà vì sức sống ấy mỗi ngày một bị vây hãm, hủy diệt.

- Ông làm thơ, tức là làm một cái gì đó tốt đẹp, dù vui hay buồn, mà ông rung cảm, trước hết cho mình, tự giác, sau đó muốn nhiều người cùng đọc, giác tha, sự đồng điệu của thơ và đạo, tự nó, làm ông thấy kinh kệ giống như thơ văn. Gọi là bốn câu kinh hay gọi là bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, để chỉ lời kệ của thiền-sư Minh Lương đời thứ hăm tám, giòng Thiền Việt, tông Lâm Tế từ Trung Hoa truyền sang: «Mỹ ngọc tàng ngoan thạch. Liên hoa xuất ứ nê. Tu tri sinh tử xứ. Ngộ thị tức bồ-đề.», tôi tạm dịch, «Ngọc quý chứa trong đá. Từ bùn sen nở hoa. Biết được chỗ sống chết. Cõi bồ-đề tỉnh ra.». Tôi chưa thấy ai hỏi, trong ngọc có đá không và trong hoa sen có bùn không, thật vậy. Hỏi và đáp, ngay lập tức, không suy nghĩ một giây. Thế nên ngài Đề Bà Thiết Ma mới nói: «Tôi đến để tu chớ chẳng vì thân, chẳng vì tâm.». Thân thì vô-thường, nghĩa là không thường có, có đó mà mất đó, nhưng khi thân không có thì Tâm ở đâu, để nói là thường có, vì Tâm không được sinh ra nên cũng chẳng bị diệt đi? Cho nên câu «tôi đến để tu», hay chỉ cần một chữ «tu» thôi, mới là «chốn sinh tử» của mỗi người chúng ta.

Như, phân vân, hỏi:

- Thưa thiền sư, tu là cứu cánh hay phương tiện?

- Đối với Thiền, không chỉ ngôi chùa, tiếng chuông, lời kinh là phương tiện, mà chính nó, Thiền, cũng chỉ là phương tiện. Tu, vừa là phương tiện vừa là cứu cánh, không «tu nhân» lấy gì mà «tích đức». Tu chỉ là cái bề ngoài của đức, như đá bao quanh ngọc, và không phải trong lòng tảng đá nào cũng có ngọc. Nếu như cái dụng của «ngọc» là làm đẹp cuộc đời, nhiều người còn dùng làm vốn liếng, thì cái dụng của «đức» chính là cái dụng của «đạo» ở đâu? Đạo có trở thành của cải tinh thần của đời không? «Tôi đến đây để tu», theo tôi thì cái câu ấy, nhắc nhở mỗi nhà tu, ở trong hay ngoài ngôi chùa, bằng cả cuộc đời mình tìm ra câu trả lời: Đạo giúp gì đời hay chính đời đang vực đạo đi lên? Nói cách khác, thơ của ông có mối gắn bó gì với con người và cuộc sống không? Quán Chỉ mới cho tôi đọc có dăm bài của ông, tôi thích cái hình ảnh hoa mướp vàng rụng bên sông trong khi dưới sông giòng nước vẫn trôi chảy. Những quả mướp non tưởng chừng như tia nắng có thể xuyên qua được chất trong xanh. Con chim bói cá vẫn bắt cá. Cậu bé chăn trâu phá tổ chim. Nếu như

trong cảnh ấy mà ông cho chim lắng mõ và cá nghe kinh thì bài thơ hỏng hoàn toàn. Chim vẫn giết cá. Hoa vẫn kết trái. Những cánh hoa khô bay trong gió. Không biết sẽ về đâu. Người đọc thấy «thật», trong đạo gọi là «thực tướng» của cuộc đời, tôi tin rằng bài thơ sẽ gợi lên trong trí những ai hiểu đạo. Quả-báo và hoa-báo. Quả báo, ai cũng biết, không chỉ là chúng sinh bị đọa vào địa ngục, xúc sinh, ngạ quỷ vì một đời làm ác. Còn ngay trong cuộc sống này, mình làm cho ai cái gì, không lâu sau, có người khác làm cho mình đúng như thế. Nhưng hoa-báo, chữ của nhà Phật, ít người nghe nói, chính là lòng ăn năn, quằn quại đau khổ. Nó không nêu ra một hình phạt rõ rệt, kiểu sát nhân giả tử, quả báo, nhưng nó cắt nghĩa được vì sao bao người nổi tiếng, giầu có, con cháu đầy đàn mà vẫn không hạnh phúc. Cánh hoa khô nhẹ mỏng cuống bay trong gió lộng chẳng là thân phận con người sao?

Chợt, thầy chúng tôi ngưng giây lát, tôi có cảm tưởng vẻ trang trọng nơi ánh mắt của thầy lan ra cả tới chiếc kính lão gọng đồi mồi, thầy nói tiếp:

- Sắp tới ngọ rồi, hôm nay nhân tiện đây chùa xin mời nhà thơ ở lại dùng chay. Ông cụ Nậm đang đứng đợi ở ngoài Thiền đường... Mùi hương sen thơm quá.

Lúc này, tình cờ, chúng tôi nghe thấy tiếng khịt mũi của ông cụ Nậm ở khoảng tam cấp bước lên cửa chính Thiền đường. Nhự bỗng cúi mình xuống, hướng về thầy chúng tôi, nói:

- Cảm ơn thiền sư. Hôm nay... con... con được nghe nhiều điều khiến cho con phải suy nghĩ. Con xin nói thật, chút lòng kiêu hãnh ngấm ngầm, của con trong việc giúp chùa, đã tiêu tan. Con để lại một phần vốn liếng của mình lại đây, rồi ra đi, cảm ơn thiền sư đã nhắc nhở con, «rồi cuối cùng người ta sẽ về đâu?».

Nói xong Nhự chắp tay xá thầy. Đây là lần đầu tiên tôi thấy anh làm như thế đối với một nhà sư kể cả việc xưng «con». Nhự vẫn thường nói với tôi: «Thi sĩ và nhà tu như nhau, mỗi người có một con đường riêng để đi tới điểm đích chung, không ai phải xá ai cả. Tại sao một nhà nông già, suốt đời vất vả làm ra thóc gạo, lại phải xưng con với một nhà tu trẻ, như Quán Chỉ chẳng hạn?» Thầy chúng tôi không hề biết chuyện ông bố của Nhự, rất giàu có, hồi đầu năm đã tự tử ở một trạm xe điện ngầm tại Paris. Ra tù, được biết tin này, làm lễ phát tang cho ông bố xong, Nhự nhận được giấy đi Pháp.

Thầy chúng tôi, xá lại Nhự, bảo:

- Chừng tiếng nữa chúng ta sẽ lại gặp nhau tại nhà bếp.

Tôi thưa:

- Bạch thầy, việc làm nhang, bao giờ chúng con được thầy cho phép, bắt đầu...

Thầy chúng tôi, nhìn Tâm Đối, nói:

- Nhân tiện có ông Như ở đây hôm nay, Tâm Đối nên bàn bạc lại theo ý mà nhà chùa mong muốn, phần tôi thay mặt cho chùa, xin cảm ơn ông Như về sự giúp đỡ.

Lúc gần trưa, chúng tôi rời khỏi Thiền đường, thầy cho mỗi người một bông sen trong bó sen ông cụ Nậm mới hái. Ra tới sân, chỗ đi lên lầu chuông, Tâm Đối nói:

- Có lẽ chúng ta không nên mở lò hương tại đây, mấy năm trước, chùa phải làm keo để giúp mình, giúp một số người bên xóm Đầm Sen và Bàu Nai. Cuối cùng nó vẫn trơ ra là việc buôn bán. Thầy bảo nếu muốn, hãy giao công việc ấy cho dì Hai Xuân và cô Nụ. Chùa chỉ nhận một phần ba tiền lời để in kinh sách. Công việc của nhà thơ là làm thơ. Công việc của nhà tu là được yên thân để tu. Những gì không yên thân từ phía ngoài đưa tới, chúng ta phải chịu đựng và vượt qua. Còn tự chùa tạo ra ồn ào, sô-bồ thì nên tránh, tránh nguyên nhân chớ không ai tránh hậu quả. Thầy còn bảo tôi, dù ông Như để tùy quyền chùa, tôi vẫn phải nói lại cho rõ ràng...

Chia tay với Tâm Đối, Như và tôi xuống bờ sông hóng mát. Cây lá bị gió thổi lay động nên bóng cây lá in trên các bậc thềm đá cũng động lay, nhìn vào hoa mắt, đôi lúc tôi tưởng ánh nắng chuyển động và các bậc thềm cựa mình. Như im lặng đi bên tôi, tay đung đưa bông sen trong khoảng không, khuôn mặt nhìn nghiêng trong nắng soi rõ nết già nua trước tuổi sau ba năm ở tù. Như hỏi tôi:

- Có lẽ ông thầy nói đứng. Ở đâu có mối lợi, ở đó có điều ong, tiếng ve. Lợi tức làm rối loạn cả tâm Phật trong mỗi người. Nhưng cõi sô-bồ là gì, nghe như Sa-bà hay Ta-bà thế giới...

Tôi, cười, bảo:

- Saha đấy! Trong cõi sô-bồ này, Sô-bồ, có nghĩa là cõi Nhẫn, Đại Nhẫn hay Kham Nhẫn. Nơi mà các nhà sư, thật sự, phải cam lòng nhịn nhục tột độ. Nơi, còn có nghĩa là Tạp ác Thế giới, đủ mọi thứ ác bởi nó cũng chính là Tạp sinh Thế giới, năm loại chúng sinh sống lộn lạo với nhau: Thiên đàng, địa ngục, con người, súc vật và quỷ quái. Nhìn lại, bốn «loài» kia đều ở trong loài người. Tâm hồn cao thượng, lòng dạ tối tăm độc ác, mạnh được yếu thua và cắn xé nhau, sau cùng là những mưu kế lừ lọc, hại đời. Nhà tu, trước hết một con người, đi tu là «nhẫn» với thời gian ở bất cứ không gian nào, để lọc ra khỏi tâm mình những cái «nhục», cho một con người, về tính chất tối tăm, súc vật, độc ác. Nhẫn nhục không phải là chịu đựng, bằng lòng hay quen dần với mọi cái nhục. Nhà Phật,

không lúc nào ngớt, nhắc nhở chúng ta: Bi, Trí, Dũng. Nhưng chính tôi, đôi lúc tự hỏi, phải nhẫn nhục tới bao giờ trong một tình trạng đất nước...

Như ngắt ngang:

- Có bao giờ ông nghĩ sẽ ra khỏi chùa không?

- Thân hay tâm?

- Cả hai.

- Tâm thì không vì tôi đã «vào chùa» được ở đâu. Vô môn quan, cửa không cánh cửa, như ông biết, mà khó vô cùng, chính khi đi vào lại là lúc đi ra. Trong thời gian bị giam, không sách vở, ông làm gì cho qua ngày?

- Ngày không đáng kể, phải hỏi là làm gì cho qua 1095 đêm, tôi bị ở lại chờ giấy-ra- trại mất năm đêm nữa, tổng cộng là 1100 đêm. Ở tù làm tất cả mọi việc mà mình chưa hề làm lúc còn ở ngoài... Nhưng bi đát ở chỗ chẳng việc nào là việc của mình.

- Cảm giác của ông, một người làm thơ, khi phải đi gánh phân nó ra sao?

Như cười:

- Không ghê bằng ngày đi ăn cắp, tối về làm thơ. Tôi tin rằng không có nơi nào trên thế giới, trừ các nước theo cái chế độ chuyên chính này, tù là một cái gì gần như quốc sách. Mỗi quận, huyện có một nhà tạm giam trong địa bàn quận huyện và được cấp đất ở vùng rừng núi hoặc đồng hoang làm trại giam lớn. Một hệ thống chuồng-người chằng chịt khắp cả nước. Cùng lúc giải quyết được ba mặt, về chính trị thì trói chân tay, bịt miệng những ai chống đối, về kinh tế thì nước sông công tù, người tù phải làm việc chết bỏ để nuôi mình và nuôi cai tù. Cuối cùng là một đòn đánh chí tử vào đời sống tinh thần của con người, ba năm không được đọc một quyển sách, mọi kiến thức trong đầu bị sói mòn, tan dần đi kể cả ý thức chống đối. Nhiều lúc đói quá, tôi phải đi ăn cắp sắn của trại, đứng gác cho các bạn tù khác nhổ sắn cũng là ăn cắp, để giữ «thân» và đêm về làm thơ để giữ «tâm».

Tôi hỏi:

- Đói lắm sao?

- Tựa như nếu ông chưa một lần bị nhức răng thì có nói nhức răng kinh khủng cách nào, ông cũng không tài nào cảm nhận được đầy đủ.

- Đành rằng không nhà tù nào sướng cả, nhưng tôi nghe nói nhà tù bây giờ lạ lắm, phải không?

Xuống tới bờ sông. Gió chuyển. Thổi từ hướng sau lưng chúng tôi. Các lượn sóng nhỏ nối nhau đổ sang bờ bên kia xóm Đầm Sen, nhấp nháy các chấm màu tím sáng, hoa bèo lục bình, lững lờ giữa sức cuốn của giòng sông chảy và sức cản của gió đánh tạt ngang sông.

Như nói, nhìn các hoa bèo màu tím, giọng trầm trầm:

- Một thứ nhà tù, không phải chỉ khu nhốt tù tập thể, mà ở phòng kiên giam nhìn ra cũng thấy những luống... hoa. Trại giam lớn thì vườn hoa lớn. Có cả hòn non bộ. Năm đầu, mất bảy tháng, nằm ở xà lim biệt giam, nhiều đêm tôi còn ngửi thấy mùi hoa đại, bông sứ ấy mà, trong đêm, thơm cồn lên, cơn đói như muốn cào rách bụng dạ. Vậy mà đọc trong kinh nhà Phật thấy có vị Hương Thần, vị thần hương, chỉ thích ngửi mùi thơm, không cần ăn uống cũng đủ no... Có lẽ tại mình chưa thành thần nên chỉ thèm ngửi mùi... cơm.

Như thường thế, châm biếm mọi chuyện bằng cái giọng hết sức nghiêm trang, khiến người nghe lại bật cười. Tôi bảo:

- À, đấy là Gandharva, Càn-thát-bà, tức Kiền đà la, là vị Hương Thần, chuyên lo về âm nhạc trên trời, không ưa rượu thịt, chỉ thích ngửi mùi hương. Ngửi mùi thơm cũng đủ no, nên trong mình mẩy xông hương thơm ngát.

Như nói:

- Có thể lắm chứ ông, ngay trong đời sống hàng ngày này, người thì xông hương thơm, người thì toát ra những mùi rất nặng như hoa Y Lan, như chuột chù. Tôi không tin do di truyền, cha mẹ thơm mà con hôi hay ngược lại, ông nghĩ sao về các vị thần Hương? Thú thực, ở ngoài đời người ta thường chú ý tới «người đẹp», với tôi, hàng đầu phải là «người thơm», theo nghĩa đen, hương ở đây không bóng bẩy ám chỉ nết na. Cũng lạ, phần lớn những người có vẻ đẹp trời cho, không do mỹ viện, thường có mùi thơm. Tôi cho, sau lửa, nước hoa hay dầu thơm là một phát hiện đáng nể của loài người.

- Thầy chúng tôi kể, bên Ấn Độ, người ta gọi các ca, nhạc sĩ là Càn-thát-bà, những nhạc-thần kiêm hương-thần, hẳn do lòng quý trọng nghệ thuật mà ra. Kể cả các nhà ảo thuật cũng được gọi như thế. Họ tạo ra các thành quách Càn-thát-bà, mà văn chương Tàu gọi là Thẩn lâu Hải thị, những lâu đài, thành phố hiện ra giữ biển, không có thật, chỉ là ảo ảnh. Tôi học được cách nhìn khác ông, tất cả những gì tốt đẹp nhất trong cõi Hương Trần đều giống như hình bóng của thành quách, nó chỉ đưa đến những cảm giác cho ông là có thật. Ông biết đấy, ngay từ năm trung học, tôi đã chơi bonsai, yêu hoa cỏ, cất hương thơm hoa sen như người ta cất rượu. Nhưng giờ này, cõi Tâm Hương mới là nơi tôi muốn tìm hiểu, chỗ thân tình, tôi có thể nói với ông mà không ngại chi cả. Đất nước mình đang rơi vào tình cảnh Thẩn lâu Hải thị, theo ông, cách nào thoát ra khỏi đây? Mọi danh từ đẹp nhất đều đã được dùng, cách mạng, độc lập, tự do, hạnh phúc... Thơ và Thiền có giúp gì cho việc chuyển hướng giòng sinh mệnh

dân tộc?

Như hỏi:

- Ý ông muốn nói, đạo học và văn học có cách gì chế ngự sự lộng hành của các trò chính trị ảo thuật, phải không? Đỉa, chuyên hút máu người ta, là một con vật nhờn, lạnh, bám đeo, gớm ghiếc. Nó có hai trái tim, thở bằng da và có thể sống trong nhiều tháng không ăn uống. Không diệt hết được giống quái quỷ này, dai như đỉa đói, người ta dùng chúng trong y học, cho hút máu các vết thương bị các cục máu đông. Các cục máu này làm tắc nghẽn mạch gây chứng bầm đen, thối thịt. Với 300 chiếc răng nhỏ, nhọn, con đỉa cắm vào da thịt người, tiêm một chất gây tê mạnh khiến cho vết thương không bị đau.

- Êm dịu để hút nhiều máu.

- Đúng vậy, rồi nhả ra một chất chống đông máu. Sau nửa tiếng đồng hồ hút máu, no nê, con đỉa buông ra, máu nơi vết thương vẫn chảy hàng giờ, làm tan mọi cục máu đông của người bệnh.

Tôi hỏi lại:

- Nó, guồng máy này, là đỉa. Dai như đỉa đỉa đói. Trong «môi ttường sống» của dân tộc, chúng ta không dứt được hết sự bám đeo, vào đầu óc của bao triệu người suốt mấy thế hệ, cái thói «sống bằng máu người», bạo lực, chuyên chính. Tôi hiểu ý ông. Nhưng đất nước ta sẽ dùng nó vào việc gì, như y học dùng đỉa, ông thử nói xem sao?

Như, nhún vai, nói:

- Thật ra, tôi chỉ mới mường tượng, nhưng ông nghĩ coi, họ lộng hành nhờ hai thứ, tai và miệng. Tai, tình báo, giỏi nghe ngóng. Miệng, tuyên truyền, ưa rỉ tai, nói như rót vào tai. Giữa hai cái tai là cái miệng. Chúng ta cứ loay hoay mang tim, tình cảm với óc, trí tuệ, ra để đối chọi. Chỉ có thua thôi. Nếu sau này dân tộc chúng ta chuyển sở trường tình báo chính trị sang tình báo kiến thức nhân loại về nhân văn hay khoa học thực nghiệm, nói nôm na, lo đi rình những cái hay của thiên hạ mà học. Hiện nay, người cùng một nước lo rình rập nhau, càng sở trường lại càng sở đoản. Đời sống, như thơ không chỉ thấy cái hay của thơ Đường, phải thấy cái hay của thơ Haiku, thơ Ba Tư... nữa.

Tôi bảo Như:

- Ông nên cảm ơn những năm tháng tù đầy, thật thế, nghe ông nói tôi như được mở ra nhiều cánh cửa mới lạ.

- Người Nga đang tìm cách xa lánh, bỏ lại sau lưng họ cuộc cách mạng Tháng Mười, như người Tàu ngày nay không làm thơ Đường luật nữa, trong lúc nhiều người mình vẫn say sưa làm thơ Đường bằng tiếng Việt... Hết thơ Tàu tới thơ Tây, tôi muốn quay với thơ Ta, không lấy ca dao

làm chuẩn nhưng cũng không xem thường ca dao. Dễ hiểu như người mình ăn rau muống chấm tương, các dân tộc khác không ăn món đó, vậy thì thơ của người mình ở đâu. Tôi thích thầy của ông, rồi có lẽ cũng là thầy của tôi, ở chỗ muốn làm sống lại giòng Thiền Việt. Quán Chỉ ạ, thơ Thiền của ông, hay, nhưng tôi thấy vẫn còn nhiều chất Tàu...

- Sao người Tàu không làm thơ Đường luật nữa?

Như cắt nghĩa:

- Hôm nay không phải hôm qua. Hệ thống ngữ âm Bắc Kinh thời này không phải là hệ thống ngữ âm Tràng An đời xưa. Mọi thanh-điệu và vận-điệu của thơ Đường luật bị đảo lộn. Luật dùng chữ «nhất, tam, ngũ bất luận và nhị tứ lục phân minh», chỉ hợp với cổ âm, trong khi tiếng Bắc Kinh ngày nay tiếng bằng, tiếng trắc đã khác, ngược với tiếng nói Trường An xưa. Không chạy theo được luật «chữ thứ tư của câu thứ tám phải là thanh-bằng, chữ thứ sáu của nó phải là thanh-trắc», người Tàu bỏ luôn. Một số rất ít, gần như không đáng kể, dùng văn-ngôn cổ xưa, giữ được vận-điệu, vần của thơ, nhưng không ăn khớp với thanh-điệu, tiếng của thơ. Dùng văn-ngôn, «bác học», khó cho người đọc thời nay quen dùng bạch-thoại, «bình dân». Thất ngôn bát cú ở Tàu đã chết.

Tôi cãi lại:

- Nhưng ở Ta, tiếng và chữ Hán Việt xưa ra sao giờ vẫn vậy, vận-điệu và thanh-điệu không đổi nên còn dùng...

- Dùng làm gì, phần đông khuôn mòn sáo cũ, cái trò chơi chữ ấy, cả Tàu lẫn Tây? Tôi chỉ ngại khi văn học chơi chữ lâu dài thì nó sẽ thỏa hiệp trường kỳ, mãi mãi với thứ chính trị chơi chữ. Đám đông vừa bị đường mật lôi cuốn vừa bị sắt thép bức bách vào cuộc chơi chữ.

Tôi bảo:

- Nhà Phật gọi là Vô-nghĩa-ngữ, Sambhâppalâpo, một tội trong thập ác, thuộc về khẩu-nghiệp, bao gồm cả ỷ-ngữ, lời nói thêu dệt, vẽ vời làm cho ai đó yêu mình, ghét người và tạp-uế-ngữ, thứ ngôn ngữ trơ troẽn, thô tục. Khi báo chí và sách vở quen nết, bởi yêu cầu của cách mạng, có nói không, không nói có và văn học viết những điều bịa đặt không ngượng tay, sự thô tục tột cùng là nhắm tiêu diệt mọi thứ thanh cao. Quá khứ, cũng có những hủ tục, tôi không trân trọng hết tất cả, nhưng tôi nghĩ cũng không nên đập phá hết đi để thay thế bằng một cái mới còn đang thử nghiệm y như trò chơi quay trái khế của khẩu súng sáu, chỉ còn một viên đạn, rồi kê vào đầu mình và bóp cò, trông chờ may rủi. May, chỉ được dăm ba két bia, mời mọi người cùng uống. Rủi, y hệt cuộc cách mạng thử nghiệm ở nước ta, tôi sợ lắm.

Như nói rõ hơn:

- Tôi không làm thơ Đường. Nhưng tôi vẫn học hỏi và rút ra từ ở thơ Đường phần tinh hoa mà nó đã được thời gian và không gian đãi lọc. Về cấu trúc chẳng hạn, mỗi bài tứ tuyệt, dĩ nhiên gồm bốn câu thơ, câu thứ nhất đi với câu thứ hai, ngoài nhạc điệu, đủ làm thành một bức tranh thủy mặc, thí dụ: «Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên. Giang phong ngư hỏa đối sầu miên», tạm hiểu là «Tiếng quạ kêu, vầng trăng lặn, trên trời đầy sương. Ánh lửa chài đối với sầu bên sông cây dương.» Câu thứ ba, «Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự.», luôn luôn không ăn nhập gì với hai câu trên, nhưng đi với câu thứ tư, «Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền», thành một đôi trọn nghĩa: «Ở bên ngoài thành Cô Tô có Hàn Sơn Tự. Nửa đêm tiếng chuông ngân tới người khách trên thuyền.» Cuối cùng, câu thứ nhất và câu thứ tư cũng hợp thành một đôi, gói tròn tình và cảnh của cả bốn câu. «Quạ kêu trăng lặn sương mờ. Đêm hôm thuyền khách đậu bờ chuông ngân». Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên... Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền. Tôi cứ dịch theo lối của tôi. Đêm hôm, cũng là giữa ban đêm, nhưng hay hơn nửa đêm. Miễn Quán Chỉ hiểu là được rồi. Điều quan trọng, sáu đôi đũa cho một bài tứ tuyệt có trở thành quy luật hay chỉ là sự tình cờ của riêng bài Phong Kiều Dạ Bạc? Tôi có thể nói, bài tứ tuyệt nổi tiếng nào cũng vậy, chẳng hạn câu thứ ba bao giờ cũng không dính dáng tới hai câu trên... Câu thứ nhất luôn luôn cặp đôi với câu thứ tư, như bài Lương Châu Từ của Vương Hàn: «Chén dạ quang, rượu bồ-đào. Xưa nay chinh chiến ai nào về đâu!», Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi... Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi. Lúc nào rảnh ông nên đối chiếu... Hay trong bài Ngưng Bích Trì, Ao Ngưng Bích, của Vương Duy, cũng: «Buồn dân nhà khói tỏa dàn. Bên ao Ngưng Bích sáo, đàn tấu vang.», Vạn hộ thương tâm sinh dã yên... Ngưng Bích trì đầu tấu quản, huyền. Chẳng cần câu hai và câu ba, ta cũng thấy cảnh loạn lạc, đau lòng bao nhà dân khói lửa, loạn thần An Lộc Sơn vẫn tiệc tùng, đàn ca.

Tôi chỉ biết kêu lên:

- Kinh khủng quá! Khinh khủng quá!

Như nói tiếp:

- Thơ ta, phải là lục bát, làm mới không phải là ngắt câu sáu làm ba hay chặt câu tám làm hai. Cũng không phải là là đổi chữ cũ, «cỏ non xanh tận chân trời» thành ra «non xanh cỏ tận chân trời» hoặc «chân xanh non cỏ tận trời», ngớ ngẩn, mà là mới! Thử nghe Nhượng Tống Hoàng Phạm Trân buông câu lục bát: «Thoắt nghe hai tiếng lên đàng. Rụng rời tay ngọc, xuyến vàng rộng thênh»... Lên đàng là mở ra. Rụng rời là kết lại. Giữa đó là biệt ly. Kinh khủng chưa, có thấy tiếng Hán Việt nào không?

Tôi hỏi:

- Ông nói về thơ với tôi, đôi giòng một, hẳn ngụ ý gì?

- Chỉ lo phần hồn, không nuôi phần xác con người, tôn giáo không đứng cao trên cuộc sống như nhiều người tưởng, mà nó đứng bên lề, quá xa, có mở, không kết!

- Kinh khủng quá!

Ba tiếng kêu trên lại của ông cụ Nậm, vừa men theo mấy bậc thềm chót, tiến tới chúng tôi, ông cụ vừa nói tiếp:

- Quý thầy chờ thầy và chú Như lên dùng ngọ, chúng ta phải có mặt trước khi sư cụ tới. Kinh khủng quá, tôi lại lao ra ngoài vườn chuối tìm thầy, gặp con rắn hổ nó cứ ngóc đầu lên phun phì phì! Tôi vừa chạy chữ chi, vừa cởi áo ngoài, ném ra cho nó quấn chặt lấy, thế mới thoát...

Ba người chúng tôi băng qua sân chùa, đi về hướng nhà bếp, mỗi lúc một gần mùi cơm chín, thơm phức muối mè rang. Nắng xuân ửng, rám hồng các viên gạch, nhuộm tím những mảng rêu mọc trên đó. Mấy bồn cỏ Hương, thầy chúng tôi trồng đã lên cao, ngọn mềm xanh biếc.

Như nhìn những ngọn lá lả theo chiều gió và hỏi tôi:

- Cỏ gì mà đẹp vậy?

- Giống cỏ Đâu Lâu Bà hương, hoa như hoa hành, lá toát ra một mùi thơm thanh quý, dùng để chữa bệnh mộng-du và các chứng tâm bệnh khác.

- Lạ nhỉ, dân Tây phương đã biết chữa bệnh cả bằng âm thanh và màu sắc nhưng họ đâu biết người Đông phương mình còn dùng hương thơm để chữa bệnh. Trong Sắc, thanh, hương, vị, xúc của nhà Phật, người nào nghe được tiếng chim Diệu Âm, karavinka, Ca Lăng Tần Già, hót vô cùng êm ái, lòng người ấy sẽ thảnh thơi, trăm mối phiền muộn đều tan. Ông thấy cái bồn lớn nhất không, cỏ Tất Lực Ca hương đấy, một thứ đinh hương, clou de girofle, mùi rất thơm. Chế dầu thơm và phấn thơm. Làm thuốc và ăn được. Gần như mọi loài thảo mộc chứa chất hương đều trở thành rau thơm. Nghe nói người Việt mình đi khắp thế giới, tới đâu cũng mang theo cây húng quế và ngò rí, tức rau mùi. Mùi thơm... Hình như người Việt nào cũng biết ăn rau thơm...

Hai mâm cơm nóng hổi, một của các nhà sư và một cho hai «người đời» là ông cụ Nậm và Như. Lúc thầy chúng tôi xuống tới nhà bếp, thấy ông cụ Nậm dọn bàn ăn theo kiểu phân biệt ra như vậy, thầy khoát tay bảo tất cả kê hai cái bàn sát lại gần nhau để mọi người cùng ngồi ăn cho vui. Nhờ có Như, bữa nay có thêm món mắm chay làm bằng sơ mít non, ăn ghém với rau diếp và rau thơm. Ông cụ Nậm tiếp thức ăn cho Như, gắp cả rau thơm, tôi để ý thấy từ đầu tới cuối bữa, Như không dùng một chút rau thơm nào. Như kín đáo gắp ra khỏi bát và gom chúng lại ở một góc mâm.

Sau bữa ăn, thầy chúng tôi trở về phòng, nằm nghỉ trưa. Mọi người còn ngồi lại, vui vẻ nói chuyện, ông cụ Nậm nhìn Như và tôi, rồi dỗn chơi:

-Ai không không ăn húng quế không phải người Việt...

Như nghiêm mặt, khiến tôi hơi lo ngại, nhưng anh từ tốn hướng về phía ông cụ Nậm và tôi rồi chậm rãi nói:

- Ra tù, tôi sợ rau thơm lắm, nhất là húng quế, quý thầy có thể tưởng tượng được không, một hôm tôi và anh Chấn, một người bạn tù của tôi đói quá. Riêng tôi, chân tay rời rã mà cứ run lên. Mô hôi lạnh toát ra râm rấp mùi khói ngải cứu pha chất cá ươn. Hai đứa bò qua một cái lỗ chó chui ở hàng rào, ngăn cách giữ trại giam và vườn rau, trời tối đen như mực, mưa lớn. Tôi lạnh quá nằm vật xuống thở không ra hơi. Người bạn bò đi, lát sau, quay lại, dúi vào tay tôi một nắm rau và nói: «Xu hào, cải bắp, bí đỏ, họ nhổ hết rồi, còn toàn rau thơm thôi, ăn đỡ lòng vậy! Mình mới ngốn một bụng xong». Còn tôi, phần đuối sức, phần sợ bị bắn, nhét nắm rau vào ngực áo rồi bảo người bạn tù: «Bò trở vào đi, không phải chớp lóe đâu, ánh đèn pin đấy. Bò vào đi.» Người bạn tù bảo: «Không, chớp mà, mình xuống cuối vườn, biết đâu chẳng có quả bí nào còn sót lại.». Lúc ấy, trời mưa như trút nước, tôi cố lết về phía hàng trào. Vào tới lán trại, tôi lên cơn sốt, đầu nhức như búa bổ, rồi mê thiếp đi. Gần sáng, thức giấc ngó sang chỗ người bạn nằm vẫn thấy trống trơn, tôi sờ vào chiếc gối của Chấn, lạnh ngắt. Nhìn dáng những người bạn tù khác nằm ngủ, tôi hơi yên tâm, nghĩ bụng «nếu có chuyện gì xảy ra, cả lán đã phải thức sớm, ồn ào, có đâu lại êm ả như thế này». Sáng ngày...

Như nghẹn lời, giây lát, mới nói được tiếp:

- Hôm sau, mọi người đều biết, Chấn nằm chết lạnh giữa một vườn rau thơm, miệng đầy những lá húng quế. Người quản giáo, dùng một chân chỉ vào cái xác, nói: «May không bị bắn!». Giờ này, tôi rất thích câu chuyện Thiền Hương, vâng, Hoa khai Tâm, Tâm Hương nó xoa dịu vết thương trong lòng tôi bấy lâu nhưng không biết vườn rau thơm có được kể là Cõi Hương Trăm Thức?❐

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Chuyện giòng sông

THIÊN YÊN

đến với anh
mỗi ngày
dạt dào trò chuyện
trời quặn xám mưa đông
lá đỏ thắm tuổi đời

đến với anh
mỗi ngày
dạt dào trò chuyện
thuyền tim em
chèo vụng dại qua sông
võng tay anh bềnh bồng
đong đưa
đôi chân mềm
lên
xuống

dáng hình ai
loang vỡ mặt nước
loang vỡ những bóng chim
mượt ướt chuỗi ngọc đen
dìu em trôi lướt

chuyện trò với dòng sông anh
dào dạt mặn mà
sẽ nối tiếp
nhau
về sau mãi
về sau. Khi còn lại
một
đúng
một
hồn
mồ
côi

Tạp Ghi
Nguyễn Quốc Trụ

● Vô Kỵ Giữa Chúng Ta

When a man dies,
*His portraits change.**
(Anna Akhmatova)

Đỗ Long Vân, tác giả *Truyện Kiều ABC, Vô Kỵ giữa chúng ta, Nguồn Nước ẩn Trong Thơ Hồ Xuân Hương* đã mất tại quê nhà tháng Tám năm ngoái (1997). Người viết chỉ được tin, qua mục thư tín, số báo *Văn Học* tháng Ba, 1998, giữa tòa soạn và một văn hữu. Sao đến giờ, ngoài này mới biết được, anh em trong tòa soạn than thở. Ngay từ trước 1975, Đỗ quân đã sống thật lặng lẽ, "từ chối" mọi đặc quyền, nếu có thể cho đây là một đặc quyền mà chế độ Miền Nam dành cho những người có bằng cấp: được đi học trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Khi bị gọi động viên, ông đã trình diện như một "lính trơn", nghĩa là chẳng trưng ra bằng cấp, có lẽ cũng chẳng nhớ gì đến những năm tháng du học tại Paris.

Có lẽ không hẳn như vậy: một con người cô độc. Trong bài tưởng niệm đăng trên *Văn*, số tháng Ba/ 1998, Huỳnh Hữu Uỷ đã nhận xét như trên, về ông Đỗ, và những ngày tác giả lớn lên giữa một thành phố hiền hòa, nhưng lại gặp vào một thời kỳ đầy giông bão của lịch sử. Bởi vì, ông có nhiều bạn, nhưng đều lặng lẽ như ông. Trong số đó, là Joseph Huỳnh Văn, Phạm Kiều Tùng, hình như có cả Nguyễn Tử Lộc, và đứa em út trong bọn, Nguyễn Đạt (gọi là em út, vì là em ruột Nguyễn Nhật Duật). Nghĩa là hầu hết anh em Tập san *Văn Chương*. Khi cả bọn xúm nhau làm tờ báo, chỉ có Joseph Huỳnh Văn, tổng thư ký, đích thân mang cẩm nang võ công của Trương Tam Phong, phái Võ Đang, tới Thiếu Lâm Tự, Bắc Đẩu Võ Lâm, nói nôm na là những bài Cầm Dương Xanh của anh, để đổi lấy cách đọc bí kíp/ văn bản: Hãy đọc ở độ thấp nhất của nó. Bởi vì *Truyện Kiều ABC* đề nghị một cách đọc không độ: từ những ảnh tượng,

thay vì những ẩn dụ, cho dù trong đó đầy rẫy những điển cố văn học, những chiêu thức tu từ.

(Ở đây, cũng xin được mở ngoặc, phân biệt giữa ảnh tượng, và ẩn dụ. Ảnh tượng, *image poétique*, là một hình ảnh thơ không thông qua tri thức; ẩn dụ là thi ảnh được tri thức nhào nặn. Khi dùng bóng hồng, để chỉ người đẹp, cánh buồm để chỉ con thuyền... đó là những ẩn dụ thơ. Trong truyện Kiều có rất nhiều ẩn dụ, điển cố, nhưng người bình dân vẫn đọc được, bởi vì họ đẩy ẩn dụ trở về mức thấp nhất của chúng, họ coi chúng như là những ảnh tượng, chẳng cần truy nguyên, truy nghĩa. Trong chúng ta dễ gì tất cả đều hiểu mầu quan san là mầu gì, nhưng như vậy đâu có nghĩa là không cảm được cái hay của câu thơ *Rừng phong thu đã*... Vẫn là cái vòng luẩn quẩn (vòng kim cô), giữa ký hiệu (signe), và những thành phần tạo nghĩa (signifiant, signifié, signification), của môn ký hiệu học. Lẽ dĩ nhiên, còn cách đọc *Kiều* ở mức bác học, của giới học giả, phê bình, hoặc thi sĩ, muốn chuyển hóa *Kiều* qua những nấc thang tri thức này nọ. Nhưng Nguyễn Du cho người bình dân đọc (được) Kiều, bằng cách dùng những ảnh tượng lấy ra ngay từ cuộc sống, kinh nghiệm hàng ngày, để chuyên chở ẩn dụ. Thí dụ ma đưa lối quỉ dẫn đường là để chuyên chở hình ảnh cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi. Điển cố đoạn trường (đứt ruột) đã được hóa giải mớ tri thức kèm theo nó, nhờ ảnh tượng ma quỉ dẫn đường.)

Tôi chỉ còn giữ được một kỷ niệm về Đỗ quân, về *Nguồn Nước Ẩn*, khi cuốn sách được xuất bản, thời gian tôi phụ trách trang Văn Học Nghệ Thuật cho một nhật báo. Bèn viết bài giới thiệu.

Phải nói rõ một điều, Đỗ Long Vân, tôi, và nhiều người khác nữa, đều có chung một số ông thầy. Và cái trường phái võ học/ văn chương đang thịnh hành hồi đó, là cơ cấu luận, với những đại gia như R. Barthes, C. Lévi-Strauss... Có cả Gaston Bachelard nữa. Khi đọc *Nguồn Nước Ẩn*, trí tưởng tôi còn tràn ngập những chiêu thức phê bình văn chương, nào là phê bình là siêu-ngôn ngữ, phê bình là một bản văn choàng (cover) lên một bản văn, sáng tạo của sáng tạo... Trong bài điểm cuốn sách, tôi chỉ lo ca tụng nguồn võ công đã sản xuất ra một chiêu thức kỳ tuyệt như thế.

Vẫn là câu chuyện Cửu Dương Chân Kinh của Thiếu Lâm, và võ công của Trương Tam Phong, tổ sư phái Võ Đang. Tuy thoát thai từ Cửu Dương Công, nhưng Miên Chưởng, Thái Cực Quyền/ Kiếm... hoàn toàn do Trương Tam Phong sáng tạo ra. Theo nghĩa đó, Cửu Dương Công chỉ hiện hữu, chỉ đạt đến mức siêu việt của nó, qua nhân vật Vô Kỵ, người mang trong mình tất cả những võ công chính tà: Cửu Dương/ Cửu Âm/ Càn Khôn Đại Nã Di. Nếu không có Trương Tam Phong, sẽ không có Cửu

Dương Công, bởi vì nó sẽ mục nát ra ở trong Tàng Kinh các, hoặc mãi mãi ở trong đầu, tức là trong bụng một con vượn. Lấy được nó ra là nhờ Vô Kỵ, nhờ Điệp Cốc Y Tiên. Đây là một chân lý văn chương/ võ học, theo nghĩa của Borges, khi ông viết về Kafka: mỗi nhà văn phải sáng tạo ra những tiền thân của riêng mình. Bản thân Borges, bị ảnh hưởng nặng nề Kafka, nhưng giữa những ngụ ngôn của ông và của Kafka, là một khoảng cách vời vợi.

Buổi sáng đó, Đỗ quân rời núi, tới chùa (quán Cái Chùa ở đường Tự Do, Sài-gòn). Khi một người ngồi chung bàn, như tình cờ nhắc tới bài điểm sách, và coi đó là những lời khen tác giả *Nguồn Nước Ẩn*, ông nhìn tôi, cười: Bạn ơi, bạn đâu có khen tôi, mà là khen Roland Barthes!

(Sau này, tôi lại sử dụng cách Đỗ quân đọc *Kiều*, để đọc *Bếp Lửa*, của Thanh Tâm Tuyền, khi cuốn sách được tái bản lần cuối cùng tại Sài-gòn. Nghĩa là gạt bỏ tất cả những tri thức, những giấc mộng lớn làm lại thế giới, thay đổi cuộc đời... và chỉ đọc nó ở mức thấp nhất, coi đây là một cuốn tiểu thuyết thơ)

Tatyana Tolstaya, trong một bài tưởng niệm Joseph Brodsky, có nhắc tới một tục lệ của người dân Nga, khi trong nhà có người thân ra đi. Họ lấy khăn phủ kín những tấm gương, sợ người thân còn nấn ná bịn rịn, sẽ đau lòng, hoặc hoảng sợ, vì không thấy bóng của mình ở trong đó. Bà tự hỏi, làm sao phủ kín những con đường, những dòng sông, những núi đồi... nhà thơ soi mình lên đó? Chúng ta quá cách xa, những con đường, những góc phố, những con hẻm... quá cách xa con người Đỗ Long Vân, khi ông còn cũng như khi ông đã mất. Qua một người bạn, tôi được biết, những ngày sau 1975, ông sống lặng lẽ trong một căn hộ ở con hẻm Hồ Biểu Chánh; đọc, đa số là tiểu thuyết khoa học giả tưởng (ông giải thích, chúng là chuyện thần tiên của thời đại chúng ta); dịch, toàn bộ *Những Hệ Thống Mỹ Nghệ*, của Alain. Khi người bạn ngỏ ý mang đi, ra ngoài này in, ông ngẫm nghĩ, rồi lắc đầu: thôi để PKT ở đây lo việc này giùm tôi...

* *Salomon Volkov trích dẫn, trong bài viết về J. Brodsky: Con sói cô đơn của Thi ca*

● Ông là Đỗ Phổ Nghĩa, tôi đoán vậy...

Đầu tháng Tám, 1890, con tầu Vua Người Bỉ bắt đầu chuyến ngược dòng Congo. Thuyền trưởng, Konrad Korzeniowski, gốc Balan, mới tới Congo, một thuộc địa mà Leopold II, vua nước Bỉ vừa chiếm đoạt được, cho riêng mình, ngay tại giữa Phi châu. Muốn tìm hiểu con sông, trong nhật ký của thuyền trưởng, là chi tiết tỉ mỉ chuyến đi, cả những gì không

liên quan đến ngành hàng hải. Một tháng sau, khi chuyến đi chấm dứt, Conrad, bị sốt rét, thổ tả, và với một cõi lòng tan nát khi tận mắt chứng kiến sự tàn bạo của đám da trắng chung quanh, ông bỏ việc, trở lại Âu châu.

Tới Phi châu, mục đích chính là để tìm kiếm một thế giới xa lạ, của những giấc mơ ấu thời; ông trở về với một giấc mơ mới: viết *Trái Tim Của Bóng Đen*, điều mà ông mô tả: cuộc tranh giành của cải xấu xa, ghê tởm nhất, làm méo xệch lịch sử lương tâm nhân loại.

Đám nhà văn, học giả thường đọc *Trái Tim của Bóng Đen*, bằng những từ của Freud, Nietzsche. Cuốn tiểu thuyết còn nhắc nhở, về sự thơ ngây vô tội, thời Victoria, và tội tổ tông; hay chế độ gia trưởng tàn bạo và thời kỳ tôn giáo thần bí Gnosticism, chủ nghĩa hậu-hiện đại, hậu-thực dân, hậu-cơ cấu. Tuy nhiên, với trăm ngàn nghiên cứu, luận chứng cao học, tiến sĩ này nọ, người ta thật dễ dàng quên đi, rằng cuốn tiểu thuyết đã mang trong nó một cái gì thuộc về phóng sự, nói rõ hơn, đây là một giả tưởng hoàn toàn dựa trên người thực, việc thực.

Trong cuốn tiểu thuyết, Marlow, người kể chuyện, một hóa thân của Conrad, được một công ty săn ngà voi mướn đi theo một con tầu, ngược dòng sông nhiệt đới, để gặp Mr. Kurtz, tay mại bản đầy tham vọng, và thật thông minh, sáng giá, đại diện công ty. Dọc đường, Marlow nghe xì xào, Kurtz đã thu gom được một mớ ngà voi kếch xù, và đã sa vào một chuyện dã man nói không được. Thoát chết sau một cuộc tấn công của thổ dân, đoàn của Marlow lấy được một chuyến hàng, luôn cả Kurtz, đang ngắc ngoải vì bịnh. Anh ta nói về những kế hoạch đồ sộ của mình, chết khi con tầu xuôi hạ lưu, nhưng sống lại mãi mãi, trong cuốn tiểu thuyết của Conrad: một gã da trắng cô độc, lân la mãi tít tới thượng nguồn con sông lớn, với những giấc mơ hoành tráng, kho ngà voi, và một đế quốc phong kiến vượt lên trên những khu rừng rậm Phi châu

Độc giả khó thể quên, cảnh tượng Marlow, trên boong tầu, chiếu ống nhòm, tới những vật mà ông miêu tả là những đồ trang điểm, ở trên ngọn những con sào, gần nhà Kurtz, và rồi ông nhận ra, mỗi món đồ trang trí đó là một cái đầu lâu - đen, khô, mi mắt xụp xuống, cái đầu lâu như đang ngủ trên ngọn con sào. Ngay cả những người chưa từng đọc cuốn truyện, cũng có thể nhìn thấy cảnh này, bởi vì Francis Coppola đã mượn nó, khi chuyển *Trái Tim của Bóng Đen*, vào trong phim *Apocalypse Now*. Những hình ảnh như thế đã khắc họa Kurtz, như một hình vóc văn hóa: thực dân, chinh phục. Mới đây thôi, trên trang nhất tờ Times đã mô tả một viên chỉ huy dã man, của lực lượng đánh thuê Serbian, ở Zaire, như là một bạo chúa, ấn bản hiện đại của Kurtz, trong *Trái Tim của Bóng Đen*, của Conrad. Một

Kurtz thời hiện đại, có tên là Colonel Yugo, ngự trị bằng khủng bố tại thành phố Kisangani, với hàng loạt vụ sát nhân, xử tử, với những trò tra tấn thường nhân bằng roi điện, để mặc tù nhân chết đói. Kisangani, có tên là Stanley Falls, khi con tầu của Conrad tới nơi này, vào năm 1890, và được ông đặt tên là Inner Station, trong *Heart of Darkness*. Đây cũng chính là chỗ ngày trước Kurtz vung vãi những trò chơi khủng bố, giết thổ dân.

Chẳng nghi ngờ chi, Conrad còn lấy Kurtz ra, từ trong sâu thẳm con người của ông. Và đây là điều người đọc miễn cưỡng thông cảm khi tưởng tượng ra một ông giáo chủ, với tham vọng vô bờ, và một viễn ảnh về chính mình, một đấng giáo chủ của văn minh, giữa những giống dân man rợ. Nhưng Conrad còn tạo nên nhân vật của ông, trong sáu tháng ở Congo, từ những người ông đã gặp, hoặc đã nghe nói về họ, lúc này lúc nọ, và sau đó.

Một trong những nguyên mẫu mà sau này nhiều người viết tiểu sử, cũng như giới phê bình, chỉ ra, đó là Georges Antoine Klein, một Đỗ Phổ Nghĩa ở Phi châu (Jean Dupuis, tên Việt là Đỗ Phổ Nghĩa, đã từng ngược sông Hồng hà, kiếm đường thông thương với Trung Hoa, sau tới miền Bắc Việt Nam, thời Francis Garnier đánh chiếm Bắc-kỳ), ông Tây này, đại diện cho một công ty thu gom ngà voi ở Stanley Falls, bến tới của Conrad. Con tầu Roi des Belges đã nhặt Klein, khi ông ta bịnh, và sau đó, chết trên tầu, trong chuyến về. Ngoại trừ những chi tiết đó, và sự tương tự giữa hai tên (Kurtz/Klein), Conrad không lấy ra được nhiều, từ nhân vật này. Có người lại cho thấy, nguyên mẫu của tác giả là một mại bản tên là Arthur Hodister, một người Bỉ nổi danh vì tài thu gom ngà voi. Vào năm 1892, hai năm sau khi Conrad rời Congo, tay này bị đối phương cùng nghề tóm được và chặt đầu. Về những cái đầu lâu đang ngủ trên ngọn sào, nhà phê bình Norman Sherry viết, chúng có lẽ là chuyển thể của số mệnh Hodister. Nhưng có đúng là chuyển thể, nói rõ hơn, Conrad đã hư cấu Kurtz, bằng tưởng tượng nhiều hơn là từ thực tế? Những nhà phê bình như Sherry đã cố tình lờ đi, vô số những nguyên mẫu khác: những người da trắng chuyên thu gom đầu lâu da đen.

Người đầu tiên, trong số họ, là Guillaume Van Kerckhoven, một tay phiêu lưu, vốn là sĩ quan Force Publique, một lực lượng da đen, do da trắng chỉ huy. Vào lúc Conrad viếng Congo, lực lượng này đang bận rộn với công việc khai hoá, giữa những sắc dân nổi loạn suốt vùng đất thuộc địa bao la của vua Bỉ, Leopold II. Van Kerckhoven nổi tiếng vì thu gom vừa ngà voi, vừa nô lệ da đen. Một trong những chuyến đi khai hóa của anh ta, đã được một vị toàn quyền mô tả: một trận bão quét qua trọn xứ sở,

không để lại bất cứ một cái gì sau nó, nếu có chăng, chỉ là hoang tàn. Van Kerckhoven còn có thói quen, thưởng lính thổ dân dưới quyền, về mỗi cái đầu mang về, sau mỗi chuyến hành quân.

Ghi chú, tài liệu những ngày Conrad ở Congo không nhiều, chúng ta không biết tác giả có gặp nhân vật kể trên không, nhưng một tay du lịch đã có nghe câu chuyện Van Kerckhoven chuyên thu gom đầu người, Roger Casement, một trong những bạn tốt ở Phi châu của tác giả. Casement sau nổi tiếng như là một người tranh đấu cho nhân quyền, và là một nhà ái quốc người Ái nhĩ lan; một trong số hiếm hoi, đen hay trắng, tác giả gặp ở Phi châu: một người suy nghĩ, giỏi ăn nói, rất thông minh, và rất có cảm tình, Conrad viết trong nhật ký về bạn. Vài năm sau, cả hai chạy lại, ôm lấy nhau, trong một tiệm ăn Luân đôn, rồi sau đó, kéo tới Sports Club nói chuyện cho tới 3 giờ sáng. Đó là trước khi Conrad viết *Trái Tim*. Casement có tài ăn nói thật khác thường, và cái kho chuyện của ông chắc chắn đã ảnh hưởng Conrad, về viễn ảnh của một đại lục. "Anh ta có thể kể cho bạn những điều." Conrad viết thư cho một người bạn, về Casement. "Những điều mà bạn cố quên đi."

Khi bắt đầu viết *Trái Tim*, chắc chắn trong đầu tác giả còn có một nguyên mẫu thứ nhì, chuyên thu gom đầu da đen Phi châu: Léon Rom, cũng sĩ quan Force Publique. Còn là một chuyên viên thu gom mề đay, do những thành tích chiến đấu, và có tên trong văn chương Bỉ, về thời đại anh hùng khai hóa. Năm 1895, một nhà thám hiểm người Anh, còn là một ký giả, ghé qua Stanley Falls, nơi Rom chỉ huy. Viên ký giả sau ghi lại, trên báo *Century*, về một chuyến hành quân của Rom, tiễu trừ thổ dân nổi loạn chống chế độ thực dân, khai hóa: Đàn bà trẻ con đều bị tóm hết, hai mươi mốt đầu lâu được đem tới thác, và được Đại úy Rom dùng làm đồ trang trí quanh thảm hoa, trước nhà ông. Nhà văn Jules Marchal, người Bỉ, những cuốn sách của ông được dùng làm tài liệu sử về thời kỳ này, đã khui ra một chi tiết khác: tại Stanley Falls, Rom cho dựng một giá treo cổ, thường trực, ngay trước bộ chỉ huy của ông. Có thể Conrad bỏ qua tờ *Century*, nhưng ông là độc giả trung thành của *Saturday Reviews*, London. Tờ này cũng nói tới Đại úy Rom và 21 đầu lâu ông thu gom, trong số báo Tháng Chạp 17, 1898. Có thể nguyên mẫu, và tiểu thuyết gia của chúng ta đã từng gặp nhau, tại Congo, vào ngày 2, tháng Tám, 1890, khi Conrad đi cùng một người da trắng khác, với một đoàn thổ dân khiêng đồ đạc, sau chuyến đi dài từ bờ biển tới điểm xuất phát chuyến vượt sông Congo. Trước khi tới làng Kinshasa ở ven sông, nơi vua Bỉ đợi ông, Conrad đi qua đồn ven biên Leopoldville. Ở cả hai nơi, lúc đó chỉ có chừng hai chục người da trắng, vài căn nhà rải rác. Những năm sau đó, hai đồn này

bành trướng mãi ra rồi nhập vào nhau, và là thành phố Leopoldville dưới thời người Bỉ, và bây giờ là Kinshasa. Vào cái ngày mà Conrad đi qua Leopoldville, viên sếp đồn là Đại úy Léon Rom. Conrad nói tiếng Pháp gần như perfect, cả hai như vậy là có chung một ngôn ngữ. Khi đọc *Century*, hay *Saturday Reviews*, có thể ông đã tưởng tượng ra được viên sĩ quan trẻ mà ông đã từng gặp.

Có rất nhiều tương tự đáng nói, giữa Rom và Kurtz. Nhưng Rom và Van Kerckhoven không chỉ là hai nguyên mẫu. Nhiều người khác nữa, cũng có cùng đam mê thu gom đầu lâu da đen. Những nhà phê bình đã cố tình quên chính tác giả Conrad, khi ông ngắm nghía đứa con tinh thần của mình, ngay trong tựa lần xuất bản 1917:... *Trái Tim của Bóng Đen chỉ cố nhón lên cao hơn chút xíu, những sự kiện thực, chỉ một chút xíu thôi.* (Heart of Darkness is experience ... pushed a little - and only very little - beyond the actual facts of the case).

Những người Âu châu, và người Mỹ thường ngần ngại, khi nhìn cuộc chinh phục Phi châu, cũng một trò diệt chủng y hệt như Hitler, hay Stalin. Vì lý do đó, chúng ta cũng nên cảm thấy thoải mái, khi nghĩ rằng, chuyện thu gom đầu lâu chỉ là một chuyển thể ghê rợn, một giả tưởng do trí tưởng tượng của Conrad thêu dệt ra. Trong những chuyển thể như thế, có phim của Manuel Aragon, người Tây Ban Nha, được chuyển thể tại Tây Ban Nha sau cuộc nội chiến. Coppola lại chuyển câu chuyện tới Việt Nam. Chỉ có lần thứ ba, câu chuyện được đặt để tại Phi châu, vào năm 1994, nhưng lại là phim cho cable TV.

Hãy thử tưởng tượng *Một Ngày Trong Đời Ivan Denisovich*, của Solzhenitsyn, được quay tại Liên Bang Xô Viết. Hay *Đêm* của Elie Wiesel, quay ngay tại Auschwitz.

● Tây Phương vẫy gọi...

Trên mục Tạp Ghi, người viết đã giới thiệu Andrei Makine, người Nga, viết văn bằng tiếng Pháp, qua bài điểm sách *Chuyện Tình*, của Tatyana Tolstaya, điểm cuốn *Di Chúc Pháp* (Le Testament francais), giải thưởng Goncourt, Médicis và Goncourt của sinh viên (1995), được dịch qua tiếng Anh với tựa đề *Những giấc mơ hè Nga của tôi.*

Andrei Makine sinh tại Novgorod, năm 1957, tiến sĩ văn chương đại học Moscow, giáo sư Học viện sư phạm Novgorod trước khi qua Pháp dạy tiếng Nga.

Cuốn *Thời gian của sông Tình* (Au temps du fleuve Amour, (nhà xb Félin, 1994) của ông mở ra bằng những dòng: "Cái đẹp không phải là

mối bận tâm tại xứ sở mà chúng tôi sinh ra. Chúng tôi có thể qua đi hết cuộc đời mà chẳng cần hiểu, người ta đẹp hay xấu; chẳng để tâm đến những góc cạnh của bộ mặt; chẳng tìm tòi sự bí mật gợi cảm, gợi dục của thân thể con người. Trong cái cõi khô cằn khắc nghiệt này, tình yêu thật khó bắt rễ. Nếu có chăng, là thứ tình yêu - tội lỗi. Nó lấp ló đâu đó, cùng với những ngày đông tàn nhẫn, giữa đám đàn bà túm lấy nhau ở giữa làng, để trao đổi tin động trời. Họ chỉ thì thào, nhưng mớ khăn đầy làm cho họ phải la lên. Những cái tai nhỏ dại của chúng tôi lại cứ phải nghe rõ mồn một. Lần này là bà hiệu trưởng, trên chiếc xe hàng, đậu ngay tại Khúc Quẹo của Quỉ, nơi năm nào cũng có ít nhất một vụ lật xe. Ôi chao, bà hiệu trưởng khô đét như con mắm, không thể đoán được tuổi, làm sao tưởng tượng được cái cảnh một thân hình như thế, nằm trong tay gã tài sặc mùi xăng, mùi thuốc lá! Mà lại ở ngay cái khúc quẹo quỉ sứ đó! Đã bảo rồi, cái làng này, ngay từ hồi được sinh ra, đâu phải nơi trú ẩn của tình yêu. Đám cô-zắc của Nga hoàng đã dựng nó lên, cách đây ba thế kỷ, rồi quên luôn. Dúm đàn ông trong làng bị khu rừng taiga bạt ngàn nuốt hết sức lực. Trong giấc mơ mệt nhoài, họ vẫn còn bị săn đuổi bởi tiếng sói hú ghê rợn. Cái lạnh Nga lại là một chuyện khác nữa. Nó như chẳng hề biết giới hạn là gì. Mỗi lần lỡ khép mắt lại một lát, là mớ lông mi không chịu mở ra nữa. Râu dựng lên như những ngọn mác. Đàn bà hả? Lẽ dĩ nhiên họ cũng yêu chứ. Cặp mắt đầy nét nhăn, mặt lầm lì vẫn thấp thoáng bóng mờ của một nụ cười thần bí; đám Cô-zắc yêu họ trong bóng tối của căn lều ám khói, bên mấy cục than hồng hồng, trên tấm da gấu. Nhưng kỳ cục làm sao, là những thân thể người tình lặng lẽ đó. Những làn da tẩm mỡ nai trơn tuột, muốn giữ họ là phải dùng những sợi roi ngựa cuốn chặt vào cổ tay. Ngực họ hả? Thì cứ bằng bằng, tròn tròn như mấy vòm cung nhà thờ Kiev. Háng cứng ngắc, và lúc nào cũng chực nổi loạn. Nhưng khi đã chịu phép, đôi mắt long lanh như nét gươm dao, cặp môi cuộn tròn như sẵn sàng cắn. Và làn da của họ được hun lên bởi ánh lửa, và cái lạnh, mỗi lúc một thêm dữ dằn, mời gọi. Cơn say này không dễ tàn đâu... Anh chàng Cô-zắc lại xoắn thêm mấy vòng roi ngựa vào cổ tay, và con mắt hi hí của người đàn bà lại lóe lên một ánh cười ranh mãnh...

Đột nhiên tất cả đều đảo lộn. Tây Phương ra dấu... Thoạt tiên là con tầu xuyên - Tây Bá lợi Á . Con tầu huyền bí. Rồi một phim Pháp, viễn ảnh về một cõi đời rực rỡ...

Nhưng tại sao lại là (tài tử Pháp) Belmondo?

Với cái mũi dẹt, anh ta giống chúng tôi. Cuộc sống của chúng tôi - taiga, vodka, những trại - là từ những hình vóc đó. Những khuôn mặt của một vẻ đẹp man rợ hằn lên những đường nét khắc khổ. Tại sao anh ta? Bởi

vì anh ta chờ đợi chúng tôi. Anh ta không bỏ rơi chúng tôi ở bậc thềm một lâu đài tráng lệ, và những lần tới lui, giữa những giấc mơ và cuộc sống thường ngày của anh, anh ta luôn luôn ở bên cạnh chúng tôi. Người ta theo anh vào tới cái điều không thể tưởng tượng ra nổi.

Chúng tôi còn yêu anh, bởi cái điều vô ích, của những thành quả, những chiến công. Bởi sự phi lý của những chiến thắng, chinh phục. Thế giới mà chúng tôi sống dựa trên tương lai rạng rỡ của một ngày mai ca hát. Đó là luận lý của chúng tôi. Những buổi gắn mề đay nơi điện Cẩm Linh là một biểu tượng cao cả. Ngay cả trại (tù) cũng có chỗ đứng ở trong cái trật tự hài hòa đó.

Rồi Belmondo tới cùng với những thành quả chẳng để làm gì, những trình diễn chẳng cần mục đích, chủ nghĩa anh hùng cho không (gratuit). Chúng tôi khám phá ra rằng, sự hiện hữu xác thịt của con người tự nó là một cái đẹp. Chẳng cần bất cứ một ngụy tư tưởng mang tính ý thức hệ, hoặc vì tương lai. Kể từ ngày đó, chúng tôi biết, về cái tự tại, tự thân tuyệt vời có tên là Tây Phương.

Lại còn cuộc gặp gỡ tại phi trường. Người nữ điệp viên chờ đón vị anh hùng của chúng tôi phải có một vật gì đó để họ nhận ra nhau. Dữ thần chưa, đó là một... *karavai*, một mẩu bánh mì đen, được gọi bằng cái tên chính hiệu Nga của nó, trong một phim Pháp! Một tiếng rú vang lên, và cùng với nó là lòng tự hào Nga chạy dài theo suốt những hàng ghế trong rạp, bữa chiếu phim Tháng Mười Đỏ... Khi trở lại Svetlaia, chúng tôi chỉ nói về chuyện đó: vậy là, ở nơi chốn Tây Phương xa vời kia, họ cũng biết một tí, rằng chúng tôi hiện hữu!"

Hoàng Xuân Trường, trong bài viết trên *Thế Kỷ 21*, số tháng Tám, 1997, kể về một trong những lý do vượt biên của ông. Có cả ngàn lý do, nhưng thiếu kiếm hiệp cũng là một. Ông cho rằng, xã hội cộng sản cấm kiếm hiệp chẳng phải vì nó viễn mơ, không có tính đảng, tính giai cấp, tính hiện thực xã hội chủ nghĩa, mà vì những nhân vật của Kim Dung như Hồng Giáo Chủ, Tinh Tú Lão Quái, Đông Phương Bất Bại... đã gợi đến những lãnh tụ muôn vàn kính yêu của họ.

Kinh nghiệm vượt biên của ông làm tôi nhớ đến của tôi, khi rời bỏ Hà-nội. Sau 1954, dân Hà-nội chỉ đâu một hai tuần, là quá ớn phim ảnh xã hội chủ nghĩa. Trong tình trạng còn xập xí xập ngầu đó, cũng có thể do chủ trương của nhà nước, (thời gian 300 ngày tự do của Hải-phòng), một ông chủ rạp đã cho chiếu lại một phim cũ, thuộc loại vô thưởng vô phạt. Tôi còn nhớ, đó là một phim của Ý, về một vị nữ y tá, hình như còn là nữ tu, muốn rời bỏ tu viện, và bệnh viện, để đi theo bồ (tài tử Victorio

Gassman). Đúng lúc bà tính rời bỏ, thì những đoàn xe đưa binh sĩ bị thương tới bệnh viện. Và bà đã quyết định ở lại. Bữa đó, cả Hà-nội sắp hàng vô coi phim! Còn thằng bé thì sau đó, tìm đủ mọi cách xuống Hải Phòng, trước còn xem phim, rồi về, sau đi luôn!

Cuốn tiểu thuyết mới nhất của Andrei Makine, *Tội Ác của Olga Arbélina*, (nhà xb Mercure de France, 290 trang), là một cuộc truy tìm thời gian đã mất, về một tội ác còn hơn cả sát nhân, giết người. Tên nhân vật, tên trên bia mộ, là của một công chúa, một nữ tội phạm, chết vào những năm 1960. Và còn là một kẻ sống sót sau cách mạng, trốn được sang Paris cùng với đứa con, sống giữa một cộng đồng Nga, già nua, buồn tẻ như một buổi sáng tuyết. Bị ám ảnh bởi chính cuộc đời không làm sao cứu chuộc, bà trở nên điên khùng, xa lạ cả với con, với mình... *Tội Ác của Olga* mở đầu bằng tiếng thét muôn đời mà những trang sách còn lại cứ mỗi lúc một khuếch đại thêm lên mãi: Mi đã làm chi đời ta! Mi đã làm chi đời ta!

● **Hoa anh đào và người tù mãn hạn**

Trần Bình Nam

Toshimasa Meguro, người lính Nhật bị Hồng quân Nga bắt trong Thế chiến 2 vừa được trở về quê nhà sau 53 năm viễn xứ. Anh không về cùng với đoàn quân chiến thắng, cũng không về như một kẻ chiến bại.

Cuộc chiến Nga Nhật đã lùi vào dĩ vãng lâu rồi.

Không có đoàn xe đón rước, không có dân chúng đứng hai bên đường tặng hoa vàng và tung confetti đủ màu sắc. Họ quên anh như đất nước từng quên anh như một b"o bọt trôi dạt giữa biển cả mênh mông. Meguro còn hiểu lỏm bỏm tiếng Nhật nhưng anh không còn nói thông tiếng Nhật. Xa quê hương từ lúc 18 tuổi, suốt 53 năm không dùng ngôn ngữ mẹ đẻ làm sao anh nhớ? Nước Nhật trước mắt chỉ còn là một dĩ vãng xa mờ nếu bà Etsuko Hojo, chị dâu của Meguro không dẫn anh đến viếng mộ song thân và nếu không có hoa anh đào nở đón Xuân về.

Meguro 77 tuổi, sức khỏe kém sau những năm tù đày và lao động cực nhọc trong các xó rừng hẻo lánh lạnh lẽo nhất của vùng Tây Bá Lợi Á. Anh lảng tai, lưng hơi gù, dáng dấp dè dặt như ngại ngùng tìm thấy đời sống tại Nhật văn minh gấp bội lần nơi anh đang sống với vợ và ba con.

Khi Thế chiến 2 kết thúc, Nhật đầu hàng đồng minh, Hồng quân Nga bắt giữ nửa triệu tù binh Nhật ở Trung quốc và các nơi khác. Toshimasa Meguro bị bắt tại đảo Sakhalin khi đang phục vụ trong một đơn vị truyền tin chuyên giải mật các điện văn quân sự. Stalin sát nhập đảo Sakhalin vào

Nga, và hiện nay chính phủ Nhật đang muốn chuộc lại nhưng chưa thành. Meguro sống 8 năm trong các trại giam tù binh ở Tây Bá Lợi Á. Nga đối xử với tù binh, nhất là tù binh Nhật vô cùng tàn nhẫn. Thời gian 10 năm trước khi Stalin chính thức bị Khruchev tố trước đại hội thứ 20 của đảng cộng sản Liên xô, ít nhất 50.000 tù binh Nhật bỏ mạng trong tù vì đói, vì lạnh, vì lao động quá sức và bị xử bắn. Stalin không công nhận có tù binh, vì vậy chết hay sống không còn là một vấn đề. Họ không còn là một con số. Họ là những chiếc bóng vất vưởng sống trên các cánh đồng tuyết, làm việc cho đến khi kiệt sức, ngã xuống, tuyết phủ nhanh làm vải liệm.

Khruchev nhân đạo hơn, lập danh sách tù binh và từ năm 1956 lần lượt cho hồi hương. Meguro số xui, lọt sổ. Sống sót 8 năm trong trại tù, năm 1953 Meguro được trả tự do khi đang lao động trong một trại đẵn gỗ rừng. Meguro làm đơn xin hồi hương không có hồi âm. Có thể chưa có chính sách. Cũng có thể ông Ủy viên giám đốc trại gỗ lười việc giấy tờ. ở trại tù Tây Bá Lợi Á, người cai tù và người tù bận rộn như nhau. Để giải quyết tình trạng hành chánh của người tù binh mãn hạn, ông Ủy viên trại gỗ "gởi" Meguro sang một hợp tác xã nông nghiệp gần đó. Meguro thuật lại rằng tại đó người ta đối đãi với ông tử tế, đời sống vật chất ít cực nhọc hơn, ông cảm thấy quá hạnh phúc quên phức chuyện hồi hương. ít năm sau Meguro cưới bà Maria, và sinh được ba con, nay đều khôn lớn. Gia đình vợ dân quê chất phát thương yêu và quí mến ông, vốn cũng là người chất phát. Ba người con không biết gì về nước Nhật chỉ biết lờ mờ cha mình không phải người Nga chính gốc. Ngoài thì giờ làm lụng nuôi sống gia đình Meguro chỉ có thú vui xem phim samurai Nhật thỉnh thoảng được chiếu trên truyền hình. Theo qui chế Meguro vẫn trình diện chính quyền theo lịch trình và không được phép ra khỏi khu hợp tác xã nông nghiệp.

Vui với đời sống gia đình, Meguro không biết chương trình hồi hương tù binh Nhật tiếp tục cho đến năm 1968 mới kết thúc. Theo sổ sách, năm 1968 chính phủ Liên xô cho biết đã trả hết tù binh Nhật còn sống sót và chính phủ Nhật chính thức đồng ý với chính phủ Liên xô. Trên thế giới ngoài Hoa Kỳ, Nhật là quốc gia kiên trì nhất trong việc tìm kiếm hài cốt của quân nhân mình, nhưng sau năm 1968 chính phủ Nhật không có một nỗ lực nào tìm những người còn sống. Meguro bỗng nhiên không còn hiện hữu.

Nhưng ngôi sao của Meguro chưa tận. Bà Maria thương chồng. Những hôm nhìn chồng say sưa xem phim samurai Nhật bà biết Meguro còn vướng một mối tơ lòng. Bà quyết giúp chồng.

Mùa Thu năm 1997 nhân thủ tướng Nhật Ryutaro Hashimoto viếng

thăm Tây Bá Lợi Á, bà Maria khuyến khích chồng viết thư cho một tờ báo Nga ngỏ ý muốn về thăm cố hương. Một tờ báo Nhật đăng lại bức thư của Meguro. Sau đó một tổ chức cựu chiến binh Nhật đã làm những gì cần thiết để Meguro trở về nước.

Ngày 26 tháng 3 vừa qua, dưới bầu trời Xuân sáng rực điểm bằng hoa anh đào đang nở rộ một chiếc máy bay phản lực dân sự khổng lồ mang Meguro về Tokyo đất mẹ. Trong những người ra đón Meguro có bà chị dâu và hai người bạn đánh bi đánh đáo từ hồi còn để chỏm và một đoàn báo chí và truyền hình hùng hậu. Như một người Tây phương Meguro bắt tay mọi người không gập mình làm đôi chào hỏi kiểu Nhật bản. Anh cố trả lời các câu hỏi bằng tiếng Nhật nhưng khi thấy tiếng m– đẻ ú ớ trong mồm không thể thoát ra thành câu thành cú, Meguro dùng tiếng Nga nhờ người thông dịch. Meguro đến thăm mộ cha mẹ và thủ thỉ vào tấm bia khắc tên mẹ, lần này bằng tiếng Nhật "Mẹ ơi con đã trở về". Mẹ Meguro qua đời tưởng anh đã bỏ xác ở một phương trời nào đó.

Meguro không trả lời các câu hỏi liên quan đến thời gian 8 năm tù ở Tây Bá Lợi Á. Anh chỉ vắn tắt: "Nhiều bạn tôi chết trong tù. Và dĩ nhiên khổ cực, kinh hoàng. Có gì vui và ích gì kể lại."

Sau 10 ngày thăm cố hương ngày 6 tháng 4 Meguro đáp máy bay trở về Nga. Chính phủ Nhật hứa truy trả 10 năm lương và tiền hưu bổng cựu quân nhân. Khi được hỏi anh có ý định đưa vợ con về Nhật không, Meguro trả lời: "Không, tôi sẽ không trở về Nhật. Vợ con tôi là người Nga. Tôi còn gì ở Nhật để trở về?" Nhưng Meguro tâm sự mắt ướt lệ: "Trở về thăm cố hương, những tòa nhà chọc trời và tàu điện tốc hành chạy nhanh hằng trăm cây số giờ chưa có hồi tôi ra đi cũng như đời sống an bình sung túc nơi đây không làm tôi xúc động. Nhưng tôi chỉ muốn khóc khi thấy mình đứng giữa rừng anh đào rực rỡ cánh lá mỏng manh màu tím nhạt thơ mộng và gợi cảm mang hình ảnh Nhật Bản kiêu kỳ. Chỉ lúc đó tôi mới ý thức được rằng dòng máu Nhật còn chảy trong huyết quản tôi, và tôi có một thời thơ ấu ở nơi đây."

đạo và đức

của Đinh Sĩ Trang

(bản dịch mới trọn bộ Đạo Đức Kinh của Lão Tử
Văn Nghệ xuất bản
Giá 20 MK. Ngoài Hoa Kỳ giá 23 MK

Octavio Paz
1914-1998

Giải Nobel Văn Chương 1990

Octavio Paz sinh ngày 31 tháng 3 năm 1914 và lớn lên ở ngoại ô Thành phố Mexico. Ông nội là một tướng lãnh trong quân đội Mễ tây cơ, một nhà soạn kịch, luật sư, nhà báo, có khi còn là nhà cách mạng đã từng ủng hộ nhà độc tài Porfirio Diaz. Thân phụ là bí thư cho Emiliano Zapata, người cầm đầu cuộc cách mạng của nông dân 1910-1920. Khi Zapata bị ám sát năm 1919, gia đình ông phải tạm thời lánh nạn sang Los Angeles.

Khi trở lại Mexico, gia đình lâm vào cảnh túng quẩn. Thuở thiếu thời, gia đình ông có lúc phải bán dần bàn ghế trong nhà chạy ăn đắp đổi qua ngày trước khi phải bán luôn căn nhà họ đang ở.

Viết văn làm thơ từ lúc còn trẻ, Octavio Paz có thơ đầu tiên được đăng tải năm 16 tuổi. Năm sau, bài tiểu luận đầu tiên của ông được phổ biến. Ông theo học luật tại Đại học tự trị quốc gia, và ở đây, ông đã gia nhập một nhóm sinh viên theo chủ nghĩa Marxist.

Trong những năm đầu của tuổi 20, ông gởi bản thảo sáng tác của mình cho nhà thơ người Chí Lợi Pablo Neruda, người sau này đoạt giải Văn Chương Nobel. Neruda khen ngợi thi tài của Paz, viết một bài phê bình tán dương và đề nghị ông tham dự Nghị Hội Thế Giới kỳ 2 các nhà văn chống Phát Xít tại Valencia, Tây Ban Nha. Năm 1937, ông đến Tây Ban Nha dự hội, rồi ở lại nơi này để tham gia vào lực lượng khuynh tả của phe Cộng hoà chống lại phe khuynh hữu của Tướng Francisco Franco. Ông được điều đến phục vụ tại một lữ đoàn do một họa sĩ người Mễ Tây Cơ là David Aalfaro Siquerios chỉ huy, nhưng lại không được cấp phát súng đạn vì người ta còn nghi ngờ lòng trung thành của ông đối với phe khuynh tả. Sau đó, ông bị gởi trả về Mễ Tây cơ với một sứ mạng hết sức mơ hồ là đi "phổ biến chính nghĩa của Tây ban nha."

Sau khi trở về Mexico vào năm 1938, ông được học bổng để theo học tại Đại học California ở Berkeley, rồi sau đó làm việc ở New York phiên dịch các chuyện phim của Hollywood sang tiếng Tây ban nha.

Trong khi đó, một nhà ngoại giao đọc và yêu thích các bài viết của ông trên tạp chí *Manana* của Mễ Tây Cơ, tuyển ông vào chức vụ tùy viên

văn hoá toà đại sứ Mễ ở Paris vào năm 1946. Ông tiếp tục phục vụ trong ngành ngoại giao qua các nhiệm sở ở Nhật và Hoa Kỳ.

Năm 1962, ông được bổ nhiệm vào chức Đại sứ tại Ấn độ, nhưng rồi ông lại từ chức vào năm 1968 để phản đối việc đàn áp các cuộc biểu tình của sinh viên ở quảng trường Tlatelolco, Thành phố Mexico, gây tử thương cho hàng trăm người.

Paz thường hay bày tỏ sự bất đồng ý kiến của mình đối với các phong trào khuynh tả, đặt Tổng thống Fidel Castro của Cuba ngang hàng với nhà độc tài khuynh hữu của Chí lợi là Augusto Pinochet. Ông còn chỉ trích cuộc cách mạng khuynh tả Sandinista của Nicaragua là sẽ chẳng đi tới đâu. Ông vẫn thường xuyên chỉ trích chính phủ, cáo giác đảng nắm quyền lâu đời nhất của Mễ Tây cơ, đảng Cách Mạng Định chế (PRI), là thối nát và xa rời với quần chúng.

Lập gia đình với nhà văn Elena Garro vào năm 1946, ông đã sống bên cạnh người vợ đầu này cho đến khi cuộc hôn phối kết thúc một cách phũ phàng hai mươi năm sau. Năm 1966, ông lại thành hôn với Marie-Jose Tramini.

Năm 1976, ông sáng lập và đảm trách biên tập tạp chí văn học *Vuelta*, sau này trở thành tạp chí văn học hàng đầu của Châu Mỹ Latinh.

Ông sống trong một căn *apartment* rộng lớn khang trang ở trong một ngôi nhà cao tầng nằm bên một đại lộ bận rộn nhất của Thành phố Mexico. Nhà chứa đầy sách, kỷ vật, đồ sành và nghệ phẩm. Mặc dù sống trong không khí ô nhiễm và ồn ào, Paz không chịu dời ra ngoại ô yên tĩnh hơn. Ông bảo: "Tôi là người Mễ, nên phải sống như một người Mễ. Tôi yêu mến thành phố này...Trước đây, nó là một thành phố đẹp, và cũng sẽ có ngày nó trở lại là một thành phố đẹp."

Octavio Paz được trao giải Văn chương Nobel năm 1990 do các công trình sáng tác về thi ca và tiểu luận của ông, phơi bày những tinh túy của tinh thần Mễ. Trước đó vào năm 1981, ông được trao giải văn học Cervantes, một giải thưởng cao quý trong các quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha.

Các công trình sáng tác về thi ca và các bài tiểu luận của ông được sáng tác với quan niệm thi ca là một thứ "tôn giáo bí mật của thời đại mới."

Tác phẩm của ông gồm nhiều thi tập, những tác phẩm phê bình văn học và những suy nghiệm về căn cước văn hoá của xứ ông, trong đó có *Những bài thơ đầu 1935-55 (Early Poems), Tuyển Thơ (Collected Poems), Mê Cung của Nỗi Cô đơn (Labyrinth of Solitude), Hợp Lưu (Convergences), Những đứa con của xứ đầm lầy (Children of the Mire),*

v.v.

Mê cung cuả nỗi Cô Đơn xuất bản năm 1950 là cuốn sách được xem là quan trọng nhất trong các tập tiểu luận của Octavio Paz. Tác giả mô tả lịch sử Mễ Tây Cơ như một nỗ lực "kiếm tìm lại bản ngã đã bị những định chế kỳ quặc làm biến dạng hay khuất lấp."

Paz quan niệm thi ca là hình thái cao quý nhất của văn chương: "Thi ca phát xuất tự đáy lòng của mỗi con người. Thi ca tương ứng với những kinh nghiệm còn sâu thẳm "hơn cả những kinh nghiệm của văn xuôi, như ông có lần đã phát biểu với tạp chí văn học Tây Ban Nha *La Vanguardia* năm 1987.

Ngoài những tác phẩm được dịch ra Anh ngữ nêu trên, tác phẩm của Octavio Paz còn được dịch sang tiếng Ý, Pháp, Đức, Ba Lan, Bồ đào Nha, Nhật và nhiều thứ tiếng khác.

Ngoài sinh hoạt văn học, ông còn được biết đến và kính trọng trong chính giới cũng như thương giới. Tháng 12 năm 1997, chính quyền và thương giới Mễ đã vinh danh ông bằng cách tài trợ cho một tổ chức mang tên ông nhằm khuyến khích các nhà văn cũng như việc nghiên cứu văn học. Đây cũng là lần xuất hiện trước công chúng sau cùng của ông. Hình ảnh một thân thể gầy còm, yếu đuối ngồi trên xe lăn đã là một hình ảnh làm cho dân chúng Mễ phải sửng sốt. Căn bệnh ung thư, cọng thêm với nỗi buồn rầu mất mát sau khi căn chúng-cư của ông bị thần hoả thiêu rụi vào năm 1996 đã khiến cho thân xác ông ngày càng tàn tạ. Nhưng trong lần xuất hiện trước công chúng mấy tháng trước đây, tinh thần ông vẫn còn cao. "Tôi tin chắc là những ngày tươi sáng sẽ đến với Mễ Tây Cơ, những ngày tràn ngập ánh sáng, tràn ngập nắng ấm và tình yêu. Tôi nghĩ rằng những năm tháng này không phải là những năm tháng của một thời đang đi dần đến chỗ kết thúc, như người ta thường nghĩ, nhưng mà là lúc chúng ta đang quay sang một ngã đường khác để tiếp tục cuộc hành trình."

Tin Ocatavio Paz qua đời ngày 20 tháng 4 năm 1998 khiến cho cả thế giới sửng sốt trong thương xót. Tuy chưa có thông báo chính thức về nguyên nhân cái chết, các bạn đồng liêu của ông tiết lộ là ông mắc bệnh ung thư đã nhiều năm. Ông lìa đời để lại một cô con gái Helena là con chung với người vợ đầu, bà Garro, cùng với người vợ thứ hai không con.

Octavio Paz được xem như là một nhà thơ hàng đầu của thế kỷ 20, người đã gây ảnh hưởng lớn lao trên đời sống tinh thần, chính trị và văn hoá không chỉ riêng Mễ Tây Cơ, mà còn ảnh hưởng khắp châu Mỹ Latinh. Có người thương tiếc ông như một đại thi hào, người khác lại tôn sùng ông như một kẻ bảo vệ tự do trong sinh hoạt chính trị, và rất nhiều người Mễ đã xem ông là *abule*, vị cha già của Mễ Tây Cơ. ❐

giới thiệu sách mới

THƠ

🕮 Quan Dương, ***Ngậm Ngùi***, tác giả tự xuất bản, Phụ bản Trần Bát Nhã, Nhật Nguyễn; Bìa Trần Bát Nhã; trình bày Hoàng Ngọc Liên; Bạt của Nhật Nguyễn; US$7.00,

🕮 Ngọc Thủy, ***Vần thơ tươi sáng***, Thung lũng hoa vàng xuất bản, 48 tr., US$5.00, liên lạc: Ngọc Thủy, 639 Tully Road #A, San Jose, CA 95113. Phone: (408) 993-8597

🕮 Lê Đạt, ***Từ Tình Epphen***, 56 tr.,Tạp chí Thơ xuất bản, sách tặng không bán. Liên lạc: Tạp chí Thơ, P.O. Box 1745 Garden Grove CA 92842, USA

ĐẶC SAN

🕮 ***Suối Văn, tạp chí văn học nghệ thuật, số Mùa Xuân, tháng 3.1998,*** Ngọc Thủy chủ trương, 100 tr. Liên lạc: Suối Văn, 26 San Jose Ave., San Jose CA 95125

🕮 ***Tạp chí Thơ, số Mùa Xuân 1998***, Khế Yêm chủ bút, 240 tr. Liên lạc: Tạp chí Thơ P.O. Box 1745 Garden Grove CA 92842, USA

🕮 ***Việt***, Tạp chí sáng tác, phê bình và lý luận văn học, phát hành mỗi năm hai số. Chủ Nhiệm: Phan Việt Thủy, Chủ Bút: Nguyễn Hưng Quốc. Liên lạc tòa soạn: Việt, 177 Civic Parade, Altona, Victoria, 3018, Australia.

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

🕮 Phan Lạc Tiếp, ***Bờ sông lá mục***, Tủ sách Kẻ Nủa tái bản, 136 tr.,

US$11.00. Liên lạc tác giả ở địa chỉ: P.O. Box 888, La Jolla, CA 92038-0888. Phone: (619) 587-1246, hoặc Nhà xuất bản Văn Nghệ: P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, phone (714) 527-5761

🕮 Hoàng Phùng Miên, ***Đường vào văn nghệ***, 250 tr., US$15.00, Tác giả tự xuất bản. Liên lạc: 1013 Manhattan Blvd. #305, Harvey, LA 70058. Phone: (504) 366-1848

🕮 Nguyễn Đình-Hoà, ***Vietnamese Literature: An Anthology***, 270 tr., San Diego State University , San Diego California, xuất bản; giá $15.00 Liên lạc: Mr. Xuân Cảnh Trần, 9518 Vervain St., San Diego CA 92129. Phone: (619) 484-4102. Ngân chi phiếu đề San Diego State University Foundation

🕮 Nguyễn Đình-Hoà, ***Vietnamese Literature, A Brief Survey (Lược sử Văn học Việt Nam)***, 190 tr., US$12.00, San Dieo State University xuất bản. Liên lạc Mr Xuân Cảnh Trần.

🕮 Lê Minh Hà, ***Trăng Góa***, tập truyện, 163 tr., giá US$10.00. Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761.

🕮 Thảo Trường, ***Đá Mục***, Đồng Tháp xuất bản, 153 tr., US$10.00. Văn Nghệ phát hành. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster, CA 92683, Tel. (714) 527-5761

🕮 Trần Kiêm Đoàn, ***Chuyện khảo về Huế***, Tuần báo & Nhà xuất bản Làng xuất bản260 tr., US$12.00. Liên lạc: Nguyễn Thành Tâm, 6171 Stockton Blvd., #180, Sacramento, CA 95824, Tel. (916) 393-4500, fax (916) 393-6299. Email: langmag@aol.com

🕮 Bác Sĩ Trần Huỳnh Huệ & Bác Sĩ Nguyễn Xuân Hùng, ***Khí Công: Phương Pháp dưỡng sinh và Trường thọ***, Espace Qi Cong ...ditions xuất bản, lần thứ nhất 1955 tại Paris, lần thứ hai tại Paris, 1997 và lần thứ ba tại Los Angeles, 1997, 148 tr., US$13.00.

Địa chỉ liên lạc: 3, rue du Coteau - 92370 CHAVILLE, FRANCE.

🕮 Chu Tất Tiến, ***Ngày Tận Thế***, Nhà xuất bản Người Việt, 210 tr., US$12.00. Địa chỉ liên lạc: Người Việt, 14891 Moran Street, Westminster, CA 92683.

Ý kiến bạn đọc và văn hữu

● Minh xác với báo Văn Học

Bác sĩ Bùi Xuân Nhiếp, Canada.

Thư tín *Văn Học* số 143, tháng 3 năm 1998 có đề cập đến bài góp ý của tác giả Tuệ Quang Tôn Thất Tuệ và những lý do không thể đăng bài này được. Có phần đóng góp nhỏ trong bài viết của Tuệ Quang Tôn Thất Tuệ, tôi có đôi lời minh xác với quí báo và xin cho được đăng trong mục thư tín, số mới nhất của quí báo.

Quí báo đã đăng bài tham luận của nhà văn Mai Kim Ngọc, đưa ra một số vấn đề rồi không để cho quần chúng độc giả góp ý mà chính tác giả Mai Kim Ngọc cũng mong đợi (qua gợi ý của tác giả trong bài tham luận tại Đại hội quốc tế Y Nha Dược sĩ tự do, Montréal Canada, đầu tháng 8.1997). Thế thì quí báo chỉ muốn phổ biến quan điểm một chiều của Mai Kim Ngọc, và không cho quần chúng tham gia ý kiến hay sao? Và Văn Học của quí vị đâu còn là "nơi gặp gỡ tương đối thoải mái của nhiều cây bút có lối sống, lối suy nghĩ khác nhau, tạo thành sự đa dạng cần thiết cho sinh hoạt văn chương". Độc giả viết bài tranh luận, quí báo lại viện dẫn những lý do không chỉnh, để không đăng, lại còn áp đặt những ngụy ý lên bài viết của chúng tôi. Tranh luận, góp ý, không phải là "đôi co".

Bài viết của Tuệ Quang Tôn Thất Tuệ không rơi vào những lý do mà quí báo gán ghép cho chúng tôi. Sau đây, tôi xin nhận định:

Về điểm thứ nhất: Trong thư ngắn gửi quí báo vào thượng tuần tháng 12.1997, chúng tôi có tỏ ý: "...muốn đăng trên Văn Học và Nguyệt san Y Tế ở California trước, vì hai tạp chí này đầu tiên chạy bài "Bảo tồn văn hóa và tre già măng mọc" của Mai Kim Ngọc". Báo Văn Học không trả lời. Nguyệt san Y Tế liên lạc với chúng tôi, nhận đăng sau khi tiếp thư. Bảo rằng "Văn Học không đăng lại những bài đã đăng trên các báo khác ttrừ trường hợp vô cùng đặc biệt", vậy thì bài của Mai Kim Ngọc đã được đăng trên Nguyệt san Y Tế ở California vào tháng 9 năm 1997, được Văn

Học đăng lại vào tháng 10 năm 1997 là do bởi trường hợp vô cùng đặc biệt nào? Vì Mai Kim Ngọc thuộc Ban Biên tập Văn Học hay vì bài viết của Mai Kim Ngọc có cùng lập trường tư tưởng với Văn Học, nên cần được phổ biến rộng rãi?

Về điểm thứ hai: Bài không đi ngoài chủ đề "văn hóa" của quí báo. Trong lúc quí vị tự nhận là "dị ứng với những bài viết có tính cách truy chụp chính trị", thì chính quí vị lại có thái độ truy chụp chính trị đối với bài viết của chúng tôi. Không ngoài điều mong muốn của quí vị, chúng tôi đã thảo luận thẳng thắn, khách quan và tương kính. Khi lên lớp "không nên từ một chi tiết nhỏ suy luận thành một âm mưu chính trị to lớn", quí vị đã có hành động truy chụp.

Về điểm thứ ba: Không như quí báo áp đặt, chẳng ai đồng hóa đất nước, dân tộc với chế độ. Chỉ có người cộng sản Việt Nam mới nói: "yêu nước là yêu nước xã hội chủ nghĩa"

Chúng tôi không đánh giá "thấp, cao" khả năng nhận định của giới trẻ. Chúng tôi chỉ muốn trình bày sự thật để giới trẻ rút kinh nghiệm quá khứ. Các em học hỏi lịch sử để dự phóng hành động phục vụ hữu hiệu cho tương lai đất nước.Chúng tôi không muốn lẫn lộn "chân, giả".

Dựa theo ý quí vị, "ai nghĩ chỉ có mình là người duy nhất đúng, người ấy dễ trở thành cơn ác mộng của đồng bào. Trường hợp cụ thể là những người cộng sản", chúng tôi xin thưa: "Chính những người cộng sản đã và đang thực sự là tai họa, chứ không vu vơ là cơn ác mộng của đồng bào"!

● Ý kiến của ông HMT, Pháp

Nhân đọc "Đọc ...chơi vài bài ca dao" của Nguyễn Hưng Quốc đăng trên Văn Học (cùng lúc cũng đăng trên tạp chí Việt số 1 tại Úc), tôi bàng hoàng suốt cả tuần lễ bởi đôi câu lục bát thân thương kia.

Nay xin chép ra, hầu được bàng hoàng thêm lần nữa:

"Vân Tiên ngồi dưới gốc môn

Chờ cho trăng lặn bóp l... Nguyệt Nga"

Về câu 6, cụm từ ởdưới gốcõ làm tôi liên tưởng đến một cội môn đại thụ (bởi chuyện "ngồi dưới gốc"); hoặc cũng có thể chỉ là một bụi môn tầm thường, tà tà, tầm tầm như ta thường thấy trong các sân, vườn nhà Việt Nam, nhưng bởi "lúc ấy" chàng và nàng quá nhỏ bé nên bụi môn hoá thành gốc môn che phủ, bảo vệ con người chăng? Cây cỏ mà còn như thế, sao con người (cầm bút) lại quá thậm tệ? Tệ hơn cả "bụi môn". Lúc bé (thuở thiếu thơ) tôi có được nghe các "anh lớn" hát như sau:

Vân Tiên gối dựa bụi môn
Chờ cho trăng lặn bóp l... Nguyệt Nga
Nguyệt Nga biết vậy chẳng la
Vân Tiên thấy vậy bóp ba bốn lần.
Riêng câu chót nghe rất vui tai và thuận... tay.

Đó là thơ phá chấp và phá giới chăng? Còn thanh / tục tôi không lạm bàn. Chỉ muốn chia sẻ với nhau: - bóp ba bốn lần mà còn cảm thấy "bàng hoàng" là còn chút thơ đấy! Khi "bóp" hết được, hay khi chả còn bàng hoàng nữa: chắc là buồn lắm.

● Ý kiến của Ông Trần Thanh Thảo, Úc

Về câu ca dao "Vân Tiên ngồi...", hình như cả bản của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc lẫn bản của nhà văn Thế Uyên đều không đúng. Lúc tôi còn nhỏ (tức cách đây cả nửa thế kỷ) tôi nghe người ta đọc như sau:

"Vân Tiên ngồi núp bụi môn
Chờ cho trăng lặn bóp l... Nguyệt Nga
Nguyệt Nga thích ý chẳng la
Vân Tiên bóp mãi tới ba bốn lần"

Tôi có hỏi một số bạn bè đồng lứa, ai cũng nhớ như bản tôi vừa viết. Tôi nghĩ chắc là nó chính xác. Nhưng tôi không biết nếu bài ca dao thêm hai câu sau vào như vậy thì ý nghĩa của nó có gì thay đổi so với cách mà nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc phân tích trong bài "Đọcà chơi vài bài ca dao" hay không? Điều này thì phải chờ lãnh giáo ý kiến của nhà phê bình trẻ tuổi tài cao vậy.

● Ý kiến của Ông Phan Việt Hiếu, Úc

Bài "Đọc chơi vài bài ca dao" của Nguyễn Hưng Quốc và bài "Bàn thêm về Nguyễn Đình Chiểu" của Thế Uyên đã tạo ra những cuộc thảo luận thú vị trên tạp chí Văn Học cũng như một số báo chí địa phương (chẳng hạn, tại Úc cũng có vài tờ tuần báo tham gia!). Tôi xin góp thêm hai ý nhỏ:

1. Về những điểm có thể và nên thảo luận:

1.2. Về văn bản, câu, chữ nào là đúng nhất? "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn" hay "Vân Tiên ngồi núp bụi môn"? "sờ" hay "bóp"? "trăng lặn" hay "trăng khuất"?

1.2. Có thực bài ca dao trên là một cách đọc hay cách phê bình truyện Lục Vân Tiên của dân chúng miền cũng như câu ca dao "Vân Tiên cõng

mẹ chạy ra" là một cách phê phán quan điểm đạo đức lỗi thời của Nguyễn Đình Chiểu như Nguyễn Hưng Quốc đã nêu và Thế Uyên đã ủng hộ?

1.3. Thế Uyên cho việc đề cao Nguyễn Đình Chiểu lâu nay là xuất phát từ những động cơ chính trị hơn là vì giá trị đích thực từ bản thân tác phẩm của ông. Điều đó có chính xác hay không?

1.4. Nhận định của Thế Uyên cho cách thế yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, trong hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, chưa chắc đã có lợi, có đúng không?

1.5. Việc Thế Uyên cho bản chất người miền Nam và văn học miền Nam là thoải mái và phóng khoáng trong lãnh vực love & sex có đúng hay không?

2. Chúng ta nên bàn kỹ đến tất cả các khía cạnh trên, không nên chỉ tập trung vào vấn đề thứ nhất (1.1.), tức là văn bản, vì như thế không khéo cuộc thảo luận sẽ biến thành tục tĩu và nhảm nhí.

Những hình ảnh ngộ nghĩnh của cuộc đời

- Khi thấy một người đàn bà dìu một ông già tàn tật đi ngoài đường, ta biết ngay người đàn bà đó không phải là bồ mà là vợ. Nếu có là vợ, thì không phải là vợ bé mà là vợ cả.
- Ở Las Vegas, khi thấy một người đàn ông hôn vợ dù đang lúc thua, ta biết đó là đôi tân hôn đang hưởng tuần trăng mật
- Khi một người đàn ông mở cửa xe cho vợ, thì hoặc là xe vừa mới mua, hay là vợ vừa mới cưới.
- Một số đàn ông, nhất là đàn ông già, khờ thiệt! Đàn bà trẻ yêu tiền, yêu tiếng. Thế mà các ông cứ tưởng là họ yêu tình mình, tuổi mình.
- Một số các bà, nhất là các bà già, dại thiệt! Đàn ông yêu trẻ, yêu đẹp. Thế mà các bà cứ tưởng họ yêu tình mình, tiền mình.

Trích trong cuốn

"Định Nghĩa Cuộc Đời"

của Trần Văn Điền

Đã có bán tại các hiệu sách Việt Nam, hoặc liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ. Phone: (714) 527-5761

hộp thư

● **Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:**

Trương văn Dân (Italia, khiếu nại mất báo), Dung Nguyen (Houston TX), Ngô Thanh Tùng (Alameda CA), Thế Hệ Bookstore (Falls Church VA), Rev. Dao Kim Nguyen (Houston Tx), Hoang Lan 9santa Ana CA), Dương Thanh Phong (Brossard Canada), Quách văn Hưng (Harvey LA), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada), Ngọc Tâm (Lexington KY), Đỗ thị Ngọc (Westminster CA), Fung Ngo (Oakland CA), Tự Do Bookstore (San Jose, CA), Hồng Bàng Bookstore (San Jose CA), Nhon Phuc Nguyen (Birrong NSW Australia), Khánh Dương (Pearland TX), Đoàn Thế Hoàng (Lincoln, NE), Bùi Diễm Âu (gia hạn, đổi địa chỉ), Trần văn Điền (Westminster CA), Tôn Thất Thọ (San Jose, CA), Châu Nguyễn (Phoenix AZ), Hùng Trần (Hawthorne CA), Thanh Nguyễn (Houston TX), Phan Các Chiêu Hằng (San Jose CA), Trần Lê Thủy (Florissant MO), Saigon Times (Rosemead CA), Nguyễn văn Lợi (New Orleans LA), Nguyễn Mạnh Thắng (Orleans Ont. Canada), Trương văn Dân (Milano Italia), Hoàng Quốc Hùng (Peoria IL), Nguyễn văn Thiệu (Menai NSW Australia), Cao Xuân Tứ (Netherlands), AT&T Universal Card (Jacksonville FL), Kim Fitzgerald (Kihei HI), Đỗ Hoà (Houston TX), Năng & Thu Hương Trần (St. Paul MN), Lê Hữu Chất (Westminster CA), Phương Xuân Lý (W. Bloomfield MI), Ky Luu (Kihei HI), Bùi Cận (Fremont CA), Lê thanh Cảnh (Elverta CA), Lê Nguyễn (Huntsville AL), Ngô Nhật Tân (Gloucester Ont. Canada), Người Việt Dallas (Garland TX), Hoài Hương (Canada), Võ Đình Tấn (El Monte CA), Nguyễn Thụy Miên (France), Phạm Quỳnh Tín (Lafitte LA), Precision Color Graphics (City of Industry, CA), La Thạch Hà (đổi địa chỉ), Anh Hồ (san Diego, CA), Nguyen Dinh Phung (El Paso TX), Thu Lan Duong (Northridge CA)

● **Bài nhận được trong tháng**

"Huyền thoại về Cao Bá Quát" gửi từ Montréal Canada; "Minh xác với Văn Học" gửi từ Toronto Canada, "Mai Thảo, trăm ngày" gửi từ Atlanta GA, "Ngôn từ và Văn hóa qua một phong cách viết báo" gửi từ Orlando FL, "Đêm Hà nội", "Ngựa ô" gửi từ The Netherlands, "Thơ tình song thất lục bát" gửi từ Dortmund Germany, "Yêu dấu" gửi từ Ontario Canada, "Giấc mộng viễn chinh" gửi từ Portland OR, "bài giới thiệu tập truyện Hương

Xót Xa" gửi từ San Jose CA, "Dự phóng về một nỗi nhớ" gửi từ Anaheim CA, "Thơ Nguyễn Thanh Châu" gửi từ Phoenix AZ, "Một tấc lòng này" gửi từ Atlanta GA, "Tháng Năm", "Mưa hoa", "Hoàng cúc" gửi từ Fremont CA, Thư của Phuong Le (Van Nuys CA), Thư của Ô.B. Tôn Thất Ân (Medford MA), "Mặn và Chay" gửi từ Royal Palm Beach FL, "Cương thổ nước Việt" gửi từ Toronto Canada, "Bát tình", "Gặp anh", "Ước gì em..." gửi từ Ivry Sur Seine France, "Sinh nhật trắng" gửi từ Portland OR, "Lời trăn trối" gửi từ Norway, "Nhạc phẩm 'Người có nghe tiếng tôi' và tác giả Phương Đình Vũ Hân" gửi từ Bergkamen Germany, "Thượng du, niềm thương nhớ" gửi từ Dorchester MA, "Đề nghị giải pháp phục hoạt tư cách hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trong VBQT" gửi từ Ottawa Canada, "Ngôi nhà bên bờ hồ" gửi từ San Jose CA

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả.

Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

Quí bạn gửi bài qua e-mail xin dùng attachment.

● **Thư tín:**

Ông Bửu Sao, Orlando FL: Chúng tôi sẽ đăng ý kiến của ông về ngôn từ và văn hóa qua một phong cách viết báo trên số tới. Điều ông nêu ra hiện lan tràn trên báo chí hải ngoại, và chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông.

Ông N.Đ.V, Montréal Canada: Đáng lẽ chúng tôi đã đăng bài "Huyền thoại về Cao Bá Quát" trên số này, nhưng cuối cùng phải gác lại một kỳ. Nếu có thể được, xin ông gửi cho diskette để bớt sai lầm khi đánh máy.

Ông Hoài Hương, St. Joseph, Canada: Lá thư của ông có những nhận xét thật vui, bộc trực và đầy tính cách xây dựng. Chúng tôi đã gửi báo đến địa chỉ ông ghi trong thư, số tiền Canada ấy tương đương với 8 tháng báo.

Ông Nguyễn Tường Tứ, Ottawa

Canada:

Rất tiếc chúng tôi không thể phổ biến lời kêu gọi của ông được, vì chủ trương của Văn Học là không can dự vào những chuyện lục đục của Văn Bút. Không ai trong tòa soạn, kể cả những văn hữu cộng tác thường xuyên với VH, còn tham dự vào sinh hoạt Văn Bút, vì nhiều lý do. Văn Bút thức hay ngủ, đối với chúng tôi, không thành vấn đề nữa.

Ông Bà Tôn Thất Ân, Medford MA: Ông bà thật quá chu đáo. Việc gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất số báo thất lạc, là phận sự của Văn Học. Xin cảm ơn sự ân cần của ông bà.

Anh Chị Ngô Bút, VA: Có dịp qua Miền Đông, bọn em sẽ ghé thăm anh chị. Nói chuyện với chị qua điện thoại vui quá, nếu không nghĩ tới cái bill chị trả cuối tháng, chắc còn sa đà...(DC).

SÁCH QUÝ

Giá 11 Mỹ kim + cước phí
Hoa kỳ 2 Mỹ kim, các nước 4 Mỹ kim

BỜ SÔNG LÁ MỤC

Bút ký chiến tranh đặc sắc
của PHAN LẠC TIẾP
do Tủ Sách Kẻ Nủa tái bản tại hải ngoại
Tháng 1/1998

** *Cuốn sách độc nhất nói về cuộc chiến bi hùng trong sông lạch của người lính Việt Nam Cộng Hòa.*

** *Một số nghịch cảnh đau đớn về cuộc chiến lần đầu tiên được viết lên.*

** *Cuốn sách đã được Nhà văn Võ Phiến nhắc đến nhiều lần trong Tổng Quan 20 Năm Văn Học Việt Nam.*

Các đại lý xin liên lạc với tác giả:
P.O. Box 888, La Jolla, CA 92038-0888
Tel. (619) 587-1246
hoặc
Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

Những sách mới của Thế Uyên:

truyện dài

Không một vòng hoa cho người chiến bại

"...Độc giả nào chỉ thích đọc loại văn tải đạo, sách tuổi hồng tuổi xanh, đề cao anh hùng liệt nữ, sách chống cái này theo cái kia về chính trị, thì không nên đọc truyện dài này. Bởi vì những gì viết ra sau đây chỉ là "truyện đời thường" của bốn anh em một gia đình ven Hồ Tây, Hà nội, phiêu lưu trong cuộc đời của họ trong nửa thế kỷ vừa qua, từ Miền Bắc xuống Miền Nam Việt Nam, từ Việt Nam đến tận Hoa Kỳ, với tất cả thăng trầm yêu đương tình dục của họ. Người viết muốn tả cái gì cũng tới đáy, tới phần sau thẳm nhất, tới biên cương của mọi sự..." (trích Ghi chú cho lần in thứ 1)
Xuân Thu xuất bản, P.O. Box 97, Los Alamitos, CA
Bìa Nguyên Khai . Giá $14.00

Hai biên khảo trong một cuốn sách:

Những người Mỹ chung quanh chúng ta
Giai cấp thượng lưu - Giai cấp trung lưu - Giai cấp lao động - Cộng đồng da đen - Cộng đồng Hispanic/Mễ... đã hình thành, sinh sống như thế nào, yêu đương làm tình lấy vợ nuôi con ra sao. Những giấc mơ công xã bất thành trên đất Mỹ và cách thế yêu đương độc đáo của họ. Một biên khảo hữu ích cho những ai muốn hiểu dân tộc Mỹ từ bên trong nhìn ra.

Sự biến đổi của gia đình Việt Nam qua thời gian và không gian
Trình bày và phân tích cơ cấu của gia đình Việt Nam và sự biến đổi của nó từ thời lập quốc, thời kỳ độc lập từ thế kỷ 10 đến 19, thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ Nam Bắc phân chia (gia đình trong chế độ VNCH, gia đình trong chế độ cộng sản và hiện nay tại nội địa), gia đình Việt Nam tại hải ngoại...Đọc biên khảo này, người đọc, nhất là lớp lớn tuổi, cả hải ngoại cũng như trong nội địa sẽ bình tĩnh hơn, thích ứng nhanh và vui hơn vào sự biến đổi đã và đang xảy ra cho gia đình và nếp sống của mình
Xuân Thu ấn hành trong mùa Hè Thu 1998.

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave., Ste. # 123,
Westminster, CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

Tel: (714) 892-0801

• Sách Mới Về Mỗi Tuần • Đầy Đủ Sách Báo Và CD's/ Băng Nhạc V.N., Tự Điển, Sách Học Anh Văn Có Băng, Videos, Băng Đọc Truyện, Postcards. Chuyên Xuất Bản Sách Mới Sáng Tác

SÁCH MỚI VỀ:

CỘNG LÝ ĐỜI HỎI (349p.) *NGUYỄN MINH CẦN* $18.00
BẢY VIỄN (276p.) *HỨA HOÀNH* $15.00
NGÓN TAY VÀ MẶT TRĂNG (234p.) *ĐỖ MẠNH TRI* $10.00
TỬ THƯ TÂY TẠNG (290p.) *PADMA SAMBHAVA* $14.00
VĂN NGHỆ SĨ MIỀN BẮC NHƯ TÔI BIẾT II (451p.) *XUÂN VŨ* $16.00
VIỆT NAM VÀ TRẬT TỰ TRUNG HOA (324p.) *NGUYỄN XUÂN NGHĨA* $15.00
ĐÊM GIỮA BAN NGÀY (775p.) *VŨ THƯ HIÊN* $28.00
WINDOWS 95 WORD 7.0 (289p.) *NGUYỄN QUANG TẤN* $14.00
2000 NGÀY ĐÊM TRẤN THỦ CỦ CHI 5 HOẶC 6 *XUÂN VŨ* $14.00

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN:

CÁCH MẠNG THÁNG 8, CHA ĐẺ CÒNG SỐ 8 (226p.) *XUÂN VŨ* $14.00

Nhà Xuất Bản

AN TIÊM

14 Villa Des Acacias, 202, rue d'Epinay
Montmagny, FRANCE

EM ƠI BIẾT ĐÂU TÌM
KIỆT TẤN

MỘT BÔNG HỒNG CHO CHA
VÕ HỒNG

MÙA XUÂN
VÀ NHỮNG CON DÃ TRÀNG
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

"LỐI XƯA XE NGỰA..."
Biên Khảo
NGUYỄN THỊ CHÂN-QUỲNH

VĂN NGHỆ
phát hành
PO Box 2301 Westminster, CA 92683
[714] 527-5761

THANH VĂN
P.O. BOX 411723
Los Angeles, CA 90041

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

SÓNG TRÔI
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối (Hết)
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $6.00
Về
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Lời Của Quá Khứ (Hết)
Tập truyện Khế lêm, giá $7.00
Sống Và Viết (Hết)
Tùy bút Võ Phiến, giá $10.00
Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo
Tập truyện Hoàng Thị Bích Ti, giá $8.00
Dấu Quê
Thơ Khế lêm, giá $7.00
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00
Vầng Trăng Nội Thành
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm, giá $10.00
Những Người Thích Dấu Huyền
Tạp bút Đặng Trần Huân, giá $10.00
Một Mình Em, Đến Giữa Đời
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683 *Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____ _____

Quốc gia_____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

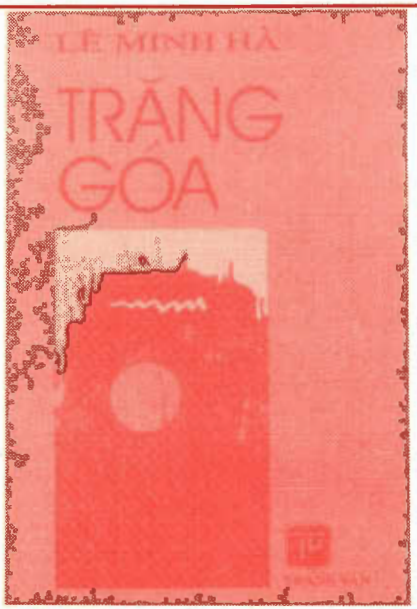

Truyện ngắn nào của Lê Minh Hà cũng như vậy: những chuyện nhỏ của đời thường, nhưng trong cái nhỏ cái thường hàm-chứa toàn-cảnh lớn lao của thời đại, của cuộc nhân sinh.. Lối cảm nhận đời sống, lối viết của Lê Minh Hà rất gần với Thạch Lam. Tuy nhiên, vì sống trong một thời đại khắc nghiệt, Lê Minh Hà không thể giữ được nét hồn nhiên lãng mạn của Thạch Lam. Văn của chị có cái ưu uất dồn nén của Nam Cao, một văn tài mà tôi tin là Lê Minh Hà chịu nhiều ảnh hưởng..

Ở vào thời đại mọi người sống hối hả vồ vập như ngày nay, những nỗi đau thầm thường bị những tiếng la hét lấn lướt, nhà văn thường yếu thế trước các chiến sĩ. Nhưng tôi tin rằng cái còn lại dài lâu trong lòng người là những "tiếng đoạn trường", những lời tâm sự chân thành, những vết rạn mong manh xảy ra trong đời thường của những người sống đời sống rất bình thường trong xã hội.

"Trăng Góa" của Lê Minh Hà có đầy đủ những yếu tố tạo dư âm dài lâu nêu trên.

Nguyễn Mộng Giác

trăng góa

tập truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Hà

Bìa Khánh Trường, Tựa của Nguyễn Mộng Giác
Giá 10 Mỹ kim. Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành

Liên lạc Văn Nghệ: PO Box 2301 Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

NXB VĂN NGHỆ
P.O.BOX 2301,
WESTMINSTER, CA 92683. USA
TEL: **(714)527-5761**

SÁCH MỚI

SÀIGÒN TRONG MẮT TÔI, *Biên Khảo* Phụng Nghi 12MK
DÒNG THAMES THÌ THẦM, *Phiếm Luận* Vĩnh Phúc 12MK
THỰC PHẨM RAU ĐẬU
QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *Biên Khảo* Tâm Diệu 12MK
LẦU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện* Võ Đình 11MK
CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, *Tiểu Luận Chính Trị* Nguyễn Minh Cần 18MK
THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL., *Truyện* Lê Tất Điều 11MK
ĐẠO ĐỨC KINH LÃO TỬ, Cựu Luật sư Đinh Sĩ Trang
dịch chú thích dễ hiểu, gồm Anh Việt Hán 20MK
NHÌN CÂY THẤY RỪNG, 16 cuộc phỏng vấn liên quan Việt Nam
nhiều khám phá lý thú, Đỗ Quyên 18MK

SÁCH PHÁT HÀNH

TRĂNG GÓA, *Tập Truyện* Lê Minh Hà
nhà văn nữ trẻ tị nạn ở Đức 10MK
ĐỊNH NGHĨA CUỘC ĐỜI, Trần Văn Điền 12MK
KHÍ CÔNG PHƯƠNG PHÁP BS Trần Huỳnh Huệ
DƯỠNG SINH & TRƯỜNG THỌ BS Nguyễn Xuân Hùng 13MK
NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỀN Đặng Trần Huân 10MK

** Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK, thêm 3MK cho sách 19MK đến 28MK. Riêng Đêm Giữa Ban Ngày thêm 5MK.*
** Liên lạc Văn Nghệ để nhận thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.*

Giá:$4.00